SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC XUÂN LỘC
_____oOo_____

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của cơ sở

TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC XUÂN LỘC, QUY MÔ 200 GIƯỜNG BỆNH



ĐỊA CHỈ: XÃ XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

(Đã giải trình, chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện nội dung theo Văn bản số 11382/STNMT-MT ngày 05/12/2024; số 4300/SoNNMT-MT ngày 13/9/2025 và số 5478/SoNNMT-MT ngày 30/9/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai)

Đồng Nai, năm 2025

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC XUÂN LỘC
oOo

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của cơ sở

TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC XUÂN LỘC, QUY MÔ 200 GIƯỜNG BỆNH

ĐỊA CHỈ: XÃ XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

(Đã giải trình, chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện nội dung theo Văn bản số 11382/STNMT-MT ngày 05/12/2024; số 4300/SoNNMT-MT ngày 13/9/2025 và số 5478/SoNNMT-MT ngày 30/9/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai)

CHỦ CƠ SỞ	**ĐƠN VỊ TƯ VẤN**
Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc	Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai
GIÁM ĐỐC	PHÓ GIÁM ĐỐC
Bùi Thái Chiến	Nguyễn Thị Mai Liên

Đồng Nai, năm 2025

Được quét bằng CamScanner

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ 7
1.1. Tên chủ cơ sở: TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC XUÂN LỘC 7
1.2. Tên cơ sở 7
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở 9
1.3.1. Quy mô hoạt động của cơ sở 9
1.3.2. Quy trình hoạt động khám, chữa bệnh của cơ sở 10
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở 12
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở 12
1.4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng 12
1.4.2. Nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở 14
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở 16
1.5.1. Hiện trạng sử dụng đất trong phạm vi thực hiện dự án 16
1.5.2. Các hạng mục công trình xây dựng cơ sở 17
1.5.3. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở 18
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 24
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường 24
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường 26
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 27
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải 27
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa 27
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải 28
3.1.3. Xử lý nước thải 30
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải 41
3.2.1. Nguồn phát sinh khí thải 41
3.2.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải 43
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường 48
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại và chất thải y tế lây nhiễm 51
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung 55
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường 56
3.6.1. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải 56
3.6.2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với bụi, khí thải 57
3.6.3. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với chất thải nguy hại và chất thải y tế lây nhiễm 58
3.6.4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác 59
3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác 61

3.7.1. Đối với sự cố quá tải trong quá trình hoạt động thăm khám và điều trị bệnh tại TTYT 61
3.7.2. Các biện pháp an toàn, vệ sinh thực phẩm 61
3.7.3. Phòng ngừa và kiểm soát các tia bức xạ 62
3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường 69
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 71
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải 71
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải 72
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung 72
4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại và chất thải y tế lây nhiễm 73
Chương V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 76
5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường 76
5.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải 76
5.3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải 80
5.4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải 80
5.5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở 80
Chương VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 82
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải 82
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm 82
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải 82
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật 84
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ 84
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải 84
6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án 85
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm 85
Chương VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ 86
7.1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường 86
7.2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan 86
7.3. Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định này 87
PHỤ LỤC BÁO CÁO 88

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	: Bộ Tài nguyên và Môi trường
BNNMT	: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
BXD	: Bộ Xây dựng
BYT	: Bộ Y tế
CP	: Chính phủ
UBND	: Ủy ban nhân dân
TTYT	: Trung tâm Y tế
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
CNCH	: Cứu nạn cứu hộ
GPXD	: Giấy phép Xây dựng
ĐTM	: Đánh giá tác động môi trường
BVMT	: Bảo vệ môi trường
TT	: Thông tư
NĐ	: Nghị định
QĐ	: Quyết định
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TCVSLĐ	: Tiêu chuẩn vệ sinh lao động
TCXDVN	: Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
HTXL	: Hệ thống xử lý
BOD_5	: Nhu cầu Oxy sinh hóa đo ở 20^oC - đo trong 5 ngày
COD	: Nhu cầu Oxy hóa học
TSS	: Tổng chất rắn lơ lửng
KPH	: Không phát hiện
CTRSH	: Chất thải rắn sinh hoạt
CTRCNTT	: Chất thải rắn công nghiệp thông thường
CTNH	: Chất thải nguy hại
CTYT	: Chất thải y tế
ƯPSC	: Ứng phó sự cố

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Danh mục các khoa của cơ sở 10
Bảng 1.2. Quy mô hoạt động của cơ sở 12
Bảng 1.3. Danh mục các nguyên, vật liệu và hoá chất sử dụng tại cơ sở 12
Bảng 1.4. Nhu cầu về nhiên liệu sử dụng tại cơ sở 13
Bảng 1.5. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước cấp của cơ sở 16
Bảng 1.6. Các điểm tọa độ giới hạn của khu đất 17
Bảng 1.7. Các hạng mục công trình xây dựng của cơ sở 18
Bảng 1.8. Danh mục các máy móc, thiết bị y khoa sử dụng tại cơ sở 18
Bảng 3.1. Nguồn và lượng nước thải phát sinh tại cơ sở 28
Bảng 3.2. Các công trình xử lý sơ bộ bể tự hoại 31
Bảng 3.3. Các thông số kích thước bể công trình Trạm XLNT của cơ sở 35
Bảng 3.4. Danh mục thiết bị của công trình Trạm XLNT tập trung, công suất 200m^3/ngày.đêm của cơ sở 36
Bảng 3.5. Danh mục hóa chất xử lý nước thải 36
Bảng 3.6. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải của TTYT khu vực Xuân Lộc 39
Bảng 3.7. Thống kê khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở 50
Bảng 3.8. Chất thải nguy hại và chất thải y tế lây nhiễm phát sinh tại cơ sở 51
Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải của TTYT khu vực Xuân Lộc 71
Bảng 4.2. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn (theo mức âm tương đương), dBA 73
Bảng 4.3. Giá trị tối đa cho phép về mức gia tốc rung, dB 73
Bảng 4.4. Danh mục chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở 74
Bảng 4.5. Danh mục chất thải nguy hại và chất thải y tế lây nhiễm phát sinh ... 74
Bảng 5.1. Lưu lượng nước thải phát sinh tại cơ sở trong năm 2023-2024 76
Bảng 5.2. Thống kê vị trí điểm quan trắc nước thải 77
Bảng 5.3. Thời gian quan trắc 77
Bảng 5.4. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải đầu ra Trạm XLNT tập trung của cơ sở 78
Bảng 5.5. Kết quả đo đạc, phân tích chất lượng nước suối Sông Ray 79
Bảng 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải 82
Bảng 6.2. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải VHTN 83
Bảng 6.3. Chương trình quan trắc chất lượng nước thải định kỳ 84

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1.1. Quy trình khám, chữa và điều trị bệnh tại TTYT khu vực Xuân Lộc 10
Hình 3.1. Hệ thống thoát nước mưa của cơ sở 27
Hình 3.2. Vị trí hố ga đấu nối vào suối thoát nước của khu vực tại cơ sở 29
Hình 3.3. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn có ngăn lọc 31
Hình 3.4. Quy trình công nghệ XLNT của cơ sở 33
Hình 3.5. Một số hình ảnh Trạm XLNT tập trung, công suất 200m^3/ngày.đêm 41
Hình 3.6. Nhà chứa máy phát điện 48
Hình 3.7. Màu sắc các bao bì, thùng chứa và biểu tượng chất thải y tế 53
Hình 3.8. Hình ảnh về khu vực chứa chất thải tại cơ sở 55
Hình 3.9. Quy trình phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải 57

MỞ ĐẦU

Mục tiêu báo cáo

Trước đây, Xuân Lộc là một huyện nằm ở phía Đông Nam tỉnh Đồng Nai, được thành lập vào năm 1991, gồm 15 đơn vị hành chính (bao gồm: 01 Thị trấn Gia Ray và 14 xã: Xuân Bắc, Xuân Thành, Xuân Trường, Suối Cao, Xuân Thọ, Xuân Tâm, Lang Minh, Xuân Hiệp, Suối Cát, Xuân Phú, Bảo Hòa, Xuân Định, Xuân Hòa, Xuân Hưng). Tuy nhiên, ngày 12/6/2025, tỉnh Đồng Nai đã được sắp xếp lại với toàn bộ diện tích tự nhiên là 12.737,18 km^2, quy mô dân số 4.491.408 người *(tại Khoản 17, Điều 1, Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội CHXHCN Việt Nam),* bao gồm 95 đơn vị hành chính cấp phường, xã; theo đó, đến ngày 01/7/2025, xã Xuân Lộc cũng được sắp xếp lại với toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Gia Ray và các xã Xuân Thọ, Xuân Trường, Suối Cát và Xuân Hiệp *(tại Khoản 24, Điều 1, Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15 do Uỷ ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 16/6/2025 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đồng Nai năm 2025).*

Bệnh viện Đa khoa huyện Xuân Lộc là một đơn vị đa khoa hạng III trực thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai, chịu sự quản lý của Sở Y tế và UBND tỉnh Đồng Nai. Bệnh viện đã được hoàn chỉnh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, cùng với đội ngũ cán bộ, y bác sĩ có khả năng khám, chữa bệnh cho dân cư trên địa bàn, góp phần phát triển dịch vụ y tế và chăm sóc sức khoẻ người dân tại khu vực và các vùng lân cận. Bên cạnh đó, Bệnh viện cũng đã được UBND tỉnh Đồng Nai cấp Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng số 3415/QĐ-UBND ngày 17/10/2008 và Quyết định phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường số 3957/QĐ-UBND ngày 25/11/2008.

Năm 2016, Bệnh viện đã được đổi tên thành Trung tâm Y tế (TTYT) huyện Xuân Lộc theo Quyết định số 3327/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc thành lập trung tâm y tế các huyện, thành phố Biên Hòa; và Quyết định số 541/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1, Điều 3 Quyết định số 3327/QĐ-UBND ngày 14/10/2016. Theo đó, TTYT huyện Xuân Lộc trực thuộc Sở Y tế, được thành lập trên cơ sở hợp nhất Bệnh viện Đa khoa huyện Xuân Lộc và TTYT huyện Xuân Lộc.

Ngày 15/9/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tỉnh Đồng Nai đã có Văn bản số 7309/STNMT-CCBVMT về việc chấp thuận cho cơ sở được kế thừa các hồ sơ môi trường của Bệnh viện Đa khoa huyện Xuân Lộc; và cơ sở cũng đã được UBND tỉnh Đồng Nai cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 342/GP-UBND ngày 24/11/2020.

Ngày 01/7/2025, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 188/QĐ-UBND về việc *"Thành lập Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc trực thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai trên cơ sở tiếp nhận và tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc thành Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc khi sáp nhập tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước",* theo đó, TTYT khu vực Xuân Lộc thực hiện cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế theo khu vực trên địa bàn 06 xã, gồm: Xã Xuân Định, xã Xuân Phú, xã Xuân Lộc, xã Xuân Hòa, xã Xuân Thành và xã Xuân Bắc; tuy nhiên vẫn giữ nguyên quy mô hoạt động 200 giường bệnh, quy trình khám và điều trị bệnh tại cơ sở sau khi tiếp nhận lại từ TTYT huyện Xuân Lộc.

Ngày 24/7/2025, chủ cơ sở đã thực hiện lập hồ sơ đăng ký thay đổi thông tin về người sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và trình nộp về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai theo Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả số H19.151-250724-4259.

- Căn cứ theo quy định tại STT I.3, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, TTYT khu vực Xuân Lộc là cơ sở có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Do đó, TTYT khu vực Xuân Lộc thuộc dự án đầu tư **Nhóm II**.
- Căn cứ tại Điểm c Khoản 3 Điều 41 của Luật Bảo vệ Môi trường, thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường cho TTYT khu vực Xuân Lộc là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai theo Quyết định uỷ quyền số 775/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Nhằm tuân thủ theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, TTYT khu vực Xuân Lộc đã phối hợp với Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai lập, chỉnh sửa và hoàn thiện hồ sơ lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở *"Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc, với quy mô 200 giường bệnh"* tại địa chỉ: Xã Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Mẫu báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động được thực hiện theo quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

Tổ chức thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc
- Đơn vị tư vấn: Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai
- Thời gian thực hiện: Năm 2024 – 2025.

Cơ sở pháp lý

❖Các văn bản Luật do Quốc hội ban hành:

- Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020;
- Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 27/11/2023;
- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 09/01/2023;
- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 18/01/2024;
- Luật Phòng cháy, Chữa cháy và Cứu nạn, Cứu hộ số 55/2024/QH15 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2024;
- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2024.

❖Các Nghị định, Quyết định, Văn bản do Chính phủ ban hành:

- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ quy định về thoát nước và xử lý nước thải;
- Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản;
- Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;
- Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạm vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;
- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

❖Các Nghị quyết, Thông tư, Quyết định, Văn bản do các Bộ, Ngành và địa phương ban hành:

- Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Môi trường;

- Thông tư số 32/2013/TT-BTNMT ngày 25/10/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Môi trường;

- Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ quy định về thoát nước và xử lý nước thải;

- Thông tư số 24/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ Y tế quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

- Thông tư số 27/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ Y tế quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc;

- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

- Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 05/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 2, Điều 1 của Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 UBND tỉnh về việc Phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2050;

- Quyết định số 1973/QĐ-TTg ngày 23/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2021 – 2025;

- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 773/QĐ-BKHCN ngày 25/4/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố tiêu chuẩn quốc gia;

- Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 20/4/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2022;

- Công văn số 211/BYT-MT ngày 16/01/2023 của Bộ Y tế về việc tăng cường công tác quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

❖ Các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng:

- QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn;

- QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Độ rung;

- QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Nước thải công nghiệp;

- QCVN 50:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước;

- QCVN 24/2016/TT-BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

- QCVN 27/2016/TT-BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc;
- QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;
- QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Chất lượng không khí;
- QCVN 08:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Chất lượng nước mặt.

Chương I
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở: TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC XUÂN LỘC

- Địa chỉ văn phòng : Ấp Suối Cát 1, xã Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: (Ông) BÙI THÁI CHIẾN
- Chức vụ : Giám đốc
- Điện thoại : 0251.3871124; E-mail: khoaytccddxl@gmail.com
- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh:

+Quyết định phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Xuân Lộc số 3415/QĐ-UBND ngày 17/10/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai;

+Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành Bệnh viện Đa khoa Xuân Lộc số 477/QĐ-UBND ngày 25/02/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai;

+Quyết định thành lập Trung tâm Y tế các huyện, thành phố Biên Hòa số 3327/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 và số 541/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai; trong đó, TTYT Xuân Lộc được thành lập trên cơ sở hợp nhất Bệnh viện Đa khoa Xuân Lộc và TTYT Xuân Lộc;

+Quyết định thành lập Trung tâm Y tế các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa trên cơ sở sáp nhập thêm Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình vào Trung tâm y tế, số 468/QĐ-UBND ngày 12/02/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai;

+Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thành lập Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc trực thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai trên cơ sở tiếp nhận và tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc thành Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc khi sáp nhập tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước;

+Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 46/ĐNAI-GPHĐ ngày 29/7/2025 của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai cấp phép cho TTYT khu vực Xuân Lộc.

1.2. Tên cơ sở

"Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc, quy mô 200 giường bệnh"

- Địa điểm cơ sở: Ấp Suối Cát 1, xã Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:

+Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mã AQ 119876, số vào sổ cấp GCN T.00004 ngày 12/10/2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tỉnh Đồng Nai cấp cho Bệnh viện Đa khoa huyện Xuân Lộc, với diện tích khu đất 5.989m^2 (trong đó: diện tích được cấp là 5.831,0m^2 và

không được cấp là 67m^2), là thửa đất số 2234 thuộc tờ bản đồ số 8 tại xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc (nay là xã Xuân Lộc), tỉnh Đồng Nai;

+Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 582317, số vào sổ cấp GCN CT28739 ngày 23/3/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tỉnh Đồng Nai cấp cho Bệnh viện Đa khoa huyện Xuân Lộc, với diện tích khu đất 511.683,3m^2 (trong đó: diện tích được cấp là 10.799,5m^2 và không được cấp là 883,8m^2), là thửa đất số 572 thuộc tờ bản đồ số 17 tại xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc (nay là xã Xuân Lộc), tỉnh Đồng Nai;

+Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả số H19.151-250724-4259 ngày 24/7/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai về việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký thay đổi thông tin về người sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của TTYT khu vực Xuân Lộc;

+Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình ngày 01/02/2013 và 29/3/2013;

+Văn bản trả lời về Giấy phép xây dựng công trình y tế Xuân Lộc số 5872/SXD-QLXD ngày 12/12/2024 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần:

+Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 3957/QĐ-UBND ngày 25/11/2008;

+Công văn chấp thuận TTYT huyện Xuân Lộc được kế thừa các hồ sơ môi trường của Bệnh viện Đa khoa huyện Xuân Lộc, số 7309/STNMT-CCBVMT ngày 15/9/2020;

+Quyết định cho phép TTYT Xuân Lộc thanh lý tài sản hết khấu hao, không còn sử dụng được và đã hư hỏng số 1743/QĐ-UBND ngày 06/7/2022;

+Thông báo kết quả kiểm tra chất lượng nước thải sau xử lý của Bệnh viện Đa khoa Xuân Lộc, số 297/STNMT-CCBVMT ngày 26/01/2015;

+Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 342/GP-UBND ngày 24/11/2020;

+Văn bản chấp thuận đấu nối nước thải vào khu vực số 5897/UBND-KT ngày 18/8/2023;

+Văn bản xác nhận nguồn tiếp nhận nước thải phát sinh từ TTYT Xuân Lộc số 1938/UBND-KT ngày 21/3/2025;

+Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại số 62/SĐK-CCBCMT ngày 02/6/2017. Mã QLCTNH 75.001316.T (Cấp lần 2).

- Quy mô của cơ sở: Dự án **Nhóm B** theo quy định tại Khoản 4 Điều 10 của Luật Đầu tư công 2024 *(dự án thuộc lĩnh vực Y tế có tổng mức đầu tư 90 tỷ <* ***134.770.174.687 đồng*** *<1.600 tỷ đồng)*.

- Yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại Khoản 4 Điều 25 Nghị định này: Căn cứ theo Văn bản số 1938/UBND-KT ngày 21/3/2025 của UBND huyện Xuân Lộc (nay là UBND xã Xuân Lộc), nước thải phát sinh từ cơ sở được thu gom và xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Nước thải Y tế - QCVN 28:2010/BTNMT, cột A quy định, sau đó thoát ra suối thoát nước mưa, nước thải chung của khu vực (đất công), dẫn vào suối Sông Ray (đoạn tiếp giáp giữa xã Suối Cát (nay thuộc xã Xuân Lộc) và xã Xuân Phú) và thoát ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là Sông Ray– đây là nguồn nước sử dụng phục vụ cho mục đích sinh hoạt.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: TTYT khu vực Xuân Lộc là đơn vị sự nghiệp y tế công lập trực thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai, có chức năng cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, sức khỏe sinh sản, an toàn thực phẩm, dân số, các dịch vụ y tế khác theo quy định tại Thông tư số 32/2024/TT-BYT ngày 15/11/2024 của Bộ Y tế và **không thuộc** loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Phân nhóm dự án đầu tư: **Nhóm II**.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

1.3.1. Quy mô hoạt động của cơ sở

TTYT khu vực Xuân Lộc là đơn vị sự nghiệp y tế công lập trực thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai, có chức năng cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, sức khỏe sinh sản, an toàn thực phẩm, dân số, các dịch vụ y tế khác cho nhân dân trên địa bàn và các vùng lân cận, với quy mô hoạt động là 200 giường bệnh.

TTYT đã được Sở Y tế tỉnh Đồng Nai cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 46/ĐNAI-GPHĐ ngày 29/7/2025 với hình thức tổ chức là Trung tâm Y tế tương đương bệnh viện đa khoa, bao gồm các khoa, phòng như sau:

- *04 phòng chức năng:*

+Phòng Tổ chức – Hành chính

+Phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ – Điều dưỡng (bao gồm cả lĩnh vực quản lý chất lượng, công tác xã hội, chăm sóc khách hàng)

+Phòng Tài chính – Kế toán

+Phòng Dân số – Truyền thông và Giáo dục sức khỏe

- 14 khoa:

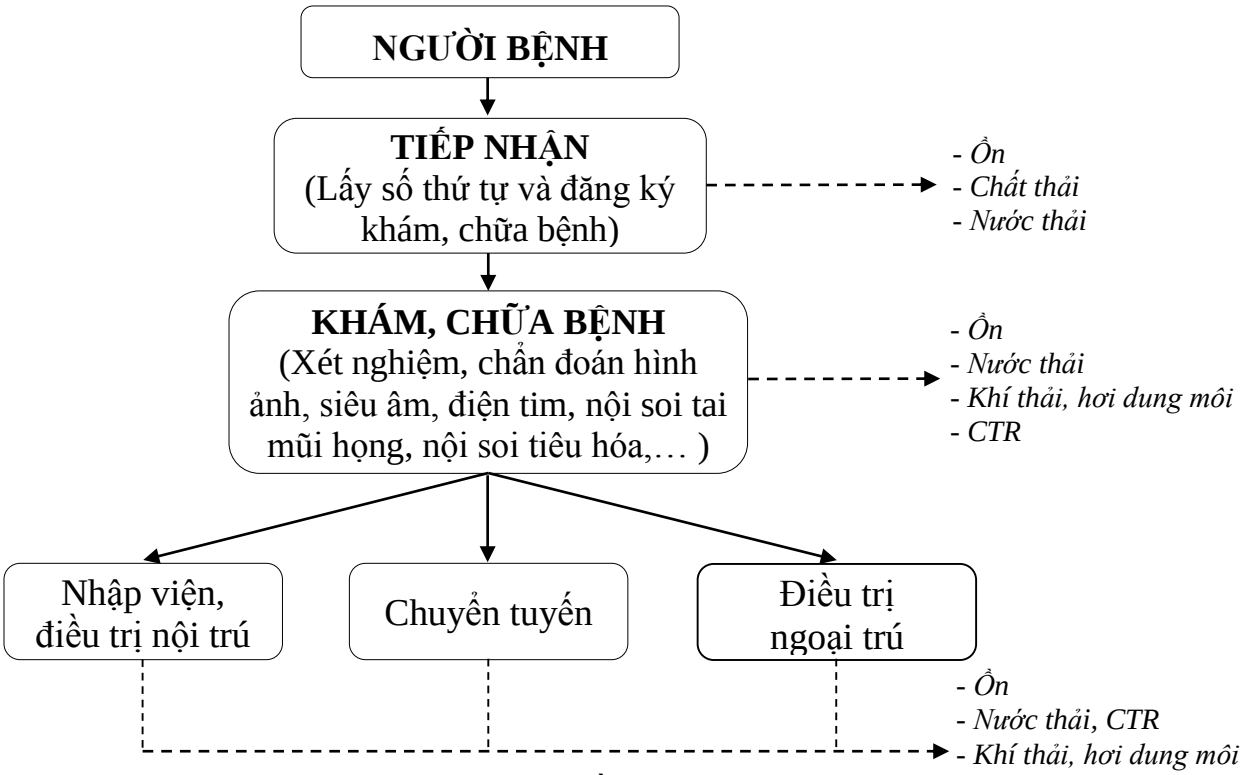
Bảng 1.1. Danh mục các khoa của cơ sở

STT	Tên Khoa	Số lượng *(Giường)*
1	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS (bao gồm Cơ sở Methadone số 7)	-
2	Khoa Y tế công cộng – Thực phẩm và Dinh dưỡng	-
3	Khoa Chăm sóc sức khoẻ sinh sản và phụ sản	35
4	Khoa Khám bệnh	-
5	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực và Chống độc	20
6	Khoa Nội – Nhiễm	50
7	Khoa Nhi	30
8	Khoa Ngoại – Gây mê hồi sức	45
9	Khoa Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng)	5
10	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	15
11	Khoa Xét nghiệm	-
12	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	-
13	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	-
14	Khoa Dược –Vật tư, thiết bị y tế	-
	Tổng cộng	**200**

(Nguồn: Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc, năm 2025)

Ghi chú: "-": chỉ thực hiện thăm khám tại khoa, không bố trí giường bệnh.

1.3.2. Quy trình hoạt động khám, chữa bệnh của cơ sở



Hình 1.1. Quy trình khám, chữa và điều trị bệnh tại TTYT khu vực Xuân Lộc

Thuyết minh:

Quá trình thăm khám, chữa và điều trị bệnh tại TTYT khu vực Xuân Lộc được thực hiện như sau:

- Khi bệnh nhân đến TTYT sẽ được nhân viên hướng dẫn lấy số thứ tự, sổ khám bệnh và điền thông tin người bệnh để nhân viên nhập vào hệ thống, sau đó ngồi chờ đến lượt, bệnh nhân và thân nhân đến quầy đăng ký khám bệnh. Tại bước này có thể phát sinh chất thải rắn, nước thải sinh hoạt từ các hoạt động vệ sinh cá nhân của các nhân viên y tế, bệnh nhân và thân nhân người bệnh.
- Người bệnh đến khám tại các phòng khám chuyên khoa đã được hệ thống TTYT phân bố, tại đây các bác sĩ chuyên khoa sẽ tiến hành khám và chỉ định:

+Trường hợp không có chỉ định điều trị nội trú, bệnh nhân được ghi toa thuốc điều trị ngoại trú, sau đó đến quầy thuốc nhận thuốc và điều trị tại nhà;

+Nếu có chỉ định xét nghiệm (máu, phân, nước tiểu,…) và làm các kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh (X-Quang, Nội soi, Điện tim,…): bệnh nhân đến khoa xét nghiệm và khoa chẩn đoán hình ảnh để xét nghiệm và làm các kỹ thuật trên theo chỉ định của bác sĩ;

+Trường hợp có chỉ định điều trị nội trú: bệnh nhân sẽ được chuyển tới các khoa tương ứng trong khu điều trị nội trú và bắt đầu tiến trình điều trị.

Bước này có thể phát sinh chất thải rắn, nước thải sinh hoạt từ nhân viên y tế, bệnh nhân và thân nhân người bệnh; nước thải từ hoạt động xét nghiệm, lấy mẫu bệnh phẩm, rửa dụng cụ; chất thải y tế; hơi dung môi từ chất khử trùng.

- Tùy theo mức độ thăm khám và chẩn đoán bệnh, sẽ có 03 phương án như sau: (1) Chuyển lên bệnh viện tuyến trên; (2) Người bệnh điều trị ngoại trú; (3) Chỉ định người bệnh nhập viện điều trị. Đối với bệnh nhân điều trị nội trú sẽ phát sinh chất thải sinh hoạt, nước thải sinh hoạt, chất thải y tế, nước thải từ hoạt động khám, chữa trị chứa dịch, mô, vi khuẩn gây bệnh.
- Đối với trường hợp cấp cứu: bệnh nhân được đưa đến khoa cấp cứu và hồi sức tích cực, các bác sĩ và điều dưỡng khẩn trương cấp cứu bệnh nhân qua cơn nguy kịch:

+Nếu tình trạng bệnh nặng, vượt khả năng chuyên môn và kỹ thuật của TTYT, bệnh nhân sẽ được chuyển lên tuyến trên tương ứng với bệnh trạng;

+Nếu tình trạng bệnh ổn định, bệnh nhân được chuyển tới các Khoa điều trị chuyên môn phù hợp và tương ứng với bệnh trạng.

Đánh giá quy trình hoạt động: Quy trình hoạt động khám, chữa bệnh của TTYT luôn đáp ứng các tiêu chí chữa bệnh kịp thời cho người dân đến khám, chữa bệnh tại cơ sở. Các công tác khám và chữa bệnh luôn được đảm bảo nâng cao chất lượng hoạt động tại các tuyến, thực hiện tốt nội quy, quy chế chuyên

môn, đặc biệt tập trung củng cố và hoàn thiện Bộ Tiêu chí chất lượng bệnh viện cũng như đánh giá sự hài lòng của người bệnh đối với các dịch vụ y tế.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Các hoạt động thăm khám, chữa bệnh; chăm sóc sức khoẻ người dân trên địa bàn và các dịch vụ liên quan đến y tế.

Theo Báo cáo kết quả hoạt động y tế số liệu thống kê các hoạt động khám, chữa bệnh tại cơ sở trong năm 2024 và 06 tháng đầu năm 2025, cụ thể như sau:

Bảng 1.2. Quy mô hoạt động của cơ sở

Danh mục	**Quy mô hoạt động** (giường)			
	Theo ĐTM được duyệt	***Thực tế***		
		Tháng 01 – 5/ 2024	*Tháng 6 – 12/ 2024*	*Tháng 01 – 6/ 2025*
Giường bệnh	200	80 – 115	162 – 200	120 – 165

(Nguồn: Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc, năm 2025)

Ghi chú: Từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2024, trên địa bàn huyện Xuân Lộc (cũ) bùng nổ dịch sởi và sốt xuất huyết với tình hình diễn biến phức tạp, tại TTYT liên tục ghi nhận nhiều ca mắc phải nhập viện điều trị, do đó, tại một số thời điểm trong khoảng thời gian này, cơ sở luôn trong tình trạng hoạt động tối đa công suất 200 giường bệnh.

- Số thân nhân chăm nuôi bệnh nhân điều trị nội trú: tối đa khoảng 200 người (01 giường bệnh tương ứng tối đa 01 người thân chăm nuôi).
- Số lượt bệnh nhân ngoại trú và khách vãng lai: 500 lượt/ngày.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

1.4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng

Do đặc trưng của trung tâm y tế là khám và chữa bệnh, sử dụng rất nhiều loại thuốc, đa dạng về chủng loại cũng như thời gian lưu giữ. Tất cả thuốc khi mang về cơ sở sẽ được lưu trữ và bảo quản trong kho lạnh.

Bảng 1.3. Danh mục các nguyên, vật liệu và hoá chất sử dụng tại cơ sở

STT	**Danh mục**	**Đơn vị**	**Số lượng**	
			Năm 2024	*06 tháng đầu năm 2025*
I	***Dược phẩm***			
1	Các loại dược phẩm dạng viên	Loại	500	230
2	Các loại dược phẩm dạng lỏng	Loại	120	56
		Loại	70	40

STT	Danh mục	Đơn vị	Số lượng	
			Năm 2024	*06 tháng đầu năm 2025*
		Loại	90	51
3	Các loại dược phẩm dạng bột	Loại	70	38
II	***Hóa chất xử lý***			
1	Hóa chất xử lý dụng cụ y khoa (loại dùng để xử lý bằng tay)	Lít	1.371	428
2	Vi sinh	Kg	24	11
3	Vi sinh	Gói	152	76
4	Cloramin B	Viên	104	52
III	***Y, dụng cụ***			
1	Băng bó bột các loại	Cuộn	2.118	1.622
2	Băng cá nhân, băng keo các loại	Miếng	2.942	1.419
		Cuộn	3.975	1.922
3	Bông gòn các loại	Kg	353	219
4	Chỉ y tế các loại	Sợi	6.327	3.549
5	Dao mổ	Cái	2.417	1.278
6	Film X-Quang	Tấm	57.870	23.700
7	Găng các loại	Đôi	200.160	100.965
8	Gạc các loại	Miếng	2.611	1.405
		Cuộn	3.089	11
		Mét	26.600	16.000
9	Gel, siêu âm, gel điện tim	Tube	51	25
		Lít	208	125
10	Giấy điện tim	Xấp	622	300
		Cuộn	160	3
11	Kim các loại	Cái	275.343	127.875
12	Ống nghiệm các loại	Cái	85.430	62.800
13	Dây truyền dịch các loại	Sợi	34.852	22.595
14	Bơm kim tiêm các loại	Cái	266.059	121.606

(Nguồn: Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc, năm 2025)

Bảng 1.4. Nhu cầu về nhiên liệu sử dụng tại cơ sở

STT	Danh mục	**Lượng sử dụng** (lít)		Mục đích sử dụng	Nơi cung cấp
		Năm 2024	*06 tháng đầu năm 2025*		
1	Xăng	12.416	6.853	Dùng cho xe cấp cứu và phương tiện đưa đón nhân viên	Công ty Cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa
2	Nhớt	518	247	Sử dụng vận hành HTXL nước thải	

3	Dầu DO 0,05S	11.083	5.921	Dùng cho máy phát điện và phương tiện đưa đón nhân viên	

(Nguồn: Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc, năm 2025)

TTYT khu vực Xuân Lộc cam kết tất cả các nguyên – nhiên – vật liệu/hoá chất sử dụng tại cơ sở đều nằm trong danh mục cho phép của Nhà nước và Pháp luật Việt Nam.

1.4.2. Nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

1.4.2.1. Nhu cầu lao động phục vụ cơ sở

- Số lượng cán bộ, y bác sĩ, nhân viên phục vụ tại cơ sở: 300 người.
- Thời gian làm việc: 24/24 giờ hàng ngày, 22 ngày/tháng.

Tùy theo khoa phòng, bộ phận chuyên môn, TTYT sẽ bố trí thời gian làm việc cho phù hợp, đảm bảo chế độ làm việc 8 giờ/ngày theo các kíp trực, thực hiện 24/24 giờ được phân công các ca trực liên tục, đảm bảo việc chăm sóc tốt cho các bệnh nhân.

1.4.2.2. Nhu cầu sử dụng điện năng

- *Nguồn cung cấp:* Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai
- *Nhu cầu sử dụng:* Tổng lượng điện tiêu thụ cho các hoạt động khám, chữa bệnh và sinh hoạt tại cơ sở khoảng 56.308 kWh/tháng *(tính trung bình theo hoá đơn tiền điện sử dụng từ tháng 04 – 6/2025).*

1.4.2.3. Nhu cầu sử dụng nước

- *Nguồn cung cấp:* Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.
- *Nhu cầu sử dụng:* Lượng nước sử dụng cho các hoạt động khám, chữa bệnh và sinh hoạt tại cơ sở khoảng 2.332 m^3/tháng, tương đương 106 m^3/ngày.đêm *(tính trung bình theo hoá đơn tiền nước sử dụng từ tháng 04 – 6/2025),* cung cấp cho các nhu cầu sau:

+Nước cấp cho sinh hoạt (bao gồm: cán bộ y bác sĩ, công nhân viên, bệnh nhân và thân nhân người bệnh lưu trú): 40 m^3/ngày.đêm, trong đó:

- *Nước cấp cho cán bộ y bác sĩ, công nhân viên của dự án:* Theo quy định tại QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng của Bộ Xây dựng, tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt ước khoảng 80 lít/người/ngày.đêm, với tổng số cán bộ y bác sĩ, công nhân viên làm việc tại cơ sở là 300 người. Như vậy, lượng nước cấp cho sinh hoạt được ước tính như sau:

300 nhân viên x 80 lít/người/ngày = 24.000 lít/ngày ≈ 24 m^3/ngày.đêm

- *Nước cấp sinh hoạt cho thân nhân bệnh nhân lưu trú:* 01 giường bệnh tương ứng với 01 bệnh nhân và 01 người thân chăm nuôi, do đó, tổng số thân nhân người

bệnh lưu trú là 200 người, tương ứng với 200 giường bệnh. Định mức cấp nước khoảng 80 lít/người/ngày.đêm. Vậy, lượng nước cấp sinh hoạt cho thân nhân người bệnh lưu trú ước khoảng:

200 người x 80 lít/người/ngày = 16.000 lít/ngày ≈ 16 m^3/ngày.đêm

+Nước cấp cho nhà ăn: Tại cơ sở có bố trí nhà ăn để cung cấp thức ăn, nước uống phục vụ cho bệnh nhân ngoại trú, khách vãng lai và một số cán bộ y bác sĩ, công nhân viên, ước khoảng 30 suất ăn/ngày:

25 lít/người/ngày x 30 suất/ngày = 750 lít/ngày ≈ 0,75 m^3/ngày

+Nước cấp cho hoạt động khám, chữa bệnh (bao gồm các hoạt động xét nghiệm, cấp cứu, vệ sinh khoa phòng và dụng cụ y khoa, chụp X-Quang, khu vực giặt tẩy,… tại cơ sở): 57,5 m^3/ngày, trong đó:

- *Nước cấp cho giường bệnh lưu trú:* Theo 4513:1988 – Tiêu chuẩn Việt Nam – Cấp nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế, định mức tối đa lượng nước cấp sử dụng 200 giường bệnh lưu trú tại cơ sở là 250 lít/người/ngày.đêm:

200 giường x 250 lít/giường/ngày = 500.000 lít/ngày = 50 m^3/ngày.đêm

- *Nước cấp cho bệnh nhân ngoại trú và khách vãng lai (khoảng 500 lượt/ngày):* Với định mức sử dụng khoảng 15 lít/người/ngày, lượng nước cấp cho bệnh nhân ngoại trú và khách vãng lai ước khoảng:

500 lượt x 15 lít/người/ngày = 7.500 lít/ngày = 7,5 m^3/ngày

+Nước tưới cây, rửa đường: 7,75 m^3/ngày

Ngoài ra, tại cơ sở còn sử dụng nước phục vụ cho nhu cầu PCCC, tuy nhiên không thường xuyên nên không tính vào nhu cầu cấp nước hàng ngày. TTYT đã được trang bị bể chứa nước PCCC dự phòng với thể tích bể V=180m^3. Lần đầu, TTYT sẽ cấp đầy bể, sau đó chỉ bổ sung nước định kỳ vào bể để thay thế lượng nước thất thoát do bốc hơi. Lượng nước dự phòng này được lưu tại bể chứa, không phát sinh nhu cầu sử dụng nước hàng ngày và không phát sinh nước thải từ hoạt động này.

Tổng lượng nước cấp cho TTYT khu vực Xuân Lộc sử dụng thường xuyên (không kể lượng nước PCCC) được trình bày tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 1.5. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước cấp của cơ sở

STT	Nhu cầu sử dụng	Đơn vị tính	Lượng nước sử dụng	Lượng thải phát sinh
1	Sinh hoạt	m^3/ngày.đêm	40	40
2	Nhà ăn	m^3/ngày.đêm	0,75	0,75
3	Khám, chữa bệnh	m^3/ngày.đêm	57,5	46
4	Tưới cây, rửa đường	m^3/ngày.đêm	7,75	-
	Tổng cộng		**106**	**86,75**

(Nguồn: Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc, năm 2025)

Ghi chú:

- Nước thải phát sinh từ nhà ăn và từ các hoạt động sinh hoạt có lượng thải ước tính khoảng 100% nhu cầu cấp nước;

- Nước thải phát sinh từ các hoạt động khám, chữa bệnh có lượng thải ước tính khoảng 80% nhu cầu cấp nước;

- Hoạt động tưới cây, tạo ẩm đường nội bộ và hoạt động PCCC không phát sinh nước thải từ các hoạt động này.

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

1.5.1. Hiện trạng sử dụng đất trong phạm vi thực hiện dự án

TTYT khu vực Xuân Lộc có tổng diện tích đất là 16.630,5m^2, và đã được:

- UBND tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số T00004 ngày 12/10/2009, phần đất thuộc tờ bản đồ số 8, thửa đất số 2234, với tổng diện tích là 5.898,0m^2 (trong đó: diện tích được cấp là 5.831,0m^2 và không được cấp là 67,0m^2);

- Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT28739 ngày 23/3/2016. Ngày 28/4/2021, Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai đã thay đổi nội dung sau khi cấp giấy chứng nhận cho chủ cơ sở được quyền sử dụng thửa đất số 572 và tờ bản đồ số 17, với tổng diện tích là 11.683,3m^2 (trong đó: diện tích được cấp là 10.799,5m^2 và không được cấp là 883,8m^2).

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai tiếp nhận hồ sơ đăng ký thay đổi thông tin về người sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của TTYT khu vực Xuân Lộc, số H19.151-250724-4259 ngày 24/7/2025.

Cơ sở được đầu tư hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cho người dân tại khu vực, tọa lạc trên địa bàn xã Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, hoàn toàn phù hợp với các

quy định pháp luật và các quy hoạch phát triển có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho khu vực.

Tọa độ các điểm giới hạn của cơ sở như sau:

Bảng 1.6. Các điểm tọa độ giới hạn của khu đất

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ (Hệ VN2000, kinh tuyến trục 107° 45', múi chiếu 3°)					
Số hiệu mốc	Tọa độ		Số hiệu mốc	Tọa độ	
	X(m)	Y(m)		X(m)	Y(m)
1	1206481.618	458081.464	12	1206454.665	458089.519
2	1206481.618	458111.464	13	1206454.666	458112.818
3	1206481.618	458145.464	14	1206454.666	458156.520
4	1206481.618	458176.664	15	1206454.656	458181.234
5	1206481.741	458189.137	16	1206391.656	458182.766
6	1206461.178	458193.400	17	1206391.691	458108.850
7	1206470.053	458176.664	18	1206391.666	458089.520
8	1206470.053	458145.464	19	1206391.616	458067.951
9	1206462.072	458145.464	20	1206395.850	458063.653
10	1206462.072	458111.464	21	1206419.026	458063.603
11	1206462.072	458081.464	22	1206446.069	458063.603

(Nguồn: Bản vẽ hiện trạng – TTYT khu vực Xuân Lộc, năm 2025)

1.5.2. Các hạng mục công trình xây dựng cơ sở

Căn cứ tại Văn bản số 5872/SXD-QLXD ngày 12/12/2024 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai, công trình xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Xuân Lộc (nay là TTYT khu vực Xuân Lộc) do Sở Y tế tỉnh Đồng Nai làm chủ đầu tư, có nguồn vốn đầu tư công, thuộc đối tượng được miễn Giấy phép xây dựng quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 62 Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 và Điểm b Khoản 1 Điều 89 Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 *(Văn bản đính kèm tại Phụ lục Báo cáo).*

Toàn bộ các hạng mục công trình cơ sở hạ tầng phục vụ cho các hoạt động khám, chữa bệnh tại cơ sở đã được đầu tư hoàn chỉnh và đưa vào sử dụng năm 2013 *(các Biên bản nghiệm thu ngày 01/02/2013 và 29/3/2013 đính kèm tại Phụ lục Báo cáo)*, bao gồm: Khối chính Bệnh viện, các khoa/phòng khám và điều trị bệnh; hệ thống đường giao thông nội bộ; hệ thống cấp điện, cấp nước; hệ thống thu gom và thoát nước mưa, nước thải; hệ thống xử lý nước thải,….

Cụ thể như sau:

Bảng 1.7. Các hạng mục công trình xây dựng của cơ sở

STT	Tên hạng mục công trình	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)
A	**Các hạng mục chính**	**5.354,2**	**32,20**
1	Khối chính bệnh viện	4.287,7	25,78
2	Khoa truyền nhiễm	273,5	1,64
3	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn	442	2,66
4	Nhà đại thể	197,4	1,18
5	Nhà kho	153,6	0,92
B	**Các hạng mục phụ trợ**	**1.591,8**	**9,57**
1	Nhà bảo vệ	13,5	0,08
2	Nhà xe: *- Nhà xe cấp cứu – Xưởng sửa chữa* *- Nhà xe khách* *- Nhà xe công nhân viên* *- Nhà xe phát sinh*	1.185,9 *182,4* *283,5* *192* *528*	7,13
3	Căn tin	152	0,91
4	Đài nước (V= $20m^3$)	150,4	0,90
5	Trạm biến thế	30	0,19
6	Bể nước PCCC (01 bể, V=$180m^3$)	60	0,36
C	**Đường giao thông, sân bãi nội bộ**	**4.379,5**	**26,34**
D	**Diện tích đất trồng cây xanh, thảm cỏ**	**4.853**	**29,18**
E	**Diện tích đất dự trữ**	**287**	**1,73**
F	**Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường**	**165**	**0,99**
1	Trạm XLNT, công suất $200m^3$/ngày.đêm	90	0,54
2	Kho chứa chất thải: *- Chất thải rắn sinh hoạt* *- Chất thải rắn thông thường* *- Chất thải nguy hại* *- Chất thải lây nhiễm*	75 *27* *10* *23* *15*	0,45
Tổng cộng		**16.630,5**	**100**

(Nguồn: Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc, năm 2025)

1.5.3. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở

Bảng 1.8. Danh mục các máy móc, thiết bị y khoa sử dụng tại cơ sở

STT	Tên thiết bị, dụng cụ, máy móc sử dụng	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng (%)
1	Tủ đựng vắc xin chuyên dụng VLS200AC	Cái	1	Trung Quốc	90%
2	Tủ vaccin Dometic TCW 3000	Cái	1	Ba lan	85%
3	Máy đo khúc xạ tự động	Cái	1	Nhật Bản	70%

STT	Tên thiết bị, dụng cụ, máy móc sử dụng	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng (%)
4	Bộ kính thử thị lực	Cái	1	Nhật Bản	68%
5	Bộ soi bóng đồng tử đo khúc xạ	Cái	1	Đức	68%
6	Đèn khám mắt hình búa	Cái	1	Đức	68%
7	Đèn soi đáy mắt	Cái	2	Đức	68%
8	Hộp kính thị lực	Cái	1	Nhật Bản	95%
9	Đèn soi bóng đồng tử	Cái	2	Đức	95%
10	Ghế khám điều trị RHM	Cái	1	Mỹ	68%
11	Máy thổi cát đánh bóng	Cái	2	Ý	68%
12	Ống soi tai	Cái	2	Đài loan	85%
13	Ống soi thanh quản	Cái	1	Đài loan	85%
14	Hệ thống nội soi tai mũi họng ống mềm	Cái	1	Đức	90%
15	Ống soi 70 độ 4mm x 175mm	Cái	1	Trung Quốc	95%
16	Máy điện tim 6 cần	Cái	1	Nhật Bản	70%
17	Cáng cứu thương đa năng	Cái	1	Trung Quốc	85%
18	Máy sốc tim di động	Cái	1	Mỹ	90%
19	Máy siêu âm cầm tay	Cái	1	Na Uy	90%
20	Máy thở di động xách tay	Cái	1	Mỹ	90%
21	Máy hút dịch	Cái	1	Tây Ban Nha	90%
22	Máy monitor theo dõi bệnh nhân	Cái	4	Trung Quốc	90%
23	Bơm tiêm điện	Cái	2	Trung Quốc	90%
24	Máy khử mùi	Cái	2	Trung Quốc	88%
25	Máy truyền dịch	Cái	1	Trung Quốc	90%
26	Máy rửa dạ dày	Cái	1	Trung Quốc	90%
27	Máy bơm tiêm điện	Cái	2	Trung Quốc	85%
28	Máy truyền dịch tự động Presenius Kabi	Cái	1	Trung Quốc	95%
29	Máy truyền dịch	Cái	1	Trung Quốc	95%
30	Máy điện tim 6 cần	Cái	1	Nhật Bản	95%
31	Máy lọc thận	Cái	5	Nhật Bản	80%
32	Hệ thống xử lý nước	Cái	1	Đài Loan	80%
33	Tủ lạnh đựng màng lọc	Cái	1	Việt - Nhật	78%
34	Máy lọc thận	Cái	5	Nhật Bản	85%

STT	Tên thiết bị, dụng cụ, máy móc sử dụng	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng (%)
35	Hệ thống rửa quả lọc thận nhân tạo	Cái	1	Việt Nam	85%
36	Máy thận nhân tạo	Cái	4	Nhật Bản	95%
37	Máy thận nhân tạo (HDF ONLINE)	Cái	1	Đức	95%
38	Máy thở CPAP	Cái	1	Mỹ	50%
39	Máy truyền dịch	Cái	1	Nhật Bản	50%
40	Máy điện tim 6 cần ECG 1250K	Cái	1	Nhật Bản	80%
41	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Cái	1	Hàn Quốc	88%
42	Máy truyền dịch	Cái	1	Trung Quốc	88%
43	Máy truyền dịch	Cái	1	Nhật Bản	88%
44	Máy cưa cắt bột	Cái	1	Đức	50%
45	Bộ đặt nội khí quản 3 lưỡi-GIMA	Cái	3	Ý	60%
46	Bàn mổ chấn thương chỉnh hình	Cái	1	Nhật Bản	50%
47	Bàn mổ đa năng điện thủy lực	Cái	2	Nhật Bản	50%
48	Monitor theo dõi 5 thông số	Cái	1	Đức	58%
49	Bàn mổ đẻ	Cái	1	Nhật Bản	50%
50	Bàn rửa tay khử khuẩn tự động	Cái	1	Trung Quốc	50%
51	Dao mổ điện	Cái	1	Hàn Quốc	68%
52	Đèn mổ treo trần ≥120.000 lux	Cái	2	Nhật Bản	65%
53	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Cái	1	Đức	78%
54	Máy hút điện	Cái	2	Đài Loan	50%
55	Máy phun dung dịch khử trùng phòng mổ	Cái	1	Pháp	50%
56	Kính hiển vi phẫu thuật	Cái	2	Nhật Bản	50%
57	Monitor theo dõi bệnh nhân	Cái	1	Mỹ	50%
58	Máy giúp thở Shin-El (giúp thở)	Cái	1	Nhật Bản	50%
59	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ruột thừa	Cái	1	Nhật Bản	80%
60	Máy cưa bột	Cái	1	Nhật Bản	80%
61	Đèn mổ 4 bóng di động	Cái	1	Đài loan	85%
62	Máy khoan xương chỉnh hình	Cái	1	Trung Quốc	90%
63	Máy khoa xương	Cái	1	Trung Quốc	90%
64	Máy monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Cái	1	Trung Quốc	90%
65	Đèn điều trị vàng da	Cái	1	Trung Quốc	50%

STT	Tên thiết bị, dụng cụ, máy móc sử dụng	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng (%)
66	Lồng ấp trẻ sơ sinh	Cái	3	Argentina	50%
67	Máy điện tim 6 kênh	Cái	1	Nhật Bản	50%
68	Máy đo độ bão hòa oxy-Mạch	Cái	1	Ý	50%
69	Máy hút điện 2 bình	Cái	1	Đài Loan	50%
70	Máy lazer điều trị 25W	Cái	1	Hàn quốc	50%
71	Máy siêu âm đen trắng xách tay	Cái	1	Nhật Bản	50%
72	Monitor theo dõi sản khoa	Cái	1	Mỹ	50%
73	Monitor theo dõi sản khoa	Cái	1	Nhật Bản	50%
74	Máy đốt cổ tử cung	Cái	1	Đài Loan	50%
75	Máy soi cổ tử cung	Cái	1	Đài Loan	50%
76	Máy theo dõi tim thai	Cái	1	Đài Loan	50%
77	Máy miễn dịch huỳnh quang	Cái	1	Trung Quốc	80%
78	Máy theo dõi sản khoa	Cái	1	Hàn Quốc	80%
79	Đèn chiếu vàng da hai mặt	Cái	1	Việt Nam	80%
80	Đèn mổ di động 4 bóng	Cái	1	Trung Quốc	90%
81	Giường kéo cột sống KTS	Cái	1	Mexico	58%
82	Máy châm cứu điện	Cái	2	Nhật Bản	58%
83	Máy laser bán dẫn nội mạch	Cái	2	Trung Quốc	60%
84	Máy sắc thuốc đông y - 12 ấm	Cái	1	Trung Quốc	60%
85	Máy siêu âm điều trị	Cái	1	Ý	60%
86	Máy sóng ngắn trị liệu	Cái	1	Trung Quốc	50%
87	Thùng nấu sáp	Cái	1	Việt Nam	80%
88	Xe đạp tập VLTL	Cái	1	Đài Loan	58%
89	Máy kích thích thần kinh cơ	Cái	1	Đài Loan	80%
90	Giường kéo giãn cột sống cổ	Cái	1	Đài loan	80%
91	Máy trị liệu bằng sóng siêu âm	Cái	1	Ba Lan	90%
92	Tủ sấy kính hiển vi	Cái	1	Trung Quốc	50%
93	Kính hiển vi 2 mắt OLYMPUS CX21	Cái	1	Trung Quốc	50%
94	Cân kỹ thuật 0,1 hiện số	Cái	1	Trung Quốc	65%
95	Máy ly tâm Hematocrit	Cái	1	Đài Loan	65%
96	Kính hiển vi 2 mắt (SEILER)	Cái	3	Trung Quốc	58%

STT	Tên thiết bị, dụng cụ, máy móc sử dụng	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng (%)
97	Máy li tâm điện huyết học	Cái	1	Đức	50%
98	Tủ ấm Menmert	Cái	1	Đức	60%
99	Hệ thống an toàn phòng xét nghiệm	Cái	1	Trung Quốc	50%
100	Máy ly tâm 4000-6000 v/p	Cái	2	Trung Quốc	50%
101	Máy ly tâm đa năng 68 ống	Cái	1	Đức	60%
102	Tủ lạnh trữ máu	Cái	1	Luxembur	50%
103	Máy ly tâm máu	Cái	2	Đức	60%
104	Máy cất nước 2l-1h	Cái	1	Anh	60%
105	Tủ lạnh trữ máu	Cái	1	Nhật Bản	60%
106	Tủ đựng hóa chất	Cái	1	Trung Quốc	50%
107	Máy đo điện giải Na, K, Cl	Cái	1	Đức	58%
108	Máy phân tích nước tiểu tự động	Cái	2	Anh	60%
109	Máy phân tích huyết học	Cái	1	Trung Quốc	50%
110	Máy đo đông máu	Cái	1	Nhật Bản	58%
111	Máy Xét nghiệm miễn dịch tự động	Cái	1	Mỹ	50%
112	Tủ hút hơi khí độc	Cái	1	Trung Quốc	58%
113	Máy xét nghiệm sinhhóa tự động	Cái	2	Nhật Bản	85%
114	Máy GeneXpert	Cái	1	Mỹ	85%
115	USP cho máy GeneXpert	Cái	1	Thổ nhĩ kỳ	85%
116	Máy phân tích huyết học	Cái	1	Nhật Bản	80%
117	Kính hiển vi 2 mắt đèn led	Cái	1	Trung Quốc	88%
118	Máy phân tích đông máu	Cái	1	Nhật Bản	90%
119	Máy nước tiểu LabuReader plus 2	Cái	1	Nhật Bản	95%
120	Máy X-Quang cao tần kỹ thuật số	Cái	1	Mỹ	50%
121	Máy in phim kỹ thuật số	Cái	1	Bỉ	50%
122	Máy rửa phim X-Quang tự động	Cái	1	Nhật Bản	70%
123	Máy X-Quang nha	Cái	1	Nhật Bản	58%
124	Máy X-Quang cao tần cố định	Cái	1	Mỹ	50%
125	Máy CT Scanner 16 lát cắt	Cái	1	Đức	85%
126	Máy X-Quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Cái	1	Mỹ	90%
127	Thiết bị chụp X-Quang di động	Cái	1	Hàn Quốc	90%

STT	Tên thiết bị, dụng cụ, máy móc sử dụng	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng (%)
128	Máy siêu âm đen trắng 2 đầu dò	Cái	1	Nhật Bản	50%
129	Máy siêu âm màu-3D	Cái	1	Nhật Bản	50%
130	Máy in nhiệt sony	Cái	1	Nhật Bản	85%
131	Máy siêu âm màu 4D	Cái	1	Nhật Bản	80%
132	Đầu đầu dò Board mạch siêu âm tim	Cái	1	Nhật Bản	85%
133	Bộ soi dạ dày - Đại tràng ống mềm	Cái	1	Nhật Bản	58%
134	Máy nội soi trực tràng loại ống cứng	Cái	1	Đức	58%
135	Hệ thống nội soi dạ dày, tá tràng	Cái	1	Nhật Bản	80%
136	Máy đo loãng xương	Cái	1	Nhật Bản	60%
137	Máy đo chức năng hô hấp	Cái	1	Nhật Bản	50%
138	Nồi hấp ngang 200 lít	Cái	2	Đài Loan	50%
139	Nồi hấp 75 lít	Cái	1	Đài Loan	50%
140	Tủ sấy điện 250^{o}C	Cái	1	Đức	50%
141	Tủ sấy điện 250^{o}C	Cái	2	Đức	58%
142	Tủ khử khuẩn vật liệu nhựa	Cái	1	Việt Nam	60%
143	Nồi hấp ướt	Cái	1	Đài Loan	58%
144	Máy cắt gòn	Cái	1	Việt Nam	80%
145	Hệ thống oxy trung tâm	Cái	1	Trung Quốc	90%
146	Hệ thống máy nén khí, báo động trung tâm, hệ thống phân phối oxy dự phòng	Cái	1	Trung Quốc	90%
147	Máy thở oxy	Cái	10	Trung Quốc	90%
148	Xe cấp cứu FORD TRANSIT	Chiếc	1	Việt Nam	80%
149	Xe cấp cứu TOYOTA	Chiếc	2	Nhật Bản	70%
150	Xe cấp cứu TOYOTA (dự phòng)	Chiếc	1	Nhật Bản	20%
151	Máy phát điện	Máy	1	Singapore	50%

(Nguồn: Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc, năm 2025)

Ghi chú:

TTYT luôn có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng định kỳ với tần suất 6 tháng/lần và thay mới khi các linh kiện hư hỏng; đồng thời xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường, trong đó có liệt kê cụ thể các thiết bị kèm thời gian đưa vào hoạt động, trách nhiệm thực hiện và thời gian thực hiện bảo dưỡng cho từng thiết bị nhằm đảm bảo tình trạng hoạt động ổn định cũng như các công trình xử lý chất thải đạt hiệu quả nhất; đồng thời kiểm soát rủi ro và hạn chế tối đa ô nhiễm môi trường,…

Chương II
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

- ***Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia***

TTYT khu vực Xuân Lộc đã được đầu tư xây dựng và hoạt động trên địa bàn xã Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, đảm bảo phù hợp với các quy hoạch như:

- Theo Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 05/09/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, quan điểm chỉ đạo là khuyến kích phát triển kinh tế phù hợp với đặc tính sinh thái của từng vùng, ít chất thải, các-bon thấp, hướng tới nền kinh tế xanh. Tầm nhìn của chiến lược đến năm 2030 ngăn chặn đẩy lùi xu hướng gia tăng ô nhiễm môi trường, hình thành các điều kiện cơ bản cho nền kinh tế xanh, ít chất thải, cac bon thấp vì sự thịnh vượng và phát triển bền vững đất nước.

- TTYT đã hoàn thiện các hạng mục công trình bảo vệ môi trường như: hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải; hệ thống xử lý nước thải; đầu tư trang thiết bị thu gom chất thải phát sinh từ các hoạt động của cơ sở, lắp đặt hệ thống PCCC,… nhằm ngăn ngừa các tác động xấu gây ô nhiễm, các sự cố môi trường được chủ động phòng ngừa và kiểm soát theo đúng quan điểm, tầm nhìn và mục tiêu bảo vệ môi trường tại Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Ngoài ra, ngành nghề hoạt động của cơ sở có tính chất phù hợp với các quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia. Cụ thể:

- Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định 1658/QĐ ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2023, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1973/QĐ-TTg ngày 23/11/2021 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2021 – 2025.

TTYT khu vực Xuân Lộc cam kết sẽ đảm bảo tuân thủ theo quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia.

- ***Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường***

Căn cứ theo:

- Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 5375/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Xuân Lộc (nay là xã Xuân Lộc), tỉnh Đồng Nai;

TTYT khu vực Xuân Lộc được thực hiện tại khu đất thuộc quy hoạch khuyến khích phát triển ngành y tế trên địa bàn xã Xuân Lộc, phù hợp với phương án phát triển hạ tầng y tế tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Ngoài ra, vị trí của TTYT còn phù hợp với quy hoạch sử dụng đất theo:

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số T00004 ngày 12/10/2009, thửa đất số 2234 và tờ bản đồ số 8, có diện tích được cấp là 5.831,0m^2;
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT28739 ngày 23/3/2016, thửa đất số 572 và tờ bản đồ số 17, có diện tích được cấp là 10.799,5m^2;
- Quyết định phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường dự án *"Đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa Xuân Lộc, quy mô 200 giường"* thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai, số 3957/QĐ-UBND ngày 25/11/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai;
- Văn bản chấp thuận cho TTYT huyện Xuân Lộc được kế thừa các hồ sơ môi trường của Bệnh viện Đa khoa Xuân Lộc số 7309/STNMT-CCBVMT ngày 15/9/2020;
- Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thành lập Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc trực thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai trên cơ sở tiếp nhận và tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc thành Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc khi sáp nhập tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước.

Hiện, chủ cơ sở đã tiến hành lập hồ sơ đăng ký thay đổi thông tin về người sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; đồng thời trình nộp về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai theo Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả số H19.151-250724-4259 ngày 24/7/2025.

Vì vậy, hoạt động của TTYT khu vực Xuân Lộc hoàn toàn phù hợp với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

TTYT đã được UBND tỉnh Đồng Nai cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 342/GP-UBND ngày 24/11/2020.

UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 về việc Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 2, Điều 1 của Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015. Theo đó, nước thải phát sinh từ cơ sở được thu gom và xử lý đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Nước thải Y tế - QCVN 28:2010/BTNMT, Cột A quy định trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Nguồn tiếp nhận nước thải của TTYT khu vực Xuân Lộc: Căn cứ theo Văn bản số 1938/UBND-KT ngày 21/3/2025 của UBND huyện Xuân Lộc (nay là UBND xã Xuân Lộc), dựa trên điều kiện tự nhiên và địa hình thấp dần về phía Tây Bắc, suối Cát được lựa chọn là nguồn tiếp nhận trực tiếp nước mưa và nước thải phát sinh từ cơ sở. Đây là dòng suối được hình thành tự nhiên và được xem là một trong các tuyến thoát nước mưa, nước thải chung từ các hoạt động sản xuất nông nghiệp của một số hộ dân sinh sống dọc theo suối; sau đó chảy ra suối Sông Ray (đoạn tiếp giáp giữa xã Suối Cát (nay thuộc xã Xuân Lộc) và xã Xuân Phú) và nguồn tiếp nhận cuối cùng là Sông Ray.

Chương III
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa được xây dựng tách riêng độc lập với hệ thống thu gom và thoát nước thải.

- *Đối với nước mưa từ trên mái nhà, ban công:* thu gom bằng máng thu và ống dẫn uPVC ϕ90mm, đi âm tường, trong các hộp gen kỹ thuật, xuống thẳng các hố ga, không để chảy tràn ra mặt bằng khu vực;

- *Đối với nước mưa chảy tràn trên bề mặt sân bãi, đường giao thông nội bộ:* thu gom bằng hệ thống các hố ga có đặt song chắn rác để tách rác, sau đó theo mương cống tròn BTCT D400mm và thoát nước mưa ra nguồn tiếp nhận trực tiếp là suối Cát – hệ thống suối thoát nước của địa phương. Cứ 20–30m hệ thống mương cống được bố trí 1 hố ga BTCT để thu gom nước mưa; định kỳ được thu gom, nạo vét bùn cặn và chất thải lắng đọng.

- Thông số kỹ thuật tuyến thu gom thoát nước mưa chính của cơ sở là mương đan BTCT 600x1000mm, với tổng chiều dài khoảng 1.011,24m.

- Nước mưa sau khi thu gom sẽ dẫn vào hệ thống suối thoát nước của khu vực tại 01 vị trí hố ga cuối cùng BTCT 800x800x1200, có tọa độ X= 1206481.618 và Y= 458081.464 *(theo tọa độ VN2000, múi chiếu 3^o)*, theo điều kiện tự nhiên và địa hình thấp dần về phía Tây Bắc, đấu nối vào hệ thống suối thoát nước mưa, nước thải của khu vực đất công), dẫn vào suối Sông Ray (đoạn tiếp giáp giữa xã Suối Cát (nay thuộc xã Xuân Lộc) và xã Xuân Phú) và thoát ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là Sông Ray.





Hình 3.1. Hệ thống thoát nước mưa của cơ sở

- Khu vực sân bãi, đường giao thông nội bộ được xây dựng với độ dốc thích hợp để thoát nước nhanh, tránh tình trạng ứ đọng nước mưa trên bề mặt;
- Định kỳ nạo vét, loại bỏ rác, cặn lắng, bùn thải tại các hố ga;
- Thường xuyên dọn dẹp sạch sẽ, thu gom dầu mỡ, chất thải rơi vãi các khu vực lộ thiên có khả năng tiếp xúc trực tiếp với nước mưa như: đường giao thông nội bộ, sân bãi,… nhằm giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước cũng như tạo môi trường sạch sẽ trong khuôn viên.

Từ khi đi vào hoạt động đến nay, tại TTYT khu vực Xuân Lộc chưa xảy ra tình trạng ngập úng trong khuôn viên cơ sở.

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

Bảng 3.1. Nguồn và lượng nước thải phát sinh tại cơ sở

STT	Các hoạt động	Các tác động môi trường	Thành phần ô nhiễm	Lượng thải phát sinh *(m^3/ngày)*
1	Sinh hoạt	- Từ các nhà vệ sinh nội bộ - Từ các hoạt động vệ sinh cá nhân của cán bộ y bác sĩ, công nhân viên, bệnh nhân và thân nhân người bệnh	Chất hữu cơ (BOD, COD), chất rắn lơ lửng (TSS), chất dinh dưỡng (Nitơ, Photpho), dầu mỡ động – thực vật, vi sinh (Coliform),…	40
		- Từ nhà ăn		0,75
2	Hoạt động khám, chữa bệnh	-Từ hoạt động y tế: vệ sinh dụng cụ y khoa, thiết bị khám chữa bệnh, xét nghiệm, cấp cứu,… - Từ khu vực giặt tẩy - Từ công đoạn vệ sinh phòng phẫu thuật, phòng khám	BOD_5, COD, TSS, Sunfua, Amoni, Nitrat, Photphat, các loại vi khuẩn (Coliforms, Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae), các chất tẩy rửa và các chất hoạt động bề mặt,…	45,9
		- Từ hoạt động tráng rửa phim chụp X-Quang (dung dịch thuốc hiện ảnh)	Hợp chất hữu cơ Halogen hóa (AOX), các hợp chất Ag và một số kim loại nặng như: Pb, Hg, Cd,…	0,1
	Tổng cộng			**86,75**

(Nguồn: Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc, năm 2025)

Hầu hết các nguồn phát sinh nước thải từ các hoạt động sinh hoạt và khám, chữa bệnh tại TTYT khu vực Xuân Lộc được thu gom về Trạm XLNT tập trung công suất 200m^3/ngày.đêm của cơ sở theo 3 tuyến chính:

- Tuyến 1: Cống chính HG13-HG12 (uPVC ϕ168mm – chiều dài 23m, uPVC ϕ200mm – chiều dài 7,2m) → Khoa cấp cứu hồi sức HG12-HG11-HG10 (uPVC ϕ300mm – chiều dài 34,5m, uPVC ϕ168mm – chiều dài 1m) → Khoa dinh dưỡng HG10-HG9-HG8-HG7-HG6 (uPVC ϕ300mm – chiều dài 49m, uPVC ϕ168mm – chiều dài 5m) → Khoa chẩn đoán hình ảnh HG6-HG5-HG4-HG3 (uPVC ϕ300mm – chiều dài 37,3m, uPVC ϕ168mm – chiều dài);
- Tuyến 2: Sảnh chờ khám bệnh HG23-HG22-HG21-HG20-HG19-HG18-HG18c-HG17 (uPVC ϕ300mm – chiều dài 29,3m, uPVC ϕ200mm – chiều dài 83,5m, uPVC ϕ168mm – chiều dài 12,6m) → Khối xét nghiệm sinh hóa HG17-HG16-HG15-HG15a-HG14-HG3 (Ống nhựa uPVC 300mm – chiều dài 59,4m, uPVC ϕ200mm – chiều dài 14m, uPVC ϕ168mm – chiều dài 29m) → Trạm XLNT HG3-HG2-HG1 (uPVC ϕ400mm – chiều dài 40,7m);
- Tuyến III: Khoa truyền nhiễm HG2d-HG2c-HG2b (Ống nhựa uPVC ϕ200mm – chiều dài 59m, uPVC ϕ168mm – chiều dài 3,5m) → Nhà tang lễ HG2b-HG2a-HG2 (Ống nhựa uPVC ϕ300mm – chiều dài 49m).

Nước thải sau xử lý được bơm phao tự động theo ống nhựa uPVC 400mm, dài 6m ra 01 hố ga sau cùng BTCT 800x800x1200, nắp đậy bằng các tấm đan bêtông dày 50mm có tọa độ X= 1206481.618 và Y= 458081.464 *(theo tọa độ VN2000, múi chiếu 3^{o})*, theo điều kiện tự nhiên và địa hình thấp dần về phía Tây Bắc, đấu nối vào hệ thống suối thoát nước mưa, nước thải của khu vực (đất công), dẫn vào suối Sông Ray (đoạn tiếp giáp giữa xã Suối Cát (nay thuộc xã Xuân Lộc) và xã Xuân Phú) và thoát ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là Sông Ray.

Các nguồn xả thải lân cận vào nguồn tiếp nhận gần khu vực xả thải của cơ sở chủ yếu là nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân cư sinh sống gần khu vực, với thành phần ô nhiễm như: các chất hữu cơ, chất dinh dưỡng, vi sinh vật gây bệnh,....



Hình 3.2. Vị trí hố ga đấu nối vào suối thoát nước của khu vực tại cơ sở

3.1.3. Xử lý nước thải

- Nước thải phát sinh từ các nhà vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, sau đó cùng với các lượng thải còn lại dẫn về Trạm XLNT tập trung của cơ sở;

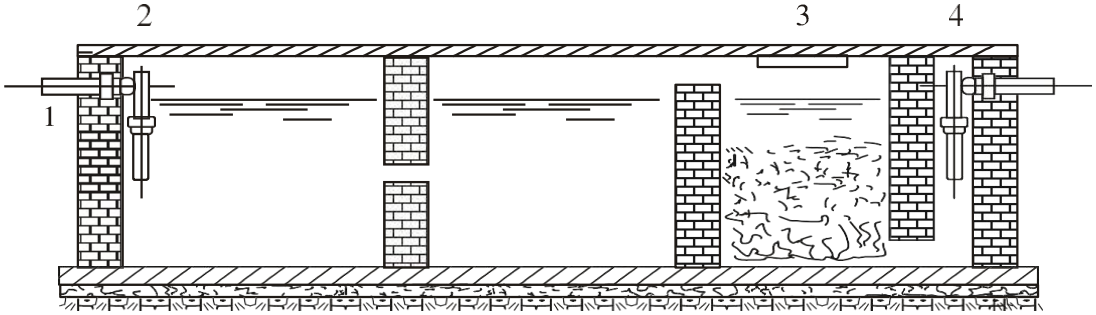
- Nước thải phát sinh từ các hoạt động vệ sinh cá nhân của cán bộ y bác sĩ, công nhân viên, bệnh nhân và thân nhân người bệnh; nước thải từ căn tin; khu vực giặt tẩy; vệ sinh các khoa/phòng được thu gom và xử lý sơ bộ bằng các hố lắng và tách rác, sau đó thoát ra hố ga từng khu vực và dẫn về Trạm XLNT tập trung của cơ sở;

- Đối với các thiết bị, dụng cụ y khoa, xét nghiệm, cấp cứu,...: được vệ sinh bằng bông thấm cồn trước khi rửa lại bằng nước. Nước thải phát sinh từ công đoạn này được dẫn về Trạm XLNT tập trung của cơ sở;

Cơ sở đã được đầu tư và đưa vào hoạt động Trạm XLNT tập trung với công suất là 200m^3/ngày.đêm nhằm xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ các nguồn, đảm bảo đạt quy chuẩn trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Riêng đối với nước thải từ quá trình tráng rửa phim chụp X-Quang (dung dịch thuốc hiện ảnh) được xem là chất thải nguy hại, không thải trực tiếp ra môi trường, TTYT đã và đang thực hiện thu gom vào thùng chứa, lưu trữ tạm thời trong khu chứa chất thải nguy hại riêng biệt, sau đó giao cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. Trong thời gian tới, khi có chỉ định chụp X-Quang từ bác sĩ chuyên môn, TTYT sẽ thực hiện bằng biện pháp hiện đại chụp kỹ thuật số; hình ảnh sau khi chụp được hiển thị trên máy vi tính, in khô bằng nhiệt hoặc lưu trữ trên đĩa dữ liệu, không sử dụng nước và hóa chất để rửa phim nên không phát sinh dung dịch thải. Tuy nhiên, các hệ thống máy chụp X-Quang hiện đang sử dụng tại cơ sở, có cơ chế hoạt động bằng 02 công nghệ chụp X-Quang cổ điển và chụp X-Quang kỹ thuật số; do đó, khi cần thiết phải sử dụng công nghệ chụp X-Quang cổ điển (không áp dụng thường xuyên), làm phát sinh dung dịch thải từ quá trình tráng rửa phim (khả năng lượng thải rất ít khoảng 0,1 m^3/ngày), TTYT cam kết sẽ áp dụng biện pháp thu gom, lưu trữ tạm thời và bàn giao xử lý dưới dạng chất thải nguy hại.

- ***Bể tự hoại 03 ngăn***



1 - Ống dẫn nước thải vào bể; 2 - Ống thông hơi; 3 - Nắp thăm (để hút cặn); 4 - Ngăn định lượng xả nước thải đến công trình xử lý tiếp theo

Hình 3.3. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn có ngăn lọc

- Nước thải được đưa vào ngăn thứ nhất của bể, có vai trò làm ngăn lắng - lên men kỵ khí; đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải. Nhờ các vách ngăn hướng dòng, ở những ngăn tiếp theo, nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn, hình thành ở đáy bể trong điều kiện động. Các chất bẩn hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hoá, đồng thời cho phép tách riêng 02 pha (lên men axít và lên men kiềm);
- Ngăn thứ hai là ngăn lọc kỵ khí, có tác dụng làm sạch bổ sung nước thải nhờ các vi sinh vật kỵ khí gắn bám trên bề mặt các hạt của vật liệu lọc và ngăn cặn lơ lửng trôi ra theo nước;
- Ngăn thứ ba: ngăn khử trùng nước thải sau khi qua ngăn thứ nhất và thứ hai.

Trong mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kị khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt.

Bể tự hoại 03 ngăn cho phép tăng thời gian lưu bùn, giúp nâng hiệu suất xử lý trong khi lượng bùn cần xử lý giảm. Như vậy, toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn tại cơ sở, được thu gom tập trung tại hố ga, sau đó dẫn về xử lý tại Trạm XLNT công suất 200m^3/ngày.đêm cùng với lượng thải y tế. Lượng bùn dư sau thời gian lưu thích hợp tại các bể tự hoại sẽ được thuê xe hút chuyên dùng (loại xe hút hầm cầu).

Hiện trạng tại cơ sở đã được xây dựng 19 bể tự hoại và bố trí tại khu vực các khoa, phòng, cụ thể:

Bảng 3.2. Các công trình xử lý sơ bộ bể tự hoại

Công trình	**Vị trí**	**Số lượng**	**Kích thước (L x W x H)** *(m)*	**Thể tích** (m^3)	**Chức năng**
Bể tự hoại 3 ngăn	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	04	4 x 3 x 2 BTCT M300	24	- Lắng và phân hủy cặn lắng; Hiệu quả xử lý cặn khoảng 30 – 50%; - Hiệu quả xử lý chất hữu cơ tính theo BOD khoảng 30 – 35%
			4 x 3 x 2 BTCT M300	24	
			4 x 3 x 2 BTCT M300	24	
			4 x 3 x 2 BTCT M300	24	
Bể tự hoại 3	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực	03	4 x 3 x 2 BTCT M300	24	- Lắng và phân hủy cặn lắng;

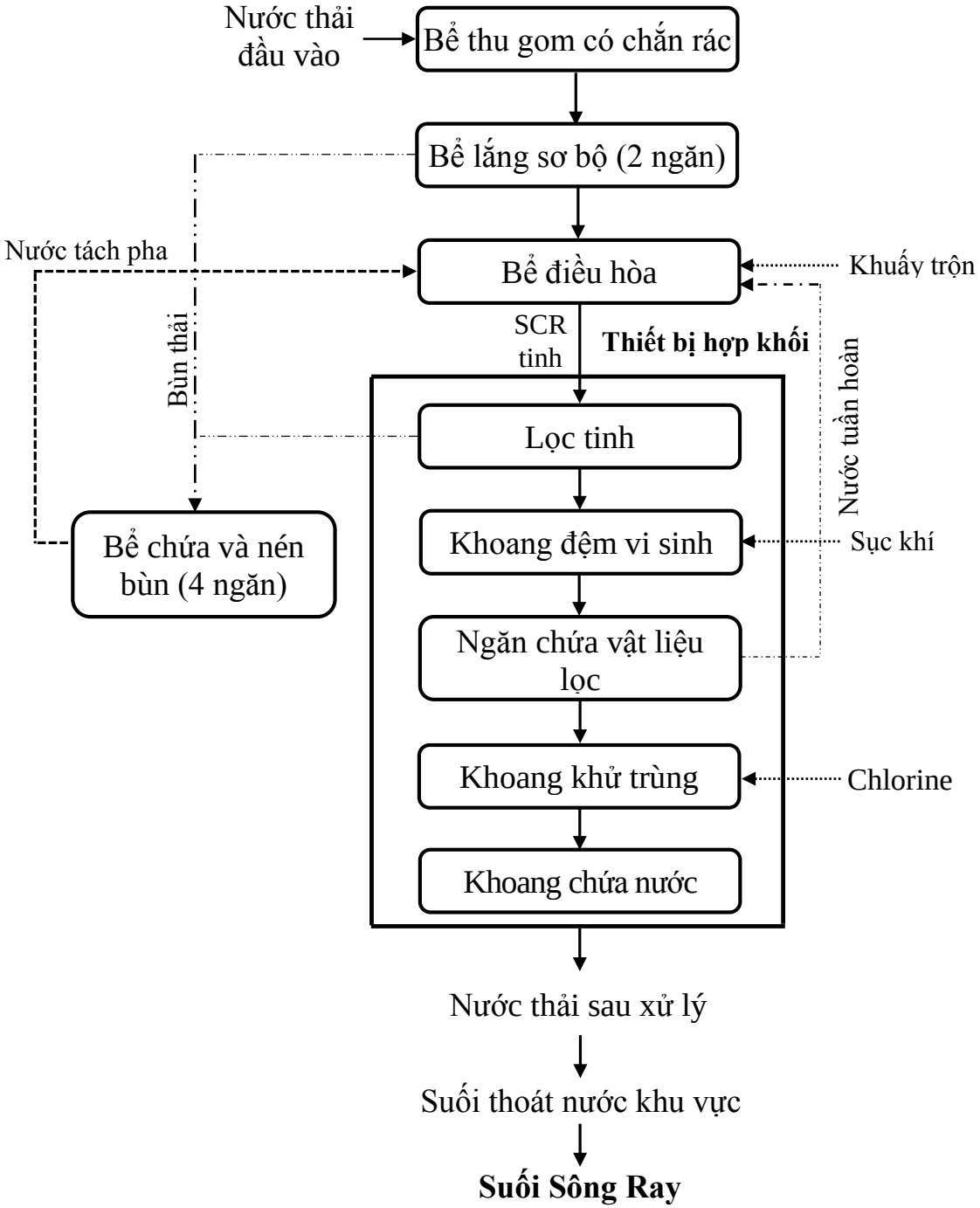
Công trình	Vị trí	Số lượng	Kích thước (L x W x H) *(m)*	Thể tích (m^3)	Chức năng
ngăn	và chống độc		4 x 3 x 2 BTCT M300	24	Hiệu quả xử lý cặn khoảng 30 – 50%; - Hiệu quả xử lý chất hữu cơ tính theo BOD khoảng 30 – 35%
			4 x 3 x 2 BTCT M300	24	
	Khoa Khám bệnh	05	4 x 3 x 2 BTCT M300	24	
			4 x 3 x 2 BTCT M300	24	
			4 x 3 x 2 BTCT M300	24	
			4 x 3 x 2 BTCT M300	24	
			4 x 3 x 2 BTCT M300	24	
	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	01	3 x 2 x 2 BTCT M300	16	
	Khoa Kiểm soát bệnh tật	01	3 x 2 x 2 BTCT M300	12	
	Khoa Xét nghiệm	02	3 x 2 x 2 BTCT M300	12	
			3 x 2 x 2 BTCT M300	12	
	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	01	3 x 2 x 2 BTCT M300	12	
	Nhà đại thể	01	3 x 2 x 2 BTCT M300	12	
	Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ - Điều dưỡng	01	3 x 2 x 2 BTCT M300	12	
	Tổng cộng	**19**		**376**	

(Nguồn: Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc, năm 2025)

- ***Trạm XLNT tập trung, công suất thiết kế 200m³/ngày.đêm***

Trạm XLNT công suất 200m^3/ngày.đêm của TTYT khu vực Xuân Lộc được thiết kế theo công nghệ Nhật Bản, sử dụng công nghệ AAO (Kỵ khí – Thiếu khí – Hiếu khí), tích hợp trong những module thiết bị hợp khối (JOHKASOU) – là quy trình xử lý sinh học liên tục dưới tác dụng phân hủy các chất ô nhiễm của hệ vi sinh vật, điều hoà lưu lượng, đảm bảo nước thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra ngoài môi trường; do Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc và Xây dựng D.T.C làm chủ đầu tư, thiết kế, thi công và lắp đặt.

Quy trình công nghệ:



Hình 3.4. Quy trình công nghệ XLNT của cơ sở

Thuyết minh:

- ***Quá trình xử lý sơ bộ:***

+Nước thải phát sinh từ các hoạt động của TTYT trước khi vào bể thu nước thải được qua song chắn rác thô có kích thước mắt lưới ≥ 6mm, với mục đích tách giữ lại các chất thải rắn, nhằm hạn chế tác động đến các thiết bị cơ khí gây hư hỏng hay mài mòn, cũng như tránh làm ảnh hưởng đến các quá trình xử lý. Sau đó, nước thải được bơm vào bể lắng sơ bộ (02 ngăn);

+Bể lắng sơ bộ (02 ngăn): Xảy ra quá trình lắng tách pha và giữ lại các chất vô cơ hoặc hữu cơ không tan trong nước thải. Bùn sau khi lắng được đưa về bể chứa bùn. Phần nước trong sau lắng chảy sang bể điều hòa.;

+Bể điều hòa: có thể tích lưu được nước thải trong 6 giờ theo công suất trung bình, bể được xây kín và lắp máy khuấy chìm, nhằm điều hòa cả về lưu lượng và nồng độ, để ổn định hơn về tính chất các chất có trong nước thải.

- ***Quá trình xử lý sinh học:***

Trong thời gian lưu lại tại bể điều hòa, các chất rắn, cặn lơ lửng có trong nước thải tiếp tục được lắng xuống. Do duy trì môi trường ổn định và tạo điều kiện tốt cho vi sinh hoạt động nên hiệu quả xử lý yếm khí tại bể điều hòa khá cao.

Nước thải từ ngăn điều hòa được bơm sang bể hợp khối AO qua hệ thống bơm chìm có song chắn rác tinh có chiều rộng mắt lưới từ 1 – 2mm, nhằm loại bỏ các tạp chất có trong nước thải. Các loại cặn sau khi được lọc bằng song chắn rác tinh sẽ được chuyển sang khoang lắng chứa bùn. Quá trình xử lý sinh học tại hợp khối (AO) gồm: quá trình xử lý thiếu khí và xử lý hiếu khí.

+Khoang xử lý thiếu khí (Anaeoxic): Quá trình khử Nitơ tổng, NO_3^- diễn ra để chuyển hóa thành N_2.

+Khoang xử lý hiếu khí (Oxic): Trong điều kiện được sục khí liên tục, các vi khuẩn hiếu khí sẽ phân huỷ các chất hữu cơ đơn giản chưa bị phân huỷ từ quá trình kỵ khí, thiếu khí có trong nước thải. Tại đây, vi sinh vật được bám trên các giá thể làm bằng vật liệu chuyên dụng có tác dụng như những chiếc tổ nuôi vi sinh vật. Các vật liệu đệm được thiết kế để tăng diện tích bề mặt làm cho mật độ vi sinh vật khá lớn lên tới 15.000 – 20.000 VSV/m^3 nước thải. Các vật liệu đệm vi sinh này luôn luôn chuyển động nhờ các thiết bị đặt ở đáy, làm tăng nhanh quá trình hấp thu các chất hữu cơ trong nước thải.

- ***Quá trình xử lý hoàn thiện:***

+Nước thải tiếp tục được chảy vào khoang chứa các vật liệu lọc. Vật liệu lọc được dùng bằng vật liệu PVC chuyên dụng có tác dụng lọc toàn bộ các chất rắn có trong nước thải. Phần nước trong tiếp tục qua khoang khử trùng;

+Khoang khử trùng: Tại đây, các vi sinh vật gây bệnh trong nước thải bị tiêu diệt bởi hóa chất khử trùng (Chlorine) được bơm vào.

+Nước thải sau khi khử trùng, đảm bảo đạt Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Nước thải y tế QCVN 28:2010/BTNMT, Cột A và K = 1,2 (do quy mô hoạt động của cơ sở là 200 giường), sau đó dẫn về khoang chứa nước sau xử lý trước khi dẫn ra tuyến suối thoát nước chung của khu vực (đất công) tại hố ga đấu nối có

tọa độ X= 1206481.618 và Y= 458081.464 *(theo tọa độ VN2000, múi chiếu 3^o)*, đổ ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là Sông Ray – đây là nguồn nước sử dụng phục vụ cho mục đích sinh hoạt.

Trong suốt quá trình xử lý nước thải, bùn và các chất rắn được tách ra và bơm hút về cụm bể chứa bùn của Trạm; định kỳ (01 năm/lần) sẽ bàn giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải theo đúng quy định.

❖ Các hạng mục xây lắp và danh mục thiết bị của Trạm XLNT tập trung, công suất 200m^3/ngày.đêm:

Bảng 3.3. Các thông số kích thước bể công trình Trạm XLNT của cơ sở

STT	Hạng mục công trình	Kích thước (L x W x H) *(m)*	Chức năng	Thiết bị kèm theo/ Quy cách
1	Bể lắng sơ bộ (02 ngăn)	6,2 x 4,4 x 4,2 BTCT M200	Loại bỏ các chất rắn hữu cơ và vô cơ không tan	- Hệ thống ống dẫn nước, ống cấp nước, ống dẫn bùn cặn - Bơm chìm
2	Bể điều hòa	12,4 x 4,4 x 4,2 BTCT M200	Ổn định nồng độ và lưu lượng nước thải	- Hệ thống đĩa khuếch tán - Máy thổi khí - Hộp phân phối nước gián đoạn - Máy khuấy chìm - Bơm chìm
3	Bể chứa bùn (04 ngăn)	2,2 x 2,2 x 4,2 (mỗi ngăn) BTCT M200	Thu gom bùn từ bể lắng sơ bộ, ngăn lọc	- Hệ thống ống dẫn nước, ống cấp nước, ống dẫn bùn cặn - Chụp lọc, chụp phân phối nước - Hệ thống sàn đỡ vật liệu lọc - Van điện từ
4	Thiết bị hợp khối đúc sẵn Johkasou	2,05 x 10,7 x 2,2	Loại bỏ các chất rắn lơ lửng, phân hủy chất hữu cơ,vô cơ và vi sinh vật	Bao gồm 05 khoang: - Khoang 1: Lọc tinh. - Khoang 2: Khoang đệm vi sinh - Khoang 3: Ngăn chứa vật liệu lọc - Khoang 4: Khử trùng - Khoang 5: Chứa bơm nước đầu ra

(Nguồn: Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc, năm 2025)

Bảng 3.4. Danh mục thiết bị của công trình Trạm XLNT tập trung, công suất 200m^3/ngày.đêm của cơ sở

STT	Hạng mục công trình	Thể tích *(m^3)*	Kích thước (L x W x H) *(m)*	Thiết bị kèm theo/ Quy cách
1	Khoang chứa đệm vi sinh	44,87	2,05x6,8x3,22	Hệ thống đệm vi sinh: - Máy sục khí Q=1,6 m^3/phút, P= 2,2kW; số lượng 3 cái - Hệ thống khuếch tán khí - Thiết bị khuấy - Tỷ lệ đệm vi sinh trong khoang = 40% thể tích khoang
2	Khoang chứa vật liệu lọc và nước đã xử lý	19,13	2,05x2,9x3,22	- Ống chứa vật liệu lọc - Bơm rửa ngược, tuần hoàn - Hệ thống van dẫn, ống cấp nước, ống dẫn bùn cặn
3	Khoang khử trùng	6,60	2,05x1,0x3x22	- Bơm định lượng Q=0,08 m^3/phút, P= 0,4kW; số lượng 2 cái - Phao điện
4	Nhà điều hành			- Tủ điều khiển: vật liệu thép không rỉ. Điều khiển tự động và bán tự động - Xuất xứ: Nhật Bản - Máy nén khí: 02 cái, công suất 2,2kW

(Nguồn: Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc, năm 2025)

Bảng 3.5. Danh mục hóa chất xử lý nước thải

STT	Hóa chất, chế phẩm	Xuất xứ	Lượng sử dụng (kg/tháng)
1	Chlorine	Việt Nam	8
2	Hóa chất vi sinh	Việt Nam	12

(Nguồn: Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc, năm 2025)

Lượng điện sử dụng: trung bình 72 kW/ngày.

Quy trình vận hành:

Người vận hành cần kiểm tra các thiết bị trong hệ thống và phải chắc chắn các thiết bị vẫn hoạt động bình thường, cụ thể:

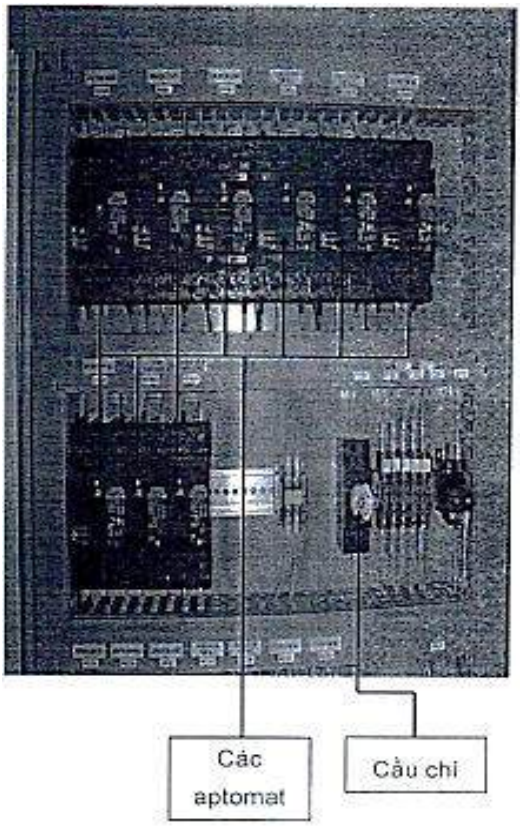
+Kiểm tra các role, cầu chì trong tủ điều khiển: bảo đảm các thiết bị này vẫn hoạt động bình thường, không có hiện tượng cháy, nổ;

+Kiểm tra sự vận hành của van (mở hoặc đóng) của bơm;

+Kiểm tra điện cấp cho hệ thống;

+Xác nhận là các hạng mục trên đã hoàn tất và sẵn sàng thì mới được vận hành hệ thống.

- Khởi động hệ thống: Sau khi kiểm tra và cấp nguồn, người vận hành bắt đầu khởi động các thiết bị điều khiển của hệ thống:



1) Trước khi tiến hành bật hệ thống, yêu cầu phải mở toàn bộ nắp đậy của hợp khối và bể điều hòa để kiểm tra.

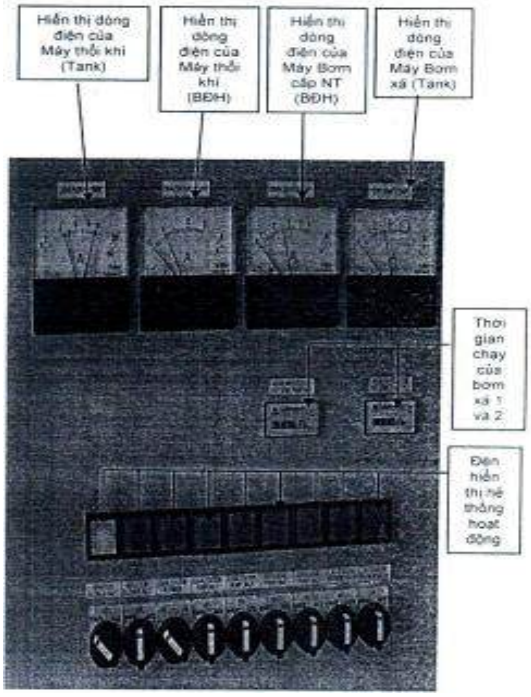
2) Kiểm tra tất cả các điều kiện an toàn cho hệ thống theo hướng dẫn chạy thử (test run), nếu tất cả các thông số trên đảm bảo đúng thì tiến hành chạy hệ thống XLNT.

3) Kiểm tra chiều quay của Quạt thổi khí, chiều quay của các Bơm, kiểm tra lượng dầu của máy thổi khí.

4) Bật Aptomat tổng.

5) Bật lần lượt các Aptomat theo chiều từ trái sang phải.

- Kiểm tra các thiết bị trước khi vận hành hệ thống chạy tự động:



1) Bật lần lượt các công tắc về chế độ Manual đợi khoảng từ 1 – 2 phút xem thiết bị có sự cố nào không, sau đó tắt về chế độ OFF và đến công tác thứ 2 cũng tương tự.

2) + Sau khi kiểm tra tất cả các thiết bị không có bất kỳ sự cố nào thì tiến hành cho hệ thống chạy tự động.

+ Bật toàn bộ các công tắc về chế độ Auto hoặc On để hệ thống bắt đầu chạy ở chế độ tự động.

3) Đậy toàn bộ nắp của bể điều hòa và hợp khối lại.

Bật máy thổi khí:

+ Kiểm tra lượng dầu bôi trơn của máy.

+ Kiểm tra toàn bộ các van cửa chắc chắn đã được mở.

+ Bật từng công tắc về chế độ Manual để kiểm tra thiết bị.

+ Kiểu tra chiều quay của máy (theo chiều mũi tên).

+ Đảm bảo máy không có tiếng ồn khác lạ.

+ Tắt chế độ Manual và chuyển sang chế độ Auto.

Lưu ý: Tất cả những phương pháp trên kiểm tra theo thông số test run.

+ Kiểm tra đồng hồ báo áp đạt thông số P= 0,03Mpa bằng van chỉnh áp.

+ Chỉnh lưu lượng dầu bằng vít chỉnh lưu lượng.

+ Kiểm tra dòng điện định mức tại đồng hồ trên tủ điều khiển và trên môtơ của quạt thổi khí.

Bật các máy bơm nước thải:

+ Bật công tắc về chế độ Manual.

+ Phải đảm bảo chắc chắn là bơm đã quay đúng chiều quy định ghi trên thân máy bơm.

+ Kiểm tra cường độ dòng điện có ở khoảng cho phép (chỉ thị tại đồng hồ trên tủ điều khiển).

+ Ra bể điều hòa kiểm tra có nước bơm lên hộp phân phối (và bơm ra ngoài tại khoang xả của hợp khối).

+ Tắt công tắc ở chế độ Manual và chuyển sang chế độ Auto để hệ thống hoạt động ở chế độ tự động.

Lưu ý: Theo dõi thêm khoảng 20 – 30 phút để kiểm tra hệ thống trước khi ra về.

- Kiểm soát bảo trì:

Việc kiểm soát bảo trì hằng ngày của hệ thống xử lý nước thải rất quan trọng. Thực hiện bảo trì theo loại thiết bị hay theo cấp độ, điều này tùy thuộc vào mức độ ưu tiên bảo trì của từng thiết bị và dụng cụ. Một hư hỏng nhỏ về cơ khí cũng làm giảm khả năng xử lý hay thậm chí còn có ảnh hưởng xấu đến toàn bộ hệ thống. Một hệ thống chạy tự động cũng không ngoại lệ. Do đó, việc bảo trì hằng ngày đòi hỏi phải chính xác và có kiến thức đầy đủ về khả năng vận hành và giới hạn của hệ thống.

Chuẩn bị một bảng tập trung những điểm chính cần kiểm tra trước khi thực hiện việc bảo trì và thiết lập tiêu chuẩn để kiểm soát bảo trì hệ thống dựa trên những số liệu báo cáo theo dõi hằng ngày.

Đối với những hạng mục mà khi kiểm tra buộc phải dừng hệ thống thì ta cần phải xem xét tính cần thiết của việc bảo trì hằng ngày và xây dựng kế hoạch cho việc kiểm tra hằng năm đối với những thiết bị đó.

- Ghi vào sổ vận hành lượng nước thải sau xử lý cuối mỗi ca làm việc.

Chế độ vận hành: Việc duy trì và điều khiển hoạt động của Trạm XLNT tập trung của cơ sở theo một quy trình và kế hoạch đã định sẵn, nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động hiệu quả, đạt chất lượng nước thải sau xử lý theo yêu cầu và tuân thủ các quy định về môi trường. Toàn bộ quy trình được lập trình điều khiển tự động bởi bảng điều khiển HTXL công nghệ KUBOTA Nhật Bản.

Bảng 3.6. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải của TTYT khu vực Xuân Lộc

STT	Thông số	Đơn vị tính	QCVN 28:2010/ BTNMT *Cột A; K = 1,2*
1	pH	-	6,5 - 8,5
2	BOD_5 (20^oC)	mg/L	36
3	COD	mg/L	60
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	60
5	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/L	1,2
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	6
7	Nitrat (tính theo N)	mg/L	36
8	Phosphat (tính theo P)	mg/L	7,2
9	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	12
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	0,12
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	1,2
12	Tổng Coliforms	MPN/ 100mL	3.000
13	Salmonella	Vi khuẩn/ 100ml	KPH
14	Shigella		KPH
15	Vibrio cholerae		KPH

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

Tình trạng hoạt động: Trạm XLNT tập trung của cơ sở hiện đang hoạt động ổn định và hiệu quả, các kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải sau xử lý đều đạt Quy chuẩn cho phép. TTYT đã cử cán bộ chuyên môn phụ trách việc quản lý, vận hành hệ thống xử lý và ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành.


BỂ
LẮNG SƠ BỘ


BỂ
ĐIỀU HÒA


NGĂN
ĐỆM VI SINH


NGĂN
VẬT LIỆU LỌC


BỂ
KHỬ TRÙNG


BỂ
NÉN BÙN







Hình 3.5. Một số hình ảnh Trạm XLNT tập trung, công suất 200m^3/ngày.đêm

Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục

Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom dẫn về Trạm XLNT tập trung công suất 200 m^3/ngày.đêm để xử lý đạt Quy chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT, cột A quy định.

TTYT không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ. Căn cứ theo Khoản 46, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, cơ sở không phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục. Trong quá trình hoạt động của cơ sở, TTYT đã bố trí nhân viên có bằng cấp, kinh nghiệm phù hợp để vận hành HTXL nước thải theo đúng quy định.

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Nguồn phát sinh khí thải

- Các loại phương tiện giao thông ra vào khu vực TTYT chủ yếu là xe máy, xe ô tô, xe cấp cứu, xe tải,… sử dụng nhiên liệu là xăng và dầu diesel, thải ra môi trường một lượng khí thải chứa bụi, NO_x, SO_2, CO, VOC... Các thành phần này tùy theo nồng độ của mỗi loại mà tác động lên môi trường và sức khỏe của con người theo mỗi cách khác nhau.

- Các hơi dung môi, hoá chất sát trùng như: Acetone, Alcohol, …; hơi hoá chất bảo quản mẫu bệnh phẩm tại khoa xét nghiệm như: Formaldehyde, hơi Ethylene oxide và các chất hữu cơ bay hơi khác phát sinh từ các hoạt động tẩy rửa và khử trùng dụng cụ y khoa, phòng pha chế thuốc và phòng xét nghiệm, là nguồn gây ô nhiễm không khí khá nghiêm trọng do tính chất độc hại của các loại hơi hóa chất. Các ô nhiễm này có thể gây ảnh hưởng đến sức khỏe của những cán bộ công nhân viên làm việc tại chỗ. Tuy nhiên, các chất khí phát sinh từ các hoạt động khám chữa bệnh thường có nồng độ không cao, chỉ mang tính chất cục bộ, là điều không

thể tránh khỏi tại bất cứ hoạt động của trung tâm y tế nào. Tác động này được nhận diện ở mức độ nhẹ, phạm vi tác động nhỏ, có thể kiểm soát được bằng các biện pháp thích hợp.

- Năm 2012, tại cơ sở được trang bị 01 lò đốt chất thải y tế, công suất 200kg/ngày. Tuy nhiên, hiện nay, lò đốt này đã ngưng hoạt động và đã được thanh lý từ tháng 7/2022 theo chủ trương của UBND tỉnh Đồng Nai tại Quyết định số 1743/QĐ-UBND ngày 06/7/2022 *(đính kèm tại Phụ lục)*. Rác thải y tế phát sinh được chủ cơ sở hợp đồng với Công ty TNHH Cù Lao Xanh *(Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.115.VX)* thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định, do đó, không phát sinh nguồn khí thải từ lò đốt rác y tế này;

- Khí thải phát sinh trong quá trình nấu ăn tại căn tin trong cơ sở; sử dụng nhiên liệu đốt là Gas – hỗn hợp Hydrocarbon nhẹ, ở thể khí, thành phần chính là Propane (C_3H_8) và Butane (C_4H_{10}). Đây là loại nhiên liệu thông dụng về tính đa năng và thân thiện với môi trường, nó có thể dễ dàng được chuyển đổi sang thể lỏng bằng việc tăng áp suất thích hợp hoặc giảm nhiệt độ để dễ tồn trữ và vận chuyển được. Nó có thể chuyển động như chất lỏng nhưng lại được đốt cháy ở thể khí, chứa nhiều năng lượng trong một không gian nhỏ và nó có thể hóa hơi được nên cháy rất tốt. Mỗi kg Gas cung cấp khoảng 12.000 kcal năng lượng *(Nguồn: Gas, the choice in future, 2001, Gary H. Mill).* Tuy nhiên, trong quá trình nấu nướng từ bếp Gas có thể gây hại cho sức khỏe trực tiếp cho người nấu, khí gas rò rỉ chứa nhiều hỗn hợp hydrocarbon (C_nH_n), đây là các loại khí có thể làm giảm khả năng hô hấp, dễ gây các bệnh về phổi khi tiếp xúc trực tiếp từ nguồn ô nhiễm này, nhưng tải lượng ô nhiễm này là không đáng kể và không ảnh hưởng đến môi trường nếu có biện pháp giảm thiểu, phòng trách phù hợp.

Mùi phát sinh trong quá trình nấu nướng, đặc biệt là mùi của quá trình chiên, chế biến thực phẩm; mùi của nguyên liệu,… thường gây mùi khó chịu và dễ phát tán ra môi trường xung quanh; do đó cần chú trọng để có biện pháp giảm thiểu ngay tại nguồn.

- Phát tán Sol khí từ Trạm XLNT tập trung: Hoạt động của Trạm XLNT tập trung có thể làm phát sinh các chất ô nhiễm không khí, chủ yếu từ quá trình phân hủy kỵ khí các chất hữu cơ có trong nước thải tại bể điều hòa, bể xử lý vi sinh, bể xử lý bùn,… Thành phần của các chất ô nhiễm không khí ở đây chủ yếu là các sản phẩm của quá trình phân hủy kỵ khí vật chất hữu cơ như: CH_4, NH_3, H_2S, CO_2, Methyl Mercaptal, Hydrosulfua,.... Lượng khí này thực tế không lớn, nhưng thường có mùi đặc trưng, gây cảm giác khó chịu cho cơ sở. Do đó, TTYT đã có các biện pháp khắc phục như che kín các công trình xử lý, cách ly với các công trình hạng mục khác.

- Mùi, khí thải từ khu vực lưu trữ chất thải: Chất thải phát sinh từ hoạt động của TTYT chủ yếu là chất thải rắn y tế và chất thải rắn sinh hoạt của người dân

đến khám, chữa bệnh và cán bộ nhân viên làm việc tại cơ sở, phần lớn là chất thải thực phẩm. Do đó, quá trình lưu trữ tại khu chứa tập trung rác (chờ thu gom) sẽ phát sinh các khí gây mùi khó chịu từ việc lên men phân hủy kỵ khí các chất hữu cơ, cụ thể là từ quá trình phân hủy các thành phần hữu cơ trong CTRSH, thông thường sẽ bắt đầu phân hủy sau một ngày lưu trữ, tạo ra các các khí thải như: NH_3, H_2S, CH_4, mercaptan,… gây mùi và thu hút các sinh vật gây bệnh như ruồi muỗi, kiến, gián, chuột và vi khuẩn gây bệnh. Bên cạnh đó, rác thải sinh hoạt có đặc trưng là độ ẩm cao, khi rác phân hủy sẽ làm phát sinh nước rỉ rác, gây mùi hôi và ô nhiễm nghiêm trọng đến môi trường xung quanh.

- Ngoài ra, TTYT còn được trang bị 01 máy phát điện với công suất 300 KVA, nhiên liệu sử dụng dầu DO 0,05S (hàm lượng lưu huỳnh 0,05%). Thành phần ô nhiễm chủ yếu bao gồm: bụi, SO_2, NO_x, CO,... Máy phát điện được sử dụng dự phòng trong trường hợp mất điện mạng lưới, do đó, nguồn ô nhiễm phát sinh từ máy phát điện mang tính chất gián đoạn, mức độ tác động đến môi trường xung quanh không đáng kể.

Theo Viện Kỹ thuật Nhiệt đới và Bảo vệ Môi trường TP.HCM, lượng khí thải thực tế khi đốt dầu 1 kg dầu DO khoảng 22 ÷ 24 m^3. Định mức tiêu hao nhiên liệu đối với máy có công suất 300kVA trong trường hợp hoạt động 100% tải là 30 lít dầu/giờ, tương đương 26,1kg/giờ (tỷ trọng dầu DO là 0,87 kg/lít). Vậy, lượng khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng là:

$$26,1 \text{ kg/giờ} \times 24 \text{ m}^3/\text{kg} = 626,4 \text{ m}^3/\text{giờ}.$$

3.2.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải

Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí, bụi từ các phương tiện giao thông

Khí thải từ các hoạt động giao thông bên trong và bên ngoài trong phạm vi cơ sở là nguồn phát sinh khó kiểm soát nhất. Để giảm thiểu nồng độ bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông, tạo không khí trong lành trong phạm vi cơ sở, TTYT đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp sau:

- Bê-tông hóa sân bãi và các tuyến đường giao thông nội bộ; Phun xịt nước khu vực nhằm hạn chế bụi phát sinh, đặc biệt vào những ngày thời tiết nắng nóng kéo dài;
- Quy định các phương tiện ra vào cơ sở phải chạy đúng vận tốc quy định, không nổ máy trong khuôn viên cơ sở, trừ trường hợp cấp cứu, xe cứu thương;
- Bãi xe bệnh nhân, bãi xe khách được bố trí ngay tại khu vực cổng, hạn chế phương tiện vào sâu bên trong khu vực;
- Nhà xe CBCNV và gara ô tô được bố trí dọc theo hàng rào, hạn chế ảnh hưởng đến khu vực khám, chữa bệnh;

- Các phương tiện giao thông thuộc tài sản của TTYT được sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh theo quy chuẩn quy định;
- Duy trì bảng nội quy ra vào tại cổng cơ sở: Xuống xe, tắt máy, dẫn bộ,....
- Đảm bảo diện tích cây xanh > 20% theo quy định nhằm điều hòa vi khí hậu cũng như tạo cảnh quan chung cho cơ sở.

Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm hơi hoá chất và dung môi bay hơi

Hơi hóa chất, dung môi bay hơi, hơi xả lò hấp dụng cụ y tế phát sinh từ các khu vực phòng khám và điều trị,... được kiểm soát ở mức cho phép bằng cách trang bị hệ thống thông gió hiệu quả, hoạt động liên tục với lưu lượng luôn đảm bảo khả năng trao đổi 20 – 40 lần khí sạch với bên ngoài (quạt trần, quạt cây, máy lạnh, quạt hút).

Riêng các phòng xét nghiệm được bố trí 01 tủ hút khí độc cách ly có bố trí chụp hút và ống thải cao để thu gom phát tán hơi dung môi, hóa chất.

Ngoài ra, để giảm thiểu ô nhiễm mùi hôi tại các khu vực như khoa, phòng khám và điều trị bệnh,..., TTYT áp dụng các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Thiết kế các khoa, phòng chữa bệnh thông thoáng; trang bị hế thống quạt thông gió làm giảm nhanh nồng độ các chất sát trùng;
- Thường xuyên vệ sinh sạch sẽ các phòng khám chữa bệnh và sàn nhà;
- Thường xuyên thu gom rác thải liên tục, không để tồn trữ trong các phòng, đặc biệt là chất thải y tế từ quá trình khám chữa bệnh;
- Trang bị đầy đủ các dụng cụ trang thiết bị y tế như: khẩu trang, bao tay cho các cán bộ y bác sĩ, nhân viên làm việc tại khu khám, chữa bệnh để ngăn ngừa ảnh hưởng đến sức khoẻ người lao động;
- Bố trí khu vực lưu trú nội trú thông thoáng tốt và trang bị hệ thống điều hòa, hệ thống thông gió quạt trần, quạt cây nhằm hoạt động trao đổi không khí sạch với bên ngoài;
- Thường xuyên vệ sinh sạch sẽ các khoa, phòng để tránh tích tụ khí độc cũng như vi sinh vật gây bệnh trong môi trường;
- Chống nhiễm khuẩn:

+Vấn đề lây lan, nhiễm khuẩn thông qua môi trường không khí là rất cao, do đó, công tác phòng chống nhiễm khuẩn trong cơ sở là hết sức cần thiết;

+Công tác chống nhiễm khuẩn là việc thực hiện đúng quy định kỹ thuật về vô khuẩn, khử khuẩn, bao gồm các dụng cụ y tế, vệ sinh ngoại cảnh, vệ sinh khoa, phòng, vệ sinh cá nhân, vệ sinh an toàn thực phẩm,…. Các điều kiện thực hiện công tác chống nhiễm khuẩn bao gồm: nước sạch, dụng cụ, phương tiện, hóa chất khử khuẩn,…. Cụ thể các công tác như sau:

(a) Kỹ thuật vô khuẩn:

- Dụng cụ y tế nhiễm khuẩn sau khi dùng xong phải được ngâm vào dung dịch tẩy uế trước khi loại bỏ hoặc dùng lại;
- Khử trùng, tiệt khuẩn dụng cụ, vật dụng bằng sức nóng hoặc hóa chất phải đảm bảo đúng quy định, đủ thời gian, đúng nồng độ hoặc đúng nhiệt độ.

(b) Trật tự vệ sinh khoa và buồng bệnh:

- Các thiết bị, dụng cụ y tế trong buồng được bố trí, sắp xếp thuận tiện cho việc phục vụ người bệnh và vệ sinh tẩy uế;
- Tường các phòng phẫu thuật, phòng hậu phẫu, phòng chăm sóc đặc biệt, phòng sản, phòng xét nghiệm,… phải được xây kín;
- Người bệnh sẽ được mặc quần áo bệnh viện theo quy chế trang phục y tế và vệ sinh cá nhân;
- Khi người bệnh chuyển khoa, chuyển viện hoặc ra viện, đặc biệt đối với người bệnh mắc bệnh truyền nhiễm sẽ thực hiện ngay vệ sinh tẩy uế phòng bệnh, đồ dùng cá nhân;
- Khu người bệnh tử vong, thi thể của bệnh nhân sẽ được vận chuyển và bảo quản theo quy chế giải quyết người bệnh tử vong và luật bảo vệ sức khỏe, phòng bệnh và đồ dùng cá nhân sẽ được tẩy uế và khử trùng ngay;
- Trường hợp người nhà được phép ở lại để phối hợp cùng chăm sóc phục vụ người bệnh sẽ thực hiện nội quy, giữ gìn vệ sinh chung cho bệnh viện.

(c) Trách nhiệm của các cấp quản lý bệnh viện:

Giám đốc bệnh viện có trách nhiệm:

- Chỉ định các phòng khoa thực hiện công tác chống nhiễm khuẩn;
- Bảo đảm trang bị các phương tiện khi làm việc cho cán bộ y bác sĩ và nhân viên làm việc;
- Có kế hoạch tổ chức kiểm tra công tác chống nhiễm khuẩn bệnh viện.

Trưởng khoa, trưởng phòng có trách nhiệm:

- Đôn đốc các thành viên trong khoa, phòng thực hiện quy chế chống nhiễm khuẩn khu vực;
- Thường xuyên kiểm tra công tác giám sát vệ sinh vô khuẩn tại các khoa, phỏng trong phạm vi phụ trách;
- Kết hợp giữa các khoa chống nhiễm khuẩn, khoa vi sinh định kỳ hoặc đột xuất lấy mẫu kiểm tra vi khuẩn về môi trường, phòng phẫu thuật, bàn tay phẫu thuật viên, nhân viên y tế làm thủ thuật và các dụng cụ triệt khuẩn;
- Thực hiện kết hợp giữa các khoa chống nhiễm khuẩn, khoa vi sinh, kho dinh dưỡng định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định kỹ thuật bệnh viện về dinh dưỡng;
- Báo cáo theo quy định về kết quả thực hiện chống nhiễm khuẩn cơ sở.

(d) Khống chế ô nhiễm khu dân cư xung quanh:

Do xung quanh cơ sở hiện có nhiều dân cư sinh sống nên việc phòng chống sự cố lây nhiễm là điều cần thiết. TTYT luôn áp dụng các biện pháp sau đây:

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm về nước thải, khí thải là đã góp phần vào việc làm giảm tác động đến khu dân cư sinh sống xung quanh;
- Xây dựng hàng rào cao xung quanh cơ sở, làm giảm tác động các loại rác thải phát sinh;
- Thường xuyên tổ chức phun thuốc diệt muỗi và côn trùng trung gian truyền bệnh cho cơ sở và các hộ dân cư xung quanh, đồng thời duy trì tốt chế độ kiểm tra vệ sinh môi trường định kỳ xung quanh.

Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do hoạt động nấu ăn

TTYT đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do hoạt động nấu ăn như sau:

- Sử dụng nhiên liệu sạch là khí gas để đun nấu;
- Bố trí quạt cưỡng bức tại các vị trí thích hợp tại căn tin;
- Trang bị hệ thống hút gió cưỡng bức từ bên trong ra bên ngoài và cấp gió tươi trực tiếp bằng các quạt trục gắn tường.

Giảm thiểu ô nhiễm khí thải, mùi hôi từ Trạm XLNT tập trung và khu chứa rác thải

Trong quá trình hoạt động, khí thải và mùi hôi phát sinh chủ yếu từ khu lưu chứa rác thải và Trạm XLNT tập trung của cơ sở. TTYT đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác nhân gây ô nhiễm cụ thể như sau:

- Đối với Trạm XLNT tập trung:

+Bố trí khu vực xử lý nước thải cách xa khu làm việc và lưu trú bệnh nhân về cuối hướng gió. Điều này nhằm làm giảm sự phát tán mùi, khí thải khi vận hành hệ thống;

+Áp dụng công nghệ xử lý sinh học AAO trong quá trình xử lý nước thải. Với công nghệ này thì không có mùi hôi khi ở gần trạm và không cần khoảng cách ly cây xanh xung quanh trạm;

+Trang bị các nắp đậy cho từng hạng mục của Trạm XLNT tập trung được thiết kế kín, giảm thiểu mùi hôi phát tán ra môi trường;

+Thường xuyên kiểm tra vệ sinh song chắn rác hàng ngày; định kỳ nạo vét, thu gom bùn lắng đọng, khơi thông cống rãnh để tránh tình trạng nghẹt cống gây phát mùi hôi;

+Đảm bảo diện tích cây xanh, thảm cỏ trong khuôn viên và quanh khu vực Trạm; đảm bảo khoảng cách với khu vực hành chính, khu vực khám chữa bệnh nhằm giảm thiểu sự phát tán bụi, mùi và các chất ô nhiễm vào môi trường không khí.

- Đối với khu tập kết rác thải:

+Quy hoạch khu chứa chất thải tập trung hợp lý (xa khu căn tin, khu vực khám, chữa bệnh);

+Rác thải sinh hoạt được thu gom hằng ngày nhằm tránh sự phân hủy và phát sinh mùi hôi bên trong và khu vực xung quanh cơ sở;

+Thu gom chất thải thường xuyên tại các vị trí phát sinh, khu lưu trữ chất thải rắn để tránh tích tụ, phát tán mùi hôi, vi khuẩn gây bệnh;

+Chất thải tại mỗi khu vực phát sinh sau khi thu gom, được bảo quản cẩn thận trong các thùng chứa có nắp đậy kín;

+Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho cán bộ vận hành như: khẩu trang, quần áo, găng tay, nhằm hạn chế mùi hôi đến sức khoẻ người lao động;

+Tại các khu chứa rác của cơ sở thường xuyên được vệ sinh, quét dọn mỗi ngày, không để vương vãi chất thải ra ngoài;

+Hợp đồng và bàn giao toàn bộ chất thải phát sinh cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định;

+Sử dụng chế phẩm sinh học, vệ sinh thường xuyên để khử mùi hôi trong khu vực chứa.

- ***Đối với máy phát điện dự phòng***

Máy phát điện chỉ sử dụng dự phòng khi có trường hợp lưới điện gặp sự cố; vì thế, đây là nguồn thải mang tính tức thời, không liên tục. Do đó, để giảm thiểu nguồn khí thải ô nhiễm, TTYT đã, đang và sẽ tiếp tục áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động của khí thải máy phát điện dự phòng như sau:

- Ưu tiên sử dụng điện vì lý do kinh tế và môi trường; chỉ sử dụng máy phát điện dự phòng khi bị cúp điện hoặc xảy ra sự cố liên quan đến lưới điện;
- Đầu tư và lắp đặt máy phát điện dự phòng có trang bị các phụ kiện đi kèm nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường như: vỏ cách âm làm đơn giản công tác lắp đặt, đảm bảo độ ồn không quá 70dBA, thiết kế gắn liền với chân đế đệm cao su chống rung, bảo vệ máy; ống khói thoát khí có đường kính khoảng Φ150mm, cao khoảng 4m so với mặt đất nhằm tránh ảnh hưởng của khói bụi đến khu vực xung quanh. Do đó, khả năng khí thải từ máy phát điện gây ảnh hưởng đến môi trường và dân cư xung quanh khu vực không đáng kể;

- Sử dụng nhiên liệu vận hành là dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh thấp (0,05S);
- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì định kỳ và tra dầu mỡ để hạn chế tiếng ồn phát sinh;
- Lắp đặt máy phát điện trong nhà riêng có không gian rộng, thông thoáng; tại khu vực ít người qua lại, cách xa khu vực khám, chữa bệnh; có gắn biển cảnh báo khu vực nguy hiểm/hạn chế tiếp xúc, đảm bảo tốt các điều kiện phòng chống cháy nổ.



Hình 3.6. Nhà chứa máy phát điện

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Đối với chất thải sinh hoạt

- *Nguồn phát sinh:* Theo thống kê tại Báo cáo Công tác bảo vệ Môi trường năm 2024, lượng chất thải rắn phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt thường ngày của cán bộ y bác sĩ, công nhân viên, bệnh nhân và thân nhân người bệnh, bao gồm: Rau củ quả, thực phẩm dư thừa, bao bì, vỏ hộp thực phẩm, giấy vụn,… với khối lượng phát sinh khoảng 150kg/ngày.
- *Tác động:* Rác thải sinh hoạt có hàm lượng hữu cơ cao, dễ phân hủy nếu không được thu gom xử lý tốt, kịp thời sẽ gây tác động xấu cho môi trường không khí, nước và đất. Vì các chất hữu cơ sẽ bị phân hủy trong điều kiện tự nhiên tạo ra các hợp chất có mùi hôi như: H_2S, Mercaptan,… gây ảnh hưởng đến toàn khu vực. Các loại chất thải phát sinh là môi trường thuận lợi cho vi trùng phát triển và lây lan các mầm bệnh do côn trùng (ruồi, chuột, kiến, gián,…); ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và sinh hoạt của con người và mỹ quan khu vực.
- *Biện pháp giảm thiểu:* Phân loại tại nguồn, thu gom vào các thùng chứa rác có nắp đậy chuyên dụng, có dung tích 24L, 70L, 120L và 24L được bố trí tại các khu vực văn phòng, khoa khám, nhà bảo vệ,... Các thùng chứa này được lót bên

trong bằng túi nylon để tiện thu gom. Vào cuối ngày, chất thải sẽ được đưa về khu vực chứa có diện tích khoảng 27m^2 xây dựng trên nền bê-tông, có tường gạch, lưới vây xung quanh, mái lợp tôn và tập kết trong các thùng chứa loại 660 lít, có nắp đậy. Phương thức phân loại, lưu trữ, xử lý chất thải được TTYT thực hiện theo đúng quy định tại Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường); Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế như sau:

1. Nhóm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế:

+Giấy thải: Hộp, túi, lọ, ly, cốc bằng giấy; sách, truyện, vở, báo cũ, giấy viết, thùng, bìa carton, lõi giấy vệ sinh, giấy bọc gói, bì thư, biên lai, khay đựng trứng bằng giấy; các loại bao bì giấy khác không chứa chất độc hại;

+Nhựa thải: Các loại ghế nhựa, thau, chậu nhựa; ly, cốc nhựa; giày, dép, vali, rèm cửa bằng nhựa và các loại vật dụng bằng nhựa thải khác;

+Kim loại thải: Hàng tiêu dùng, sản phẩm dùng trong gia dụng, nông nghiệp, y tế bằng kim loại (trừ kim tiêm, kim thử máu đã sử dụng); đồ dùng nhà bếp bằng kim loại như: xoong, nồi, niêu, ấm nước, bếp gas, vật dụng nhỏ như bát, đĩa, thìa, dĩa và các loại vật dụng kim loại thải khác;

+Chai, lọ thủy tinh đựng thực phẩm, mỹ phẩm, dược phẩm, sản phẩm dùng trong gia dụng, nông nghiệp; bình hoa, đồ trang trí bằng thủy tinh, pha lê; thủy tinh thải khác và các loại bao bì nhựa thải, kim loại thải, thủy tinh thải (không bao gồm chai, lọ, bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, axit, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại);

+Cao su: Đồ chơi bằng cao su; săm, lốp, vật dụng bằng cao su các loại.

2. Nhóm chất thải thực phẩm: Thức ăn thừa, hư; vỏ trái cây, rau củ; bã trà, giấy ăn, hoa lá, xác động vật và các loại khác có tính chất, thành phần tương tự.

3. Nhóm chất thải sinh hoạt còn lại khác.

Rác thải sau khi thu gom, phân loại và lưu giữ hợp vệ sinh được chuyển giao cho Hợp tác xã Tiểu thủ Công nghiệp Tấn Thành đến thu gom hàng ngày vào giờ quy định và chuyên chở đến nơi xử lý *(Hợp đồng đính kèm tại phụ lục)*. Tần suất thu gom: 3 lần/tuần.

Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường

- *Nguồn phát sinh:* Chất thải rắn thông thường phát sinh tại cơ sở bao gồm: chai nhựa, lọ thuỷ tinh, giấy văn phòng, bao bì, thùng chứa carton thải bỏ,…

(không nhiễm các thành phần nguy hại, không thải ra từ các phòng điều trị cách ly), với khối lượng phát sinh khoảng:

Bảng 3.7. Thống kê khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh thực tế (kg)		Khối lượng đề xuất cấp phép
				Năm 2024	*06 tháng đầu năm 2025*	
1	Bao bì, thùng chứa carton thải bỏ,… (không nhiễm các thành phần nguy hại, không thải ra từ các phòng điều trị cách ly)	18 01 05	Rắn	3.542	2.054	4.000
2	Chất thải rắn thông thường như: chai nhựa, lọ thủy tinh (không nhiễm các thành phần nguy hại, không thải ra từ các phòng điều trị cách ly)	18 01 06 18 01 09	Rắn	3.958	1.215	4.000
Tổng				**7.500**	**3.269**	**8.000**

(Nguồn: Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc)

- *Biện pháp giảm thiểu:* Căn cứ theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022 và số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường); Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế, chủ cơ sở đã bố trí nhân viên thu gom chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại từng khu vực, phân loại tại nguồn và lưu giữ tập trung tại khu vực chứa có diện tích khoảng 10m^2. Khu chứa này được xây dựng trên nền bê-tông, tường gạch và lưới vây xung quanh, mái lợp tôn; Định kỳ 3 tháng/lần, TTYT sẽ giao cho Hộ kinh doanh Phế liệu Ngọc Khánh và Công ty TNHH Cù Lao Xanh thu mua phế liệu để tái chế *(Hợp đồng đính kèm tại Phụ lục).*

Để đảm bảo công suất hoạt động của khu chứa đạt hiệu quả, chủ cơ sở sẽ yêu cầu tăng tần suất thu gom chất thải của các đơn vị thu gom khi lượng thải phát sinh lớn.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại và chất thải y tế lây nhiễm

Bảng 3.8. Chất thải nguy hại và chất thải y tế lây nhiễm phát sinh tại cơ sở

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu	Trạng thái	Khối lượng phát sinh thực tế *(kg/năm)*		Khối lượng đề xuất cấp phép
					Năm 2024	*06 tháng đầu năm 2025*	
I	***Chất thải nguy hại***				***5.960***	***57***	***2.300***
1	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	KS	Bùn	5.960(*)	-	2.000
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	NH	Rắn	-	57	80
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng CTNH) thải bỏ	16 01 13	NH	Rắn	-	-	5
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	KS	Rắn	-	-	40
5	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	KS	Rắn	-	-	30
6	Nước rửa phim X-Quang thải	19 01 01	NH	Lỏng	-	-	100
7	Pin, ắc quy chì thải	19 06 05	NH	Rắn	-	-	50
II	***Chất thải y tế lây nhiễm***				***12.332***	***5.589***	***16.750***
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	NH	Rắn/Lỏng	12.332	5.589	16.700
2	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thuỷ ngân (nhiệt kế, huyết áp kế,...)	13 03 02	NH	Rắn	-	-	50
	Tổng (I + II)				**18.292**	**5.646**	**19.055**

(Nguồn: Chứng từ CTNH – Trung tâm Y tế Xuân Lộc, năm 2024 và 06 tháng đầu năm 2025)

Ghi chú: (-): Năm 2024, TTYT chưa thực hiện thu gom các chất thải này do khối lượng phát sinh ít.

- Từ tháng 7/2022, lò đốt chất thải y tế, công suất 200kg/ngày đã ngưng hoạt động và được thanh lý theo chủ trương của UBND tỉnh Đồng Nai tại Quyết định số 1743/QĐ-UBND ngày 06/7/2022 (đính kèm tại Phụ lục), do đó không còn phát sinh xỉ, tro đáy từ lò đốt này.

- (*): Năm 2019, TTYT có sự thay đổi nhân viên phụ trách môi trường, do hạn chế trong việc nắm bắt các quy định về việc thu gom, xử lý triệt để các chất thải phát sinh tại cơ sở, cũng như khó khăn trong việc tìm kiếm đơn vị có đủ chức năng thu gom và xử lý bùn thải sau HTXL nước thải, công suất 200 m^3/ngày.đêm phát sinh tại cơ sở nên chưa thực hiện thu hút và xử lý bùn thải theo đúng quy định. Khối lượng bùn thải phát sinh từ năm 2019 đến nay khoảng 11.960 kg. Tháng 5/2024, TTYT đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Xanh Pedaco đến TTYT thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý lượng bùn thải phát sinh theo đúng quy định (chứng từ CTNH đính kèm tại phụ lục), tuy nhiên chưa thể thực hiện thu gom và xử lý triệt để do tình hình kinh tế của cơ sở đang gặp khó khăn nên không đủ kinh phí thực hiện. Dự kiến, cuối năm 2025, chủ cơ sở sẽ tiếp tục thực hiện bàn giao cho đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý hoàn toàn lượng bùn thải tồn đọng; đồng thời cam kết định kỳ (01 năm/lần) thu gom và xử lý bùn thải phát sinh theo đúng quy định.

- Trước đây, thùng chứa hóa chất (Cloramin B) được công ty cung cấp hóa chất cho mượn và thu hồi vào đơn hàng sau, nên không phát sinh chất thải này tại cơ sở. Tuy nhiên, từ năm 2025 trở đi, TTYT sẽ trực tiếp thu gom và bàn giao cho đơn vị có chức năng xử lý các thùng chứa này.

- Trong quá trình khám chữa bệnh tại TTYT, khi có chỉ định bắt buộc chụp X-Quang từ bác sĩ chuyên môn, cơ sở sẽ thực hiện bằng biện pháp hiện đại chụp kỹ thuật số; hình ảnh sau khi chụp được hiển thị trên máy vi tính, in khô bằng nhiệt hoặc lưu trữ trên đĩa dữ liệu, không sử dụng nước và hóa chất để rửa phim nên không phát sinh dung dịch thải. Tuy nhiên, các hệ thống máy chụp X-Quang hiện đang sử dụng tại cơ sở, có cơ chế hoạt động bằng 02 công nghệ chụp X-Quang cổ điển và chụp X-Quang kỹ thuật số; do đó, khi cần thiết phải sử dụng công nghệ chụp X-Quang cổ điển, làm phát sinh dung dịch thải từ quá trình tráng rửa phim (khả năng phát sinh lượng thải rất ít, không thường xuyên), TTYT cam kết sẽ áp dụng biện pháp thu gom, lưu trữ tạm thời và bàn giao xử lý dưới dạng chất thải nguy hại.



Hình 3.7. Màu sắc các bao bì, thùng chứa và biểu tượng chất thải y tế

- *Đối với chất thải nguy hại (không lây nhiễm):* thực hiện phân loại tại nguồn, lưu giữ tập trung trong khu vực lưu giữ chất thải nguy hại. Mỗi loại CTNH được chứa trong các thùng nhựa khác nhau, có dán nhãn cảnh báo riêng cho từng loại chất thải.

Riêng đối với bùn thải từ Trạm XLNT tập trung: Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý, lượng bùn dư sinh ra từ quá trình xử lý được bơm hút về bể nén bùn, sau đó hợp đồng định kỳ với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- *Đối với chất thải y tế lây nhiễm:* TTYT đã thực hiện các biện pháp quản lý như sau:

+Bố trí các thùng đựng chất thải y tế cho từng loại chất thải ở mỗi khoa và các phòng điều trị. Chất thải y tế được bỏ gọn vào trong thùng chứa có nắp đậy màu vàng, dung tích khoảng 30L, 60L và được lót bao nylon;

+Có bảng hướng dẫn ở các nơi có đặt thùng chứa chất thải;

+Thường xuyên vệ sinh thùng đựng chất thải theo đúng tiêu chuẩn quy định;

+Bố trí điểm tập kết chất thải y tế thuận lợi cho việc thu gom và thường xuyên quét dọn, vệ sinh môi trường xung quanh;

+Luôn trang bị sẵn túi sạch thu gom chất thải tại nơi phát sinh để thay thế cho túi cùng loại đã được thu gom chuyển về nơi lưu giữ tạm thời chất thải của cơ sở y tế;

+Thu gom chất thải vào các thùng thu gom theo mã màu quy định;

+Không để lẫn chất thải y tế với chất thải thông thường;

+Luôn duy trì lượng chất thải chứa trong mỗi túi chỉ đầy ¾ túi, sau đó buộc cổ túi lại.

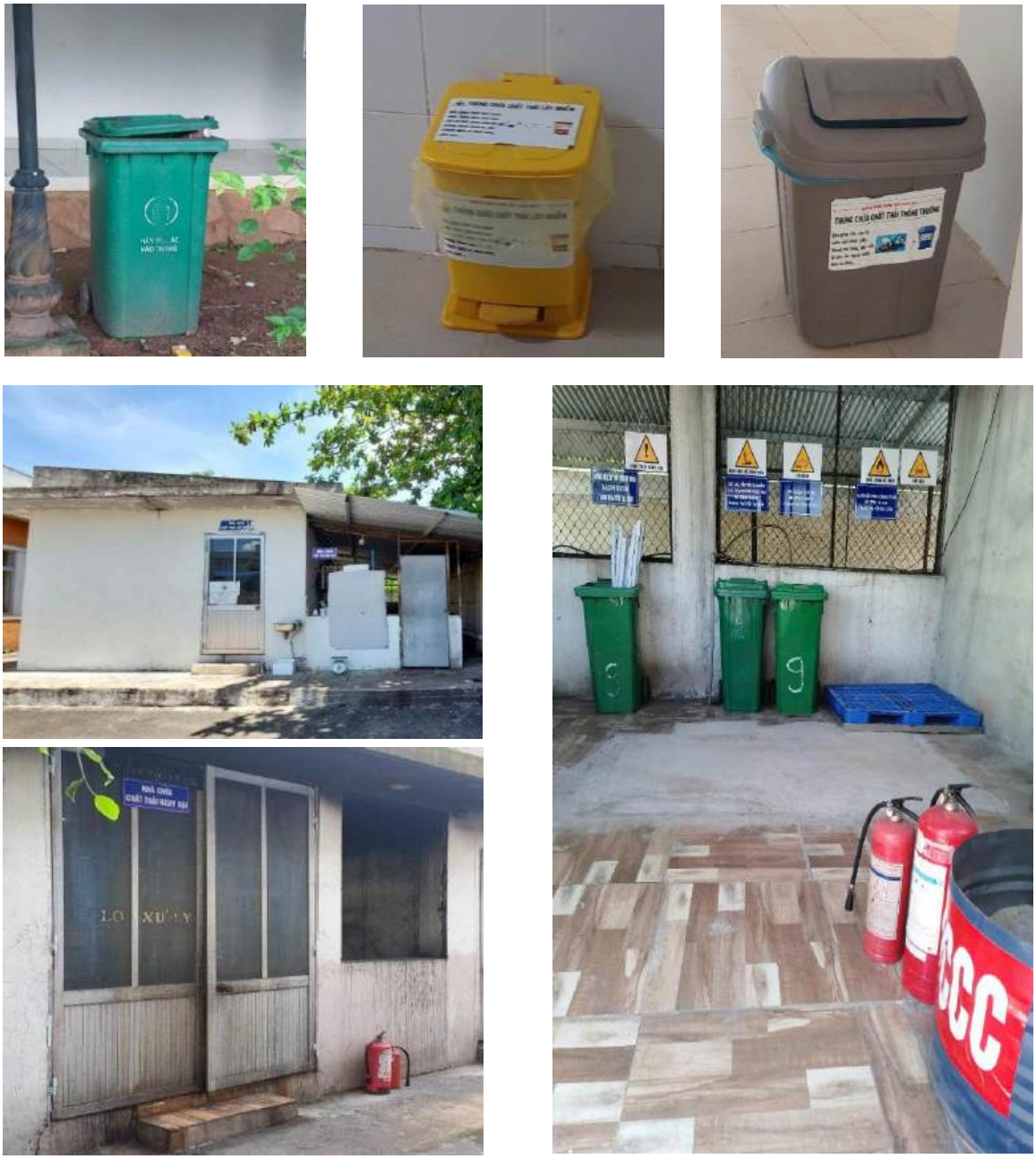
Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại (lây nhiễm và không lây nhiễm) được bố trí ở khu vực riêng biệt trong khuôn viên cơ sở, có ngăn cách khu lưu chứa tương ứng với từng loại trong phạm vi tổng diện tích 38m^2 (khu chất thải nguy hại 23m^2 và khu chứa chất thải y tế lây nhiễm 15m^2), được thiết kế trên nền bê-tông, có mái lợp tôn, tường gạch và hàng rào bao quanh, có gờ chống tràn đổ, gắn biển cảnh báo chất thải nguy hại, cửa khóa an toàn và được trang bị thiết bị PCCC tại chỗ như: cát, xẻng, bình chữa cháy. Tại khu vực có bố trí các thùng chứa chuyên dụng với thể tích khoảng 240L và thực hiện dán nhãn, mã chất thải tương ứng để lưu giữ, phân loại chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và số 07/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường); Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế ban hành.

Chủ cơ sở đã hợp đồng với Công ty TNHH Cù Lao Xanh *(Mã QLCTNH: 3-4-5-6.115.VX);* Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi *(Mã QLCTNH: 5.100.VX)* và Công ty Cổ phần Môi trường Xanh Pedaco *(Mã QLCTNH: 3-4-5-6.130.VX)* để thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở.

Tần suất thu gom xử lý: Định kỳ khoảng 02 lần/năm đối với chất thải nguy hại không lây nhiễm và 01 tuần/lần đối với chất thải nguy hại lây nhiễm.

Chất thải rắn y tế thông thường phải kiểm soát tại cơ sở chưa được phân định sẽ được thực hiện quản lý như CTNH: lưu giữ trong các thùng chứa khác nhau, có dán nhãn cảnh báo CTNH, lưu giữ tạm thời trong kho chứa CTNH và giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

TTYT sẽ tăng cường việc quản lý chất thải nguy hại, tăng tần suất thu gom và chuyển giao cho các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý nhằm đảm bảo công suất hoạt động của khu chứa chất thải nguy hại và chất thải y tế lây nhiễm khi có khối lượng phát sinh lớn theo đúng quy định.



Hình 3.8. Hình ảnh về khu vực chứa chất thải tại cơ sở

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Do đặc thù hoạt động của trung tâm y tế, tiếng ồn chủ yếu phát sinh từ việc tập trung đông người tại khu vực đăng ký khám chữa bệnh, khu vực phòng cấp cứu và từ hoạt động của các phương tiện ra vào khuôn viên cơ sở. Tuy nhiên, nguồn ồn này không thể tránh khỏi, không tập trung và không đáng kể. Vì vậy, TTYT khu vực Xuân Lộc đã bố trí nhân viên hướng dẫn trình tự thăm khám phối hợp với bộ phận bảo vệ để điều phối xe ra vào hợp lý.

- Tiếng ồn từ khu vực phòng giặt, hoạt động của nhà ăn: Bố trí tại khu vực riêng, cách xa khu khám, điều trị bệnh;

- Tiếng ồn từ máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải.

- Ngoài ra, tại cơ sở có bố trí 01 máy phát điện dự phòng công suất 300KVA (hoạt động trong trường hợp mất điện lưới), có thể làm phát sinh tiếng ồn, độ rung, nhưng nguồn ô nhiễm này chỉ mang tính tức thời, không liên tục. Nhằm giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng, TTYT đã bố trí máy trong khu vực chứa riêng, cách xa khu khám, điều trị bệnh, máy được lắp đặt trên bệ cao su làm giảm rung.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.6.1. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải

- Bố trí nhân viên được đào tạo, tập huấn về chuyên môn để quản lý và vận hành hệ thống xử lý nước thải; Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ (quần áo bảo hộ, nón bảo hộ, khẩu trang, găng tay,…) nhằm hạn chế ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động; chi trả phụ cấp độc hại cho nhân viên theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;

- Vận hành và bảo dưỡng các máy móc, thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp;

- Lập sổ theo dõi lưu lượng, tính chất nước thải và sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất;

- Bùn thải được nạo vét và xử lý theo đúng chu kỳ;

- Để hạn chế và kiểm soát mùi hôi phát sinh trong quá trình vận hành Trạm XLNT, khử mùi,… dễ sử dụng mà không gây ảnh hưởng đến công nghệ xử lý nước hiện hữu;

- Vận hành hệ thống thông gió trong phòng điều hành để không khí lưu thông được dễ dàng;

- Đối với rác từ song chắn rác sẽ được thu gom hàng ngày, không lưu giữ lâu để các vi khuẩn gây mùi không có cơ hội phát triển, đồng thời vệ sinh song chắn rác sau mỗi ngày hoạt động;

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì hệ thống phân phối khí và sục khí để duy trì điều kiện hiếu khí, giảm thiểu việc phát sinh các khí gây mùi;

- Thường xuyên kiểm tra chế độ bơm nước thải tại các bể để đảm bảo thời gian lưu nước tại các bể, tránh xảy ra tình trạng phân hủy kỵ khí tại đây;

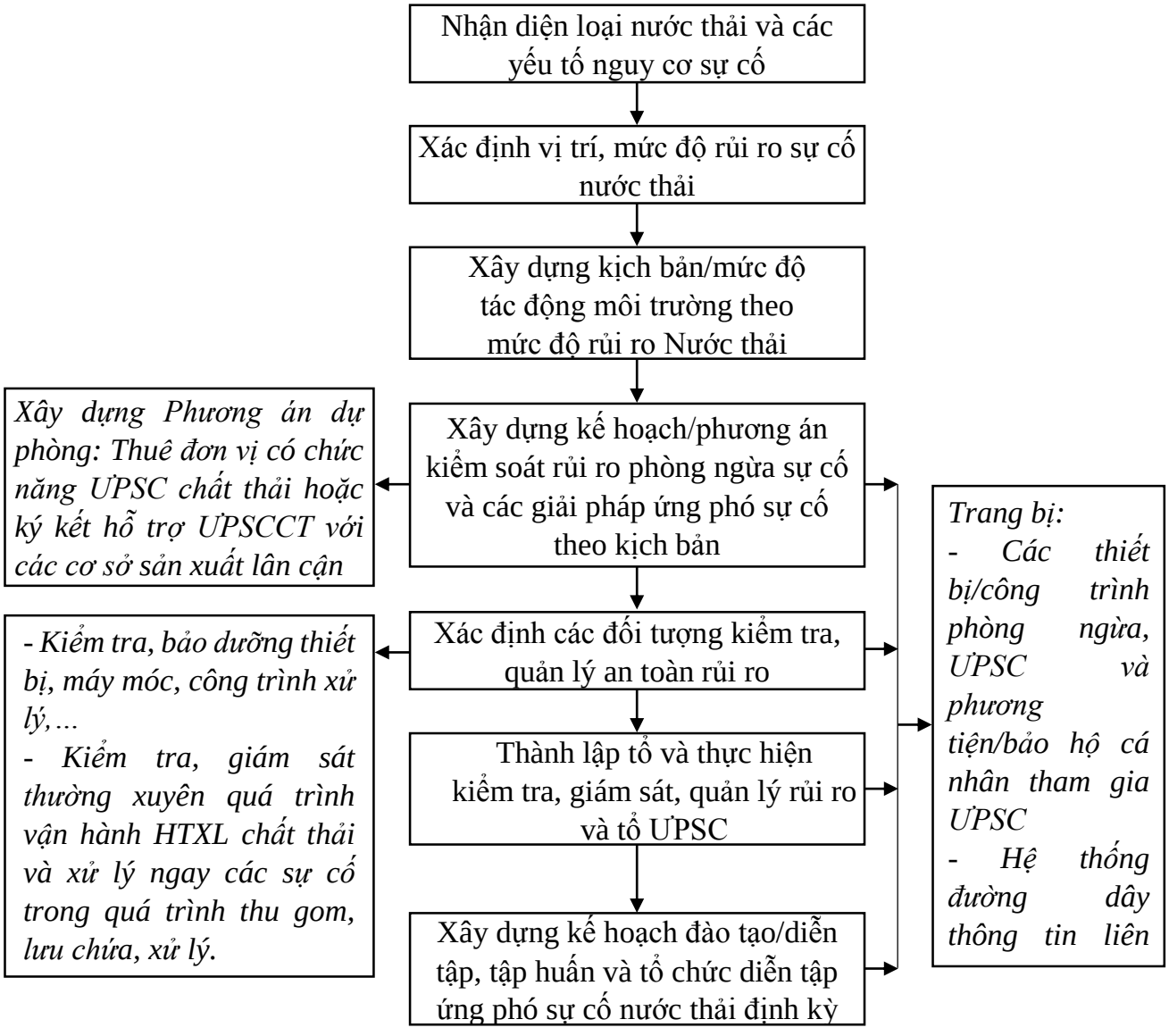
- Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, hỏng hóc, ngưng hoạt động, nước thải sẽ được thu gom và chứa trong ngăn điều hòa, nhanh chóng khắc phục sự cố trong 24 giờ. Sau khi khắc phục sự cố, nước thải sẽ được bơm tiếp tục sang các công trình xử lý tiếp theo.

- Định kỳ lấy mẫu nước thải đầu ra của Trạm để đánh giá hiệu quả xử lý và kịp thời đưa ra phương án khắc phục sửa chữa.

- Bố trí cây xanh xung quanh công trình xử lý nước thải, tạo cảnh quan cũng như tăng khả năng hấp thu mùi hôi từ trạm XLNT.

Quy trình bảo dưỡng Trạm XLNT được thực hiện định kỳ như sau:

- Thực hiện kiểm tra hệ thống đường ống thu gom, thoát nước thải nhằm đảm bảo không rò rỉ, vỡ đường ống;
- Thường xuyên kiểm tra lưu lượng nước thải đầu vào để không vượt công suất xử lý;
- Kiểm tra tình trạng hoạt động của các thiết bị, hệ thống điện động lực, kiểm tra tình trạng bùn để đánh giá hiệu quả xử lý của công đoạn vi sinh;
- Bảo trì, bảo dưỡng, thay mới kịp thời các thiết bị hư hỏng, đảm bảo hoạt động thường xuyên, liên tục và hiệu quả.



Hình 3.9. Quy trình phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải

3.6.2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với bụi, khí thải

- Định kỳ kiểm tra các hệ thống điều hòa không khí, hệ thống thông gió, hệ thống chụp hút mùi – ống thoát hơi, khí thải nhằm đảm bảo môi trường làm việc thông thoáng;

- Kiểm soát chặt chẽ các công đoạn, thao tác khi sử dụng dung môi, hóa chất để giảm thiểu khả năng thất thoát hơi, khí gây phát tán vào môi trường xung quanh.

3.6.3. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với chất thải nguy hại và chất thải y tế lây nhiễm

Sự cố môi trường do chất thải nguy hại và chất thải y tế lây nhiễm gây ra có thể kể đến là sự cố rò rỉ, rơi vãi, tràn đổ, hỏng thiết bị thu gom, lưu giữ chất thải, nước thải y tế, khí thải (từ phòng xét nghiệm) làm phát tán chất thải lây nhiễm ra môi trường trong quá trình quản lý chất thải, gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người và phát sinh dịch bệnh trong cộng đồng.

Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố do chất thải y tế và chất thải nguy hại gây ra được TTYT khu vực Xuân Lộc triển khai thực hiện như sau:

- Thành lập bộ phận chuyên trách việc thu gom, phân loại, lưu giữ chất thải phát sinh theo đúng quy định;
- Bố trí thùng đựng chất thải lây nhiễm cho từng loại chất thải ở mỗi khoa, phòng điều trị; Có bảng hướng dẫn phân loại và thu gom chất thải ở các nơi có đặt thùng chứa chất thải;
- Bố trí điểm tập kết chất thải lây nhiễm thuận lợi cho việc thu gom và thường xuyên quét dọn, vệ sinh môi trường xung quanh;
- Trong quá trình sử dụng, lưu giữ, vận chuyển chất thải nguy hại hạn chế những va đập gây rò rỉ, tràn đổ;
- Trang bị các thiết bị giúp ứng phó trường hợp khẩn cấp do CTNH gây ra tại các khu vực thích hợp;
- Thường xuyên kiểm tra tình trạng của khu vực lưu giữ và các thiết bị lưu chứa; đảm bảo thời gian lưu giữ chất thải y tế nguy hại và chất thải lây nhiễm theo đúng quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về Quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường; Thông tư số 02/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và số 07/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.
- Lập hồ sơ quản lý chất thải y tế; lập Báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế định kỳ hằng năm gửi về Sở Y tế để kiểm tra và giám sát theo đúng quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về Quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế;
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải y tế và chất thải nguy hại để đảm bảo việc thực hiện vận chuyển theo quy định, không làm thất

thoát chất thải ra bên ngoài và phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

3.6.4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác

Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

Đặc trưng hoạt động của trung tâm y tế là phải sử dụng và lưu giữ nhiều loại chất khí, dung môi, hóa chất và nhiên liệu (bình chứa oxy chuyên dụng). Các loại chất khí, dung môi, hóa chất và nhiên liệu này rất dễ bắt lửa và gây cháy nổ. Ngoài ra, một khối lượng lớn chăn, màn, nệm, bông băng và bao bì các loại cũng là những vật liệu rất dễ bắt lửa, gây cháy. Một số nguyên nhân phổ biến gây cháy nổ có thể kể đến là:

- Không tuân thủ quy định an toàn phòng cháy chữa cháy tại khu vực lưu giữ các loại dung môi, hóa chất, nhiên liệu, vật liệu dễ cháy;
- Các thiết bị điện bị quá tải trong quá trình vận hành gây chập điện, làm phát sinh tia lửa điện;
- TTYT đã được Phòng Cảnh sát PCCC (nay là Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH) thuộc Công an tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy tại cơ sở, số 475/TD-PCCC (PC23) ngày 27/10/2009 và Sở Cảnh sát PCCC Đồng Nai nghiệm thu hệ thống PCCC tại Văn bản số 112/SPCCC-PC ngày 17/4/2013.

❖ Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ:

Khi sự cố cháy nổ xảy ra có thể gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản, vì vậy, TTYT đã và đang thực hiện các biện pháp phòng chống cháy nổ như sau:

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống điện để tránh hiện tượng chập điện;
- Hệ thống đường đảm bảo cho xe cứu hoả ra vào thuận tiện, bảo đảm tia nước phun từ vòi rồng của xe cứu hoả có thể phun đến bất kỳ vị trị nào của cơ sở phát sinh ra lửa;
- Thường xuyên kiểm tra hệ thống điện để tránh hiện tượng chập điện, tĩnh điện trong các thiết bị;
- Trang bị đầy đủ các thiết bị PCCC như: hệ thống báo cháy tự động, bình chữa cháy cầm tay, bể chứa nước PCCC, trạm bơm nước,…, để nơi dễ nhìn thấy và dễ lấy;
- Tổ chức huấn luyện, tuyên truyền giáo dục về PCCC.

❖ Biện pháp ứng cứu khi xảy ra sự cố cháy nổ:

- Phát lệnh khẩn cấp thông báo sự cố cháy;
- Ngắt toàn bộ hệ thống cấp điện tại khu vực cháy;

- Sơ tán nhân viên, bệnh nhân theo đường thoát hiểm đến khu vực an toàn;
- Kịp thời phát hiện khu vực xảy ra sự cố cháy;
- Sử dụng các thiết bị chữa cháy tại chỗ để dập tắt đám cháy nếu quy mô cháy nhỏ, có thể kiểm soát;
- Cấp báo kịp thời cho đơn vị phòng cháy chữa cháy của địa phương để nhanh chóng khắc phục sự cố và ngăn ngừa cháy lan ra khu vực xung quanh.

Phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

Hoạt động khám, chữa bệnh tại TTYT khu vực Xuân Lộc sử dụng nhiều loại hóa chất như: hóa chất làm sạch, hóa chất tiệt trùng, hóa chất bảo quản mẫu,… khi bị rò rỉ hoặc đổ ra ngoài sẽ gây nhiễm độc hóa chất cho cán bộ, nhân viên, bệnh nhân tại cơ sở. Một số nguyên nhân phổ biến gây ra sự cố rò rỉ, đổ hóa chất có thể kể đến là:

- Dụng cụ chứa hóa chất bị rò rỉ do có khiếm khuyết tại nắp đậy hoặc đậy không chặt;
- Thao tác vận hành không đúng quy định;
- Không cẩn trọng trong việc dịch chuyển hoặc lưu giữ hóa chất.

❖ Biện pháp phòng ngừa sự cố hóa chất:

Các biện pháp phòng ngừa sự cố được thực hiện như sau:

- Cán bộ, nhân viên tại cơ sở phải biết rõ tính chất hóa lý của hóa chất, biện pháp đề phòng và cách giải quyết các sự cố cháy, nổ, tỏa hơi khí độc;
- Trên các thùng chứa hóa chất đều có dán dấu hiệu cảnh báo nguy hại và các biện pháp khắc phục khi có sự cố xảy ra;
- Có bản hướng dẫn cụ thể tính chất của các hoá chất và các quy định cần phải tuân thủ khi sắp xếp, sử dụng,…
- Hóa chất phải được lưu giữ trong thùng kín; sắp xếp có trật tự, riêng biệt; bao bì phải đảm bảo chắc chắn, quản lý chặt chẽ và an toàn;
- Thường xuyên kiểm tra để phát hiện những mối nguy hiểm có thể dẫn đến rủi ro;
- Thường xuyên kiểm tra dụng cụ bảo hộ lao động và các thiết bị an toàn.
- Thường xuyên quan tâm đến hướng dẫn về dữ liệu an toàn hóa chất của nhà sản xuất cung cấp (MSDS).

❖ Biện pháp ứng phó khi xảy ra sự cố hóa chất:

Tuỳ theo loại hóa chất và mức độ ô nhiễm mà TTYT sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Sơ tán toàn bộ những người không có trách nhiệm đến nơi an toàn;
- Yêu cầu ngưng tất cả các hoạt động phát sinh ngọn lửa;
- Kiểm soát ngay tại nguồn phát sinh, hạn chế hóa chất tràn đổ lan rộng hơn;
- Khắc phục rò rỉ có sử dụng các phương tiện bảo hộ cá nhân thích hợp.

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

3.7.1. Đối với sự cố quá tải trong quá trình hoạt động thăm khám và điều trị bệnh tại TTYT

Trong những năm gần đây, cùng với sự tăng trưởng kinh tế không ngừng đã đưa đời sống vật chất của nhân dân trên địa bàn xã Xuân Lộc nói riêng và tỉnh Đồng Nai nói chung được cải thiện và nâng cao, từ đó, nhu cầu về chăm sóc sức khỏe cũng ngày một tăng. Đồng thời, các bệnh dịch ngày càng diễn biến phức tạp, đặc biệt gần đây nhất là đại dịch Covid-19 bùng nổ; Bên cạnh đó, các bệnh nhiễm trùng, nhiều bệnh mới phát sinh với số lượng, tần suất ngày càng tăng như: bệnh tim mạch, tăng huyết áp, ung thư, tai nạn,....

Vì vậy, TTYT khu vực Xuân Lộc sẽ phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện theo sự chỉ đạo của Sở Y tế Đồng Nai nhằm phòng ngừa ứng phó kịp thời khi có yêu cầu tăng cường trong tình huống khẩn cấp hoặc dịch bệnh xảy ra tại địa phương.

3.7.2. Các biện pháp an toàn, vệ sinh thực phẩm

- Vệ sinh cá nhân:

+Trang phục: Quần áo, mũ trùm đầu, khẩu trang, găng tay, ủng, tạp dề;

+Không mang đồ trang sức đeo tay như: nhẫn, vòng, đồng hồ;

+Móng tay phải được cắt ngắn, không sơn;

+Rửa tay sạch bằng xà phòng hoặc chất khử trùng trước khi vào khu chế biến;

+Không khạc nhổ, ăn uống, hút thuốc, ho, nói to,... trong khu vực chế biến trực tiếp;

+Không mang, mặc đồ dùng cá nhân vào khu vực chế biến.

- Vệ sinh môi trường khu vực nấu ăn;
- Vệ sinh nguyên liệu và nguồn nước sạch;
- Vệ sinh dụng cụ chế biến (dao, thớt, đũa, thìa đã tiếp xúc với thực phẩm sống không để tiếp xúc với thực phẩm chín cho ăn trực tiếp);
- Vệ sinh dụng cụ ăn uống như: bát, đĩa, thìa, cốc...;
- Kiểm soát cả quá trình chế biến (làm sạch, tránh nhiễm bẩn, tuân thủ chế độ xử lý nhiệt về thời gian và nhiệt độ);
- Khám sức khỏe định kỳ nhằm loại trừ các bệnh lây lan (ghẻ, lở, mụn) và các bệnh truyền nhiễm (lao, tả, thương hàn, lỵ,..);

- Giáo dục kiến thức về vệ sinh thực phẩm cho người xử lý thực phẩm, nhưng quan trọng hơn cả là ý thức của họ thực hành các hiểu biết vào suốt quá trình chọn nguyên liệu thực phẩm và chế biến bảo quản thực phẩm.

3.7.3. Phòng ngừa và kiểm soát các tia bức xạ

- *Nguồn phát sinh:* Tia bức xạ phát sinh từ hoạt động chẩn đoán hình ảnh trong quá trình vận hành máy chiếu, chụp X-Quang, cắt lớp CT (CT-Scanner): Máy chụp X-Quang và các thiết bị điều trị vi sóng, điều trị siêu âm được sử dụng trong chẩn đoán y khoa là các loại thiết bị bức xạ mang tính nguy hiểm, mức độ ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng cũng tương đối cao. Các tia này có thể gây nguy hại đến môi trường xung quanh, sức khỏe con người, gây tổn thương cho các cơ quan của cơ thể nếu như không áp dụng những biện pháp bảo vệ thích hợp trong việc sử dụng các loại thiết bị có phát ra các tia bức xạ. Mức độ ảnh hưởng phụ thuộc vào nhiều yếu tố như thời gian tiếp xúc với cơ thể, loại tia, mức năng lượng của tia phát ra, sự chuyển động của nó….

- *Biện pháp:*

Để đảm bảo an toàn bức xạ đối với sức khoẻ con người, phòng đặt thiết bị X – quang, CT, sẽ tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định do theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT – BKHCN – BYT ngày 09/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Y tế quy định về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế và Thông tư số 19/2012/TT-BKHCN ngày 08/11/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về kiểm soát và bảo đảm an toàn bức xạ trong chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng. Một số biện pháp được áp dụng như sau:

Giải pháp thiết kế: Tuân thủ theo TCVN 6561:1999 – Tiêu chuẩn Quốc gia – An toàn bức xạ ion hoá tại các cơ sở X-Quang y tế.

Nội dung	Giải pháp thiết kế
Kết cấu	- Kết cấu công trình của khoa Chẩn đoán hình ảnh sử dụng khung cột thép, bê tông cốt thép, đảm bảo độ bền vững. Tường gạch và các vật liệu hoàn thiện bao che.
Yêu cầu về hoàn thiện công trình	- Khoa Chẩn đoán hình ảnh được thiết kế và xây dựng hoàn thiện với chất lượng cao về kết cấu công trình, nội ngoại thất, sân vườn theo tiêu chuẩn chung của bệnh viện.
Nền, sàn	- Nền, sàn của khoa Chẩn đoán hình ảnh không có bậc thang, không chênh cốt hoặc ngưỡng cửa, lát gạch ceramic, granit, tấm vinyl hoặc phủ sơn đặc biệt; đảm bảo phẳng, nhẵn, không trơn

	trượt, chịu được hoá chất, chống thấm, chống tĩnh điện và dễ vệ sinh. - Trường hợp khoa Chẩn đoán hình ảnh tại các tầng trên (lầu): sàn được thiết kế đảm bảo an toàn bức xạ cho các tầng phía dưới.
Tường	- Tường của khoa Chẩn đoán hình ảnh được hoàn thiện bằng các giải pháp: trát, ốp vật liệu bền vững, sơn silicat; đảm bảo lớp che phủ bề mặt phẳng, nhẵn, mỹ quan, chống thấm. - Tường bên trong các phòng chiếu, chụp sử dụng vật liệu cản tia xạ (chì lá, vữa barit, cao su chì). - Tường bên trong khu vực hành lang và các phòng có chuyển cáng, xe và giường đẩy được gắn thanh chống va đập ở độ cao từ 0,7 đến 0,9m (tính từ sàn). - Tường bên ngoài khoa Chẩn đoán hình ảnh có màu sắc phù hợp chung với bệnh viện.
Trần	- Trần bên trong phòng và hành lang của khoa Chẩn đoán hình ảnh được thiết kế có bề mặt phẳng, nhẵn (không bám bụi) và chống thấm, cách nhiệt tốt. - Trần bên trong các phòng, hành lang lắp đặt các thiết bị chiếu sáng, phòng cháy, chữa cháy, điều hoà không khí và các thiết bị kỹ thuật (có các giải pháp kết cấu đảm bảo lắp đặt thiết bị). - Trần bên trong các phòng chụp được trát bằng vữa barit hoặc ốp vật liệu cản tia xạ (nếu có tầng trên).
Cửa ra vào: cửa ra vào trong khoa Chẩn đoán hình ảnh gồm các loại	- Cửa thông thường. - Cửa chắn tia bức xạ. Cửa chắn tia bức xạ đảm bảo các yêu cầu: + Cánh cửa bọc vật liệu cản tia (chì lá, cao su chì....) + Có đèn hiệu, biển cảnh báo bức xạ ở ngang tầm mắt ở mặt phía bên ngoài phòng. + Cửa đóng mở nhẹ nhàng, đảm bảo kín không để lọt tia xạ khi chiếu, chụp.
Cửa sổ	- Có khung, cánh cửa bằng gỗ hoặc kim loại (nhôm, thép) kết hợp với kính trong hoặc mờ để chiếu sáng tự nhiên và có chốt đóng an toàn. - Các phòng đặt thiết bị X – Quang, máy chụp cắt lớp không bố trí cửa sổ để đảm bảo an toàn bức xạ, che chắn sóng điện từ
Phòng đặt thiết bị	Phòng đặt thiết bị được thiết kế đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và đảm bảo an toàn (không để tia xạ lọt ra bên ngoài;...).

Quy định đối với thiết bị chụp X-Quang, CT

Tại cơ sở có bố trí 05 phòng chụp X–Quang nên vấn đề phát sinh tia X trong quá trình sử dụng các thiết bị này là không tránh khỏi. Phương pháp chụp X–Quang sử dụng tia bức xạ, là loại tia bức xạ có khả năng đâm xuyên cao, được các mô trong cơ thể hấp thụ và truyền được trong không khí ở một khoảng cách nhất định. Tia bức xạ có khả năng gây ion hóa các nguyên tử và phân cắt các phân tử, do đó nó có thể gây ra các hậu quả có hại về sinh học.

Việc lắp đặt, sử dụng các thiết bị chụp X-quang của cơ sở sẽ tuân thủ theo đúng Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT – BKHCN – BYT ngày 09/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Y tế quy định về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế. Thiết bị X – Quang, CT chẩn đoán trong y tế phải bảo đảm các yêu cầu sau:

1. Mức bức xạ rò của đầu bóng phát tia X không vượt quá 1m Gy/giờ (đơn vị đo lượng hấp thụ bức xạ ion hóa tuyệt đối) tại khoảng cách 1m từ vỏ đầu bóng phát tia X lấy trung bình trên diện tích không vượt quá 100cm^2 cho mọi chế độ làm việc của thiết bị được nhà sản xuất khuyến cáo.

2. Giá trị lọc cố định của hệ đầu bóng phát X-Quang, CT trong đơn vị milimét nhôm tương đương (mm Al) phải ghi rõ trên vỏ hộp chứa bóng.

3. Có hệ kiểm tra kích thước chùm tia bằng nguồn sáng, trừ thiết bị X-Quang chụp răng sử dụng phim đặt sau huyệt ổ răng và thiết bị X-Quang chụp vú.

4. Các thông số điện áp phát (kV), dòng bóng phát (mA), thời gian phát tia (s) hoặc hằng số phát tia (mAs) phải được hiển thị trên tủ điều khiển khi đặt chế độ làm việc và khi chụp.

5. Đối với thiết bị chụp X-Quang, CT, việc phát tia phải được chấm dứt sau một thời gian đặt trước hoặc sau khi đạt giá trị mAs đặt trước hoặc đạt giá trị liều chiếu xạ đặt trước.

6. Đối với thiết bị X-Quang, CT phải có bộ kiểm soát tự động chế độ phát tia AEC hoặc công tắc điều khiển phát tia dạng bấm và giữ, bảo đảm thiết bị chỉ phát tia nếu công tắc được bấm, giữ chặt và sẽ ngừng phát tia khi thả công tắc.

7. Thiết bị X–Quang, CT phải có cáp nối đủ dài để bảo đảm khoảng cách giữa người vận hành thiết bị và bóng phát tối thiểu 2m. Đối với thiết bị bức xạ khác, khoảng cách này tối thiểu là 3m.

8. Thiết bị X-Quang, CT phải có các tấm che chắn cao su chì lắp tại bàn người bệnh để che chắn các tia bức xạ ảnh hưởng đến nhân viên và hệ che chắn treo trên trần để sử dụng cho mục đích bảo vệ mắt và tuyến giáp của nhân viên khi theo dõi người bệnh. Các tấm che chắn cao su chì phải bảo đảm có chiều dày che chắn không nhỏ hơn 0,5 milimét chì tương đương.

Tuân thủ nguyên tắc chung về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế:

+Việc chỉ định khám, chữa bệnh bằng bức xạ ion hóa đem lại lợi ích thực tế cho người bệnh là đáng kể so với tác hại mà họ phải chịu.

+Không để liều chiếu xạ gây bởi các công việc này đối với nhân viên bức xạ y tế và công chúng vượt quá liều giới hạn; bảo đảm liều chiếu xạ đối với người bệnh theo mức chỉ dẫn;

+Giữ cho liều chiếu xạ đối với người bệnh, nhân viên bức xạ y tế, công chúng và số người bị chiếu xạ ở mức thấp nhất có thể đạt được một cách hợp lý.

+Chỉ tiến hành các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, nghiên cứu khoa học, đào tạo, y tế dự phòng và kiểm nghiệm dược phẩm sử dụng thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ, thuốc phóng xạ khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ.

Về khoảng cách:

+Biện pháp đầu tiên để bảo vệ là giữ khoảng cách đủ xa có thể được, đó là sự bảo vệ đơn giản nhất. Khoảng cách tới nguồn bức xạ càng lớn, liều nhận được càng nhỏ.

+Nếu thể tích nguồn bức xạ là nhỏ (nguồn điểm), khi khoảng cách tới nguồn tăng gấp đôi, suất liều sẽ giảm 4 lần (quy luật tỷ lệ nghịch với bình phương khoảng cách). Mỗi khi thực hành, cần giữ khoảng cách cực đại giữa người và thiết bị chứa nguồn phóng xạ hay nguồn phóng xạ. Côngtenơ hở cần phải được giữ nhờ thanh kẹp. Đối với ống tiêm không che chắn, hãy cầm ở đầu không có chất phóng xạ. Cần giữ khoảng cách hợp lý tới bệnh nhân điều trị bằng dược chất phóng xạ và khi bệnh nhân cần giúp đỡ, hãy giữ một khoảng cách bằng cánh tay của mình.

Che chắn:

Khi không thể ở khoảng cách đủ xa nguồn bức xạ, sử dụng che chắn bức xạ. Các vật liệu có nguyên tử số cao, thông dụng là chì, che chắn hiệu quả nhất các bức xạ gama và tia X.

Hệ thống an toàn bức xạ tại các phòng X-Quang, CT:

+Tiêu chuẩn: chì 3mm

+Kích thước: chì 3mm

+Ốp 4 mặt và cửa ra vào.

Thời gian tổn thương do bức xạ gần như tỷ lệ thuận với liều hấp thụ tổng và không phụ thuộc vào suất liều (trong một giới hạn thích hợp). Do đó, giảm thời gian bị chiếu xạ sẽ giảm tổn thương do bức xạ. Tất cả các quy trình thao tác với nguồn bức xạ cần được tiến hành một cách nhanh nhất. Thời gian ở gần nguồn bức xạ (thí dụ bình phát sinh Tc-99m) cần sao cho ngắn nhất. Khi áp dụng một quy trình mới cần tập luyện trước với chất không phóng xạ để đảm bảo tốc độ và hiệu quả thao tác với chất phóng xạ.

Kiểm soát việc tiếp cận nguồn bức xạ:

+Trang bị hệ thống khóa đối với nơi lưu giữ, sử dụng nguồn phóng xạ và những khu vực lưu giữ chất thải phóng xạ;

+Xây dựng nội quy kiểm soát người được phép tiếp cận đến nguồn phóng xạ; Xây dựng nội quy ra vào các khu vực này.

Thực hiện việc kiểm định và hiệu chuẩn thiết bị bức xạ, thiết bị đo bức xạ:

+Định kỳ 01 năm/lần đối với thiết bị chụp cắt lớp vi tính CT scanner, thiết bị X-Quang tăng sáng truyền hình và định kỳ 02 năm/lần đối với các thiết bị X-Quang chẩn đoán trong y tế khác kể từ ngày đưa vào sử dụng.

+Việc kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị bức xạ và thiết bị đo bức xạ phải được thực hiện bởi tổ chức, cá nhân được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp đăng ký hoạt động dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn.

Giảm thiểu khả năng gây nhiễm bức xạ đối với cán bộ nhân viên y tế:

+TTYT trang bị tấm chắn chì cho phòng chụp X-Quang, CT, nhằm ngăn chặn các bức xạ thoát ra ngoài gây ảnh hưởng đến sức khỏe của nhân viên, y bác sỹ.

+Đối với bác sỹ, nhân viên sử dụng thiết bị X-Quang, CT, để chụp soi chiếu chẩn đoán phải được trang bị tạp dề cao su chì, tấm cao su chì che tuyến giáp, kính chì và sẽ được trang bị đầy đủ quần áo bảo hộ, găng tay, giầy, ủng hoặc bao chân, mũ trùm đầu, khẩu trang chống nhiễm bẩn phóng xạ.

+Phòng chụp X-Quang, CT được thiết kế như sau: tường được thiết kế với lớp chì chống tia X, cửa phòng được thiết kế sao cho không có khoảng không tránh lọt tia X ra ngoài. Bên cạnh đó, vị trí phòng chụp được bố trí tại khu vực riêng so với các khu vực khác trong bệnh viện.

+Tổ chức khám sức khỏe cho nhân viên bức xạ khi mới tuyển dụng, định kỳ hằng năm trong thời gian làm việc và khi chấm dứt làm công việc liên quan tới bức xạ.

+Hằng năm, tổ chức đào tạo cho các nhân viên bức xạ y tế về nội quy an toàn bức xạ, quy định của cơ sở liên quan đến bảo đảm an toàn bức xạ, quy trình ứng phó sự cố bức xạ hoặc phổ biến các quy định mới, các thông tin mới về bảo đảm an toàn bức xạ.

+Xây dựng nội quy an toàn bức xạ và quy trình làm việc phù hợp (yêu cầu về tuân thủ các quy trình làm việc và chỉ dẫn an toàn, yêu cầu về việc thực hiện đo liều cá nhân, yêu cầu về việc sử dụng các trang thiết bị bảo hộ cá nhân, thiết bị kiểm tra bức xạ và liều kế cá nhân). Nhân viên bức xạ phải chấp hành nội quy an toàn bức xạ và quy trình làm việc, đồng thời thông báo khi có hiện tượng bất

thường có thể gây mất an toàn bức xạ và các yêu cầu cụ thể khác phù hợp với công việc bức xạ.

+Cấm hút thuốc, ăn uống, trang điểm trong phòng làm việc nơi có chứa phóng xạ.

+Trước khi ra khỏi nơi làm việc với phóng xạ, phải kiểm tra nhiễm bẩn phóng xạ ở tay, quần áo. Người bị nhiễm bẩn phóng xạ phải tẩy xạ theo quy định.

Kiểm xạ khu vực làm việc:

+Đo kiểm xạ môi trường làm việc và xác lập các mức điều tra khi lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ.

+Định kỳ hằng năm kiểm tra mức bức xạ tại các vị trí nhân viên bức xạ y tế làm việc, mức bức xạ môi trường tại các vị trí cửa ra vào và khu vực xung quanh các phòng đặt thiết bị bức xạ, nơi lưu giữ nguồn phóng xạ.

+ Định kỳ hàng tháng kiểm tra mức nhiễm bẩn phóng xạ tại nơi làm việc và môi trường xung quanh.

+So sánh kết quả đo kiểm xạ môi trường làm việc với các mức điều tra đã được xác lập và xác định nguyên nhân, áp dụng các biện pháp khắc phục trong trường hợp kết quả kiểm tra lớn hơn mức điều tra.

+Cơ sở phải lập, lưu giữ hồ sơ kết quả đo kiểm xạ môi trường làm việc và thông báo kết quả đo kiểm xạ môi trường làm việc cho nhân viên bức xạ y tế.

Giảm thiểm khả năng nhiễm bức xạ đối với bệnh nhân khám:

+Đối với các bệnh nhân được chữa bệnh, điều trị tại các phòng có đặt các thiết bị vi sóng, bệnh viện phải trang bị các "yếm chì" cho bệnh nhân. Ngoài ra bệnh nhân khi ra vào phòng chụp X – quang, CT cần phải đóng kín cửa để hạn chế tia phóng xạ thoát ra môi trường bên ngoài.

+Cung cấp đầy đủ thông tin và các chỉ dẫn về an toàn bức xạ cho khách trước khi họ đi vào khu vực kiểm soát.

+Bảo đảm liều bức xạ của người chăm sóc, hỗ trợ và thăm bệnh nhân trong chẩn đoán, xét nghiệm hoặc điều trị bằng bức xạ ion hóa hoặc dược chất phóng xạ không vượt quá giới hạn liều theo quy định.

+Chỉ cho phép bệnh nhân đã tiếp nhận dược chất phóng xạ trong chẩn đoán và điều trị bệnh được xuất viện khi hoạt độ chất phóng xạ trong cơ thể không vượt quá mức theo quy định của pháp luật về hướng dẫn bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế.

Ngoài ra, cơ sở còn được Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai cấp Giấy phép Tiến hành công việc bức xạ (Sử dụng tia X–Quang chẩn đoán trong y tế) số 1266/GP-SKHCN ngày 06/6/2022; số 2805/GP-SKHCN ngày 04/11/2022 *(đính kèm tại Phụ lục).*

TTYT đã thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ (Sử dụng tia X–Quang chẩn đoán trong y tế); kiểm xạ tại cơ sở sử dụng máy phát tia X; Báo cáo đánh giá an toàn; Kiểm định thiết bị *(đính kèm tại Phụ lục).*

3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Một số nội dung thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đã được phê duyệt như sau:

Bảng 3.9. Nội dung thay đổi so với ĐTM

Hạng mục	Nội dung theo ĐTM	Nội dung hiện trạng thay đổi
Quy mô diện tích	Tổng diện tích đất dự án được cấp là 19.077m^2: + Giấy chứng nhận Quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu Nhà nước tại các cơ quan hành chính sự nghiệp số 1199/TC-QLCS ngày 01/06/2004 của Sở Tài chính Đồng Nai cấp cho chủ cơ sở được quyền sử dụng thửa đất số 341 và tờ bản đồ số 09, với tổng diện tích là 11.472m^2; + Quyết định số 890/QĐ.CT.UBT ngày 25/02/2005 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giới thiệu địa điểm cho TTYT Xuân Lộc lập dự án đầu tư; Bản đồ địa chính khu đất có số thửa: 342, 343, 344, 345 và tờ bản đồ số 08, với tổng diện tích đất là 7.605m^2.	Tổng diện tích đất được cấp là 16.630,5m^2: + Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số T00004 ngày 12/10/2009, thửa đất số 2234 và tờ bản đồ số 8, có diện tích được cấp là 5.898,0m^2 (trong đó: diện tích được cấp là 5.831,0m^2, diện tích không được cấp là 67,0m^2); + Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT28739 ngày 23/3/2016, thửa đất số 572 và tờ bản đồ số 17, có diện tích đất là 11.683,3m^2 (trong đó: diện tích được cấp là 10.799,5m^2, diện tích không được cấp là 883,8m^2). Nhà nước thu hồi phần đất có diện tích 202,3m^2. + Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả hồ sơ đăng ký thay đổi thông tin về người sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với TTYT khu vực Xuân Lộc, số H19.151-250724-4259 ngày 29/7/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai.
Công trình xử lý bụi, khí thải	- Khí thải từ lò đốt chất thải y tế được thu gom và xử lý triệt để trước khi thải ra ngoài môi trường qua ống khói có chiều cao 17m.	Hiện nay, lò đốt này đã ngưng hoạt động và đã được thanh lý từ tháng 7/2022 theo chủ trương của UBND tỉnh Đồng Nai tại Quyết định số 1743/QĐ-UBND ngày 06/7/2022 *(đính kèm tại Phụ lục).* Rác thải y tế phát sinh được Chủ cơ sở hợp đồng với Công ty TNHH Cù Lao Xanh (Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.115.VX) thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định, do đó, không phát sinh nguồn khí thải từ lò đốt rác y tế này.

Công trình xử lý nước thải	- Toàn bộ nước thải phát sinh tại cơ sở được thu gom dẫn về Trạm XLNT có công suất thiết kế 160 m^3/ngày trước khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải là suối Cát, sau đó dẫn về nguồn tiếp nhận sau cùng là sông Ray.	- Trạm XLNT tập trung có công suất 200 m^3/ngày đã được ghi nhận kết quả kiểm tra chất lượng nước thải sau xử lý tại Văn bản số 297/STNMT-CCBVMT ngày 26/01/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tỉnh Đồng Nai; và Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 342/GP-UBND ngày 24/11/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai. - Theo Văn bản số 1938/UBND-KT ngày 21/3/2025 của UBND huyện Xuân Lộc (nay là xã Xuân Lộc), nước thải phát sinh từ cơ sở được thu gom và xử lý đạt Quy chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT về Nước thải Y tế, sau đó xả trực tiếp vào suối thoát nước chung của khu vực (đất công), dẫn vào suối Sông Ray (đoạn tiếp giáp giữa xã Suối Cát (nay thuộc xã Xuân Lộc) và xã Xuân Phú) và thoát ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là Sông Ray.

Chương IV
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:

+Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các hoạt động sinh hoạt của nhân viên, bác sĩ, người bệnh nội trú, người chăm sóc người bệnh nhân tại cơ sở.

+Nguồn số 02: Nước thải y tế phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh (khách vãng lai, bệnh nhân ngoại trú, tắm giặt).

+Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ nhà ăn.

+Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ quá trình tráng rửa phim chụp X-Quang (dung dịch thuốc hiện ảnh). Lượng thải rất ít (0,1 m^3/ngày) và không thường xuyên, được xem là chất thải nguy hại, không thải trực tiếp ra môi trường, được thực hiện thu gom vào thùng chứa, lưu trữ tạm thời trong khu chứa chất thải nguy hại riêng biệt và giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép: 200 m^3/ngày.đêm
- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải tại vị trí hố ga đấu nối của cơ sở trước khi xả trực tiếp vào hệ thống suối thoát nước mưa, nước thải của khu vực (đất công), dẫn vào suối Sông Ray (đoạn tiếp giáp giữa xã Suối Cát (nay thuộc xã Xuân Lộc) và xã Xuân Phú) và thoát ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là Sông Ray.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Nước thải Y tế QCVN 28:2010/BTNMT, Cột A và K= 1,2 (do quy mô hoạt động của cơ sở <300 giường).

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải của TTYT khu vực Xuân Lộc

STT	Thông số	Đơn vị tính	QCVN 28:2010/ BTNMT *Cột A; K = 1,2*
1.	pH	-	6,5 - 8,5
2.	BOD_5 (20^oC)	mg/L	36
3.	COD	mg/L	60
4.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	60
5.	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/L	1,2
6.	Amoni (tính theo N)	mg/L	6
7.	Nitrat (tính theo N)	mg/L	36

STT	Thông số	Đơn vị tính	QCVN 28:2010/ BTNMT *Cột A; K = 1,2*
8.	Phosphat (tính theo P)	mg/L	7,2
9.	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	12
10.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	0,12
11.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	1,2
12.	Tổng Coliforms	MPN/ 100mL	3.000
13.	Salmonella	Vi khuẩn/ 100ml	KPH
14.	Shigella		KPH
15.	Vibrio cholerae		KPH

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+Vị trí xả nước thải: Điểm xả sau Trạm XLNT tập trung trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận. Toạ độ: X= 1206481.618; Y= 458081.464 *(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $107^0 45'$, múi chiếu 3^0).*

+Phương thức xả nước thải: Tự chảy, liên tục 24/24.

+Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Ray

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Hiện tại, lò đốt chất thải y tế công suất 200kg/ngày của cơ sở đã ngưng hoạt động và đã được thanh lý từ tháng 7/2022 theo chủ trương của UBND tỉnh Đồng Nai tại Quyết định số 1743/QĐ-UBND ngày 06/7/2022 *(đính kèm tại Phụ lục).* Rác thải y tế được Chủ cơ sở hợp đồng với Công ty TNHH Cù Lao Xanh (Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.115.VX) thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định, do đó, không phát sinh nguồn khí thải từ lò đốt rác y tế này.

Mặt khác, tại cơ sở có bố trí 01 máy phát điện dự phòng 300KWA, sử dụng nhiên liệu dầu DO 0,05S, tuy nhiên chỉ hoạt động trong trường hợp mất lưới điện đột xuất, do đó, TTYT đề nghị không cấp phép đối với nguồn khí thải này.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- *Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:*

+Nguồn số 01: Tiếng ồn từ khu vực phòng giặt.

+Nguồn số 02: Tiếng ồn từ hoạt động của nhà ăn.

+Nguồn số 03: Tiếng ồn từ máy phát điện dự phòng (khi máy hoạt động)

+Nguồn số 04: Tiếng ồn từ máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải.

- *Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:* Bố trí các khu vực gây ồn cách xa khu khám, điều trị bệnh; các máy móc, thiết bị được lắp đặt trên bệ cao su làm giảm rung.

- *Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:*

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Bảng 4.2. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn (theo mức âm tương đương), dBA

Khu vực	**QCVN 26:2010/BTNMT**	
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	*Từ 21 giờ đến 6 giờ*
Khu vực đặc biệt	55	45

Bảng 4.3. Giá trị tối đa cho phép về mức gia tốc rung, dB

Khu vực	**QCVN 27:2010/BTNMT**	
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	*Từ 21 giờ đến 6 giờ*
Khu vực đặc biệt	60	55

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại và chất thải y tế lây nhiễm

Chất thải rắn sinh hoạt

- *Nguồn phát sinh:* Từ các hoạt động sinh hoạt của cán bộ y bác sĩ, công nhân viên, bệnh nhân và thân nhân người bệnh; từ quá trình chế biến thực phẩm tại nhà ăn. Thành phần chủ yếu bao gồm các chất hữu cơ dễ phân hủy và các chất vô cơ khó phân hủy như: thực phẩm dư thừa, chai nhựa, giấy vệ sinh, túi nylon,…

- *Khối lượng phát sinh:* khoảng 55.000 kg/năm (tương đương 150 kg/ngày).

- *Biện pháp xử lý và giảm thiểu nguồn ô nhiễm:* Thu gom triệt để, phân loại tại nguồn và lưu trữ tạm thời bằng các thùng chứa có nắp đậy chuyên dụng màu xanh (dung tích 24L, 70L, 120L và 240L) được bố trí sẵn trong khuôn viên và tại các nơi phát sinh như: khu văn phòng, khu khám và điều trị bệnh, nhà ăn, nhà vệ sinh,....); các thùng chứa được lót bên trong bằng túi nylon để tiện thu gom; sau đó được nhân viên lao công đưa về khu vực chứa chất thải sinh hoạt có diện tích khoảng 27m^2. Khu chứa này được xây dựng trên nền bê-tông, tường gạch và lưới vây xung quanh, mái lợp tôn; Hợp đồng đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom: 3 lần/tuần.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường

- *Nguồn phát sinh:* Từ các hoạt động khám chữa bệnh, hoạt động bảo trì, sửa chữa máy móc, thiết bị y khoa; thành phần chủ yếu bao gồm: bao bì phế liệu các loại, sắt thép phế liệu, chăn drap hỏng,...

- *Khối lượng phát sinh:*

Bảng 4.4. Danh mục chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì, thùng chứa carton thải bỏ,… (không nhiễm các thành phần nguy hại, không thải ra từ các phòng điều trị cách ly)	18 01 05	TT-R	Rắn	4.000
2	Chất thải rắn thông thường như: chai nhựa, lọ thủy tinh (không nhiễm các thành phần nguy hại, không thải ra từ các phòng điều trị cách ly)	18 01 06 18 01 09	TT-R TT-R	Rắn	4.000
Tổng					**8.000**

- *Biện pháp xử lý và giảm thiểu nguồn ô nhiễm:* Thu gom tập trung bằng thủ công, phân loại tại nguồn và lưu trữ tạm thời tại khu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường của cơ sở. Khu chứa này có diện tích khoảng 10m^2, được xây dựng trên nền bê-tông, có mái che, tường gạch và lưới bao quanh, cửa khóa an toàn. Chủ cơ sở đã hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và thu mua phế liệu theo đúng quy định. Định kỳ 03 tháng/lần.

Chất thải nguy hại và chất thải y tế lây nhiễm

- *Nguồn phát sinh:* Từ các hoạt động khám chữa bệnh; hoạt động bảo trì, sửa chữa. Thành phần gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải; Pin, ắc quy thải; Các thiết bị vỡ, hỏng đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng (nhiệt kế, huyết áp kế); Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại; Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải; Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn).

- *Khối lượng phát sinh:*

Bảng 4.5. Danh mục chất thải nguy hại và chất thải y tế lây nhiễm

TT	Loại CTNH	Mã chất thải	Số lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	2.000	KS
2	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	16.700	NH
3	Các thiết bị vỡ, hỏng đã qua sử dụng có chứa thuỷ ngân	13 03 02	50	NH
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	80	NH
5	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng CTNH) thải bỏ	16 01 13	5	NH
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	40	KS

7	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	30	KS
8	Nước rửa phim X-Quang thải	19 01 01	100	NH
9	Pin, ắc quy chì thải	19 06 05	50	NH
	Tổng cộng		**19.055**	

- *Biện pháp xử lý và giảm thiểu nguồn ô nhiễm:*

+Chất thải rắn sinh hoạt: Thực hiện theo đúng Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 18/1/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Tỉnh; Đồng thời hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý các loại chất thải đúng quy định.

+Quản lý và kiểm soát các loại chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại và chất thải y tế lây nhiễm phát sinh; đồng thời hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý các loại chất thải theo đúng hướng dẫn quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường; Thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế;

+Duy trì và tăng cường việc quản lý chất thải nguy hại và chất thải y tế lây nhiễm, tăng tần suất thu gom và chuyển giao cho các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định khi khối lượng chất thải phát sinh lớn;

+Định kỳ thống kê khối lượng chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại và chất thải y tế lây nhiễm phát sinh và tổng hợp các biên nhận bàn giao/chứng từ thu gom của chủ nguồn thải để kiểm tra và giám sát theo đúng quy định.

+Khu vực lưu giữ chất thải của Công ty thiết kế có tổng diện tích 129,5 m^2, được xây dựng có mái che, nền bê tông cốt thép, gờ bao xung quanh tránh nước mưa tạt vào, phân thành các khu vực riêng biệt như sau:

- Khu vực lưu giữ chất thải sinh hoạt: diện tích 27 m^2
- Khu vực lưu giữ chất thải thông thường: diện tích 10 m^2
- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại: diện tích 23 m^2
- Khu vực lưu giữ chất thải y tế lây nhiễm: diện tích 15 m^2.

Chương V
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

- TTYT huyện Xuân Lộc (nay là TTYT khu vực Xuân Lộc) đã và đang thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường theo đúng:

+Quyết định phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường số 3957/QĐ-UBND ngày 25/11/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai;

+Văn bản chấp thuận cho cơ sở được kế thừa các hồ sơ môi trường của Bệnh viện Đa khoa huyện Xuân Lộc số 7309/STNMT-CCBVMT ngày 15/9/2020;

+Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 342/GP-UBND ngày 24/11/2020 do UBND tỉnh Đồng Nai cấp cho cơ sở;

- Hằng năm, cơ sở đã thực hiện các quy định pháp luật hiện hành; quan trắc nguồn thải; lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường và gửi đến cơ quan có chức năng;

- Ngoài ra, TTYT luôn bảo đảm nguồn lực, trang thiết bị đáp ứng khả năng phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; Thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, quản lý tài nguyên nước, an toàn hóa chất và các quy định pháp luật có liên quan khác.

5.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải

Lưu lượng nước thải phát sinh tại cơ sở được trình bày như sau:

Bảng 5.1. Lưu lượng nước thải phát sinh tại cơ sở trong năm 2023-2024

STT	Hạng mục	Lưu lượng thải *(m^3/năm)*	
		Năm 2023	***Năm 2024***
1	Nước thải phát sinh tại cơ sở	23.687	22.785

(Nguồn: Báo cáo Công tác bảo vệ môi trường, năm 2024)

Chủ cơ sở đã phối hợp với các đơn vị có đủ chức năng lấy và phân tích chất lượng nước thải tại Trạm XLNT của cơ sở, cụ thể như sau:

- Vị trí, số lượng mẫu quan trắc:

Bảng 5.2. Thống kê vị trí điểm quan trắc nước thải

Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Tần suất quan trắc	Vị trí quan trắc *(Toạ độ VN2000, múi chiếu 3º)*	
			X	*Y*
Nước thải sau xử lý	NT1	03 tháng/lần	1206481.6	458081.4
Nước mặt tiếp nhận	NM	06 tháng/lần	1206329.7	457915.8

- Thời gian quan trắc nước thải trước thời điểm lập báo cáo:

Bảng 5.3. Thời gian quan trắc

Vị trí điểm quan trắc	Ký hiệu	Thời gian quan trắc		
		Năm 2023	***Năm 2024***	***Năm 2025***
Đầu ra Trạm XLNT (hố ga sau cùng của TTYT trước khi xả vào suối thoát nước chung của khu vực)	NT1	Ngày 29/3, 15/6, 12/9 và 29/11	Ngày 27/3, 24/6, 20/9 và 02/12	Ngày 31/3 và 24/6
Suối Sông Ray (đoạn tiếp giáp giữa xã Suối Cát (nay thuộc xã Xuân Lộc) và xã Xuân Phú)	NM	Ngày 15/6 và 29/11	Ngày 24/6 và 02/12	Ngày 24/6

- Quy chuẩn áp dụng để đánh giá nguồn thải:

+ Nước thải: QCVN 28:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Nước thải y tế, cột A và K= 1,2 (Do quy mô hoạt động của cơ sở < 300 giường).

+ Nước mặt:

- QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước mặt. Cột A2 – Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp; bảo tồn động thực vật thủy sinh, hoặc các mục đích sử dụng như loại B1 và B2 *(hết hiệu lực từ ngày 12/9/2023)*

- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Chất lượng nước mặt – Bảng 2, Mức B *(có hiệu lực từ ngày 12/9/2023).*

- Kết quả quan trắc:

Bảng 5.4. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải đầu ra Trạm XLNT tập trung của cơ sở

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả NT1										QCVN 28:2010/ BTNMT Cột A, K= 1,2
			Năm 2023				Năm 2024				Năm 2025		
			Tháng 3	*Tháng 6*	*Tháng 9*	*Tháng 11*	*Tháng 3*	*Tháng 6*	*Tháng 9*	*Tháng 12*	*Tháng 3*	*Tháng 6*	
1	pH	-	6,72	7,04	6,94	7,08	7,02	7,12	6,92	7,36	7,04	7,31	6,5 – 8,5
2	BOD_5	mg/L	22,94	27,23	27,1	25,9	25,2	23,9	16,5	24,7	25,6	25,8	36
3	COD	mg/L	47,9	52,1	48,2	50,0	44,0	41,0	38,0	45,0	46,0	53,0	60
4	TSS	mg/L	26	34,0	26,0	32,0	30,0	26,0	26,0	33,0	35,0	30,0	60
5	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	0,4	0,4	KPH	0,4	0,6	0,5	0,40	1,05	0,7	1,00	12
6	Sulfua	mg/L	0,16	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	1,2
7	Amoni	mg/L	3,92	2,8	2,24	2,52	3,08	3,17	2,77	3,24	2,67	3,07	6
8	Nitrat	mg/L	0,32	1,64	1,18	1,52	2,87	2,78	2,72	3,01	2,84	3,01	36
9	Phosphat	mg/L	0,73	0,427	0,9	0,41	0,42	0,38	0,51	0,42	0,395	1,17	7,2
10	Salmonella	Vi khuẩn/ 100ml	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
11	Shigella		KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
12	Vibrio cholerae		KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH

(Nguồn: Kết quả đo đạc và phân tích chất lượng nước thải – TTYT huyện Xuân Lộc, năm 2023, 2024 và 06 tháng đầu năm 2025)

Ghi chú: KPH: Không phát hiện.

Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc:

+Qua kết quả phân tích nêu tại bảng trên cho thấy: Cơ sở đã thực hiện đúng chương trình quan trắc chất lượng nước thải theo đúng quyết định phê duyệt ĐTM, Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước,... tần suất định kỳ 03 tháng/lần.

+Chất lượng nước thải sau khi xử lý, qua các đợt quan trắc định kỳ luôn có kết quả đo đạc và phân tích các thông số đạt quy chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT, cột A, K = 1,2 quy định.

Bảng 5.5. Kết quả đo đạc, phân tích chất lượng nước suối Sông Ray

STT	Thông số	Đơn vị	*Tháng 6/2023*	**QCVN 08-MT:2015/ BTNMT,** Cột A2	*Tháng 11/2023*	*Tháng 6/2024*	*Tháng 12/2024*	*Tháng 06/2025*	**QCVN 08:2023/ BTNMT,** Bảng 1 và 2, Mức B
1	pH	-	6,97	**6,0 – 8,5**	7,04	6,98	7,34	7,51	**6,0 – 8,5**
2	TSS	mg/L	12	**30**	12	16	22,0	5,03	**≤100**
3	COD	mg/L	14	**15**	14	12	14,0	13,0	**≤15**
4	BOD_5	mg/L	**8,73**	**6**	5,9	5,62	5,82	6,0	**≤6**
5	DO	mg/L	5,2	**≥5**	6,1	6,2	5,8	24,0	**≥5**
6	NH_4^+	mg/L	KPH	**0,3**	KPH	KPH	KPH	0,138	**0,3**
7	E.Coli	MPN/ 100mL	39	**50**	20	16	14	14	**20**
8	Coliform		3.400	**5.000**	1.100	1.500	1.700	4.600	**≤5.000**

(Nguồn: Kết quả đo đạc và phân tích chất lượng nước mặt – TTYT huyện Xuân Lộc, năm 2023, 2024 và 06 tháng đầu năm 2025)

Ghi chú: KPH: Không phát hiện.

Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc:

Chất lượng nước mặt suối Sông Ray – nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý của cơ sở, qua các đợt quan trắc trong năm 2023 và 2024, hầu hết các thông số quan trắc đều đạt các quy chuẩn QCVN 08-MT:2015/BTNMT và QCVN 08:2023/BTNMT quy định. Riêng đợt tháng 6/2023, nước suối bị ô nhiễm bởi thông số: BOD_5.

5.3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải

Cơ sở không có hệ thống xử lý khí thải nên không quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải.

5.4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải

STT	Chất thải	Phương án thu gom, xử lý	**Khối lượng phát sinh** (kg/năm)		
			Năm 2023	***Năm 2024***	***06 tháng đầu năm 2025***
1	Chất thải sinh hoạt	HTX Tiểu thủ Công nghiệp Tấn Thành	53.000	50.227	21.924
2	Chất thải rắn thông thường	Hộ kinh doanh Phế liệu Ngọc Khánh và Công ty TNHH Cù Lao Xanh	3.566	7.500	3.269
3	Chất thải nguy hại	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi và Công ty Cổ phần Môi trường Xanh Pedaco	880	5.960(*)	57
4	Chất thải y tế lây nhiễm	Công ty TNHH Cù Lao Xanh	12.698	12.332	5.589

(Nguồn: Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc)

Ghi chú: (*): Năm 2019, TTYT có sự thay đổi nhân viên phụ trách môi trường, do hạn chế trong việc nắm bắt các quy định về việc thu gom, xử lý triệt để các chất thải phát sinh tại cơ sở, cũng như khó khăn trong việc tìm kiếm đơn vị có đủ chức năng thu gom và xử lý bùn thải sau HTXL nước thải, công suất 200 m^3/ngày.đêm phát sinh tại cơ sơ nên chưa thực hiện thu hút và xử lý bùn thải theo đúng quy định. Khối lượng bùn thải phát sinh từ năm 2019 đến nay khoảng 11.960 kg. Tháng 5/2024, TTYT đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Xanh Pedaco đến TTYT thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý lượng bùn thải phát sinh theo đúng quy định (chứng từ CTNH đính kèm tại phụ lục), tuy nhiên chưa thể thực hiện thu gom và xử lý triệt để do tình hình kinh tế của cơ sở đang gặp khó khăn nên không đủ kinh phí thực hiện. Dự kiến, cuối năm 2025, chủ cơ sở sẽ tiếp tục thực hiện bàn giao cho đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý hoàn toàn lượng bùn thải tồn đọng; đồng thời cam kết định kỳ (01 năm/lần) thu gom và xử lý bùn thải phát sinh theo đúng quy định.

5.5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở

Từ năm 2023 - 2024, tại cơ sở không có hoạt động kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

Năm 2025: Căn cứ theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020, cơ sở thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường trước ngày 01/01/2025. Tuy nhiên, do TTYT cũng hạn chế trong việc nắm bắt các quy định pháp luật về Bảo vệ môi trường; đồng thời do thay đổi nhân sự phụ trách môi trường, dẫn đến việc TTYT hoạt động cơ sở nhưng chưa có giấy phép môi trường theo đúng quy định. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, chủ cơ sở đã chấp hành vi phạm theo Quyết định 1494/QĐ-XPHC ngày 08/5/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai *(Văn bản số 388/TTYT-YTCC-TP&DD ngày 10/6/2025 của TTYT Xuân Lộc đính kèm biên lai nộp phạt).*

Chương VI
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Căn cứ theo quy định tại Điểm g Khoản 1 và Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, TTYT khu vực Xuân Lộc có thực hiện thay đổi công suất Trạm xử lý nước thải từ 160 m^3/ngày thành 200 m^3/ngày so với báo cáo đánh giá tác động môi trường, thay đổi tọa độ và lưu lượng xả nước thải so với giấy phép xả nước thải vào nguồn nước. Vì vậy, TTYT sẽ thực hiện vận hành thử nghiệm đối với công trình môi trường này sau khi được cấp giấy phép môi trường. Kế hoạch vận hành thử nghiệm dự kiến như sau:

Bảng 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải

STT	Công trình xử lý chất thải	Công suất dự kiến đạt được	Thời gian dự kiến VHTN
1	Trạm XLNT tập trung, công suất 200 m^3/ngày.đêm. Toạ độ: X= 1206481.618; Y= 458081.464 *(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $107^0 45'$, múi chiếu 3^0).*	≥ 50% công suất thiết kế	Không quá 06 tháng kể từ ngày cấp Giấy phép môi trường

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

- Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải.

- Theo khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Điểm c Khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Công ty thực hiện quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của các công trình xử lý chất thải trong giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải. Sau khi được cấp GPMT, TTYT khu vực Xuân Lộc sẽ tiến hành thực hiện kế hoạch VHTN theo quy định cụ thể như sau:

Bảng 6.2. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải VHTN

STT	Vị trí thu mẫu	Thông số	Thời gian đo đạc	Tần suất lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
1	Đầu vào Trạm XLNT tập trung. X= 1206461.047; Y= 458071.078	pH, BOD_5, COD, TSS, Sunfua, Amoni, Nitrat, Phostphat, Dầu mỡ ĐTV, Tổng hoạt động phóng xạ α, β, Tổng Coliforms, Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae	01 ngày/ lần	03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra)	QCVN 28:2010/ BTNMT Cột A; K = 1,2
2	Điểm xả sau Trạm XLNT tập trung trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận. X= 1206481.618; Y= 458081.464				

Ghi chú: Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107°45', múi chiếu 3°.

Khi có sự thay đổi về thời gian quan trắc chất thải, TTYT khu vực Xuân Lộc sẽ có văn bản thông báo đến Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai về tiến độ hồ sơ, cũng như thông báo về thời gian lấy mẫu thực tế đánh giá hiệu quả khi công trình vận hành ổn định nhằm đảm bảo cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai tiến hành lấy mẫu đối chứng kịp thời.

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:

Tên đơn vị: Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai

Địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 02513. 895673

Website: https://ttkttnmt.dongnai.gov.vn

Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai là đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai, được thành lập tại Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Trung tâm đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số 29/GCN-BTNMT ngày 08/9/2023 (mã số VIMCERTS 003) theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định.

Trung tâm đã được Sở Y tế tỉnh Đồng Nai chứng nhận đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động với công văn số 6684/SYT-NVY ngày 27/10/2020.

Phòng thí nghiệm của Trung tâm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận theo Tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 với số hiệu VILAS 058 tại Quyết định số 998/QĐ-VPCNCL ngày 17/4/2025.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, TTYT khu vực Xuân Lộc **không thuộc** loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, lưu lượng xả thải dưới 500m^3/ngày, vì vậy cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ.

Tuy nhiên, nhằm theo dõi diễn biến chất lượng nước thải sau khi xử lý trong quá trình hoạt động của Trạm XLNT tập trung để phát hiện kịp thời các ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, từ đó tìm ra các nguyên nhân và kịp thời có biện pháp xử lý, TTYT khu vực Xuân Lộc vẫn tiếp tục công tác giám sát và quan trắc chất lượng nước thải, cụ thể như sau:

Bảng 6.3. Chương trình quan trắc chất lượng nước thải định kỳ

Thành phần môi trường	Vị trí quan trắc	Thông số	Quy chuẩn áp dụng	Tần suất
Nước thải	NT: Điểm xả sau Trạm XLNT tập trung trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận. X=1206481.618 Y=458081.464	pH, BOD_5 (20^oC), COD, TSS, Sunfua, Amoni, Nitrat, Phosphat, Dầu mỡ động thực vật, Tổng hoạt độ phóng xạ α, Tổng hoạt độ phóng xạ β, Tổng Coliforms, Salmolnella, Shigella, Vibrio Cholerae.	QCVN 28:2010/ BTNMT, cột A, K=1,2	01 lần/năm và khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước

Ghi chú: Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $107^o45'$, múi chiếu 3^o

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Căn cứ theo quy định tại Điều 97, Điều 98 và Phụ lục XXVIII, Phụ lục XXIX của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Khoản 46 Điều 1 của Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, TTYT

khu vực Xuân Lộc không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục chất thải.

6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án

Quan trắc chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại và chất thải y tế lây nhiễm:

- Kiểm tra giám sát việc thu gom, lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải của cơ sở.
- Vị trí: tại khu vực lưu giữ chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại và chất thải y tế lây nhiễm của cơ sở.
- Tần suất: thường xuyên và liên tục.
- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.
- Văn bản pháp luật thực hiện: Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường; Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

TTYT khu vực Xuân Lộc sẽ thực hiện hoạt động quan trắc môi trường theo kế hoạch của cơ sở, để theo dõi các công trình xử lý nhằm đảm bảo các nguồn thải được xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra môi trường; Và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định, với tổng kinh phí thực hiện dự kiến khoảng 30.000.000 đồng/năm.

Kinh phí thực hiện công tác phân loại, lưu giữ, chuyển giao và xử lý chất thải thông thường, chất thải y tế nguy hại, chất thải lây nhiễm khoảng 200.000.000 đồng/năm.

Chương VII
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

7.1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường

TTYT khu vực Xuân Lộc cam kết bảo đảm về tính trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu trong báo cáo, tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật của Việt Nam.

7.2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm phát sinh từ quá trình hoạt động;

- Cam kết vận hành các công trình xử lý nước thải tương ứng với công suất thiết kế;

- Trong quá trình hoạt động khám, chữa bệnh của cơ sở, TTYT cam kết sẽ nghiêm túc chấp hành các quy định, hướng dẫn về môi trường, thực hiện tốt các giải pháp, biện pháp BVMT có liên quan đến dự án và hoạt động của cơ sở, cụ thể:

+Đảm bảo tách riêng hoàn toàn hệ thống thu gom, thoát nước mưa với hệ thống thu gom, thoát nước thải;

+Toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải y tế phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở được thu gom và xử lý cục bộ đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 28:2010/ BTNMT – Nước thải Y tế, Cột A và K=1,2 quy định;

+Thường xuyên kiểm tra đường ống thu gom nước thải, thực hiện bảo trì bảo dưỡng theo định kỳ nhằm đảm bảo nước thải được thu gom triệt để, không để nước rò rỉ ra môi trường;

+Thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải từ HTXL nước thải tập trung của cơ sở. Định kỳ 01 lần/năm.

+Đối với chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại, chất thải y tế lây nhiễm: Thu gom, phân loại tại nguồn, thực hiện quản lý nghiêm ngặt và hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định tại Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là

Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế;

+Thực hiện các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung tại cơ sở, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

+Thực hiện các giải pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn hoạt động. Khi xảy ra sự cố, TTYT sẽ nhanh chóng khắc phục trong thời gian ngắn nhất và báo cáo với cơ quan chức năng về môi trường để được hướng dẫn và phối hợp thực hiện;

+Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác: Có kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn hoá chất, phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, quản lý tài nguyên nước; tuân thủ quy định về công khai thông tin, dữ liệu môi trường theo quy định. Khi xảy ra sự cố, TTYT sẽ nhanh chóng khắc phục trong thời gian ngắn nhất và báo cáo với cơ quan chức năng về môi trường để được hướng dẫn và phối hợp thực hiện.

7.3. Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định này

- Tuân thủ Luật Bảo vệ Môi trường, các Nghị định, Thông tư và văn bản pháp quy hiện hành có liên quan đến hoạt động của cơ sở;

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm phát sinh từ quá trình hoạt động của cơ sở;

- Thực hiện lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định hiện hành; cập nhật, lưu giữ số liệu phục vụ kiểm tra;

- Cam kết về đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do quá trình hoạt động khám, chữa bệnh. Trong trường hợp xảy ra các sự cố, rủi ro và ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến khu vực xung quanh, TTYT khu vực Xuân Lộc cam kết khắc phục và phục hồi môi trường theo quy định của Pháp luật.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

Phụ lục 1: Hồ sơ pháp lý và các văn bản liên quan

Phụ lục 2: Phiếu kết quả thử nghiệm

Phụ lục 3: Các bản vẽ liên quan

PHỤ LỤC 1

- Văn bản số 434/TTYT-YTCC-TP&DD ngày 18/7/2025 của TTYT Khu vực Xuân Lộc v/v thay đổi chủ cơ sở thực hiện và hoàn thiện hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở *"Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc, quy mô 200 giường bệnh"* tại xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc (nay là xã Xuân Lộc), tỉnh Đồng Nai;
- Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thành lập Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc trực thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai trên cơ sở tiếp nhận và tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc;
- Quyết định phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Xuân Lộc số 3415/QĐ-UBND ngày 17/10/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai;
- Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành Bệnh viện Đa khoa Xuân Lộc số 477/QĐ-UBND ngày 25/02/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai;
- Quyết định thành lập Trung tâm Y tế các huyện, thành phố Biên Hòa số 3327/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 và số 541/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai;
- Quyết định thành lập Trung tâm Y tế các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa trên cơ sở sáp nhập thêm Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình vào Trung tâm y tế, số 468/QĐ-UBND ngày 12/02/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai;
- Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 46/ĐNAI-GPHĐ ngày 29/7/2025 của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai cấp phép cho TTYT khu vực Xuân Lộc;
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mã AQ 119876, số vào sổ cấp GCN T.00004 ngày 12/10/2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tỉnh Đồng Nai;
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 582317, số vào sổ cấp GCN CT28739 ngày 23/3/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tỉnh Đồng Nai;
- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả số H19.151-250724-4259 ngày 24/7/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai về việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký thay đổi thông tin về người sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của TTYT khu vực Xuân Lộc;
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình ngày 01/02/2013 và 29/3/2013;
- Văn bản trả lời về Giấy phép xây dựng công trình y tế Xuân Lộc số 5872/SXD-QLXD ngày 12/12/2024 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai;
- Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 3957/QĐ-UBND ngày 25/11/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai;
- Công văn chấp thuận TTYT huyện Xuân Lộc được kế thừa các hồ sơ môi trường của Bệnh viện Đa khoa huyện Xuân Lộc, số 7309/STNMT-CCBVMT ngày 15/9/2020;
- Thông báo kết quả kiểm tra chất lượng nước thải sau xử lý của Bệnh viện Đa khoa Xuân Lộc, số 297/STNMT-CCBVMT ngày 26/01/2015;

- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 342/GP-UBND ngày 24/11/2020;
- Văn bản chấp thuận đấu nối nước thải vào khu vực số 5897/UBND-KT ngày 18/8/2023;
- Văn bản xác nhận nguồn tiếp nhận nước thải phát sinh từ TTYT Xuân Lộc số 1938/UBND-KT ngày 21/3/2025;
- Quyết định cho phép TTYT Xuân Lộc thanh lý tài sản hết khấu hao, không còn sử dụng được và đã hư hỏng số 1743/QĐ-UBND ngày 06/7/2022;
- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại số 62/SĐK-CCBCMT ngày 02/6/2017. Mã QLCTNH 75.001316.T (Cấp lần 2);
- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 475/TD-PCCC (PC23) ngày 27/10/2009 do Phòng Cảnh sát PC&CC Đồng Nai cấp cho Bệnh viện Đa khoa huyện Xuân Lộc;
- Biên bản kiểm tra nghiệm thu Hệ thống PCCC ngày 26/3/2013;
- Văn bản nghiệm thu hệ thống PCCC số 112/SPCCC-PC của Sở Cảnh sát PCCC Đồng Nai cấp ngày 17/4/2013;
- Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy năm 2024;
- Giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-Quang chẩn đoán trong y tế) số 1266/GP-SKHCN ngày 06/6/2022 và số 2805/GP-SKHCN ngày 04/11/2022;
- Giấy chứng nhận kiểm định các thiết bị chụp X-Quang;
- Các bản kết quả kiểm xạ tại cơ sở sử dụng máy phát tia X;
- Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ;
- Quyết định số 3838/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;
- Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện các Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của tỉnh Đồng Nai;
- Quyết định số 1568/QĐ-SYT ngày 20/12/2024 của Sở Y tế Đồng Nai giao chỉ tiêu kế hoạch sự nghiệp Y tế cho TTYT huyện Xuân Lộc;
- Quyết định số 1494/QĐ-XPHC ngày 08/5/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
- Văn bản số 388/TTYT-YTCC-TP&DD ngày 10/6/2025 của TTYT Xuân Lộc v/v thực hiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường – đính kèm phiếu nộp tiền;
- Hợp đồng thu gom – vận chuyển chất thải sinh hoạt;
- Hợp đồng thu mua chất thải tái chế và chất thải rắn thông thường;
- Hợp đồng nguyên tắc v/v vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại;
- Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế lây nhiễm;
- Chứng từ chất thải nguy hại và chất thải y tế lây nhiễm năm 2024 và 6 tháng đầu năm 2025.
- Hóa đơn tiền nước tháng 04 – 6/2025.

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI
TTYT KHU VỰC XUÂN LỘC

Số: 434 /TTYT-YTCC-TP&DD
V/v thay đổi chủ cơ sở thực hiện và hoàn thiện hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở "Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc, quy mô 200 giường bệnh" tại xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc (nay là xã Xuân Lộc), tỉnh Đồng Nai.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Xuân Lộc, ngày 18 tháng 7 năm 2025

ĐẾN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
Số:
Ngày 29 / 7 / 2025

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ công văn số 11382/STNMT-MT ngày 05/12/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tỉnh Đồng Nai về việc hoàn thiện hồ sơ cấp Giấy phép môi trường của cơ sở "Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc, quy mô 200 giường bệnh" tại xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc (nay là xã Xuân Lộc) của Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc;

Căn cứ Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15 do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 16/6/2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đồng Nai năm 2025.

Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc (trước đây là Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc) xin thông báo về việc thay đổi chủ cơ sở thực hiện và hoàn thiện hồ sơ cấp Giấy phép môi trường cụ thể như sau:

Ngày 01/07/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 188/QĐ-UBND về việc thành lập Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc trực thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai trên cơ sở tiếp nhận và tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc thành Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc, theo đó Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc được đổi tên thành Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc tại xã Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, thực hiện cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế theo khu vực trên địa bàn 06 xã, gồm: Xã Xuân Định, xã Xuân Phú, xã Xuân Lộc, xã Xuân Hòa, xã Xuân Thành và xã Xuân Bắc. Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc vẫn giữ nguyên quy mô hoạt động 200 giường bệnh, quy trình khám chữa bệnh tại cơ sở và tiếp tục sử dụng các hồ sơ, giấy tờ có liên quan sau khi tiếp nhận lại từ TTYT huyện Xuân Lộc.

Vì vậy, Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc sẽ tiếp tục chỉnh sửa và hoàn thiện hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép Môi trường theo thông báo trả kết quả số 11382/STNMT-MT ngày 05/12/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tỉnh Đồng Nai.

Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc cam kết bảo đảm về tính trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu đã nêu trong báo cáo Giấy phép môi trường. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật của Việt Nam.

Ấp Suối Cát 1, xã Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
ĐT: (02513) 871124. Email: ttytdn-xl@donginai.gov.vn. Website: trungtamytexuanloc.com

Được quét bằng CamScanner

Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc kính trình Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai được biết./.

(Đính kèm Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai).

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban Giám đốc TTYT;
- Lưu: VT, YTCC-TP&DD

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC XUÂN LỘC

Bùi Thái Chiến

Được quét bằng CamScanner

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 188 /QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 01 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc trực thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai trên cơ sở tiếp nhận và tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc thành Trung tâm y tế khu vực Xuân Lộc khi sáp nhập tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc Hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ; Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ quy định về cơ quan thuộc Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 47/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 5309/TTr-SNV ngày 26 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc trực thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai trên cơ sở tiếp nhận và tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc thành Trung tâm y tế khu vực Xuân Lộc khi sáp nhập tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước theo Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Tên gọi: Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc.

2. Vị trí pháp lý, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

a) Vị trí pháp lý

- Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc (sau đây viết tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp y tế công lập trực thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai, Trung tâm có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu, tài khoản riêng được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

- Trung tâm chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về tổ chức, nhân lực, hoạt động, tài chính và cơ sở vật chất của Sở Y tế; chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ của các đơn vị y tế tuyến tỉnh, Trung ương.

b) Chức năng

Trung tâm có chức năng cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, sức khỏe sinh sản, an toàn thực phẩm, dân số, các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật; trực tiếp quản lý các Trạm Y tế xã, phường (gọi chung là Trạm Y tế) và các tổ chức khác thuộc Trung tâm (nếu có) trên địa bàn các xã, phường phụ trách cung ứng dịch vụ.

c) Nhiệm vụ, quyền hạn

Trung tâm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Thông tư số 32/2024/TT-BYT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương.

Trung tâm thực hiện cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế theo khu vực trên địa bàn 06 xã gồm: Xã Xuân Định, xã Xuân Phú, xã Xuân Lộc, xã Xuân Hòa, xã Xuân Thành, xã Xuân Bắc.

3. Cơ cấu tổ chức

a) Lãnh đạo: Trung tâm có Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.

b) Các khoa, phòng

- Phòng Tổ chức - Hành chính;

- Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ - Điều dưỡng (bao gồm cả lĩnh vực quản lý chất lượng, công tác xã hội, chăm sóc khách hàng);

- Phòng Tài chính - Kế toán;

- Phòng Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe;

- Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS (bao gồm Cơ sở Methadone số 7);

- Khoa Y tế công cộng - Thực phẩm và Dinh dưỡng;

- Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và phụ sản;

- Khoa Khám bệnh;

- Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc;

- Khoa Nội - Nhiễm;

- Khoa Nhi;

- Khoa Ngoại - Gây mê hồi sức;

- Khoa Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng;

- Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng;

- Khoa Xét nghiệm;

- Khoa Chẩn đoán hình ảnh;

- Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn;

- Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế.

c) Trạm Y tế

- Trạm Y tế xã Xuân Định (gồm Trạm Y tế và 02 cơ sở của Trạm Y tế);

- Trạm Y tế xã Xuân Phú (gồm Trạm Y tế và 01 cơ sở của Trạm Y tế);

- Trạm Y tế xã Xuân Bắc (gồm Trạm Y tế và 01 cơ sở của Trạm Y tế);

- Trạm Y tế xã Xuân Lộc (gồm Trạm Y tế và 04 cơ sở của Trạm Y tế);

- Trạm Y tế xã Xuân Thành (gồm Trạm Y tế và 01 cơ sở của Trạm Y tế);

- Trạm Y tế xã Xuân Hòa (gồm Trạm Y tế và 02 cơ sở của Trạm Y tế).

Trạm Y tế là đơn vị y tế thuộc Trung tâm Y tế khu vực. Trạm Y tế có trụ sở riêng, có con dấu để giao dịch và phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ.

Trạm Y tế thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Thông tư số 33/2015/TT-BYT ngày 27/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ của Trạm y tế xã, phường, thị trấn.

Trường hợp Bộ Y tế có hướng dẫn mới về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế khu vực, Trạm Y tế thì thực hiện theo quy định, hướng dẫn của Bộ Y tế.

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Giao Giám đốc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai

a) Chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ, Sở Tài chính các cơ quan liên quan triển khai tổ chức thực hiện Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai;

b) Xây dựng, hoàn chỉnh Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức, Đề án vị trí việc làm của đơn vị phù hợp với các nội dung tại Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và quy định của pháp luật, trình cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ theo dõi, kiểm tra việc triển khai thực hiện các nội dung quy định tại Quyết định này.

3. Trung tâm có trách nhiệm ban hành quy chế làm việc của đơn vị, quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Khoa, Phòng, Trạm Y tế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2025.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Y tế, Giám đốc Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3415 /QĐ-UBND	*Biên Hòa, ngày 17 tháng 10 năm 2008*

BẢN SAO

QUYẾT ĐỊNH

Về việc duyệt Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 598 /TTr-SKHĐT ngày 15 tháng 10 năm 2008 về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng Bệnh Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt hồ sơ Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc với nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: xây dựng Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc.

2. Chủ đầu tư: Sở Y tế.

3. Hình thức tổ chức quản lý thực hiện dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

4. Đơn vị lập Dự án: Công ty cổ phần Đầu tư kiến trúc và xây dựng D.T.C. Chủ nhiệm lập dự án: KTS. Đoàn Việt Cường.

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Đầu tư xây dựng Bệnh viện huyện Xuân Lộc trên cơ sở cải tạo mở rộng Trung tâm y tế Xuân Lộc, nhằm tạo cơ sở vật chất cho địa phương, đồng thời Bệnh viện là nơi cấp cứu, khám, chữa bệnh nội và ngoại trú cho nhân dân phù hợp quy hoạch ngành và quy hoạch xây dựng địa phương.

6. Nội dung và qui mô đầu tư xây dựng: Các hạng mục đầu tư gồm: cải tạo khối nhà chính (3 tầng); khoa truyền nhiễm (1 tầng); Nhà đại thể (1 tầng); Khoa chống nhiễm khuẩn (1 tầng); Nhà xe nhân viên (1 tầng); Nhà xe khách (1 tầng); Nhà xe cấp cứu (1 tầng); Nhà kho (1 tầng); Nhà bảo vệ (01 tầng); Cổng, tường rào; Trạm xử lý nước thải (1 tầng); Lò đốt rác; San nền; Cơ sở hạ tầng đầy đủ có tính cho quy mô Bệnh viện phát triển 200 giường.

7. Địa điểm xây dựng: xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

8. Diện tích khu đất: 19.138 m^2.

9. Phương án thiết kế - giải pháp xây dựng:

Tổng mặt bằng của phương án xây dựng dự án Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc được bố trí tại bản vẽ ký hiệu KT: 01 do Công ty cổ phần Đầu tư kiến trúc và xây dựng D.T.C lập; Sở Kế hoạch và Đầu tư ký duyệt.

Các hạng mục công trình chính:

Cải tạo khối nhà chính(3 tầng):

- Phần cải tạo, với diện tích sàn xây dựng 2.834 m^2. Giữ lại toàn bộ kết cấu hiện hữu; sơn toàn bộ tường và trần; làm vệ sinh sàn gạch cũ kết hợp thay thế một số chỗ hư hỏng; thay mới trần hiện hữu bằng trần thạch cao khung nhôm nổi; sơn lại toàn bộ cửa đi, cửa sổ và thay thế một số cửa hư hỏng; cải tạo hệ thống cấp điện và cấp nước.

- Phần xây dựng mới, với diện tích sàn khoảng 9.116 m^2. Kết cấu móng, cột, khung, sàn bằng bê tông cốt thép toàn khối đổ tại chỗ; mái bằng bê tông cốt thép bên trên lợp tôn+xà gồ thép; nền, sàn lát gạch; điện, nước, sơn đầy đủ.

Khoa truyền nhiễm (1 tầng), diện tích xây dựng khoảng 225 m^2. Kết cấu móng, cột, khung bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ, mái bằng bê tông cốt thép bên trên lợp tôn sóng vuông, nền lát gạch, điện, nước, sơn đầy đủ.

Khoa chống nhiễm khuẩn (1 tầng), diện tích xây dựng khoảng 280 m^2. Kết cấu móng, cột, khung bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ, mái bằng bê tông cốt thép bê trên lợp tôn sóng vuông, nền lát gạch, điện, nước, sơn đầy đủ.

Nhà đại thể (1 tầng), diện tích xây dựng khoảng 171 m^2. Kết cấu móng, cột, khung bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ, mái bằng bê tông cốt thép, nền lát gạch, điện, nước, sơn đầy đủ.

Các hạng mục phụ trợ và hạ tầng khác:

Nhà bảo vệ (01 tầng), diện tích xây dựng khoảng 14 m^2. Kết cấu móng, cột, khung bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ, mái bê tông cốt thép, nền lát gạch.

Nhà kho (01 tầng), diện tích xây dựng khoảng 144 m^2. Kết cấu móng, cột, khung bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ, mái bê tông cốt thép bên trên lợp tôn sống vuông+xà gồ thép, nền lát gạch.

Nhà xe cấp cứu (1 tầng), diện tích xây dựng khoảng 159 m^2. Kết cấu móng, cột bê tông cốt thép, mái lợp tôn, nền bê tông, trần nhựa, nền lát gạch.

Nhà xe 2 bánh nhân viên (1 tầng), diện tích xây dựng khoảng 180 m^2. Kết cấu móng bê tông cốt thép, cột thép, mái lợp tôn, nền bê tông.

Nhà xe 2 bánh khách (1 tầng), diện tích xây dựng khoảng 280 m^2. Kết cấu móng, cột, khung bằng bê tông cốt thép, mái lợp tôn sóng vuông.

Trạm điện (1 tầng), diện tích xây dựng khoảng 30 m^2. Kết cấu móng, cột, khung bằng bê tông cốt thép, mái bằng bê tông cốt thép, nền lát gạch.

Lò đốt rác (01 tầng), diện tích xây dựng khoảng 20 m^2.

Trạm xử lý nước thải (01 tầng), diện tích khoảng 265 m^2.

Hệ thống sân, đường nội bộ: Sân, đường bằng bê tông nhựa nóng kết hợp lát gạch Terrazo; Cây xanh, thảm cỏ, bồn hoa, cột cờ.

Cổng tường rào, kè chắn đất (mặt tiếp giáp với đường giao thông xây dựng rào thoáng đẹp).

Hệ thống cấp, thoát nước toàn khu:

Cấp nước: Nước cấp sử dụng từ nguồn cấp nước chung của khu vực, xây dựng bể nước ngầm dự trữ nước sinh hoạt và PCCC, máy bơm, đài nước.

Thoát nước: Nước mưa chảy vào hệ thống thoát nước chung và đổ ra suối. Nước thải bản khu vệ sinh và nước thải y tế dẫn vào bể xử lý nước thải đảm bảo theo tiêu chuẩn trước khi thoát vào hệ thống thoát nước chung và đổ ra suối.

Nguồn điện được cấp từ lưới điện hiện hữu của khu vực, xây dựng trạm biến áp, đường dây trung, điện nội tuyến, đầu tư 01 máy phát điện dự phòng.

Hệ thống công nghệ thông tin.

Hệ thống ôxy trung tâm.

Hệ thống chống sét chung cho toàn công trình (theo dạng kim thu sét độc lập).

Xây dựng hệ thống PCCC theo quy định kết hợp báo cháy tự động.

San nền.

10. Loại, cấp công trình: Loại dự án: Nhóm B, cấp công trình: cấp II, thuộc công trình công cộng (y tế).

11. Phương án giải phóng mặt bằng: thực hiện theo Quyết định số 10216/QĐ-UBND ngày 11/12/2006 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê chuẩn phương án tổng thể về bồi thường dự án đầu tư mở rộng mặt bằng Trung tâm tại xã Suối Cát, huyện Xuân lộc.

12. Tổng mức vốn đầu tư: 118.440.486.000 đồng.

- Trong đó:

Xây lắp: 54.699.124.000 đồng.

Thiết bị: 40.931.101.000 đồng.

Chi phí khác+QLDA+Tư vấn xây dựng: 6.838.395.000 đồng.

Chi phí đền bù giải tỏa: 523.107.000 đồng.

Dự phòng phí (15%): 15.448.759.000 đồng.

(có phụ lục chi tiết kèm theo).

13. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

14. Tiến độ đầu tư: Năm 2009- 2011.

15. Phương thức tổ chức đầu tư: Đấu thầu.

16. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

Chủ đầu tư tổ chức thực hiện dự án theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng.

Cho nghiên cứu kỹ khảo sát kỹ địa chất công trình để có cơ sở thiết kế nền móng công trình phù hợp. Khi triển khai thiết kế bản vẽ thi công đề nghị cập nhật kỹ cao độ tự nhiên, để có giải pháp san nền phù hợp, tránh gây ngập úng cục bộ ở các vùng lân cận; cập nhật lộ giới giao thông quy hoạch mở đường. Trước khi khởi công xây dựng công trình phải có Báo cáo đánh giá tác động môi trường phê được duyệt.

Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn thiết kế bố trí lối đi lên xuống đảm bảo cho người khuyết tật sử dụng công trình (áp dụng Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCXDVN 01 : 2002 ; Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 246 : 2002 và các tiêu chuẩn thiết kế hiện hành khác).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Xuân Lộc; Giám đốc Sở Y tế và Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :
- Như điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng CNN;
- Lưu: VT, CNN.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Quốc Thái

CHỨNG THỰC BẢN SAO NÀY
ĐÚNG BẢN CHÍNH
P. Hòa Bình, ngày 23/10/2017
Đã vào số :...05.....
CHỦ TỊCH UBND P. HÒA BÌNH

Nguyễn Tấn An

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Số: 474/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 5 tháng 02 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số: 551/TTr-STC ngày 13 tháng 02 năm 2015,

BAN QLDAKVCN Y TẾ
SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày ... tháng ... năm 20...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành:

- Tên dự án: Xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Xuân Lộc.
- Chủ đầu tư: Sở Y tế tỉnh Đồng Nai.
- Địa điểm xây dựng: xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc.
- Thời gian khởi công: 06/08/2010, hoàn thành: 14/12/2013.

Giám Đốc
Đỗ Quang Điền

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nguồn	Được duyệt	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn phải thanh toán
(1)	(2)	(3)	(4) = (2) – (3)
Tổng số	**134.770.174.687**	**132.317.142.687**	**2.453.032.000**
Vốn ngân sách tỉnh	134.770.174.687	132.317.142.687	2.453.032.000
Vốn khác	0	0	0

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2008 của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên hạng mục	Năng lực thiết kế	Vốn đầu tư (nghìn đồng)
	Tổng mức vốn đầu tư		**118.440.486**
A	**Xây lắp**		**54.699.124**
	I.Công trình cải tạo		**37.572.290**
1	cải tạo Khối nhà chính	2834m^2	5.667.760
2	xây mới Khối nhà chính	9116m^2	31.904.530
	II.Công trình xây mới		**17.126.834**
1	Khoa truyền nhiễm	225m^2	902.088
2	Khoa chống nhiễm khuẩn	280m^2	5.068.573
3	Nhà đại thể	171m^2	641.157
4	Lò đốt rác y tế	20m^2	50.000
5	Nhà kho bệnh viện	144m^2	384.000
6	Nhà xe cấp cứu	159m^2	425.000
7	Nhà bảo vệ	14m^2	40.500
8	Nhà xe nhân viên	180m^2	360.000
9	Nhà xe khách	280m^2	560.000
10	Sân đường - giao thông		1.265.456
11	Cây xanh, thảm cỏ		642.460
12	Cổng - Tường rào		
	Cổng + bảng tên		48.600
	Rào thoáng		70.080
	Rào đặc		587.760
	Kè đá chân đất		254.800
13	San nền		526.360
14	Chống sét toàn khu		100.000
15	Cấp điện toàn khu (Trạm biến áp 750KVA + đường dây trung thế, điện nội tuyến)		2.000.000
16	Hệ thống cấp nước toàn khu kể cả bể ngầm-cấp PCCC-đài nước		1.500.000
17	Hệ thống thoát nước toàn khu (kể cả hệ thống thu gom nước bẩn)		1.000.000
18	Trạm xử lý nước thải	265m^3	700.000
B	**Thiết bị**		**40.931.101**
	I.Thiết bị xây lắp		**6.270.000**
1	Hệ thống chữa cháy	1 ht	200.000
2	Thiết bị xử lý nước thải	1 ht	800.000
3	Thiết bị xử lý nước cấp 50m3	1 ht	100.000
4	Máy phát điện dự phòng 350KVA	1 cái	1.900.000
5	Thang máy 3 điểm dừng	2 thang	660.000

6	Máy lạnh (1,5HP)	30 cái	300.00
7	Điện thoại 10 line + 10 tổng 50 số		100.00
8	Hệ thống oxy trung tâm – khí nén	1 ht	1.200.00
	Hệ thống báo cháy tự động	1 ht	200.000
9	Bình oxy	20 bình	10.000
10	Thiết bị Lò đốt rác	1 bộ	800.000
	II.Thiết bị văn phòng		**1.416.400**
1	Bàn làm việc	80 cái	52.000
2	Ghế xoay	80 cái	24.000
3	Ghế dựa	120 cái	14.400
4	Bộ bàn ăn 6 ghế	10 cái	15.000
5	Bàn họp 30 chỗ	1 bộ	15.000
6	Ghế hội trường	100 cái	25.000
7	Ghế đơn	120 cái	42.000
8	Salon 4 chỗ	3 bộ	6.000
9	Tủ hồ sơ bằng sắt (0,9x1,8)	50 cái	90.000
10	Mạng vi tính : 1 máy chủ + 20 máy để bàn	1 bộ	310.000
11	Máy in	10 cái	44.000
12	Máy photo A3 – print	1 bộ	58.000
13	Prozector	1 cái	6.000
14	Phần mềm công nghệ thông tin về xử lý	1 bộ	515.000
15	Hệ thống trang âm , hội trường	1ht	200.000
	III.Thiết bị Y tế		**33.244,701**
1	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	5 cái	
2	Máy tạo ôxy di động 5 lit/phút	8 cái	
3	Máy thở (chạy điện bằng máy nen tự cấp)	4 cái	
4	Máy phá rung tim	2 cái	
5	Máy thở CPAP (không xâm nhập, chạy điện)	4 cái	
6	Bơm truyền dịch	1 cái	
7	Bơm tiêm điện	1 cái	
8	Máy điện tim 6kênh	5 cái	
9	Máy hút điện	4 cái	
10	Máy đo độ bão hoà ôxy và nhịp mạch, loại để bàn	2 cái	
11	Bộ đặt nội khí quản 3 lưỡi	6 bộ	
12	Bộ mở khí quản	2 bộ	
13	Nệm mút	10 cái	
14	Máy X-quang cao tần >= 30mA	1 cái	
15	Máy rửa phim X-quang tự động >= 60 phim/giờ	1 cái	
16	Máy siêu âm đen trắng 2 đầu dò kèm máy in, có xe đẩy	1 bộ	
17	Máy siêu âm sách tay kèm máy in, 2 đầu dò	1 bộ	
18	Bộ soi dạ dày ống mềm (video - Monitor)	1 bộ	
19	Bộ soi trực tràng loại ống đứng	1 bộ	
20	Máy phân tích sinh hoá tự động	2 cái	
21	Máy phân tích huyết học tự động	1 cái	
22	Máy phân tích nước tiểu tự động	2 cái	

23	Máy đo điện giải Na, K, Cl điện cực chọn lọc	1 cái	
24	Máy đo đông máu cầm tay	1 cái	
25	Máy ly tâm đa năng	1 cái	
26	Kính hiển vi 2 mắt	2 cái	
27	(mỗi bộ gồm 3 loại)	1 bộ	
28	Tủ trữ máu	1 cái	
29	Tủ lạnh thường 160 lít	2 cái	
30	Máy cất nước 2 lần 2L/h + bộ tiền lọc	1 cái	
31	Cân kỹ thuật 0,1g (max 500g)	1 cái	
32	Tủ sấy điện 250°C, 120 lít	2 cái	
33	Tủ ấm 37°C, 60 lít	1 cái	
34	Máy ly tâm máu (ống dẫn máu)	2 cái	
35	Máy gây mê kèm thở, máy nén khí	1 cái	
36	Máy hút điện chạy liên tục, áp lực thấp	1 cái	
37	Monitor phòng mổ 6 thông số	1 cái	
38	Dao mổ điện	1 cái	
39	Bàn mổ đa năng thuỷ lực	2 cái	
40	Máy phun dung dịch khử trùng phòng mổ	1 cái	
41	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiêu hoá	2 bộ	
42	Bộ dụng cụ phẫu thuật chấn thương chỉnh hình	1 bộ	
43	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	10 bộ	
44	Bộ dụng cụ phẫu thuật sản phụ khoa	2 bộ	
45	Bộ dụng cụ mổ quặm, mộng mắt	1 bộ	
46	bộ dụng cụ chích chắp lẹo	1 bộ	
47	Đèn mổ treo trần ≥ 120.000 lux	2 cái	
48	Đèn mổ di động ≥ 60.000 lux	2 cái	
49	Lồng ấp trẻ sơ sinh	3 cái	
50	Monitor theo dõi sản khoa	1 cái	
51	Máy châm cứu điện	2 cái	
52	Máy sóng ngắn điều trị	1 cái	
53	Máy điện từ điều trị	1 cái	
54	Máy laze điều trị 25W	1 cái	
55	Bộ dụng cụ khám điều trị Tai mũi họng + ghế	1 bộ	
56	Ghế khám điều trị RHM + tẩy cao răng bằng SA	1 cái	
57	Đèn soi đáy mắt	2 bộ	
58	Bộ soi bóng đồng tử đo khúc xạ Skiascope set	1 bộ	
59	Đèn khám mắt hình bóa	1 cái	
60	Bộ kích thích thị lực	1 bộ	
61	Xe cứu thương	1 chiếc	
62	Nồi hấp ngang 1 cửa 200 lít chạy điện	2 cái	
63	Nồi hấp 75 lít chạy điện	1 cái	
64	Máy giặt quần áo ≥ 30 kg	1 cái	
65	Bàn đẻ có bục lên xuống	1 cái	
66	Bàn để đồ vải (Inox)	3 cái	
67	Bàn để dụng cụ (Inox)	4 cái	

		8 cái	
68	Bàn khám phụ khoa có bục trước	2 cái	
69	Bàn làm bó bột xương có bục	1 cái	
70	Bàn mổ chấn thương chỉnh hình	1 cái	
71	Bàn mổ đẻ	1 cái	
72	Bàn kiểm tra thị lực (hộp đèn)	2 cái	
73	Bảng thử mù màu	1 cái	
74	Bảng viết	10 cái	
75	Bô dái cho nam	10 cái	
76	Bộ đại phẫu	1 cái	
77	Bộ dẫn lưu màng phổi	2 cái	
78	Bô đẹt cho nữ	10 bộ	
79	Bộ dụng cụ bọc lộ tĩnh mạch	5 bộ	
80	Bộ dụng cụ cắt Amidan	2 bộ	
81	Bộ dụng cụ cắt mũi chỉ	1 bộ	
82	Bộ dụng cụ cắt tử cung	1 bộ	
83	Bộ dụng cụ cố định chỉ	2 bộ	
84	Bộ dụng cụ đỉnh sản nam	10 bộ	
85	Bộ dụng cụ đỉnh sản nữ	5 bộ	
86	Bộ dụng cụ đỡ đẻ	10 bộ	
87	Bộ dụng cụ khám bệnh	10 bộ	
88	Bộ dụng cụ khám điều trị mắt	2 bộ	
89	Bộ dụng cụ khám sản phụ khoa	5 bộ	
90	Bộ dụng cụ lấy dụng cụ giác mạc	2 bộ	
91	Bộ dụng cụ mổ đẻ và cắt dạ con	1 bộ	
92	Bộ dụng cụ phẫu thuật phụ khoa	1 bộ	
93	Bộ kim châm cứu các loại	30 bộ	
94	Bộ kim nhổ răng người lớn, trẻ em các loại	10 bộ	
95	Bộ loa soi mũi	1 bộ	
96	Bộ loa soi tai	1 bộ	
97	Bộ nạo thai	4 bộ	
98	Bộ soi thanh quản	1 bộ	
99	Bộ thảo vòng tránh thai	2 bộ	
100	Bộ thông niệu đạo nam(sonde henique)	2 bộ	
101	Bộ tranh huyệt châm cứu	10 cái	
102	Bô trôn (đại tiện)	2 bộ	
103	Bộ trung phẫu	5 cái	
104	Bốc thụt tháo	2 cái	
105	Bơm thức ăn cho trẻ em	5 cái	
106	Bơm tiêm nha khoa	2 bộ	
107	Bóp bóng hô hấp cho trẻ em	3 bộ	
108	Bóp bóng người lớn	5 cái	
109	Búa thử phản xạ	10 cái	
110	Ca nhổ đờm	5 cái	
111	Cân người lớn có thước đo chiều cao	3 cái	
112	Cân trẻ em		

113	Cân trẻ sơ sinh	2 cái	
114	Cáng, cáy bệnh nhân nằm	10 cái	
115	Cáng tay xếp được	10 cái	
116	Cassette + bìa tăng quang kích thước 13x18cm, 18x24cm 24x30cm, 30x40cm, 35x35cm, 35x40cm	20 cái	
117	Cathele tĩnh mạch	10 cái	
118	Chậu các loại	30 cái	
119	Chậu tắm trẻ em	10 cái	
120	Chữ Aphabest bằng chì	2 bộ	
121	Đệ lưỡi kim loại cong	20 cái	
122	Đè lưỡi kim loại thẳng	50 cái	
123	Đệm chống loét	5 cái	
124	Đèn Clar	2 bộ	
125	Đèn cực tím loại di động	2 cái	
126	Đèn cực tím tiệt trùng	8 cái	
127	Đèn điều trị hồng ngoại	2 cái	
128	Đèn điều trị vàng da	1 cái	
129	Đèn đọc phim X-quang đơn	5 cái	
130	Đèn đọc phim X-quang loại 2 phim	5 cái	
131	Đèn đọc phim X-quang loại 2-3 phim 30x40cm	2 cái	
132	Đèn khám bệnh	10 cái	
133	Đèn khám bệnh treo dán	5 cái	
134	Bộ khám ngũ quan	4 cái	
135	Đồng hồ đếm phút	1 cái	
136	Dụng cụ hút nhớt trẻ em bằng tay	5 cái	
137	Dụng cụ soi thanh quản trẻ em	2 cái	
138	Dụng cụ thuỷ tinh phòng xét nghiệm ống đong, phễu,v.v ... ống nghiệm các loại, lam kính, đĩa lồng, cốc thủy tinh, các loại bình tỉnh nón, hình cầu tru, cốc	2 cái	
139	Găng tay các sự chỉ	2 bộ	
140	Ghế đẩu quay (Inox có tựa)	20 cái	
141	Ghế khám bệnh	1 cái	
142	Giá để ống nghiệm các loại	2 cái	
143	Giá để tiếp nhận vật chưa hấp và đã hấp	8 cái	
144	Giá kệ để hồ sơ bệnh án	4 cái	
145	Giá truyền dịch (Inox)	30 cái	
146	Giường bệnh Inox - có đệm	100 cái	
147	Bàn khám bệnh Inox	10 cái	
148	Giường khám bệnh trẻ em	2 cái	
149	Tủ đầu giường Inox	100 cái	
150	Tủ kính khung Inox đáy được có ngăn thuốc	20 cái	
151	Hộp đựng dụng cụ	30 cái	
152	Hộ hấp bông băng hình trụng	30 cái	
153	Lò thiêu huỷ chất thải rắn	1 lò	
154	Bàn rửa tay khử khuẩn tự động	1 bộ	

155	Máy khoan xương	1 cái	
156	Máy giúp thở trẻ em	2 cái	
157	Áo chì	1 cái	
158	Cưa cắt bột	1 cái	
159	Máy đo điện não	1 cái	
160	Máy sắc thuốc đông y	1 bộ	
161	X-quang răng	1 bộ	
162	Giường kéo cột sống (giường kéo dãng)	1 bộ	
163	Dụng cụ tập khớp vai	1 bộ	
164	Xe đạp tập vật lý trị liệu	1 bộ	
165	Máy sục ruột	2 cái	
166	X-quang tại giường	1 bộ	
167	Xe đẩy nằm, ngồi, giường cấp cứu	20 chiếc	
168	Bộ dụng cụ lấy dị vật thực quản	2 bộ	
169	Máy Shock điện 500	1 bộ	
170	10 mũi cao vôi phòng răng (05 dưới nước, 05 trên nước) đầu insert cạo vôi	10 cái	
171	2 máy thổi cát đánh bóng	2 cái	
172	01 bếp điện + 01 nồi nấu hàm giả	1 cái	
173	02 càng ép thuỷ lực	2 cái	
174	02 đầu tot (taylow) (tay thẳng + tay cong)	2 cái	
175	10 tay khoan hight speed	2 cái	
176	01 máy hấp khử trùng tay khoan hight speed	1 cái	
177	Profile	2 bộ	
178	Lò hấp tiệt trùng 20 lít (Autoclare)	1 bộ	
179	Kính hiển vi phẫu thuật	2 cái	
180	Bộ dụng cụ phẫu thuật lấy thuỷ tinh thể ngoài bao	1 bộ	
181	Bộ dụng cụ mổ lát mắt	1 bộ	
182	Xe đẩy ngồi	80 cái	
183	Giường cấp cứu có tay quay, dụng cụ	15 cái	
184	Máy rửa dụng cụ siêu âm (loại lớn)	1 cái	
185	Micromotor (Isbour)	1 cái	
C	Chi phí đền bù giải toả		523.107
D	Chi phí khác+QLDA+ Tư vấn đầu tư xây dựng		6.838.395
E	Dự phòng phí (15%)		15.448.759

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3354 /QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 14 tháng 10 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH
Thành lập Trung tâm Y tế các huyện, thành phố Biên Hòa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/6/2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 của liên Bộ Y tế, Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, quận, thị xã thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định tổ chức và hoạt động của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 4003/TTr-SYT ngày 08/9/2016 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1962/TTr-SNV ngày 29/9/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Trung tâm Y tế các huyện, thành phố trực thuộc Sở Y tế trên cơ sở sáp nhập nguyên trạng các Bệnh viện Đa khoa các huyện, thành phố vào Trung tâm Y tế các huyện, thành phố, cụ thể như sau:

1. Trung tâm Y tế thành phố Biên Hòa.
2. Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Cửu.
3. Trung tâm Y tế huyện Nhơn Trạch.
4. Trung tâm Y tế huyện Trảng Bom.
5. Trung tâm Y tế huyện Thống Nhất.
6. Trung tâm Y tế huyện Tân Phú.
7. Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ.

8. Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc.

Điều 2. Vị trí, chức năng

1. Trung tâm Y tế các huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là Trung tâm Y tế) là đơn vị sự nghiệp y tế công lập trực thuộc Sở Y tế, chịu sự lãnh đạo trực tiếp và toàn diện của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện chức năng về y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Y tế.

Điều 3. Tổ chức bộ máy

1. Lãnh đạo Trung tâm Y tế các huyện, thành phố.

a) Trung tâm Y tế có Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc

b) Giám đốc là người đứng đầu Trung tâm Y tế chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Y tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Biên Hòa và trước pháp luật trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng, các công việc được phân công hoặc ủy quyền.

c) Phó Giám đốc là người giúp Giám đốc chỉ đạo một số lĩnh vực công tác, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc vắng mặt, một Phó Giám đốc được Giám đốc ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Trung tâm Y tế.

d) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ chính sách đối với Giám đốc và Phó Giám đốc Trung tâm Y tế do Giám đốc Sở Y tế quyết định theo phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật.

2. Các Phòng chức năng thuộc Trung tâm Y tế

a) Phòng Tổ chức - Hành chính.

b) Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ.

c) Phòng Tài chính - Kế toán.

d) Phòng Điều dưỡng.

Các Phòng gồm có Trưởng phòng và không quá 02 phó Trưởng phòng do Giám đốc Trung tâm Y tế các huyện, thành phố Biên Hòa quyết định theo phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Y tế và theo quy định của pháp luật.

3. Các khoa chuyên môn thuộc Trung tâm Y tế

Trung tâm Y tế tối thiểu phải có các khoa chuyên môn, gồm:

a) Khoa Kiểm soát dịch, bệnh, HIV/AIDS.

b) Khoa Y tế công cộng.

c) Khoa An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng.

d) Khoa Khám bệnh.

đ) Khoa Hồi sức cấp cứu.

e) Khoa Nội tổng hợp.

g) Khoa Chẩn đoán hình ảnh.

h) Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn.

i) Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản.

k) Khoa Nhi.

l) Khoa Y học cổ truyền - phục hồi chức năng.

m) Khoa Dược - Vật tư y tế.

n) Khoa Xét nghiệm.

o) Khoa Ngoại tổng hợp.

Các khoa gồm có Trưởng khoa và không quá 02 phó Trưởng khoa do Giám đốc Trung tâm Y tế huyện, thành phố quyết định theo phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Y tế và theo quy định của pháp luật.

Việc thành lập, tổ chức lại các phòng, khoa trực thuộc Trung tâm Y tế ngoài các phòng, khoa quy định tại Khoản 3, Điều 3 Quyết định này do Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế và Giám đốc Sở Nội vụ.

4. Các đơn vị y tế thuộc Trung tâm Y tế

a) Các Phòng khám đa khoa khu vực.

b) Các Trạm y tế xã, phường, thị trấn.

Điều 4. Số lượng người làm việc

a) Số lượng người làm việc của Trung tâm Y tế được xác định trên cơ sở vị trí việc làm theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động của các khoa, phòng theo quy định và nằm trong tổng biên chế của các đơn vị được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

b) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm, Trung tâm Y tế xây dựng kế hoạch biên chế sự nghiệp báo cáo Sở Y tế trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Cơ chế tài chính, cơ chế hoạt động của Trung tâm Y tế

Trung tâm Y tế hoạt động theo cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập được quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

Điều 6. Giám đốc Sở Y tế có trách nhiệm ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Y tế theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Y tế và theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Quyết định trước đây có nội dung trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 8. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Biên Hòa, Giám đốc Trung tâm Y tế các huyện, thành phố Biên Hòa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 8;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh VP. UBND tỉnh (VX);
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VX.

CHỦ TỊCH

Đinh Quốc Thái

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Số: 541/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 13 tháng 02 năm 2017

U.B.N.D HUYỆN XUÂN LỘC
ĐẾN Số: 1169
Ngày: 17/2
Quyển: Bản có Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Lưu Hồ sơ:

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Điều 1, Điều 3 Quyết định số 3327/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc thành lập Trung tâm Y tế các huyện, thành phố Biên Hòa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/6/2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Căn cứ Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 của Liên Bộ Y tế, Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 37/2016/TT-BYT ngày 25/10/2016 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định tổ chức và hoạt động của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 57/TTr-SYT ngày 05/01/2017 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 296/TTr-SNV ngày 14/02/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1, Điều 3 của Quyết định số 3327/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thành lập Trung tâm Y tế các huyện, thành phố Biên Hòa như sau:

1. Sửa đổi Điều 1 như sau:

"Điều 1. Thành lập Trung tâm Y tế các huyện, thành phố trực thuộc Sở Y tế trên cơ sở hợp nhất các Bệnh viện Đa khoa các huyện, thành phố và Trung tâm Y tế các huyện, thành phố"

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3, Điều 3 như sau:

"3. Các khoa chuyên môn thuộc Trung tâm Y tế

a) Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS;

b) Khoa Y tế công cộng và Dinh dưỡng;

c) Khoa An toàn thực phẩm;

d) Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản;

d) Khoa Khám bệnh/Phòng khám đa khoa;

e) Khoa Hồi sức cấp cứu;

g) Khoa Nội tổng hợp;

h) Khoa Ngoại tổng hợp;

i) Khoa Nhi;

k) Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng;

l) Khoa Liên chuyên khoa (Răng Hàm Mặt - Mắt - Tai Mũi Họng);

m) Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế;

n) Khoa Truyền nhiễm;

o) Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn;

p) Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh.

Các khoa gồm có Trưởng khoa và không quá 02 Phó Trưởng khoa do Giám đốc Trung tâm Y tế huyện, thành phố quyết định theo phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Y tế và theo quy định của pháp luật.

Việc thành lập, tổ chức lại các phòng trực thuộc Trung tâm Y tế huyện, thành phố theo quy định tại Khoản 2, Điều 3 Quyết định số 3327/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh và các khoa theo quy định tại Khoản 2, Điều 1 Quyết định này do Giám đốc Sở Y tế xem xét, quyết định theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Y tế và Giám đốc Sở Y tế phải chủ động sắp xếp, cân đối biên chế trong tổng biên chế đã được UBND tỉnh giao".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và điều chỉnh Quyết định số 3327/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.

Các nội dung khác của Quyết định số 3327/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Biên Hòa, Giám đốc Trung tâm Y tế các huyện, thành phố Biên Hòa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh VP UBND tỉnh (VX);
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VX.

CHỦ TỊCH

Đinh Quốc Thái

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 468 /QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 12 tháng 02 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập Trung tâm Y tế các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa trên cơ sở sáp nhập thêm Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình vào Trung tâm Y tế

U.B.N.D HUYỆN XUÂN LỘC
ĐẾN Số: 1035 11
Ngày: 20/2/2019
Chuyển:
Lưu Hồ Sơ:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/6/2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về "tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập";

Căn cứ Kế hoạch số 177-KH/TU ngày 16/4/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2007 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về "tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập";

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 4180/TTr-SYT ngày 21/9/2018 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 92/TTr-SNV ngày 08/01/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Trung tâm Y tế các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa, cụ thể như sau:

1. Thành lập Trung tâm Y tế thành phố Biên Hòa trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình thành phố Biên Hòa vào Trung tâm Y tế thành phố Biên Hòa;

2. Thành lập Trung tâm Y tế huyện Nhơn Trạch trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Nhơn Trạch vào Trung tâm Y tế huyện Nhơn Trạch;

3. Thành lập Trung tâm Y tế huyện Long Thành trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Long Thành vào Trung tâm Y tế huyện Long Thành;

4. Thành lập Trung tâm Y tế huyện Trảng Bom trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Trảng Bom vào Trung tâm Y tế huyện Trảng Bom;

5. Thành lập Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Cửu trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Vĩnh Cửu vào Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Cửu;

6. Thành lập Trung tâm Y tế huyện Thống Nhất trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Thống Nhất vào Trung tâm Y tế huyện Thống Nhất;

7. Thành lập Trung tâm Y tế huyện Định Quán trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Định Quán vào Trung tâm Y tế huyện Định Quán;

8. Thành lập Trung tâm Y tế huyện Tân Phú trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Tân Phú vào Trung tâm Y tế huyện Tân Phú;

9. Thành lập Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Xuân Lộc vào Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc;

10. Thành lập Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Cẩm Mỹ vào Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ;

11. Thành lập Trung tâm Y tế thị xã Long Khánh trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình thị xã Long Khánh vào Trung tâm Y tế thị xã Long Khánh.

Điều 2. Trung tâm Y tế huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về tổ chức, nhân lực, hoạt động, tài chính và cơ sở vật chất của Sở Y tế; chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của các đơn vị y tế tuyến tỉnh, tuyến trung ương; chịu sự quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa theo quy định của pháp luật.

Trung tâm Y tế huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa là đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi hoạt động thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ thuộc Sở Y tế, có tư cách pháp nhân, có trụ sở làm việc riêng, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

1. Thực hiện theo Đề án thành lập đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 12/02/2019.

2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ theo dõi, kiểm tra việc triển khai thực hiện các nội dung quy định tại Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/3/2019. Các quy định trước đây liên quan đến thành lập Trung tâm Y tế các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa trái với Quyết định này đều bị thay thế.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Y tế, Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa; Giám đốc Trung tâm Y tế các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đinh Quốc Thái

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai;
- Báo Đồng Nai; Báo Lao động Đồng Nai;
- Lưu: VT, KT, TH, KGVX.

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ Y TẾ

Số: 46/ĐNAI-GPHĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ.

CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: **TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC XUÂN LỘC**

Hình thức tổ chức: Trung tâm Y tế tương đương Bệnh viện đa khoa

Địa chỉ hoạt động: Xã Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

Thời gian làm việc hằng ngày: 24/24 giờ

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn được Giám đốc Sở Y tế phê duyệt ban hành kèm theo giấy phép hoạt động./.

Đồng Nai, ngày 09 tháng 7 năm 2025
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH ĐỒNG NAI

Lê Quang Trung

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

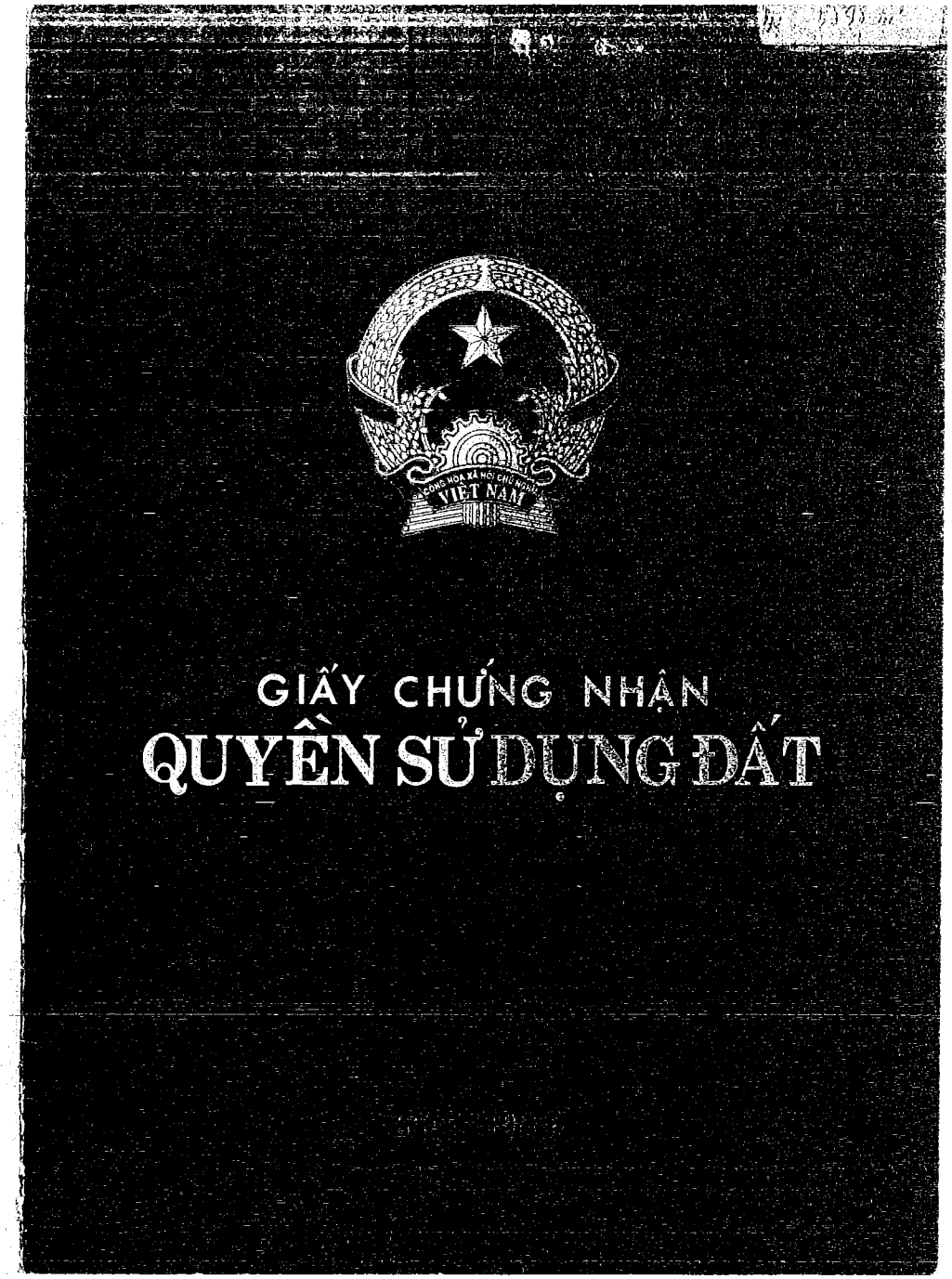
NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý :

1. Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

2. Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên; có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi thời hạn sử dụng đất; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.

3. Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.

4. Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

UỶ BAN NHÂN DÂN

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất

Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc

Địa chỉ: Xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

II- Thửa đất được quyền sử dụng

1. Thửa đất số: 2234 2. Tờ bản đồ số: 8
3. Địa chỉ thửa đất: Xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
4. Diện tích: 5.898,0m2 (năm nghìn tám trăm chín mươi tám mét vuông)
   Trong đó: Được cấp giấy: 5.831,0 m2; Không được cấp: 67,0 m2
5. Hình thức sử dụng:
   + Sử dụng riêng: 5.831,0m2 + Sử dụng chung: không
6. Mục đích sử dụng: Đất cơ sở y tế
7. Thời hạn sử dụng: Lâu dài

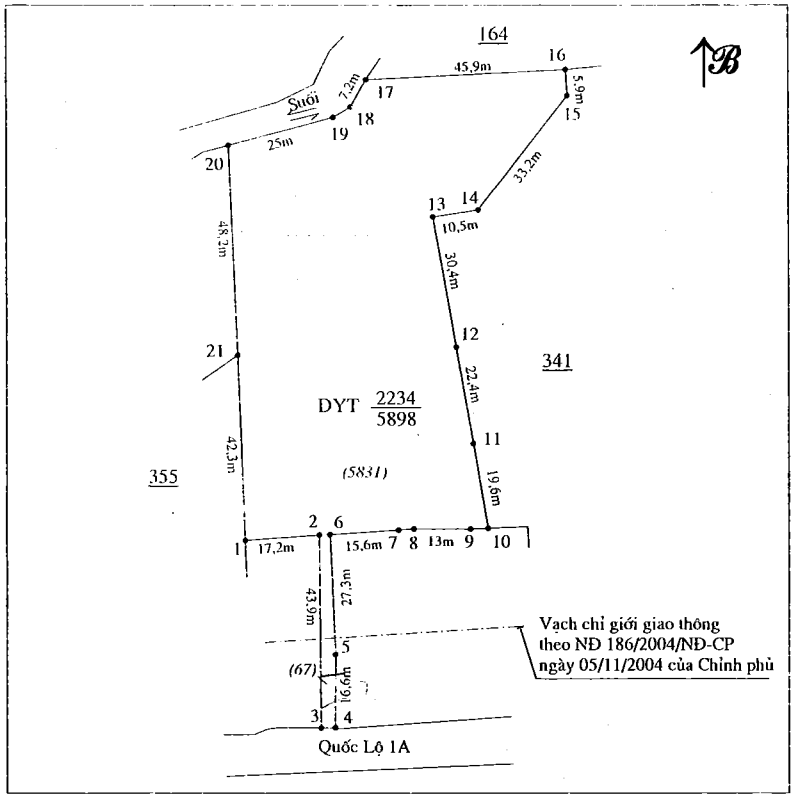
8. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất

III- Tài sản gắn liền với đất

IV- Ghi chú

- Thửa đất được trích sao địa chính
- 67,0 m2 đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình đường Quốc Lộ 1A

V- Sơ đồ thửa đất



Tỷ lệ trích vẽ: 1/ 1200

Ngày 12 tháng 12 năm 2009

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
TUQ. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Lê Viết Hưng

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: T....(illegible)

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

75264521600001

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Bệnh viện Đa khoa huyện Xuân Lộc

Quyết định thành lập số 533/QĐ-UBND ngày 07/03/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai.
Địa chỉ: Ấp Việt Kiều, xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

CD 582317

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 572 Tờ bản đồ số: 17

b) Địa chỉ: xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

c) Diện tích: 11885,6m² (bằng chữ: mười một nghìn tám trăm tám mươi lăm phẩy sáu mét vuông)

Trong đó: Diện tích được cấp: 10959,0m², Không được cấp: 926,6m²

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

d) Mục đích sử dụng: Đất xây dựng cơ sở y tế.

e) Thời hạn sử dụng: Lâu dài .

g) Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

Thửa đất có 926,6m² đất nằm trong quy hoạch đất giao thông, Bệnh viện Đa khoa huyện Xuân Lộc được tiếp tục sử dụng, phải giữ nguyên hiện trạng khi nhà nước thực hiện quy hoạch sẽ thu hồi theo quy định.

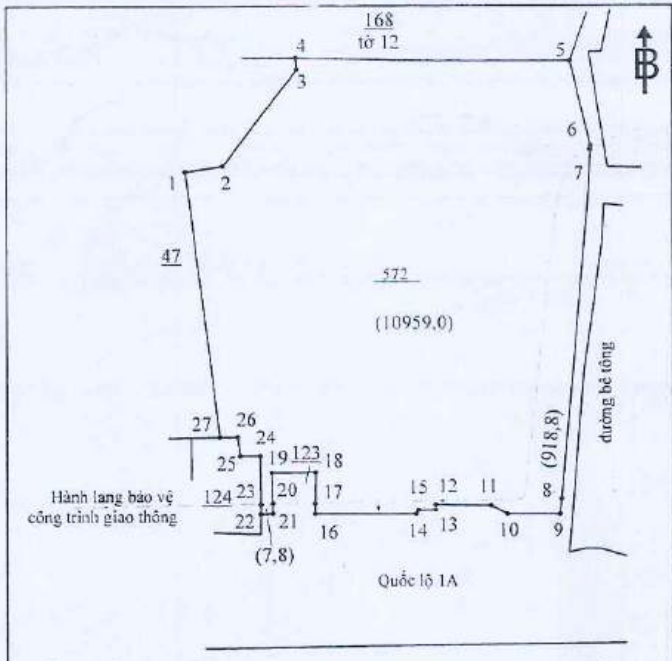
Đồng Nai, Ngày 18 tháng 3 năm 2016

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
TUQ.CHỦ TỊCH
KT.GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Minh Đức

Số vào sổ cấp GCN: CT 28739

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Số hiệu đỉnh thửa	Chiều dài (m)
1	10,50
2	33,34
3	3,18
4	75,62
5	23,90
6	1,37
7	96,43
8	3,68
9	14,40
10	5,24
11	15,45
12	1,38
13	4,54
14	1,33
15	27,87
16	3,10
17	8,32
18	12,04
19	8,72
20	2,56
21	3,15
22	2,48
23	13,45
24	5,66
25	5,27
26	4,97
27	73,54
1	

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Nhà nước thu hồi 202,3m² (trong đó: diện tích được cấp bị thu hồi là 159,5m²; diện tích không được cấp bị thu hồi là 42,8m²) theo Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 16/01/2020 và Quyết định số 2620/QĐ-UBND ngày 21/05/2020 của UBND huyện Xuân Lộc, diện tích còn lại là 11.683,3m² (trong đó: diện tích được cấp còn lại là 10.799,5m²; diện tích không được cấp còn lại là 883,8m²) thuộc thửa đất số 572, tờ bản đồ số 17, theo hồ sơ số 000150.TH.002./.	Ngày 28/04/2021 **GIÁM ĐỐC** **Lê Thanh Tuấn**

TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH

TIẾP NHẬN HỒ SƠ
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

H19.151-250724-4259

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 24 tháng 7 năm 2025

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Trung tâm Phục vụ hành chính công
Tiếp nhận hồ sơ của: **Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc**
Địa chỉ: , Xã Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Số điện thoại: 0977314187 Email:

Thủ tục hành chính cần giải quyết: **Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên**
Nội dung yêu cầu giải quyết:

Số tờ: 17 Số thửa: 572

1. Thành phần hồ sơ, yêu cầu và số lượng mỗi loại giấy tờ gồm:

STT	Tên giấy tờ	Loại giấy tờ	Số lượng
1	1. Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp.	Bản chính	1
2	Bản sao hoặc bản chính giấy tờ chứng minh về việc đổi tên, thay đổi thông tin của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp không khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	Bản chính	1
3	Mảnh trích đo bản đồ địa chính thửa đất đối với trường hợp người sử dụng đất có nhu cầu đo đạc để xác định lại kích thước các cạnh, diện tích của thửa đất.	Bản chính	1
4	Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc công nhận việc đổi tên hoặc thay đổi thông tin theo quy định của pháp luật đối với tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, cộng đồng dân cư	Bản chính	1
5	Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 18	Bản chính	1

2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
3. Thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định là: 4 (ngày)
4. Thời gian nhận hồ sơ: **12 giờ 10 phút, ngày 24 tháng 07 năm 2025**
5. Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: **13 giờ 00 phút, ngày 30 tháng 07 năm 2025**
6. Đăng ký trả kết quả tại: Trung tâm hành chính công
7. Phí, lệ phí (nếu có):

...-Phí: 1.073.500 đ

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Loan

Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đặng Thị Kim Nga

Chú ý: Công dân đến nhận kết quả mang theo phiếu hẹn, CMTND/CCCD, lệ phí và giấy ủy quyền
(Trong trường hợp không phải chính chủ đến nhận)

TỔNG ĐÀI 1022 - ĐỒNG NAI: 0251.1022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – tự do – hạnh phúc

Xuân Lộc, ngày 01 tháng 02 năm 2013.

BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH VÀ BÀN GIAO ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Công trình: Bệnh viện Đa khoa huyện Xuân Lộc
Hạng mục: Gói thầu số 2 (xây lắp)
Địa điểm: Xã Suối Cát – huyện Xuân Lộc – Tỉnh Đồng Nai.

I. Thành phần tham gia:

1) Chủ đầu tư: Sở Y tế.

Ông:..... Chức vụ: .....

2) Đại diện chủ đầu tư: Ban QLDA khu vực chuyên ngành Y tế.

Ông: Tạ Văn Loan Chức vụ: Phó giám đốc

Ông: Hoàng Trọng Canh Chức vụ: Trưởng phòng kỹ thuật

Ông: Bùi Văn Tính Chức vụ: Chuyên viên

3) Đơn vị sử dụng: Bệnh Viện đa khoa huyện Xuân Lộc.

Ông: Võ Hùng Cường Chức vụ: Giám đốc Bệnh Viện

Ông: Phan Quang Hải Chức vụ: Trưởng phòng tổ chức hành chính

Ông:..... Chức vụ: .....

4) Đơn vị thiết kế: Công ty CP đầu tư kiến trúc & xây dựng DTC.

Ông: Đoàn Việt Cường Chức vụ: Phó giám đốc

Ông: Đặng Đức Minh Chức vụ: Kỹ thuật

5) Đơn vị tư vấn giám sát: Công ty TNHH tư vấn xây dựng ACC.

Ông: Trần Công Định Chức vụ: Giám đốc

Ông: Võ Văn Hoàng Chức vụ: Giám sát kỹ thuật

6) Đơn vị thi công xây lắp: Công ty TNHH xây dựng 30-4

Ông: Võ Bảo Quốc Chức vụ: Phó giám đốc

Ông:..... Chức vụ: .....

7) Đơn vị kiểm định CNCL công trình: Trung tâm kiểm định XD Đồng Nai.

Ông: Lê Ngọc Huân Chức vụ: Kỹ thuật

Ông:..... Chức vụ: .....

8) Đơn vị giám sát cộng đồng: UBMT tổ Quốc xã Suối Cát.

Ông: Trương Quang Bảy Chức vụ: Giám sát mặt trận Tổ

Ông:..... Chức vụ: .....

II. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu: 9h00' ngày 01 tháng 02 năm 2013.

Kết thúc: ..11h... ngày 01 tháng 02 năm 2013.

Tại công trình: Bệnh viện Đa khoa huyện Xuân Lộc.

III. Đánh giá công trình xây dựng:

1) Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu:

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của đơn vị thi công xây dựng.
- Các biên bản nghiệm thu công việc, giai đoạn xây lắp.
- Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu.
- Nhật ký công trình.
- Hồ sơ hoàn công công trình.
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt và những thay đổi đã được chấp thuận.
- Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng: Theo TCVN 4091:1985 TCVN 4447:1987; TCXD 170:1989; TCVN 1651:1985; TCVN 5308:1991.
- Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng xây dựng.

2) Chất lượng, khối lượng công việc xây dựng:

Gói thầu số 2 (xây lắp) thuộc dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Xuân Lộc được khởi công ngày 19/08/2011, hạng mục nhà số 3a gồm khối Nhà cải tạo (02 tầng); Nhà cải tạo (03 tầng) đến nay đã thi công xong.

Chất lượng xây dựng cơ bản thi công đúng thiết kế được phê duyệt

Một số khối lượng phát sinh đã được chủ đầu tư chấp thuận

3) Các ý kiến khác:

IV. Kết luận:

Hội đồng thống nhất đồng ý nghiệm thu các hạng mục công trình vào sử dụng. Sở Y tế và Ban quản lý dự án khu vực chuyên ngành y tế bàn giao hạng mục công trình cho Bệnh Viện đa khoa huyện Xuân Lộc đưa vào sử dụng kể từ ngày nghiệm thu

Chủ đầu tư
Sở Y tế Đồng Nai

Đại diện chủ đầu tư
Ban QLDA KV – CN Y tế

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN KHU VỰC CHUYÊN NGÀNH Y TẾ

Phó Giám Đốc

Ea Văn Loan

Đơn vị sử dụng
Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc

BỆNH VIỆN ĐA KHOA H. XUÂN LỘC

Hùng Cường

Đơn vị tư vấn thiết kế
C.ty CPĐT KT & xây dựng DTC.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG D.T.C

Đoàn Việt Cường

Đơn vị tư vấn giám sát
Công ty TNHH tư vấn xây dựng ACC

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HỘI XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Trần Công Định

Đơn vị thi công xây lắp
Công ty TNHH xây dựng 30-4

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG 30-4

PHÓ GIÁM ĐỐC
Võ Bảo Quốc

Đơn vị kiểm định CNCL công trình
Trung tâm kiểm định XD Đồng Nai

Lê Ngọc Huấn

Đơn vị giám sát cộng đồng
UB MTTQ thị trấn Xã Suối Cát

Trương Quang Bay

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – tự do – hạnh phúc

Xuân Lộc, ngày 29 tháng 3 năm 2013.

BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CÒN LẠI VÀ BÀN GIAO ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Công trình: Bệnh viện Đa khoa huyện Xuân Lộc
(Gói thầu số 1 (xây lắp))
Địa điểm: Xã Suối Cát – huyện Xuân Lộc – Tỉnh Đồng Nai.

I. Thành phần tham gia:

1) Chủ đầu tư: Sở Y tế:

- Có mời, nhưng vắng mặt ủy quyền cho Ban QLDA KVCN Y tế

2) Đại diện chủ đầu tư: Ban QLDA khu vực chuyên ngành Y tế.

Ông: Đỗ Quang Điểm — Chức vụ: Giám đốc

Ông: Hoàng Trọng Cảnh — Chức vụ: Trưởng phòng kỹ thuật

Ông: Bùi Văn Tính — Chức vụ: Chuyên viên

3) Đơn vị sử dụng: Bệnh Viện đa khoa huyện Xuân Lộc.

Ông: Võ Hùng Cường — Chức vụ: Giám đốc

Ông: Phan Quang Hải — Chức vụ: Trưởng phòng tổng hợp

4) Đơn vị thiết kế: Công ty CP đầu tư kiến trúc & xây dựng DTC.

Ông: Đoàn Việt Cường — Chức vụ: Phó giám đốc

5) Đơn vị tư vấn giám sát: Công ty TNHH tư vấn xây dựng ACC.

Ông: Trần Công Định — Chức vụ: Giám đốc

Ông: Võ Văn Hoàng — Chức vụ: Trưởng bộ phận Giám sát

6) Đơn vị thi công xây lắp: Công ty TNHH xây dựng 30-4.

Ông: Phan Quốc Anh — Chức vụ: Giám đốc

Ông: Võ Bảo Quốc — Chức vụ: Phó Giám đốc

7) Đơn vị kiểm định CNCL công trình: Trung tâm kiểm định và TVXD Đồng Nai

Ông: Nguyễn Tín Trung — Chức vụ: Trưởng phòng thí nghiệm

8) Đơn vị giám sát cộng đồng: UBMT tổ Quốc xã Suối Cát.

Ông: Trương Quang Bảy — Chức vụ: Phó chủ tịch UBMT Tổ Quốc

II. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu: 9h30' ngày 29 tháng 3 năm 2013.

Kết thúc: 11h30' ngày 29 tháng 3 năm 2013.

Tại công trình: Bệnh viện Đa khoa huyện Xuân Lộc.

III. Đánh giá công trình xây dựng:

1) Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu:

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của đơn vị thi công xây dựng.
- Các biên bản nghiệm thu công việc, giai đoạn xây lắp.
- Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu.
- Nhật ký công trình.
- Hồ sơ hoàn công công trình.
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt và những thay đổi đã được chấp thuận.
- Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng: Theo TCVN 4091:1985 TCVN 4447:1987; TCXD 170:1989; TCVN 1651:1985; TCVN 5308:1991.
- Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng xây dựng.

2), Khối lượng công việc và chất lượng xây dựng:

2.1) Khối lượng công việc:

- Gói thầu số 1 (xây lắp), Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Xuân Lộc được khởi công ngày 07/08/2010, tiến độ 720 ngày gồm các hạng mục: San nền toàn khu; Đập phá tháo dỡ hiện trạng; Xây mới khối nhà chính; Khoa truyền nhiễm; Khoa chống nhiễm khuẩn; Đài nước; Nhà bảo vệ; Nhà xe khách; Nhà đại thể; Nhà kho bệnh viện; Trạm xử lý nước thải (gồm nhà điều hành và bể chứa nước thải); Nhà xe cấp cứu; Nhà xe cán bộ công nhân viên (chuyển ra khu đất dự phòng); Đường dây trung thế và trạm biến áp; Hệ thống sân đường nội bộ phần còn lại; Cây xanh thảm cỏ; Điện tổng thể; Cổng tường rào; Hệ thống chống sét toàn khu; Hệ thống cấp, thoát nước toàn khu.

- Ngày 23/12/2011 đã nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng hạng mục gồm: San nền toàn khu; Đập phá tháo dỡ hiện trạng; Khối Nhà Chính xây mới; Khoa truyền nhiễm; Khoa chống nhiễm khuẩn; Bể nước ngầm; Đài nước; Sân đường hoàn thành 50%.

- Đến nay hoàn thành hạng mục còn lại gồm: Nhà bảo vệ; Nhà xe khách; Nhà đại thể; Nhà kho bệnh viện; Trạm xử lý nước thải (gồm nhà điều hành và bể chứa nước thải); Nhà xe cấp cứu; Nhà xe cán bộ công nhân viên (chuyển ra khu đất dự phòng); Đường dây trung thế và trạm biến áp; Hệ thống sân đường nội bộ phần còn lại; Cây xanh thảm cỏ; Điện tổng thể; Cổng tường rào; Hệ thống chống sét toàn khu; Hệ thống cấp, thoát nước toàn khu.

2.2) Chất lượng xây dựng:

- Cơ bản đúng thiết kế được phê duyệt.
- Một số phát sinh và thay đổi đã được chủ đầu tư chấp thuận.

.....

.....

3) Các ý kiến khác:

.....

Không

.....

.....

IV. Kết luận:

- Đồng ý nghiệm thu đưa hạng mục công trình vào sử dụng.
- Sở Y tế và Ban quản lý dự án khu vực chuyên ngành Y tế bàn giao cho Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc tiếp nhận quản lý và sử dụng kể từ ngày nghiệm thu.
- Thời gian bảo hành công trình >=12 tháng. Khi bên B thực hiện hoàn thành công tác bảo hành, chỉ khi được Chủ đầu tư và đơn vị sử dụng kiểm tra đồng ý chấp thuận.

.....

.....

Chủ đầu tư **Sở Y tế Đồng Nai** Có mặt, nhưng vắng mặt Ủy quyền cho Ban Quản lý dự án khu vực CN y tế	**Đại diện chủ đầu tư** **Ban QLDA KV – CN Y tế** BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN KHU VỰC CHUYÊN NGÀNH Y TẾ Giám Đốc Đỗ Quang Điểm
Đơn vị sử dụng **Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc** BỆNH VIỆN ĐA KHOA H. XUÂN LỘC Võ Hùng Cường	**Đơn vị tư vấn thiết kế** **C.ty CPĐT KT & xây dựng DTC.** CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG D.T.C Đoàn Việt Cường
Đơn vị tư vấn giám sát **Công ty TNHH tư vấn xây dựng ACC** CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HỘI XÂY DỰNG ĐỒNG NAI Trần Công Định	**Đơn vị thi công xây lắp** **Công ty TNHH xây dựng 30-4** CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG 30-4 Phan Quốc Anh
Đơn vị kiểm định CNCL công trình **Trung tâm kiểm định XD Đồng Nai** Nguyễn Tín Trung	**Đơn vị giám sát cộng đồng** **UB MTTQ thị trấn Xã Suối Cát** Trương Quang Bảy

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ XÂY DỰNG

Số: 5872 /SXD-QLXD

V/v ý kiến về việc cung cấp giấy phép xây dựng công trình bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 12 tháng 12 năm 2024

Kính gửi: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc

Sở Xây dựng nhận được Văn bản số 772/TTYT-TCHC ngày 09/12/2024 của Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc về việc xin cung cấp giấy phép xây dựng công trình Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc. Qua xem xét, Sở Xây dựng có ý kiến như sau:

- Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 3415/QĐ-UBND ngày 17/10/2008. Theo đó, Chủ đầu tư: Sở Y tế; nguồn vốn đầu tư: ngân sách tỉnh (vốn đầu tư công).

Công trình trên thuộc đối tượng miễn giấy phép xây dựng được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 62 Luật về Xây dựng số 16/2003/QH11[1] và điểm b khoản 1 Điều 89 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14[2].

- Đối với hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán Chủ đầu tư tổ chức thẩm định phê duyệt theo thẩm quyền được quy định tại Điều 16 Nghị định 16/2005/NĐ-CP ngày 07/2/2005, Điều 18 Nghị định 16/2005/NĐ-CP ngày 07/2/2005. Sở Xây dựng không thẩm định thiết kế bản vẽ thi công nên không lưu hồ sơ.

Đề nghị Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc liên hệ Sở Y tế hoặc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh để sao lục Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công kèm bản vẽ thiết kế thi công, hồ sơ hoàn công để bổ sung hồ sơ cấp Giấy phép môi trường.

Sở Xây dựng thông báo đến Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc để biết thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở Y tế;
- Ban QLDAĐTXD tỉnh;
- Ban Giám đốc;
- Lưu. VT, QLXD (Quyên).

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH ĐỒNG NAI

Đỗ Thành Phương

---

[1] *"b) Công trình xây dựng theo tuyến không đi qua đô thị nhưng phù hợp với quy hoạch xây dựng, **dự án đầu tư xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;**"*

[2] *"b) Công trình thuộc **dự án sử dụng vốn đầu tư công được** Thủ tướng Chính phủ, người đứng đầu cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và của tổ chức chính trị - xã hội, **Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư xây dựng;**"*

38 Phan Chu Trinh-P. Quang Vinh-Tp.Biên Hòa-Tỉnh Đồng Nai
ĐT: VP(0251)3846283, QLXD(0251)3942066

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 3957 /QĐ-UBND	*Biên Hòa, ngày 25 tháng 11 năm 2008*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án "Đầu tư xây dựng bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc, quy mô 200 giường" tại xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc của Sở Y tế Đồng Nai.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/ND-CP ngày 09/08/2006 của Chính phủ; Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/08/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/04/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

Căn cứ Thông tư số 08/2006/TT-BTNMT ngày 08/09/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường và Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn điều kiện hành nghề và thủ tục lập hồ sơ, đăng ký, cấp phép hành nghề, mã số quản lý chất thải nguy hại;

Căn cứ Quyết định số 22/2006/QĐ-BTNMT ngày 18/12/2006 về việc bắt buộc áp dụng Tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường và Quyết định số 23/2006/QĐ-BTNMT ngày 26/12/2006 về việc ban hành Danh mục chất thải nguy hại của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 65/2007/QĐ-UBND ngày 11/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 1062/QĐ-SYT của Sở Y tế Đồng Nai về việc ban hành Quy chế quản lý chất thải y tế của các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án "Đầu tư xây dựng bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc, quy mô 200 giường" tại xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc của Sở Y tế Đồng Nai, họp ngày 04/7/2008 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Đầu tư xây dựng bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc, quy mô 200 giường" tại xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc đã được chỉnh sửa bổ sung kèm theo văn bản giải trình số 2114/SYT-XDCB ngày 14/10/2008 của Sở Y tế Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 980/TTr-TNMT ngày 14/11/2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án "Đầu tư xây dựng bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc, quy mô 200 giường" tại xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc của Sở Y tế Đồng Nai (dưới đây gọi là Chủ dự án).

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường này và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Diện tích đất trồng cây xanh phải được bố trí hợp lý và đảm bảo đạt ít nhất 15% diện tích mặt bằng của Dự án.

2. Trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động dự án phải đảm bảo xử lý các loại chất thải đạt các tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường theo Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn; Quyết định số 22/2006/QĐ-BNTMT ngày 18/12/2006, Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT và Quyết định số 23/2006/QĐ-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 65/2007/QĐ-UBND ngày 11/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai và các văn bản luật khác có liên quan; như sau:

a) Trong giai đoạn thi công, xây dựng dự án:

- Có biện pháp bảo đảm không phát tán bụi, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng vượt quá tiêu chuẩn cho phép.

- Việc vận chuyển vật liệu xây dựng phải được thực hiện bằng các phương tiện bảo đảm yêu cầu kỹ thuật không làm rơi vãi, gây ô nhiễm môi trường.

- Có nơi tập trung rác thải sinh hoạt bảo đảm vệ sinh môi trường. Thu gom, phân loại, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn bảo đảm an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định. Đối với chất thải nguy hại phải tuân thủ thực hiện đúng quy định quản lý về chất thải nguy hại.

b) Trong quá trình hoạt động dự án:

- Xây dựng và tách riêng tuyến thoát nước mưa, nước thải phù hợp với quy hoạch chi tiết được duyệt và khu vực xung quanh. Trong quá trình thiết kế, xây dựng tuyến thoát nước từ ranh giới khu đất dự án đến nguồn tiếp nhận nước thải; chủ dự án có trách nhiệm liên hệ chính quyền địa phương, cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng để tuân thủ quy hoạch xây dựng về thoát nước tại khu vực dự án. Thiết kế, xây dựng và vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải bảo đảm các loại nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn Việt Nam về chất lượng nước – nước thải bệnh viện theo TCVN 7382:2004 (mức I) và TCVN 5945:2005, cột B (ứng với K_q=0,9, K_f theo lưu lượng nguồn nước thải), trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận sông Ray.

- Thiết kế, lắp đặt các thiết bị xử lý khí thải, bụi và vận hành thường xuyên bảo đảm khí thải phát sinh từ các nguồn trong quá trình vận hành dự án đạt các tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường theo TCVN 5939:2005, Cột B (ứng với K_v=1,2; K_p

theo lưu lượng nguồn khí thải) và TCVN 5940:2005; riêng khí thải lò đốt chất thải rắn y tế tuân thủ theo QCVN 02:2008/BTNMT được ban hành theo Quyết định số 04/2008/QĐ-BTNMT ngày 18/7/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường trước khi thải vào môi trường tiếp nhận. Đối với môi trường không khí xung quanh tuân thủ thực hiện theo TCVN 5937:2005, 5938:2005; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm mùi bảo đảm các quy định về vệ sinh môi trường.

- Bố trí thiết bị chuyên dụng, nơi tập trung để phân loại bệnh phẩm, rác thải y tế tại nguồn và tuân thủ thực hiên đúng quy định quản lý về chất thải nguy hại (chất thải y tế). Xây dựng kế hoạch, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế gây ra.

- Dụng cụ, thiết bị y tế có sử dụng chất phóng xạ phải đáp ứng yêu cầu về an toàn hạt nhân và an toàn bức xạ quy định tại Điều 89 của Luật Bảo vệ môi trường và pháp luật về an toàn hạt nhân và an toàn bức xạ.

- Thực hiện giám sát chất thải với tần suất 03 (ba) tháng một lần và giám sát môi trường xung quanh 6 (sáu) tháng/lần trong quá trình hoạt động dự án; cập nhật, lưu giữ số liệu và gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, kiểm tra.

3. Tuân thủ nghiêm túc việc công khai thông tin, dữ liệu về môi trường theo quy định tại Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 08/2006/TT-BTNMT ngày 08/9/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường.

4. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quy trình thi công, xây dựng và hoạt động dự án để bảo đảm an ninh trật tự; thực hiện chương trình tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường đối với nhân dân địa phương, người lao động tham gia thi công, xây dựng và vận hành dự án; tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, phòng cháy, chữa cháy, ứng phó sự cố môi trường, an toàn lao động, tài nguyên nước và các quy định khác của pháp luật trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của dự án.

5. Dự án chỉ được phép đi vào hoạt động sau khi đã hoàn thành thực hiện ý các nội dung cam kết bảo vệ môi trường nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án, các yêu cầu bảo vệ môi trường nêu trên và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về môi trường kiểm tra, cấp giấy xác nhận theo quy định.

Điều 3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và những nội dung yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Trường hợp có những thay đổi về nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có thẩm quyền.

Điều 5. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với UBND huyện Xuân Lộc và các cơ quan hữu quan có liên quan thực hiện giám sát, kiểm tra và xác nhận việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu bắt buộc nêu tại Điều 2 của Quyết định này.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Chủ tịch UBND huyện Xuân Lộc, Chủ dự án – Sở Y tế Đồng Nai và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như điều 6;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TTTU, TTHĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND;
- Chánh, Phó Văn Phòng CNN;
- Lưu: VT, TH (CNN, KT).

ThaoCNNQĐĐTM, BVĐK XuanLoc.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ao Văn Thinh

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐỒNG NAI
CHỨNG NHẬN /
Tài liệu sao từ bản chính
Vào sổ ngày 05/07/2011

Phó Giám đốc

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
TỈNH ĐỒNG NAI

Đào Thị Phương

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 730 /STNMT-CCBVMT
V/v đề nghị kế thừa hồ sơ môi trường

Đồng Nai, ngày 15 tháng 9 năm 2020

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC
ĐẾN Số: 2264
Ngày: 29-9
Chuyển: 03/9/2020 của Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc về việc đề nghị kế thừa hồ sơ môi
Lưu hồ sơ số:

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được văn bản số 397/TTYT-TCHC ngày 03/9/2020 của Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc về việc đề nghị kế thừa hồ sơ môi

Qua rà soát nội dung hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

Dự án "Đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Xuân Lộc, quy mô 200 giường" tại xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai của Sở Y tế Đồng Nai đã được UBND Tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 3957/QĐ-UBND ngày 25/11/2008.

Hiện Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc đã được đổi tên thành Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc theo Quyết định số 3327/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của Chủ tịch UBND Tỉnh về việc thành lập Trung tâm Y tế các huyện, thành phố Biên Hòa và Quyết định số 541/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 về sửa đổi, bổ sung Điều 1, Điều 3 của Quyết định số 3327/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của Chủ tịch UBND Tỉnh. Theo đó, Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc trực thuộc Sở Y tế được thành lập trên cơ sở hợp nhất Bệnh viện Đa khoa huyện Xuân Lộc và Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc.

Nay Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc đề nghị được kế thừa hồ sơ môi trường của dự án nêu trên, bao gồm Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 3957/QĐ-UBND ngày 25/11/2008 của UBND Tỉnh và các giấy tờ về môi trường có liên quan; đồng thời Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc cam kết không có thay đổi về quy mô, quy trình khám và điều trị so với báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

Theo quy định tại khoản 15, Điều 14, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5, Điều 1, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường: *"Trường hợp có thay đổi chủ dự án, chủ dự án mới có trách nhiệm tiếp tục thực hiện quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và thông báo cho cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh biết"*.

Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc tiếp tục thực hiện Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 3957/QĐ-UBND ngày 25/11/2008 của UBND Tỉnh và các giấy tờ về môi trường có liên quan và thực hiện đầy đủ quy định pháp luật về môi trường hiện hành trong quá trình hoạt động.

Số 520, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251.3822933 Fax: 0251.3827364 website : http://stnmt.dongnai.gov.vn

Trường hợp có sự thay đổi nội dung so với báo cáo đánh giá tác động môi trường được duyệt, đề nghị Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc phải có văn bản báo UBND Tỉnh để xem xét, xử lý theo quy định.

Trên đây là ý kiến Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo đến Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc để biết và thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND Tỉnh (báo cáo);
- Sở Y Tế;
- UBND huyện Xuân Lộc;
- Lưu: VT, CCBVMT (05b);

D:\Trân\HCTH\kethuaĐTM\TTYThuyenXuanLoc.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH ĐỒNG NAI

Đặng Minh Đức

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 297 /STNMT-CCBVMT

V/v kết quả kiểm tra chất lượng nước thải sau xử lý của Bệnh viện Đa khoa Xuân Lộc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 16 tháng 01 năm 2015

Kính gửi: Sở Y tế Đồng Nai

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được hồ sơ đề nghị kiểm tra xác nhận việc hoàn thành xây dựng công trình xử lý nước thải, công suất 200 m^3/ngày của Bệnh viện Đa khoa huyện Xuân Lộc.

Căn cứ kết quả kiểm tra ghi tại biên bản lập ngày 27/12/2014 và các Phiếu kết quả thử nghiệm số 1654/1-4DV ngày 09/01/2015 của Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật Môi trường; Sở Tài nguyên và Môi trường ghi nhận kết quả xử lý của công trình xử lý nước thải, công suất 200 m^3/ngày của Bệnh viện Đa khoa huyện Xuân Lộc như sau:

Công nghệ xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học với quy trình xử lý như sau:

Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa lưu lượng → Lọc tinh → Ngăn đệm vi sinh → Ngăn chứa vật liệu lọc → Ngăn khử trùng → Bể chứa → suối Cát và ra nguồn tiếp nhận nước thải cuối cùng sông Ray.

Kết quả phân tích 03 mẫu nước thải sau hệ thống xử lý, ký hiệu BVĐK Xuân Lộc - N2, BVĐK Xuân Lộc - N3, BVĐK Xuân Lộc - N4 với các thông số phân tích gồm: pH, BOD_5, COD, tổng chất rắn lơ lửng, sunfua, amoni, nitrat, phosphat, dầu mỡ động thực vật, tổng hoạt độ phóng xạ α, tổng hoạt độ phóng xạ β, tổng coliforms, salmonella, shigella, vibrio cholerae (tổng cộng 15 thông số) cho thấy tất cả các thông số được kiểm tra đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế QCVN 28:2010/BTNMT, cột A, K=1,2 và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, Kq=0,9, Kf=1,1.

Từ kết quả kiểm tra nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Sở Y tế Đồng Nai và Bệnh viện Đa khoa huyện Xuân Lộc trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải công suất 200 m^3/ngày, tiếp tục thực hiện:

- Duy trì vận hành thường xuyên, đồng bộ công trình xử lý nước thải; đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện niêm yết rõ sơ đồ thu gom xử lý và thoát nước thải (ghi rõ mục đích của các đường ống), quy trình vận hành hệ thống xử lý tại khu vực hệ thống xử lý nước thải; có biện pháp quản lý bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải đúng quy định.

Đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0618.608.006 Fax: 0618.878.168 E-mail: tnmtdongnai@vnn.vn

- Thực hiện quan trắc, giám sát chất lượng nước thải sau xử lý theo đúng tần suất quy định, tối thiểu 03 tháng/lần; đồng thời, có kế hoạch để chủ động xử lý, khắc phục kịp thời sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải và báo cáo kịp thời với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tại địa phương.

Bên cạnh việc vận hành hệ thống xử lý nước thải nêu trên, Sở Y tế Đồng Nai và Bệnh viện Đa khoa huyện Xuân Lộc phải tuân thủ thực hiện các nội dung quy định về bảo vệ môi trường tại Quyết định số 3957/QĐ-UBND ngày 25/11/2014 của UBND tỉnh và các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường có liên quan.

Văn bản này không thay thế Giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành theo Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Trên đây là một số ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo để Sở Y tế Đồng Nai và Bệnh viện Đa khoa huyện Xuân Lộc biết và thực hiện./.

(Đính kèm: Biên bản kiểm tra ngày 27/12/2014; các phiếu kết quả thử nghiệm số 1654/1-4DV ngày 09/01/2015 của Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật Môi trường.)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Đặng Minh Đức

Nơi nhận:
- Như trên;
- Phòng TN&MT huyện Xuân Lộc (phối hợp);
- Lưu: VT, CCBVMT (07b).

D:\P.TĐ\Vu2015\nghiemthu\BVĐKXuanLoc.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 342 /GP-UBND	*Đồng Nai, ngày 24 tháng 11 năm 2020*

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2012 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt "Quy hoạch tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020";

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1509/TTr-STNMT ngày 13 tháng 11 năm 2020 và hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc tại xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc tại xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc được xả nước thải đã được xử lý đạt quy chuẩn môi trường theo quy định vào nguồn nước, với những nội dung như sau:

1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nguồn tiếp nhận nước thải là suối Cát sau đó được dẫn vào nguồn tiếp nhận sau cùng là sông Ray thuộc xã Lang Minh, huyện Xuân Lộc.

2. Vị trí nơi xả nước thải:

- Địa chỉ nơi xả nước thải: Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc tại xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Vị trí nơi xả nước thải: Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc tại xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai (theo tọa độ VN2000, múi chiếu 3^0): X = 1206609, Y = 458065.

3. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

4. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24/24 giờ.

5. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 150 m^3/ngày đêm.

6. Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế QCVN 28:2010/BTNMT, cột A, ứng với K = 1,2.

7. Thời gian: 03 (ba) năm kể từ ngày ký.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 Giấy phép này.

2. Thực hiện quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận như sau:

- Quan trắc nước thải:

+ Vị trí: Một điểm đầu vào trước xử lý và một điểm đầu ra sau xử lý.

+ Thông số quan trắc chất lượng nước thải: pH, BOD_5, COD, TSS, dầu mỡ động thực vật, Sulfua, Amoni, Nitrat, Phosphat, Salmonella, Shigella, Vibrio Cholerae so sánh theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế QCVN 28:2010/BTNMT, cột A, ứng với K = 1,2.

+ Tần suất: 03 tháng/lần, riêng lưu lượng được quan trắc với tần suất 24 giờ/lần.

- Quan trắc chất lượng nước nguồn tiếp nhận:

+ Vị trí: Sông Ray, đoạn tiếp nhận nước thải của dự án.

+ Thông số quan trắc chất lượng nước nguồn tiếp nhận (Quy chuẩn QCVN 08:2015-MT/BTNMT, cột A2): pH, BOD_5 (20°C), COD, DO, tổng chất rắn lơ lửng, Amoni (tính theo N), Coliform và E.coli.

+ Tần suất: 06 tháng/lần.

3. Hàng năm (trước ngày 15 tháng 12), đơn vị tổng hợp báo cáo gửi UBND tỉnh Đồng Nai và Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải, kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nước nguồn tiếp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều này. Biểu mẫu báo cáo theo Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định nội dung, biểu mẫu báo cáo tài nguyên nước.

4. Phải có nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải được ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng, thông số vận hành hệ thống xử lý nước thải, kết quả quan trắc nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải, loại và lượng hóa chất sử dụng, lượng bùn thải phát sinh, nhật ký vận hành và lưu giữ tối thiểu 02 năm, theo quy định tại Khoản 1, Điều 18 Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

5. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định tại Khoản 2, Điều 38 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều 3. Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc được hưởng các quyền lợi hợp pháp theo quy định tại Khoản 1, Điều 38 Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu đơn vị còn tiếp tục hoạt động xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung quy định tại Điều 1 Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Cục trưởng Cục thuế, Chủ tịch UBND huyện Xuân Lộc, Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Xuân Lộc, Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Giấy phép này./.

CHỦ TỊCH

Cao Tiến Dũng

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng KTN;
- Lưu: VT, KTN.

GPxathai-TrungtamYtehuyenXuanLoc

SAO Y: Ủy ban nhân dân huyện Xuân Lộc; Thời gian ký: 18/08/2023 15:27:46 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 5897 /UBND-KT V/v chấp thuận cho phép Trung tâm Y tế huyện đấu nối nước thải	*Xuân Lộc, ngày 18 tháng 8 năm 2023*

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện

Qua xem xét Báo cáo số 489/BC-KTHT ngày 14/8/2023 của phòng Kinh tế và Hạ tầng về việc; Văn bản số 371/TTYT-TCHC ngày 24/7/2023 của Trung tâm Y tế huyện về việc chấp thuận cho phép đấu nối nước thải ***(sao gửi kèm)***, Chủ tịch UBND huyện có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận cho Trung tâm Y tế huyện được tiếp tục xả nước thải đã qua xử lý đạt chuẩn môi trường vào suối Cát, sau đó được dẫn vào nguồn tiếp nhận sau cùng là sông Ray thuộc xã Lang Minh. Vị trí xả nước thải (theo tọa độ VN2000, múi chiếu 3°): X = 1206609, Y = 458065.

2. Trung tâm Y tế huyện có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; xử lý nước thải đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả nước thải tại vị trí nêu trên.

Yêu cầu Trung tâm Y tế huyện triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT, UBH;
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- UBND xã Suối Cát;
- Lưu: VT-TH(Cường).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Cát Tiên

Địa chỉ: Số 267, đường Hùng Vương, khu phố 1, thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.
TEL: 02513.871.469; FAX: 02513.871.286; EMAIL: ubnd-xl@dongnai.gov.vn

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1938 /UBND-KT V/v xử lý đề nghị của Trung tâm Y tế huyện tại Văn bản số 84/TTYT-TCHC ngày 11/02/2025	*Xuân Lộc, ngày 21 tháng 3 năm 2025*

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện

Qua xem xét Báo cáo số 116/BC-KTHT ngày 24/02/2025 của phòng Kinh tế và Hạ tầng (nay là phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị) về việc tham mưu xử lý đề nghị của Trung tâm Y tế huyện tại Văn bản số 84/TTYT-TCHC ngày 11/02/2025 ***(sao gửi kèm)***, Chủ tịch UBND huyện có ý kiến như sau:

Tại Văn bản số 84/TTYT-TCHC ngày 11/02/2025, Trung tâm Y tế huyện đề nghị xác nhận nguồn tiếp nhận nước thải suối Cát là tuyến thoát nước chung của khu vực hay của riêng cơ sở trước khi chảy vào nguồn tiếp nhận sau cùng; đồng thời, xác định nguồn tiếp nhận là suối Sông Ray hay Sông Ray. Qua rà soát, nguồn tiếp nhận nước thải suối Cát là suối thoát nước chung của khu vực (dất công) và nguồn tiếp nhận sau cùng là suối Sông Ray.

UBND huyện Xuân Lộc trả lời để Trung tâm Y tế huyện được biết./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT. UBH;
- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- Lưu: VT-TH(Cường).

(D/caocuong/congvan/xaydung/2025)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Linh

UBND huyện Xuân Lộc: Số 267, đường Hùng Vương, khu 1,Thị trấn Gia Ray
TEL: 02513.871.169; FAX: 02513.871.286; EMAIL: ubnd-xl@dongnai.gov.vn

UBND HUYỆN XUÂN LỘC
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 116/BC-KTHT

Xuân Lộc, ngày 24 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO
Về việc tham mưu xử lý đề nghị của Trung tâm Y tế huyện tại Văn bản số 84/TTYT-TCHC ngày 11/02/2025

Kính gửi: Uỷ ban nhân dân huyện.

Thực hiện chỉ đạo của UBND huyện tại Văn bản số 1063/UBND-KT ngày 14/02/2025 về việc tham mưu xử lý đề nghị của Trung tâm Y tế huyện tại Văn bản số 84/TTYT-TCHC ngày 11/02/2025; Phòng Kinh tế và Hạ tầng phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND xã Suối Cát rà soát và báo cáo như sau:

- Theo Giấy phép số 342/GP-UBND ngày 24/11/2020 của UBND tỉnh giấy phép xả thải vào nguồn nước cho phép Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc được xả nước thải đã được xử lý đạt quy chuẩn môi trường theo quy định vào nguồn nước; nguồn tiếp nhận nước thải là suối Cát sau đó được dẫn vào nguồn tiếp nhận sau cùng là sông Ray thuộc xã Lang Minh, huyện Xuân Lộc.

- Theo đề nghị của Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc: xác nhận nguồn tiếp nhận nước thải suối Cát là tuyến thoát nước chung của khu vực hay của riêng cơ sở trước khi chảy vào nguồn tiếp nhận sau cùng; đồng thời xác định nguồn tiếp nhận là suối Sông Ray hay Sông Ray.

- Qua rà soát, nguồn tiếp nhận nước thải suối Cát là suối thoát nước chung của khu vực (*đất công*); nguồn tiếp nhận sau cùng là suối Sông Ray.

Phòng Kinh tế và Hạ tầng báo cáo UBND huyện xem xét./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lãnh đạo P.KTHT;
- Lưu: VT, GT(Tân).

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG

Đặng Văn Hùng

Địa chỉ: Số 267, đường Hùng Vương, khu phố 1, thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.
Điện thoại: 02513. 871. 831 Email: pct-xl@dongnai.gov.vn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1743 /QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 06 tháng 7 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấp thuận cho Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc thanh lý tài sản hết khấu hao, không còn sử dụng được và đã hư hỏng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 2674/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị Quyết số 112/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị Giám đốc Sở Tài chính tại Văn bản số 3910/STC-QLG&CS ngày 04/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận cho Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc thanh lý tài sản hết khấu hao, không còn sử dụng được và đã hư hỏng, cụ thể:

- Danh mục tài sản thanh lý: chi tiết đính kèm.

- Tổng nguyên giá theo sổ sách kế toán là 3.595.879.500 đồng, *(Bằng chữ: Ba tỷ, năm trăm chín mươi lăm triệu, tám trăm bảy mươi chín nghìn, năm trăm đồng).*

- Giá trị còn lại: 0 đồng.

- Hình thức thanh lý tài sản: bán thanh lý tài sản.

- Số tiền thu được từ việc thanh lý tài sản, sau khi trừ chi phí thanh lý (nếu có) được hạch toán theo quy định hiện hành.

Điều 2. Sở Y tế chỉ đạo Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc thực hiện thanh lý tài sản nêu tại Điều 1 Quyết định này theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Y tế, Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Chánh - Phó Văn phòng;
- Lưu: VT, KTNS.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức

1743/QĐ-UBND
Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai
06-07-2022 15:49:10 +07:00

DANH MỤC TÀI SẢN ĐỀ NGHỊ THANH LÝ CỦA TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Danh mục tài sản	Hãng, Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại	Hình thức xử lý
1	Máy phát điện	5KVA/220V, Nhãn hiệu Honda, Việt Nam Tần số: 50/60Hz Kiểu: tự kích từ, 2 cực, từ trường quay. Điện áp xoay chiều: 220/240V Công suất liên tục: 5,5/6,4 kVA Công suất tối đa: 6,07/7,1 kVA Kiểu: động cơ 4 thì, kiểu OHA, làm mát cưỡng bức bằng gió, 01 xi lanh	Cái	1	2011	15.000.000	0	Bán thanh lý
2	Máy vi tính	HP Pro 2000 MT, Trung Quốc	Cái	1	2012	12.958.000	0	Bán thanh lý
3	Ampli Power	DL-Audio CV 2030, Việt Nam	Cái	3	2013	17.985.000	0	Bán thanh lý
4	Loa Full đôi 2 tấc	DL- Audio 201, Việt Nam	Cặp	2	2013	11.143.000	0	Bán thanh lý
5	Loa Full đôi 4 tấc	DL-Audio 725, Việt Nam	Cái	1	2013	17.996.000	0	Bán thanh lý
6	Loa Monitor 3 tấc	DL-Audio 715, Việt Nam	Cặp	1	2013	5.797.000	0	Bán thanh lý
7	Loa Sub 5 tấc	DL-Audio 728, Việt Nam	Cái	1	2013	7.975.000	0	Bán thanh lý

STT	Danh mục tài sản	Hãng, Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại	Hình thức xử lý
8	Máy chiếu Projector	XGA VPL-DX15, Sony, Trung Quốc Loại máy chiếu: máy chiếu thích hợp cho mục đích VP, có khả năng kết nối và trình chiếu thông qua mạng không dây và cổng mạng RJ45. Chất lượng hình ảnh và độ sáng cao	Cái	1	2013	43.032.000	0	Bán thanh lý
9	Mixer 16 line	MG 166CX Yamaha, Trung Quốc	Cái	1	2013	17.996.000	0	Bán thanh lý
10	Máy vi tính	Intelr Core 2 Duo E7500 Processor, Samsung, Việt Nam	Cái	1	2010	16.000.000	0	Bán thanh lý
11	Máy vi tính	Intel G630, Accer, Việt Nam	Cái	1	2013	7.590.000	0	Bán thanh lý
12	Máy vi tính	Intel G630, Accer, Việt Nam	Cái	1	2013	7.590.000	0	Bán thanh lý
13	Máy vi tính	In tel G630 Emaster, Việt Nam	Cái	1	2012	10.700.000	0	Bán thanh lý
14	Khoan xương điện	CE 1253, MAT, Đức	Cái	1	2012	204.750.000	0	Bán thanh lý
15	Đèn treo trần khám ngũ quan	Econom 2050, Riester, Đức	Cái	2	2011	27.720.000	0	Bán thanh lý
16	Monitor theo dõi bệnh nhân	VM8, Phillip, Đức	Cái	1	2011	231.000.000	0	Bán thanh lý
17	Monitor theo dõi bệnh nhân	BSM-4101K, Nihon Kohden, Nhật Bản	Cái	1	2009	200.000.000	0	Bán thanh lý
18	Máy truyền dịch tự động	SN 54747 B-Braun, Nhật Bản SN 54730 B-Braun, Nhật Bản	Cái	2	2009	57.000.000	0	Bán thanh lý
19	Máy truyền dịch Infosumat P	SN 41731 B-Braun, Nhật Bản	Cái	1	2012	25.725.000	0	Bán thanh lý
20	Monitor theo dõi bệnh nhân	BSM-2351 K, Nihon Kohden, Nhật Bản	Cái	1	2007	98.000.000	0	Bán thanh lý

STT	Danh mục tài sản	Hãng, Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại	Hình thức xử lý
21	Monitor theo dõi 5 thông số	VM 8 ,Phillip, Đức	Cái	1	2012	294.500.000	0	Bán thanh lý
22	Bàn mổ đa năng	3008 B,Trung Quốc	Cái	1	2005	18.000.000	0	Bán thanh lý
23	Bàn kéo nắn xương chỉnh hình	BM 236,TIANJIN, Trung Quốc	Cái	1	2005	24.940.000	0	Bán thanh lý
24	Bàn mổ đa năng	ST 1396, Sturdy, Đài Loan.	Cái	1	2005	45.000.000	0	Bán thanh lý
25	Bàn mổ đa năng	K-70B, Nhật	Cái	1	2005	173.710.000	0	Bán thanh lý
26	Máy điện từ trường điều trị	BIOS 9000, Ito, Nhật	Cái	1	2011	218.452.500	0	Bán thanh lý
27	Máy sóng ngắn điều trị	SW-180, Ito, Nhật	Cái	1	2011	328.020.000	0	Bán thanh lý
28	Máy đo điện tim 6 cần	Cardiofaxs 1250, Nihon Kohden, Nhật Bản	Cái	1	2011	77.000.000	0	Bán thanh lý
29	Hòm lạnh Alaska	Alaska, Trung Quốc, BCD 4569	Cái	2	2011	93.600.000	0	Bán thanh lý
30	Tủ lạnh + ổn áp	SR19, Sanyo, Nhật	Cái	1	2011	17.000.000	0	Bán thanh lý
31	Ghế nha	108446, Olsen, Brazil	Cái	1	2008	52.952.000	0	Bán thanh lý
32	Vali cấp cứu lưu động	VN 345, Việt Nam	Cái	1	2007	14.700.000	0	Bán thanh lý
33	Máy điện tim 6 kênh	CardiofaxsECG-1250K,Nihon Kohden,Nhật	Cái	1	2011	76.020.000	0	Bán thanh lý

STT	Danh mục tài sản	Hãng, Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại	Hình thức xử lý
34	Hệ thống lò đốt rác	- Xuất xứ: Nhật Bản - Model: F-1S - Hãng SX: Chuwastar -Tính chất: máy mới 100%, sản xuất năm 2010-2011, tuổi thọ và độ bền cao, được đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, thiết bị phù hợp với khí hậu tỉnh Đồng Nai. - Tính năng: + Năng lực đốt: 160-200kg/ngày + Các loại rác đốt được: Rác thải Y tế + Thời gian vận hành: 8 tiếng/ ngày - Nhiệt độ trong lò đốt cháy: + Giai đoạn đốt cháy sơ cấp: 800-1000 oC + Giai đoạn đốt cháy thứ cấp: 1000 oC-1200 oC - Kiểu hình lò đốt: + Năng lực đốt cháy: 20-25kg/ngày + Diện tích sàn lò đốt: 0,26 m2 + Dung tích lò: 0,30 m3	HT	1	2013	1.126.028.000	0	Bán thanh lý
	Tổng cộng					**3.595.879.500**		

Số tiền bằng chữ: Ba tỷ, năm trăm chín mươi lăm triệu, tám trăm bảy mươi chín nghìn, năm trăm đồng./.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH ĐỒNG NAI
CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Số: 62 /SĐK-CCBVMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 02 tháng 6 năm 2017

SỔ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI

Mã số QLCTNH: 75.001316.T
(Cấp lần 02)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải CTNH:

Tên: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc

Địa chỉ văn phòng: xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0613.871.124.

Quyết định thành lập số 3327/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai.

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH tại Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.

2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 7 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động (và thay thế Sổ đăng ký có mã số QLCTNH: 75.001316.T cấp lần 1 ngày 11/10/2010)./.

Nơi nhận:
- Như phần I;
- Sở TNMT (báo cáo);
- P.ĐKTNMT (phối hợp);
- Lưu: VT, KSON (3b)

D:\H.Anh\SoCNTT\TTYT TanPhu

TUQ. GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CHI CỤC TRƯỞNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
TỈNH ĐỒNG NAI

Võ Niệm Tường

PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có mã số QLCTNH 75.001316.T do Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai cấp lần 02 ngày 12 tháng 6 năm 2017)

1. Cơ sở phát sinh CTNH

Tên: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc

Địa chỉ: xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 0613.871.124

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	180	08 02 04
2	Xỉ và tro đáy có các thành phần nguy hại	Rắn	720	12 01 05
3	Bùn thải chứa các thành phần nguy hại từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	1.000	12 06 05
4	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn/Lỏng	2.290	13 01 01
5	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng (nhiệt kế, huyết áp kế…)	Rắn	12	13 03 02
6	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	17	16 01 06
7	Nước rửa phim XQ	Lỏng	1.500	19 01 01
8	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	06	19 06 01
	Tổng số lượng		5.725	

3. Danh sách CTNH đã đăng ký tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH tại cơ sở: Không

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004 – In 2007

CÔNG AN TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số: 435/TD-PCCC(PC23)

Biên Hòa, ngày 27 tháng 10 năm 2009

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001.
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy.
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ công an.
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC của BQL dự án khu vực chuyên ngành y tế. Đại diện là ông: Đỗ Quang Điểm - giám đốc.

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
CHỨNG NHẬN

Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc

Địa điểm : Ngã 3 Suối Cát – Xuân Lộc – Đồng Nai.
Chủ đầu tư : Ban quản lý dự án khu vực chuyên ngành y tế.
Đơn vị thiết kế : Công ty CP đầu tư kiến trúc và xây dựng D.T.C.

Đã được thẩm duyệt về PCCC theo các nội dung sau: Giao thông-khoảng cách PCCC, diện tích sàn cho phép, lối thoát nạn, hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống chống sét đánh thẳng, phương tiện chữa cháy tại chỗ.

Theo các bản vẽ kỹ thuật được thẩm duyệt PCCC : Tổng mặt bằng, kiến trúc, kết cấu, hệ thống điện, hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống báo cháy tự động, mặt bằng tổng thể chống sét.

Các yêu cầu kèm theo :

1. Các cửa thoát nạn tại các phòng ra ngoài hành lang phải mở ra ngoài theo hướng thoát nạn.

2. Chủ đầu tư và đơn vị thi công thi công theo bản vẽ thẩm duyệt PCCC và theo các tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành. Trước khi đưa công trình vào hoạt động phải được nghiệm thu về PCCC theo quy định./.

Nơi nhận:
- Chủ đầu tư.
- Lưu PC23.

TRƯỞNG PHÒNG

CÔNG AN T. ĐỒNG NAI ★ PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

Thượng tá : Văn Quyết Thắng

Mẫu PC3
Thông tư số 04/2004/TT-BCA
Ngày 31/3/2004

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA
NGHIỆM THU HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

Vào hồi 9 giờ 00 phút, ngày 26 tháng 3 năm 2013.

Tại: Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc.

Địa chỉ: Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Chúng tôi gồm:

- **Đại diện Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Đồng Nai**
  1. Trung tá: Lê Quang Nhân – Trưởng phòng, Phòng hướng dẫn về phòng cháy
  2. Trung tá: Nguyễn Văn Hải – Phó trưởng phòng , Phòng CS PCCC Long Khánh
  3. Trung úy: Phạm Phúc Phương – Cán bộ đội hướng dẫn thẩm duyệt và kiểm tra thuộc Phòng hướng dẫn về phòng cháy.
- **Đại diện chủ đầu tư: Ban QLDA khu vực chuyên ngành y tế**
  1. Ông: Tạ Văn Loan - P. Giám đốc
  2. Ông: Hoàng Trọng Cảnh - Trưởng phòng Kỹ thuật
  3. Ông: Bùi Văn Tính - Cán bộ kỹ thuật
- **Đại diện đơn vị tư vấn giám sát: Công ty TNHH tư vấn XD ACC.**
  1. Ông: Võ Văn Hoàng - Giám sát.
- **Đại diện đơn vị thi công: Công ty TNHH Xây dựng 30-4**
  1. Ông: Phan Quốc Anh - Giám đốc
  2. Ông: Võ Bảo Quốc - Giám sát kỹ thuật

Đã tiến hành nghiệm thu hệ thống PCCC của công trình :

Khối cải tạo – Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc

Địa điểm xây dựng: Xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Với các nội dung như sau:

I. Hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật:

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật đã được thẩm duyệt về PCCC.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế PCCC số 475/TD-PCCC(PC23) ngày 27/10/2009 của Phòng Cảnh sát PCCC- Công an tỉnh Đồng Nai.

- Đơn đề nghị nghiệm thu về PCCC, Catalogue xuất xứ của thiết bị.

- Bản vẽ hoàn công.

II. Kiểm tra thử nghiệm thực tế:

- Đường giao thông nội bộ xung quanh bệnh viện thông thoáng đảm bảo cho xe chữa cháy hoạt động.

- Cầu thang bộ bố trí phân tán, tại mỗi cầu thang có lắp đặt chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn.

- Hệ thống PCCC:

2. Hệ thống cấp nước chữa cháy gồm: 5 trụ nước chữa cháy ngoài nhà, 17 họng nước chữa cháy vách tường và lăng, vòi chữa cháy kèm theo. Hệ thống đường ống cấp nước chữa cháy STK D114/76

đấu nối trạm bơm chữa cháy gồm: 01 máy bơm điện chữa cháy hiệu Pentax, 01 máy bơm chuyên dùng hiệu Tohatsu.

Kiểm tra thử nghiệm thực tế: Hoạt động từng máy bơm chữa cháy một. Triển khai đội hình 2 lăng B phun nước trong thời gian 30 phút, máy bơm hoạt động tốt, áp lực nước đều (kiểm tra đồng hồ đo áp lực của máy bơm chữa cháy đạt 7 at và tầm phun xa của tia nước đặc là 10m). Tại thời điểm kiểm tra hệ thống cấp nước chữa cháy duy trì áp lực, cột áp đảm bảo theo quy định.

3. Hệ thống báo cháy tự động: Gồm 01 trung tâm báo cháy 16 Zone đặt tại nhà bảo vệ, 43 đầu báo cháy khói tự động. 33 bộ tổ hợp nút nhấn + còi báo cháy. Bộ nhấn nút khẩn, chuông báo cháy đặt ở hành lang.

Qua kiểm tra thử nghiệm xác xuất đầu báo cháy, hệ thống báo cháy tự động hoạt động bình thường.

4. Hệ thống chống sét đánh thẳng: gồm 01 kim thu sét có bán kính bảo vệ R= 107m, bảo vệ toàn bộ diện tích công trình. Điện trở tiếp đất R <10 Ω, đảm bảo theo TCXDVN 46-2007.

5. Phương tiện chữa cháy tại chỗ: gồm 17 bình bột ABC 8kg, 17 bình CO2 5kg và bảng nội quy tiêu lệnh.

III. Kết luận và kiến nghị:

1. Kết luận: Tại thời điểm kiểm tra hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chống sét đánh thẳng và phương tiện chữa cháy tại chỗ hoạt động bình thường.

2. Kiến nghị:

- Chủ đầu tư thường xuyên kiểm tra, bảo trì các hệ thống PCCC và các điều kiện an toàn PCCC khác đảm bảo như thời điểm kiểm tra nghiệm thu.
- Hàng năm trước mùa mưa phải kiểm tra điện trở tiếp địa và hệ thống chống sét định kỳ theo quy định.
- Đơn vị thi công lắp đặt bàn giao và hướng dẫn đơn vị quản lý vận hành của chủ đầu tư vận hành thiết bị hệ thống PCCC.
- Xây dựng phương án chữa cháy, thành lập đội PCCC và huấn luyện nghiệp vụ PCCC theo quy định trước khi đi vào hoạt động.
- Thực hiện việc trang bị, bố trí và bảo dưỡng phương tiện chữa cháy theo TCVN 3890:2009.

Biên bản lập xong hồi 11 giờ 30 phút cùng ngày, gồm 02 trang được lập thành 05 bản và đã được đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	**ĐẠI DIỆN SỞ CẢNH SÁT PCCC**
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN KHU VỰC CHUYÊN NGÀNH Y TẾ	
Phó Giám Đốc	Trung tá: Lê Quang Nhân
Tạ Văn Loan	
ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG	**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT**
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG 30-4	GIÁM ĐỐC
Phan Quốc Anh	Trần Công Định
Vũ Bảo Quốc	

BỘ CÔNG AN
SỞ CẢNH SÁT PC&CC TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : 112 /SPCCC-PC

Đồng Nai, ngày 17 tháng 04 năm 2013

V/v nghiệm thu hệ thống PCCC.

Kính gửi: Ban QLDA khu vực chuyên ngành y tế.

Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh Đồng Nai nhận được văn bản của Ban QLDA khu vực chuyên ngành y tế về việc nghiệm thu hệ thống phòng cháy và chữa cháy.

Sau khi xem xét hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy do chủ đầu tư chuẩn bị và biên bản kiểm tra kỹ thuật các phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy do đại diện Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh Đồng Nai đã lập ngày 26/03/2013.

Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh Đồng Nai đồng ý nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

Công trình: Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc.
Chủ đầu tư: Ban QLDA khu vực chuyên ngành y tế.
Địa điểm: Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Các hệ thống phòng cháy và chữa cháy đã nghiệm thu gồm:

- Hệ thống cấp nước chữa cháy.
- Hệ thống báo cháy tự động.
- Hệ thống chống sét đánh thẳng.
- Phương tiện chữa cháy tại chỗ.

Đồng thời đề nghị chủ đầu tư thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Thực hiện đầy đủ các kiến nghị nêu trong biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy đã lập ngày 26/03/2013.

- Các hệ thống, thiết bị kỹ thuật khác có liên quan đến phòng cháy chữa cháy phải được kiểm tra, thử nghiệm và nghiệm thu đưa vào vận hành đảm bảo các yêu cầu về phòng cháy chữa cháy khi đưa công trình vào sử dụng./.

Nơi nhận:
- Chủ đầu tư (để thực hiện);
- Cục C66 – BCA (báo cáo);
- Phòng TH (theo dõi);
- Phòng CS PC&CC Long Khánh (theo dõi);
- Lưu Phòng HD về PC (Đội HD TDKT).

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY ĐỒNG NAI

Đại tá Võ Văn Sáng

CÔNG AN HUYỆN XUÂN LỘC
ĐỘI CẢNH SÁT PCCC&CNCH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

MẪU PC10
BH theo NĐ số 136/2020/NĐ-CP Ngày 24/11/2020

BIÊN BẢN KIỂM TRA AN TOÀN VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Hồi 08 giờ 30 ngày 21 tháng 5 năm 2024.

Tại: **Trung Tâm Y Tế huyện Xuân Lộc.**

Địa chỉ: ấp Việt Kiều, xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Chúng tôi gồm:

1. Ông: Phạm Văn Hơn; Cấp bậc: Đại úy; Chức vụ: Cán bộ.

2. Ông: Nguyễn Tất Thành; Cấp bậc: Trung úy; Chức vụ: Cán bộ.

Đã tiến hành kiểm tra đối với cơ sở, thực hiện theo Kế hoạch số 132/KH-CAH-PCCC ngày 02/5/2024 về kiểm tra an toàn về phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Đại diện cơ sở:

1. Ông: Võ Thư; Chức vụ: Phó Giám đốc Trung Tâm Y Tế huyện Xuân Lộc.

2. Ông: Tạ Ngọc Khánh; Chức vụ: Đội trưởng Đội PCCC cơ sở.

3. Bà: Phạm Thị Hoài; Chức vụ: Nhân viên phòng Tổ chức.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

I. Phần trình bày của cơ sở

- Trung Tâm Y Tế huyện Xuân Lộc có trụ sở tại ấp Việt Kiều, xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Trung Tâm Y Tế huyện Xuân Lộc thành lập vào năm 1991 theo Quyết định số của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai. Quyết định thành lập số 3327/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Nai.

- Ngành nghề: Cơ sở y tế; tổng số người làm việc tại cơ sở là 288 người, làm việc theo ca, theo chức năng từng phòng. Đội trưởng đội PCCC cơ sở là Ông: Tạ Ngọc Khánh (SĐT: 034 756 6756).

- Tổng diện tích khu đất: 18.690 m^2.

- Diện tích xây dựng: 6.130 m^2 gồm: khối nhà làm việc chính 3 tầng, nhà để xe oto, nhà để xe 2 bánh cho bệnh nhân và nhân viên, nhà bảo vệ, nhà đại thể, nhà kho, nhà xử lý chất thải, khoa kiểm soát nhiễm khuẩn, khoa truyền nhiễm, khu vực vật lý trị liệu.

- Số giường bệnh: 200 gường bệnh.

- Phương tiện phòng cháy chữa cháy: 89 bình chữa cháy các loại, 01 hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống báo cháy tự động.

II. KIỂM TRA HỒ SƠ

Tại thời điểm kiểm tra:

1. Nội quy, quy định, quy trình về phòng cháy và chữa cháy

- Công ty đã ban hành Quyết định ban hành nội quy, quy định an toàn PCCC, nội quy sử dụng điện trong Cơ sở theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020.

2. Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế, văn bản nghiệm thu về PCCC

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 475/TD-PCCC(PC23) của phòng Cảnh sát PCCC tỉnh Đồng Nai cấp ngày 27/10/2009.

- Biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC ngày 26/3/2013.

- Văn bản nghiệm thu hệ thống PCCC số 112/SPCCC-PC của Sở Cảnh sát PCCC Đồng Nai cấp ngày 17/04/2013.

- Có lưu trữ bản vẽ mặt bằng tổng thể của cơ sở đã được thẩm duyệt.

3. Sơ đồ bố trí công nghệ, hệ thống kỹ thuật, vật tư có nguy hiểm về cháy, nổ; sơ đồ thoát nạn của cơ sở.

- Cơ sở đã lập sơ đồ bố trí các gian phòng, khoa khám chữa bệnh, hệ thống kỹ thuật có nguy hiểm về cháy, nổ của cơ sở theo Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an.

- Cơ sở đã vẽ sơ đồ bố trí lối thoát nạn tại khu vực khoa, phòng bệnh nhân theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

4. Quyết định thành lập đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở

- Cơ sở đã có quyết định về việc thành lập Đội PCCC cơ sở số 537/QĐ-PCCC ngày 22/9/2022, gồm 35 thành viên trong đó có phân công 01 đội trưởng, 02 đội phó theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ; Số lượng đội viên đội PCCC cơ sở đảm bảo theo quy định. Đội viên đã được cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC đủ số lượng theo quy định.

5. Phương án chữa cháy của cơ sở đã được phê duyệt; báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án chữa cháy:

- Cơ sở có xây dựng phương án chữa cháy cơ sở theo mẫu PC17 phê duyệt ngày 05/6/2022; Phương án có thể hiện các yêu cầu và nội dung cơ bản theo quy định.

- Cơ sở có tổ chức thực tập phương án chữa cháy có phối hợp với lực lượng Cảnh sát PCCC theo quy định, có báo cáo kết quả tự tổ chức thực tập phương án chữa cháy về Công an huyện Xuân Lộc theo quy định.

6. Công tác lưu trữ Biên bản kiểm tra an toàn PCCC, hồ sơ xử lý vi phạm; Công tác tự kiểm tra an toàn PCCC của cơ sở

- Cơ sỡ đã lưu trữ biên bản kiểm tra định kỳ của Cơ quan Cảnh sát PCCC trong hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC.

- Cơ sở có lưu trữ hồ sơ xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực PCCC trong hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC.

- Cơ sở đã có quy định và tổ chức tự kiểm tra an toàn PCCC định kỳ 1 tháng/lần theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

- Có lập và lưu trữ biên bản tự kiểm tra an toàn PCCC trong hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC.

- Định kỳ 6 tháng có báo cáo kết quả kiểm tra an toàn PCCC về Công an huyện Xuân Lộc theo quy định.

7. Sổ theo dõi phương tiện phòng cháy và chữa cháy

- Đã lập sổ theo dõi phương tiện về PCCC theo quy định tại khoản 1 điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; Định kỳ có cập nhật các nội dung thực hiện vào sổ theo dõi.

8. Hồ sơ theo dõi, quản lý công tác cứu nạn, cứu hộ của cơ sở theo quy định

Kiểm tra việc lập và lưu trữ hồ sơ theo quy định tại Nghị định 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ "Quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy"; Phương án đã được người đứng đầu cơ sở xây dựng, phê duyệt theo đúng quy định. Phương án có thể hiện các yêu cầu và nội dung cơ bản theo quy định.

9. Tài liệu ghi nhận kết quả kiểm tra điện trở nối đất hệ thống chống sét, kiểm định hệ thống, thiết bị, đường ống chịu áp lực theo quy định.

Cơ sở đã tổ chức kiểm tra điện trở nối đất hệ thống chống sét định kỳ, năm 2023 kết quả Đạt *(biên bản đo ngày 10/5/2023 của Trung tâm 4/10).*

10. Giấy chứng nhận bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc

Cơ sở có mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định tại Nghị định số 23/2018/NĐ-CP, Nghị định số 97/2021/NĐ-CP của Chính phủ *(Giấy chứng nhận của Tổng Công ty Bảo hiểm hàng không),* thời hạn đến ngày 01/8/2024.

III. Kiểm tra thực tế:

<u>Tại thời điểm kiểm tra:</u>

1. Kiểm tra việc thực hiện thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về PCCC

Thông qua việc kiểm tra mặt bằng, công năng sử dụng trong quá trình hoạt động của các hạng mục:

- Tổng diện tích khu đất: 18.690 m^2, diện tích xây dựng: 6.310 m^2 gồm có các hạng mục, công trình sau:

+ Khối chính bệnh viện (03 tầng): diện tích 4.287 m^2

+ Khu vực vật lý trị liệu, phục hồi chức năng (Khoa truyền nhiễm cũ): diện tích 273 m^2;

+ Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn: diện tích 442 m^2;

+ Nhà đại thể (nhà xác): diện tích 197 m^2;

+ Nhà kho bệnh viện: diện tích 153 m^2; hiện sử sụng làm phòng trực tài xế.

+ Nhà xe (nhà xe bệnh nhân, xe cứu thương): diện tích 374 m^2;

+ Căn tin: diện tích 152 m^2.

- Đối với các hạng mục công trình: không phát hiện việc xây dựng mới, mở rộng, cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng so với thiết kế ban đầu đã phê duyệt.

2. Việc niêm yết nội quy PCCC

- Cơ sở đã niêm yết nội quy an toàn PCCC do Giám đốc ban hành tại gian phòng, khoa khám chữa bệnh theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số

149/2020/TT-BCA; Tại thời điểm kiểm tra các nội quy đọc rõ, không bị mờ hoặc bố trí che khuất.

- Tại các khu vực khám chữa bệnh, nhà văn phòng làm việc cơ sở có niêm yết các biển cấm lửa, cấm hút thuốc.

3. Điều kiện giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy

- Điều kiện giao thông:

+ Bên trong: đường giao thông nội bộ đảm bảo cho xe chữa cháy và các phương tiện giao thông cơ giới tiếp cận chữa cháy.

+ Bên ngoài: Cơ sở tiếp giáp với đường Quốc lộ 1A chiều rộng đường 7-15 m đảm bảo cho xe chữa cháy và các phương tiện giao thông cơ giới tiếp cận chữa cháy.

- Nguồn nước phục vụ chữa cháy: Thời điểm kiểm tra cở sở có bể chứa nước khối tích 180 m^3, bể chứa nước đầy, Xe chữa cháy, máy bơm chữa cháy có thể lấy nước trong trường hợp xảy ra sự cố cháy. Trụ nước chữa cháy đô thị trên mặt tiền đường Quốc lộ 1A cách cơ sở 100m xe chữa cháy có thể tiếp cận lấy nước được.

4. Hệ thống thông tin liên lạc phục vụ chữa cháy

Tại thời điểm kiểm tra thông tin liên lạc phục vụ chữa cháy tại cơ sở chủ yếu sử dụng hệ thống điện thoại bàn, hệ thống điện thoại di động của cá nhân đang làm việc tại cơ sở.

5. Điều kiện thoát nạn (bố trí sắp xếp hàng hóa, hệ thống chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn...)

- Cơ sở có niêm yết các sơ đồ chỉ dẫn thoát nạn tại các khu vực khoa, phòng bệnh bên trong cơ sở.

- Cơ sở có lắp đặt hệ thống đèn chỉ dẫn thoát nạn, chiếu sáng sự cố tại khu vực phòng, khoa theo quy định tại TCVN 3890:2023, tại thời kiểm tra các đèn hoạt động bình thường.

- Tại thời điểm kiểm tra việc bố trí sắp xếp máy móc, thiết bị, tại khu vực gian phòng, khoa khám chữa bệnh không gây cản trở lối thoát nạn.

6. Hệ thống, phương tiện phòng cháy chữa cháy

a. Bình chữa cháy

- Cơ sở đã trang bị 89 bình chữa cháy, tại thời điểm kiểm tra cơ sở có kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống phương tiện phòng cháy chữa cháy định kỳ.

b. Hệ thống cấp nước chữa cháy

- Hệ thống cấp nước chữa cháy (hệ thống họng chữa cháy ngoài nhà): sử dụng 01 trạm bơm chữa cháy gồm 01 bơm xăng, 01 máy bơm điện *(sử dụng trực tiếp nguồn điện từ trạm biến áp của cơ sở)*, 01 máy bơm bù áp tại thời điểm kiểm tra vận hành chạy không tải tại phòng bơm máy bơm hoạt động bình thường;

- Tại vị trí các họng nước chữa cháy trong nhà, ngoài nhà bố trí đầy đủ lăng, vòi chữa cháy theo quy định tại TCVN 3890:2023;

- Kiểm tra xác suất 02 cuộn vòi chữa cháy kết hợp kiểm tra áp lực 02 họng chữa cháy ngoài nhà: vòi chữa cháy đảm bảo còn sử dụng được, áp lực nước ra đầu lăng cơ bản đáp ứng được yêu cầu chữa cháy.

c. Hệ thống báo cháy tự động

- Cơ sở có lắp đặt hệ thống báo cháy tự động tại các khu vực gian phòng, khoa khám chữa bệnh sử dụng đầu báo cháy khói ion, lắp đặt 01 trung tâm chính tại phòng khoa khám bệnh có người trực suốt ngày đêm;

- Tại thời điểm kiểm tra xác xuất 01 nút ấn khẩn khu vực hành lang tầng 1: tín hiệu truyền về trung tâm báo cháy đảm bảo theo quy định.

7. Hệ thống điện (nguồn điện cho trạm bơm, nguồn điện cho hệ thống PCCC, nguồn điện phục vụ sản xuất...)

- Nguồn điện phục vụ sản xuất lấy trực tiếp từ điện lưới, tại thời điểm kiểm tra hệ thống điện hoạt động bình thường không có dấu hiệu chạm chập, quá tải;

- Hệ thống điện được kiểm tra bảo dưỡng định kỳ, được đi âm tường và luồn vào ống PVC cách điện, tại các khu vực khám chữa bệnh, nhà văn phòng đều được trang bị attomat (CB) tự động đóng, ngắt khi có sự cố chạm chập, quá tải.

- Trung tâm y tế trang bị thêm hệ thống máy phát điện công suất: 350 Kva.

8. Kiểm tra kiến thức cơ bản về PCCC, thao tác, sử dụng phương tiện PCCC và công tác thường trực xử lý tình huống cháy của người lao động, lực lượng PCCC cơ sở

- Tại thời điểm kiểm tra có bố trí 20 người thực hiện công tác thường trực xử lý tình huống cháy xảy ra tại cơ sở;

- Tại thời điểm kiểm tra xác suất 05 người lao động đang làm việc tại nhà xưởng, cơ bản người lao động nắm được kiến thức cơ bản về PCCC như: sử dụng bình chữa cháy, nội quy PCCC đã ban hành;

- Kiểm tra thao tác sử dụng phương tiện PCCC, triển khai công tác chữa cháy của Đội PCCC cơ sở: về cơ bản đội PCCC cơ sở thực hiện được theo yêu cầu, thời gian triển khai đảm bảo.

IV. Kiến nghị

1. Cơ sở thường xuyên cập nhật và bổ sung hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điều 4, Thông tư số: 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an **(thực hiện thường xuyên).**

2. Cơ sở thường xuyên kiểm tra bảo trì, vệ sinh hệ thống điện, đường dây điện phải được luồn trong ống nhựa PVC, thiết bị điện đảm bảo theo quy định tại Thông tư 32/2010/TT-BCT ngày 30/7/2010.

- Khi có nhu cầu sử dụng máy hàn, máy cắt kim loại và sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt phải bố trí khu vực riêng biệt và phải có phương án đảm bảo tuyệt đối an toàn về PCCC **(Thực hiện thường xuyên).**

3. Thường xuyên nhắc nhở CBCNV, bệnh nhân trong cơ sở tuân thủ các quy định về PCCC: đảm bảo việc sử dụng nguồn lửa nguồn nhiệt **(Thực hiện thường xuyên).**

4. Cơ sở duy trì việc đảm bảo lối thoát nạn tại khu vực khoa, phòng bên trong cơ sở theo quy định tại QCVN 06:2022/BXD **(thực hiện thường xuyên).**

5. Phương tiện, thiết bị PCCC và CNCH:

- Cơ sở thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện chữa cháy theo quy định tại TCVN 3890:2023 **(thực hiện định kỳ).**

- Kiểm tra bảo dưỡng thường xuyên hệ thống báo cháy.

- Kiểm tra rà soát bổ sung phương tiện về PCCC&CNCH đảm bảo về số lượng và chủng loại theo quy định tại Thông tư số: 150/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an **(thực hiện thường xuyên).**

- Thường xuyên kiểm tra, rà soát các phương tiện, hệ thống PCCC nhằm bảo dưỡng, sửa chữa, khắc phục kịp thời khi có sự cố xảy ra **(thực hiện thường xuyên).**

6. Hàng năm tham gia các lớp huấn luyện nghiệp vụ PCCC khi có yêu cầu của cơ quan Cảnh sát PCCC, tự tổ chức thực tập phương án chữa cháy ít nhất 01 lần/năm theo quy định tại điều 10 Thông tư 149/2020/TT-BCA của Bộ Công an **(thực hiện định kỳ).**

7. Hàng năm tiến hành đo, kiểm tra điện trở tiếp địa hệ thống chống sét đánh thẳng **(thực hiện xong trước mùa mưa hàng năm).**

VI. Ý kiến của cơ sở

- Người đứng đầu cơ sở đã được Đoàn kiểm tra tuyên truyền, hướng dẫn và cung cấp đầy đủ các quy định của Pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan đến công tác PCCC và cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung hướng dẫn an toàn PCCC của Cơ quan Cảnh sát PCCC.

- Người đứng đầu cơ sở cam kết sẽ duy trì thường xuyên công tác tự tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật, việc sử dụng các phương tiện PCCC cho người lao động trong phạm vi quản lý của mình theo quy định.

- Người đứng đầu cơ sở thống nhất với nội dung kiểm tra nêu trên, chúng tôi đã nắm bắt rõ và chịu trách nhiệm trước Pháp luật nếu để xảy ra sự cố cháy, nổ.

Biên bản lập xong hồi 10 giờ 00 phút, cùng ngày, gồm 06 trang, được lập thành 02 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, được đọc lại cho mọi người nghe và nhất trí ký tên dưới đây./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ **PHÓ GIÁM ĐỐC**	**ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA**
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC	
Võ Thư	**Trung úy Nguyễn Tất Thành**

UBND TỈNH ĐỒNG NAI **SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1266 /GP-SKHCN	*Đồng Nai, ngày 06 tháng 06 năm 2022*

GIẤY PHÉP

Tiến hành công việc bức xạ
(Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)

GIÁM ĐỐC
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ và cấp giấy Chứng chỉ nhân viên bức xạ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị cấp giấy phép của Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc ngày 01 tháng 5 năm 2022;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý chuyên ngành.

CHO PHÉP

Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc

Địa chỉ: Ngã 3 Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 02513.871124 Fax:

Được phép: Sử dụng 01 thiết bị X-quang có các đặc trưng như trang 3 của giấy phép này để chẩn đoán trong y tế.

Trong quá trình tiến hành công việc bức xạ, đơn vị được cấp giấy phép phải nghiêm chỉnh thực hiện các quy định pháp luật và các điều kiện của Giấy phép.

Giấy phép này có giá trị đến **ngày 30 tháng 6 năm 2025.**

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Huỳnh Minh Hậu

Nơi nhận:
- Cơ sở được cấp phép;
- Giám đốc và các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, QCN

QCN062Cuong_GP_TrungtamyteXuanLoc\03b.

CÁC ĐIỀU KIỆN CỦA GIẤY PHÉP

(Kèm theo Giấy phép số 1266 /GP-SKHCN ngày 06 tháng 06năm 2022 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai)

1. Chỉ được phép tiến hành công việc bức xạ với thiết bị bức xạ có các đặc trưng nêu tại phần kèm theo của Giấy phép này;
2. Trường hợp tiếp tục tiến hành công việc bức xạ sau thời gian ghi trong Giấy phép này, phải làm thủ tục đề nghị gia hạn và gởi hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ (Qua Trung tâm hành chính công tỉnh Đồng Nai) trước khi Giấy phép hết hạn **ít nhất 45 ngày**;
3. Trường hợp chuyển nhượng thiết bị bức xạ cho tổ chức, cá nhân khác phải báo cáo với cơ quan có thẩm quyền cấp phép;
4. Định kỳ vào tháng 11 hằng năm thực hiện lập và gửi báo cáo kết quả đánh giá kiểm soát ATBX của cơ sở đến Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai;
5. Không được sử dụng thiết bị bức xạ tại địa điểm khác với quy định trong Giấy phép này;
6. Tổ chức thực hiện Thông tư số 19/2012/TT-BKHCN ngày 08 tháng 11 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về kiểm soát và bảo đảm an toàn bức xạ trong chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng; Thông tư số 25/2014/TT-BKHCN ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc chuẩn bị ứng phó và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân, lập và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân;
7. Nếu có bất kỳ thay đổi nào so với bộ hồ sơ đề nghị cấp phép, cơ sở phải thông báo bằng văn bản đến Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai để cập nhật.
8. Trường hợp xảy ra sự cố bức xạ phải thông báo khẩn cấp cho cơ quan liên quan và:

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 1597, Đường Phạm Văn Thuận, phường Thống Nhất,

thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 02513.822297 - (8288 hoặc 8180) hoặc 0903.874107

CÁC ĐẶC TRƯNG CỦA THIẾT BỊ X-QUANG CHẨN ĐOÁN TRONG Y TẾ ĐƯỢC CẤP PHÉP

(Kèm theo Giấy phép số 1266 /GP-SKHCN ngày 06 tháng 06 năm 2022

của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên thiết bị	Mã hiệu, Số sêri	Hãng SX, Nước SX, Năm SX.	Thông số làm việc cực đại kV max, mA max / mAs max	Mục đích sử dụng, địa điểm sử dụng	Sử dụng cố định hay di động	Các bộ phận của thiết bị			
							Tên bộ phận	Hãng SX	Mã hiệu	Số series
01	Thiết bị chụp X-quang di động	KL10SB0.6/ 1.8-125	DRGEM Hàn Quốc; 2021	120 kVp; 160 mAs	- Thiết bị chụp X-quang di động; - Địa điểm sử dụng: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc.	Sử dụng di động	Bàn điều khiển	DRGEM	KL10SB0. 6/1.8-125	2133866
							Đầu bóng phát tia X	DRGEM	KL10SB0. 6/1.8-125	2133866

TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II
CENTER OF RADIATION SAFETY TECHNICAL II
Địa chỉ: 237, đường Đ12, KP1, P. Phú Tân, Tp. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương
Vp GD và Phòng thí nghiệm: Đường DX17, Phú Chánh, Tân Uyên, Bình Dương
Vp Tp.HCM: K60, KDC Thới An, đường Lê Thị Riêng, Thới An, Q.12, Tp. HCM
Tel: (0274) 3868738 – (028) 9999 0979| Email: viet@vietsci.com
Website: www.vietsci.com | www.antoanbucxasci.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence – Freedom – Happiness

Số *(No)*: **021.05/ATBX/KĐ/0324**	**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH** *Certificate of Verification*	**Ngày** *(Date)*: **29/03/2024**

1. Tên đối tượng: Thiết bị X-quang di động
Object

- Kiểu: JADE-40 *Type*
- Số xêri: DXO2180348A *Serial No*
- Nơi sản xuất: Drgem/ Hàn Quốc *Manufacturer*
- Năm: 2021 *Year*

2. Đặc trưng kỹ thuật:
Specifications

-Điện áp đỉnh lớn nhất: 120 kV
-Dòng bóng phát cực đại: 100 mA

3. Nơi sử dụng: *Place* TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC - Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

4. Người/Đơn vị sử dụng: *User* TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

5. Phương pháp thực hiện: *Method of verification* QCVN 15:2018/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị X-quang di động dùng trong y tế

6. Kết luận: *Conclusion* **Đạt yêu cầu chấp nhận**

7. Số tem kiểm định: *Verification stamp N⁰* 000546

8. Thời hạn đến: (*) *Valid until* 28/08/2026

TP.HCM, ngày 30 tháng 08 năm 2024
Date of issue

KT.GIÁM ĐỐC
PP.Director
PHÓ GIÁM ĐỐC

Người kiểm định
Verified by

Phan Hoàng Chăng

HT 275/0223 ISO 9001:2015

TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II

Lê Thị Hồng Hương

(7)

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản.
With respectfulness of rules of use and maintenance

TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 28 tháng 08 năm 2024

BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH
(THIẾT BỊ CHỤP X-QUANG DI ĐỘNG)
Số: 021.05/ATBX/KĐ/0324

Chúng tôi gồm:

1. Trần Nhựt An — Số chứng chỉ hành nghề: 95,70/CCHNDV/ATBXHN
2. Nguyễn Thế Cường — Số chứng chỉ hành nghề: 72/CCHNDV/ATBXHN
3. Phan Hoàng Thắng — Số chứng chỉ hành nghề: 68,42/CCHN/ATBXHN
4. Nguyễn Minh Tân — Số chứng chỉ hành nghề: 69/CCHN/ATBXHN

Thuộc tổ chức kiểm định: Trung tâm Kỹ thuật an toàn bức xạ II.

Số đăng ký hoạt động dịch vụ của tổ chức kiểm định: 47/2022/ĐK/ATBXHN

Đã tiến hành kiểm định thiết bị chụp X-quang di động tại:

Cơ sở: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Địa chỉ (trụ sở chính): Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Quy trình kiểm định áp dụng: QCVN 15:2018/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị X-quang di động dùng trong y tế

Đại diện cơ sở chứng kiến kiểm định và thông qua biên bản:

Họ và tên: Bùi Thái Chiến — Chức vụ: Giám đốc

Họ và tên: Nguyễn Minh Trí — Chức vụ: Kỹ thuật viên

I - THIẾT BỊ CHỤP X-QUANG ĐƯỢC KIỂM ĐỊNH

1. Thiết bị chụp X-quang — Thiết bị X-quang di động

Nơi đặt thiết bị:	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC - Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Loại, mã hiệu:	JADE-40
Số xêri:	DXO2180348A
Năm sản xuất:	2021
Hãng/nước sản xuất:	Drgem/ Hàn Quốc
Dạng sóng điện áp:	Cao tần
Điện áp đỉnh lớn nhất:	120 kV
Dòng bóng phát cực đại:	100 mA

2. Đầu bóng phát tia X

Loại, mã hiệu:	KL10SB 0.6/1.8-125
Số xêri:	2133866
Hãng/nước sản xuất:	Drgem/ Hàn Quốc
Năm sản xuất:	2021

3. Bàn điều khiển:

Loại, mã hiệu:	JADE-40
Số xêri:	DXO2180348A
Hãng/nước sản xuất:	Drgem/ Hàn Quốc
Năm sản xuất:	2021

II - THIẾT BỊ ĐO, DỤNG CỤ KIỂM TRA SỬ DỤNG ĐỂ KIỂM ĐỊNH

Máy đo đa năng để kiểm tra các thông số điện áp đỉnh, thời gian phát tia, hằng số phía tia, dòng bóng phát tia, HVL, liều và suất liều cho máy X-quang di động.

Mã hiệu: Cobia Flex — Số hiệu: CB4-19073325

Hạn hiệu chuẩn đến: 05/10/2024

Thiết bị kiểm tra trường sáng, trường xạ

Mã hiệu: Pro Fluo 150 — Số hiệu: R-FD-000342

III - HÌNH THỨC KIỂM ĐỊNH

Lần đầu ☐ Định kỳ ☑ Sau khi sửa chữa ☐

IV - KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

1. Kiểm tra ngoại quan

TT	Hạng mục kiểm tra	Nhận xét
1	Thông tin thiết bị	Đầy đủ
2	Khả năng điều khiển phát tia từ xa	Hoạt động bình thường
3	Bộ phận và cơ cấu cơ khí	Hoạt động bình thường
4	Độ chính xác thước chỉ thị khoảng cách	Hoạt động bình thường
5	Tín hiệu cảnh báo thời điểm thiết bị phát tia	Hoạt động bình thường
6	Bộ chuyển mạch (hoặc nút bấm) để đặt chế độ điện áp đỉnh, dòng bóng phát và thời gian phát thiết hoặc hằng số phát tia	Hoạt động bình thường

2. Điện áp đỉnh

2.1. Độ chính xác điện áp đỉnh

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Dòng bóng phát tia: - mA
- Thời gian phát tia: - ms
- Hằng số phát tia mAs: 5 mAs
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

TT	Giá trị kVđặt	Giá trị kVđo
1	70 kV	70,25
2	70 kV	70,60
3	80 kV	80,80

2.2. Độ lặp lại của điện áp đỉnh

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Dòng bóng phát tia: - mA
- Thời gian phát tia: - ms
- Hằng số phát tia mAs: 5 mAs
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

TT	Giá trị kV kiểm tra	Giá trị kVđo
1	70 kV	- Kết quả đo lần 1: 70,15 kV - Kết quả đo lần 2: 70,25 kV - Kết quả đo lần 3: 70,20 kV
2	70 kV	- Kết quả đo lần 1: 70,45 kV - Kết quả đo lần 2: 70,60 kV - Kết quả đo lần 3: 70,55 kV

3	80 kV	- Kết quả đo lần 1: 80,80 kV - Kết quả đo lần 2: 80,65 kV - Kết quả đo lần 3: 80,70 kV

3. Độ chính xác thời gian phát tia (Không áp dụng)

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp đặt: - kV
- Dòng bóng phát tia: - mA
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: - cm

TT	Giá trị $T_{đặt}$ (ms)	Giá trị $T_{đo}$ (ms)
1	-	-
2	-	-
3	-	-

4. Liều lối ra

4.1. Độ lặp lại liều lối ra

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

TT	Thông số đặt	Giá trị liều đo (mGy, µGy)
1	- Điện áp đặt: 50 kV - Dòng bóng phát tia: - mA - Thời gian phát tia: - ms - Hằng số phát tia: 5 mAs	- Kết quả đo lần 1: 123,5 µGy - Kết quả đo lần 2: 123,8 µGy - Kết quả đo lần 3: 123,4 µGy - Kết quả đo lần 4: 124,1 µGy - Kết quả đo lần 5: 124,6 µGy
2	- Điện áp đặt: 70 kV - Dòng bóng phát tia: - mA - Thời gian phát tia: - ms - Hằng số phát tia: 5 mAs	- Kết quả đo lần 1: 156,3 µGy - Kết quả đo lần 2: 156,8 µGy - Kết quả đo lần 3: 155,2 µGy - Kết quả đo lần 4: 156,4 µGy - Kết quả đo lần 5: 155,8 µGy
3	- Điện áp đặt: 70 kV - Dòng bóng phát tia: - mA - Thời gian phát tia: - ms - Hằng số phát tia: 5 mAs	- Kết quả đo lần 1: 212,3 µGy - Kết quả đo lần 2: 212,9 µGy - Kết quả đo lần 3: 213,1 µGy - Kết quả đo lần 4: 212,5 µGy - Kết quả đo lần 5: 212,8 µGy

4.2. *Độ tuyến tính liều lối ra*

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp đặt: 80 kV
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

TT	Hằng số phát tia (mAs)	Giá trị liều đo (µGy)
1	2	84,92
2	5	212,3
3	10	467,1

5. Kích thước tiêu điểm hiệu dụng

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp đặt: 75 kV
- Hằng số phát tia: 10 mAs

- SID: 100 cm

Kết quả ảnh chụp (Lưu kèm theo biên bản)

Đánh giá kích thước tiêu điểm hiệu dụng: 0,6 cm

6. Độ chuẩn trực chùm tia

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp đặt: 75 kV
- Hằng số phát tia: 10 mAs
- SID: 100 cm

Kết quả ảnh chụp (Lưu kèm theo biên bản)

Vị trí ảnh viên bi: Nằm trong vòng tròn thứ nhất

7. Độ trùng khít giữa trường sáng và trường xạ

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp đặt: 70 kV
- Hằng số phát tia: 10 mAs
- SID: 100 cm

Kết quả ảnh chụp (Lưu kèm theo biên bản)

Đánh giá độ lệch:

- Độ lệch mỗi cạnh theo trục x: X= 0 cm
  X'= 0 cm
- Độ lệch mỗi cạnh theo trục y: Y= 0 cm
  Y'= 0 cm

8. Lọc chùm tia sơ cấp (Đánh giá HVL)

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Hằng số phát tia: 50 mAs
- SID: 75 cm

TT	Điện áp đỉnh (kV)	HVL (mmAl)	Giá trị liều đo (μGy)
1	60	1,8	124,6
2	70	2,1	156,8
3	80	2,5	213,1

9. Số tem kiểm định: 000546

Biên bản được lập ngày 28 tháng 08 năm 2024

Tại: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chất xác đối với kết quả kiểm định ghi trên biên bản./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ SỬ DỤNG	NGƯỜI CHỨNG KIẾN	NGƯỜI KIỂM ĐỊNH
(Ký tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ, tên)*	*(Ký, ghi rõ họ, tên)*
GIÁM ĐỐC		
Bùi Thái Chiến	CN. Nguyễn Minh Trí	Phan Hoàng Thắng

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2805 /GP-SKHCN

Đồng Nai, ngày 04 tháng 11 năm 2022

GIẤY PHÉP

Tiến hành công việc bức xạ
(Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)

GIÁM ĐỐC
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử;

Xét hồ sơ đề nghị gia hạn giấy của Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc ngày 01 tháng 11 năm 2022;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý chuyên ngành.

CHO PHÉP

Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc.

Địa chỉ: Ngã 3 Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 02513.871124 Fax:

Được phép: Sử dụng 04 thiết bị X-quang có các đặc trưng như trang 3 của giấy phép này để chẩn đoán trong y tế.

Trong quá trình tiến hành công việc bức xạ, đơn vị được cấp giấy phép phải nghiêm chỉnh thực hiện các quy định pháp luật và các điều kiện của Giấy phép.

Giấy phép này có giá trị đến **ngày 30 tháng 11 năm 2025.**

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH ĐỒNG NAI

Huỳnh Minh Hậu

Nơi nhận:
- Cơ sở được cấp phép;
- GĐ và các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, QCN

QCN062Cuong_GP_TTYThuyenXuanLoc\03b.

CÁC ĐIỀU KIỆN CỦA GIẤY PHÉP

(Kèm theo Giấy phép số 2805 /GP-SKHCN ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai)

1. Chỉ được phép tiến hành công việc bức xạ với thiết bị bức xạ có các đặc trưng nêu tại phần kèm theo của Giấy phép này;
2. Trường hợp tiếp tục tiến hành công việc bức xạ sau thời gian ghi trong Giấy phép này, phải làm thủ tục đề nghị gia hạn và gởi hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ (Qua Trung tâm hành chính công tỉnh Đồng Nai) trước khi Giấy phép hết hạn **ít nhất 45 ngày**;
3. Trường hợp chuyển nhượng thiết bị bức xạ cho tổ chức, cá nhân khác phải báo cáo với cơ quan có thẩm quyền cấp phép;
4. Định kỳ vào tháng 11 hằng năm thực hiện lập và gửi báo cáo kết quả đánh giá kiểm soát ATBX của cơ sở đến Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai;
5. Không được sử dụng thiết bị bức xạ tại địa điểm khác với quy định trong Giấy phép này;
6. Tổ chức thực hiện Thông tư số 19/2012/TT-BKHCN ngày 08 tháng 11 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về kiểm soát và bảo đảm an toàn bức xạ trong chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng; Thông tư số 25/2014/TT-BKHCN ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc chuẩn bị ứng phó và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân, lập và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân;
7. Nếu có bất kỳ thay đổi nào so với bộ hồ sơ đề nghị cấp phép, cơ sở phải thông báo bằng văn bản đến Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai để cập nhật.
8. Trường hợp xảy ra sự cố bức xạ phải thông báo khẩn cấp cho cơ quan liên quan và:

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 1597, Đường Phạm Văn Thuận, phường Thống Nhất,

thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 02513.822297 - (8288 hoặc 8180) hoặc 0903.874107

CÁC ĐẶC TRƯNG CỦA THIẾT BỊ X-QUANG CHẨN ĐOÁN TRONG Y TẾ ĐƯỢC CẤP PHÉP

(Kèm theo Giấy phép số 2805 /GP-SKHCN ngày 04 tháng 11 năm 2022
của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên thiết bị	Mã hiệu, Số sêri	Hãng SX, Nước SX, Năm SX.	Thông số làm việc cực đại kV max, mA max / mAs max	Mục đích sử dụng, địa điểm sử dụng	Sử dụng cố định hay di động	Các bộ phận của thiết bị			
							Tên bộ phận	Hãng SX	Mã hiệu	Số series
01	Thiết bị chụp X-quang răng (di động)	DENT NAVI; WA-531	Yoshida; Nhật; 2012	70 kVp; 10 mA	- Thiết bị chụp X-quang răng; - Địa điểm sử dụng: Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc.	Sử dụng di động	Bàn điều khiển	Yoshida	DENT NAVI	WA-531
							Đầu bóng phát tia X	Yoshida	DENT NAVI	QLC 072012
02	Thiết bị chụp X-quang tổng hợp	Rad-8; H47409	Varian; Mỹ; 2011	125 kVp; 400 mA	- Thiết bị chụp X-quang tổng hợp; - Địa điểm sử dụng: Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc.	Sử dụng cố định	Bàn điều khiển	Varian	CONRAD 425	1749
							Đầu bóng phát tia X	Varian	Rad-8	H47409
03	Thiết bị chụp X-quang tổng hợp	Rad-14; 60147-R6	Varian; Mỹ; 2016	150 kVp; 630 mA	- Thiết bị chụp X-quang di động; - Địa điểm sử dụng: Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc.	Sử dụng cố định	Bàn điều khiển	Varian	MO111649 012	73598800
							Đầu bóng phát tia X	Varian	Rad-14	60147-R6
04	Thiết bị chụp X-quang tổng hợp	E7239GX; 6E811	Toshiba; Nhật; 2006	100 kVp; 200 mA	- Thiết bị chụp X-quang tổng hợp; - Địa điểm sử dụng: Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc.	Sử dụng cố định	Bàn điều khiển	Toshiba	E7239GX	6E811
							Đầu bóng phát tia X	Mỹ	13CT	31337

TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II
CENTER OF RADIATION SAFETY TECHNICAL II

Địa chỉ: 237, đường D12, KP1, P. Phú Tân, Tp. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương
Vp GD và Phòng thí nghiệm: Đường DX17, Phú Chánh, Tân Uyên, Bình Dương
Vp Tp.HCM: K60, KDC Thới An, đường Lê Thị Riêng, Thới An, Q.12, Tp. HCM
Tel: (0274) 3868738 – (028) 9999 0979. Email: viet@vietsci.com
Website: www.vietsci.com | www.antoanbucxasci.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence – Freedom – Happiness

Số *(No)*:	**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH** *Certificate of Verification*	Ngày *(Date)*:
061.06/ATBX/KD/0325		31/03/2025

1. **Tên đối tượng:** Thiết bị X-quang tổng hợp
Object

- Kiểu: *Type*	CM50DR	- Số xêri: *Serial No*	CPD11054A12
- Nơi sản xuất: *Manufacturer*	DEL MEDICAL IMAGING CORP/ Mỹ	- Năm: *Year*	2012

2. **Đặc trưng kỹ thuật:** *Specifications* Điện áp đỉnh lớn nhất: 125 kVp Dòng bóng phát cực đại: 500 mA

3. **Nơi sử dụng:** *Place* TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC - Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

4. **Người/Đơn vị sử dụng:** *User* TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

5. **Phương pháp thực hiện:** *Method of verification* QCVN 11:2015/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị chụp X-quang tổng hợp dùng trong y tế

6. **Kết luận:** *Conclusion* **Đạt yêu cầu chấp nhận**

7. **Số tem kiểm định:** *Verification stamp No* 000828

8. **Thời hạn đến: (*)** *Valid until* 27/03/2027

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2025
Date of issue

Người kiểm định
Verified by

TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II
Phan Hoàng Thắng

GIÁM ĐỐC
Director

TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II
CENTER OF RADIATION SAFETY TECHNICAL II
Địa chỉ: 237, đường D12, KP1, P. Phú Tân, Tp. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương
Vp GD và Phòng thí nghiệm: Đường DX17, Phú Chánh, Tân Uyên, Bình Dương
Vp Tp.HCM: K60, KDC Thới An, đường Lê Thị Riêng, Thới An, Q.12, Tp. HCM
Tel: (0274) 3868738 – (028) 9999 0979. Email: viet@vietsci.com
Website: www.vietsci.com | www.antoanbucxasci.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence – Freedom – Happiness

Số *(No)*: 061.04/ATBX/KĐ/0325	**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KIỂM ĐỊNH** *Thiết bị chụp X-quang tổng hợp dùng trong y tế*	Ngày *(Date)*: 31/03/2025

Căn cứ Thông tư số 28/2015/TT-BKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị chụp X-quang tổng hợp dùng trong y tế (QCVN 11: 2015/BKHCN).

Căn cứ biên bản kiểm định số 061.06/ATBX/KĐ/0325 ngày 27 tháng 03 năm 2025 của Trung tâm Kỹ thuật An toàn Bức xạ II.

I. CƠ SỞ SỬ DỤNG THIẾT BỊ X-QUANG

1. Tên cơ sở: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

2. Địa chỉ (trụ sở chính): Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

II. THIẾT BỊ CHỤP X-QUANG ĐƯỢC KIỂM ĐỊNH

1. Thiết bị chụp X-quang Thiết bị X-quang tổng hợp

Nơi đặt thiết bị:	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC - Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Loại, mã hiệu:	CM50DR
Số xêri:	CPD11054A12
Năm sản xuất:	2012
Hãng/nước sản xuất:	DEL MEDICAL IMAGING CORP/ Mỹ
Dạng sóng điện áp:	Cao tần
Điện áp đỉnh lớn nhất:	125 kVp
Dòng bóng phát cực đại:	500 mA

2. Đầu bóng phát tia X

Loại, mã hiệu:	RAD-14
Số xêri:	60147-R6
Hãng/nước sản xuất:	Varian/ Mỹ
Năm sản xuất:	2016

3. Bàn điều khiển

Loại, mã hiệu:	CM50DR
Số xêri:	73598800
Hãng/nước sản xuất:	DEL MEDICAL IMAGING CORP/ Mỹ
Năm sản xuất:	2012

4. Tủ cao áp

Loại, mã hiệu:	CMP200(50KW)

Số xêri: CPD11054A12
Hãng/nước sản xuất: DEL MEDICAL IMAGING CORP/ Mỹ

III. HÌNH THỨC KIỂM ĐỊNH

Lần đầu ☐ Định kỳ ☑ Sau khi sửa chữa ☐

IV. KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

1. Kiểm tra ngoại quan

TT	Hạng mục kiểm tra	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
1	Chuyển mạch, nút bấm, công tắc	Đạt
2	Cơ khí bàn chụp, khay đựng cát sét, cột giữ bóng, cần quay bóng, bộ khu trú chùm tia	Đạt
3	Chỉ thị khoảng cách tiêu điểm bóng phát tia đến tấm ghi nhận ảnh	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt:

2. Điện áp đỉnh

2.1. Độ chính xác điện áp đỉnh

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Dòng bóng phát tia: - mA
- Thời gian phát tia: - ms
- Hằng số phát tia mAs: 10 mAs
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

TT	Giá trị kVp kiểm tra	$U_{kVp\%}$ (%)	U_{kVptd} (kVp)	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
1	60 kVp	-1,08	-	Đạt
2	70 kVp	-1,71	-	Đạt
3	80 kVp	-0,88	-	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

2.2. Độ lặp lại của điện áp đỉnh

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Dòng bóng phát tia: - mA
- Thời gian phát tia: - ms
- Hằng số phát tia mAs: 10 mAs
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

TT	Giá trị kVp kiểm tra	R_{kVp} (%)	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
1	60 kVp	0,08	Đạt
2	70 kVp	0,05	Đạt
3	80 kVp	0,29	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

3. Độ chính xác thời gian phát tia (Không áp dụng)

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Điện áp đặt: - kVp
- Dòng bóng phát tia: - mA
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: - cm

TT	Giá trị thời gian đặt kiểm tra (ms)	U_t (%)	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
1	-	-	-
2	-	-	-
3	-	-	-

- Nhận xét: -
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

4. Liều lối ra

4.1. Độ lặp lại liều lối ra

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

Thông số đặt	R_L (%)	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
- Điện áp đặt: 60 kVp - Dòng bóng phát tia: - mA - Thời gian phát tia: - ms - Hằng số phát tia: 10 mAs	0,64	Đạt
- Điện áp đặt: 70 kVp - Dòng bóng phát tia: - mA - Thời gian phát tia: - ms - Hằng số phát tia: 10 mAs	0,53	Đạt
- Điện áp đặt: 80 kVp - Dòng bóng phát tia: - mA - Thời gian phát tia: - ms - Hằng số phát tia: 10 mAs	0,43	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

4.2. Độ tuyến tính liều lối ra

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Điện áp đặt: 80 kVp
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

Độ tuyến tính liều lối ra (%)	**Đánh giá kết quả** (Đạt/Không đạt)
0,53	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

5. Kích thước tiêu điểm

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp đặt: 75 kVp
- Hằng số phát tia: 10 mAs
- SID: 100 cm

Kích thước tiêu điểm hiệu dụng (mm)	**Kích thước tiêu điểm danh định** (mm)	**Mức thay đổi** (%)	**Đánh giá kết quả** (Đạt/Không đạt)
0,6	0,6	0	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

6. Độ chuẩn trực chùm tia

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp đặt: 75 kVp
- Hằng số phát tia: 10 mAs
- SID: 100 cm

Độ lệch chuẩn trực (^{o})	**Đánh giá kết quả** (Đạt/Không đạt)
< 1,5	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

7. Độ trùng khít giữa trường sáng và trường xạ

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp đặt: 75 kVp
- Hằng số phát tia: 10 mAs
- SID: 100 cm

Độ lệch trường sáng - trường xạ		**Đánh giá kết quả** (Đạt/Không đạt)
Độ lệch của một cạnh lớn nhất:	0,5 % SID	Đạt
Độ lệch của hai cạnh theo một trục lớn nhất:	0,5 % SID	Đạt
Độ lệch của tất cả các cạnh:	0,5 % SID	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định

- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

8. Lọc chùm tia sơ cấp

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Hằng số phát tia: 50 mAs
- SID: 75 cm

TT	**Điện áp đỉnh** (kVp)	**HVL** (mmAl)	**Đánh giá kết quả** (Đạt/Không đạt)
1	60	2,8	Đạt
2	70	3,4	Đạt
3	80	3,9	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt:

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Thiết bị chụp X-quang được kiểm định có kết quả:

Đạt ☑ Không đạt ☐

2. Các thông số không đạt yêu cầu chấp nhận:

3. Các kiến nghị (khi kết quả kiểm định không đạt yêu cầu):

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Thạc sĩ Nguyễn Thế Cường

NGƯỜI KIỂM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ, tên)

RATECH II TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II
KĐV. Phan Hoàng Thắng
SĐT: 0812 440 738

TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 27 tháng 03 năm 2025

BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH
(THIẾT BỊ CHỤP X-QUANG TỔNG HỢP DÙNG TRONG Y TẾ)
Số: 061.06/ATBX/KĐ/0325

Chúng tôi gồm:

1. Trần Nhựt An — Số chứng chỉ hành nghề: 95,70/CCHNDV/ATBXHN
2. Nguyễn Thế Cường — Số chứng chỉ hành nghề: 72/CCHNDV/ATBXHN
3. Phan Hoàng Thắng — Số chứng chỉ hành nghề: 68,12,77/CCHN/ATBXHN
4. Nguyễn Minh Tân — Số chứng chỉ hành nghề: 69/CCHN/ATBXHN

Thuộc tổ chức kiểm định: Trung tâm Kỹ thuật an toàn bức xạ II.

Số đăng ký hoạt động dịch vụ của tổ chức kiểm định: 47/2022/ĐK/ATBXHN

Đã tiến hành kiểm định thiết bị chụp X-quang tổng hợp tại:

Cơ sở: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Địa chỉ (trụ sở chính): Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Quy trình kiểm định áp dụng: QCVN 11:2015/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị chụp X-quang tổng hợp dùng trong y tế

Đại diện cơ sở chứng kiến kiểm định và thông qua biên bản:

Họ và tên: Bùi Thái Chiến — Chức vụ: Giám đốc

Họ và tên: Nguyễn Minh Trí — Chức vụ: Kỹ thuật viên trưởng

I - THIẾT BỊ X-QUANG ĐƯỢC KIỂM ĐỊNH

1. Thiết bị chụp X-quang — Thiết bị X-quang tổng hợp

Nơi đặt thiết bị:	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC - Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Loại, mã hiệu:	CM50DR
Số xêri:	CPD11054A12
Năm sản xuất:	2012
Hãng/nước sản xuất:	DEL MEDICAL IMAGING CORP/ Mỹ
Dạng sóng điện áp:	Cao tần
Điện áp đỉnh lớn nhất:	125 kVp
Dòng bóng phát cực đại:	500 mA

2. Đầu bóng phát tia X

Loại, mã hiệu:	RAD-14
Số xêri:	60147-R6
Hãng/nước sản xuất:	Varian/ Mỹ
Năm sản xuất:	2016

3. Bàn điều khiển

Loại, mã hiệu:	CM50DR
Số xêri:	73598800

Hãng/nước sản xuất: DEL MEDICAL IMAGING CORP/ Mỹ
Năm sản xuất: 2012

4. Tủ cao áp

Loại, mã hiệu: CMP200(50KW)
Số xêri: CPD11054A12
Hãng/nước sản xuất: DEL MEDICAL IMAGING CORP/ Mỹ
Ngày kiểm định lần trước:
Do: thực hiện.

II - THIẾT BỊ ĐO, DỤNG CỤ KIỂM TRA SỬ DỤNG ĐỂ KIỂM ĐỊNH

Máy đo đa năng để kiểm tra các thông số điện áp đỉnh, thời gian phát tia, hằng số phía tia, dòng bóng phát tia, HVL, liều và suất liều cho máy X-quang tổng hợp.

Mã hiệu: Cobia Flex — Số hiệu: CB4-19073325
Hạn hiệu chuẩn: 01/10/2025

Thiết bị kiểm tra trường sáng, trường xạ
Mã hiệu: Pro Fluo 150 — Số hiệu: R-FD-000342
Thước cuộn: — Hạn hiệu chuẩn: 28/02/2026

III - HÌNH THỨC KIỂM ĐỊNH

Lần đầu ☐ Định kỳ ☑ Sau khi sửa chữa ☐

IV - KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

1. Kiểm tra ngoại quan

TT	Hạng mục kiểm tra	Nhận xét
1	Chuyển mạch, nút bấm, công tắc	Hoạt động bình thường
2	Cơ khí bàn chụp, khay dựng cát sét, cột giữ bóng, cần quay bóng, bộ khu trú chùm tia	Hoạt động bình thường
3	Chỉ thị khoảng cách tiêu điểm bóng phát tia đến tấm ghi nhận ảnh	Hoạt động bình thường

2. Điện áp đỉnh

2.1. Độ chính xác điện áp đỉnh

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Dòng bóng phát tia: - mA
- Thời gian phát tia: - ms
- Hằng số phát tia mAs: 10 mAs
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

TT	Giá trị $kVp_{đặt}$	Giá trị $kVp_{đo}$
1	60 kVp	59,35 kVp
2	70 kVp	68,80 kVp
3	80 kVp	79,30 kVp

2.2. Độ lặp lại của điện áp đỉnh

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Dòng bóng phát tia: - mA

- Thời gian phát tia: - ms
- Hằng số phát tia mAs: 10 mAs
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

TT	Giá trị kVp kiểm tra	Giá trị kVpđo
1	60 kVp	- Kết quả đo lần 1: 59,35 kVp - Kết quả đo lần 2: 59,45 kVp - Kết quả đo lần 3: 59,40 kVp
2	70 kVp	- Kết quả đo lần 1: 68,80 kVp - Kết quả đo lần 2: 68,90 kVp - Kết quả đo lần 3: 68,90 kVp
3	80 kVp	- Kết quả đo lần 1: 79,30 kVp - Kết quả đo lần 2: 79,70 kVp - Kết quả đo lần 3: 79,40 kVp

3. Độ chính xác thời gian phát tia (Không áp dụng)

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Điện áp đặt: - kVp
- Dòng bóng phát tia: - mA
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: - cm

TT	Giá trị $T_{đặt}$ (ms)	Giá trị $T_{đo}$ (ms)
1	-	-
2	-	-
3	-	-

4. Liều lối ra

4.1. Độ lặp lại liều lối ra

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

TT	Thông số đặt	Giá trị liều đo (mGy, µGy)
1	- Điện áp đặt: 60 kVp - Dòng bóng phát tia: - mA - Thời gian phát tia: - ms - Hằng số phát tia: 10 mAs	- Kết quả đo lần 1: 201,9 µGy - Kết quả đo lần 2: 202,2 µGy - Kết quả đo lần 3: 201,5 µGy - Kết quả đo lần 4: 202,6 µGy - Kết quả đo lần 5: 202,8 µGy
2	- Điện áp đặt: 70 kVp - Dòng bóng phát tia: - mA - Thời gian phát tia: - ms - Hằng số phát tia: 10 mAs	- Kết quả đo lần 1: 301,9 µGy - Kết quả đo lần 2: 302,8 µGy - Kết quả đo lần 3: 301,2 µGy - Kết quả đo lần 4: 302,4 µGy - Kết quả đo lần 5: 301,6 µGy
3	- Điện áp đặt: 80 kVp - Dòng bóng phát tia: - mA - Thời gian phát tia: - ms - Hằng số phát tia: 10 mAs	- Kết quả đo lần 1: 393,3 µGy - Kết quả đo lần 2: 392,1 µGy - Kết quả đo lần 3: 393,8 µGy - Kết quả đo lần 4: 392,5 µGy - Kết quả đo lần 5: 392,4 µGy

4.2. *Độ tuyến tính liều lối ra*

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp đặt: 80 kVp
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

TT	Hằng số phát tia (mAs)	Giá trị liều đo (µGy)
1	5	198,2
2	10	393
3	20	824,5

5. Kích thước tiêu điểm hiệu dụng

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp đặt: 75 kVp
- Hằng số phát tia: 10 mAs
- SID: 100 cm

Kết quả ảnh chụp (Lưu kèm theo biên bản)

Đánh giá kích thước tiêu điểm hiệu dụng: 0,6 mm

6. Độ chuẩn trực chùm tia

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp đặt: 75 kVp
- Hằng số phát tia: 10 mAs
- SID: 100 cm

Kết quả ảnh chụp (Lưu kèm theo biên bản)

Vị trí ảnh viên bi: Nằm trong vòng tròn thứ nhất

7. Độ trùng khít giữa trường sáng và trường xạ

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp đặt: 75 kVp
- Hằng số phát tia: 10 mAs
- SID: 100 cm

Kết quả ảnh chụp (Lưu kèm theo biên bản)

Đánh giá độ lệch:

- Độ lệch mỗi cạnh theo trục x: X= 0,5 cm
  X'= 0 cm
- Độ lệch mỗi cạnh theo trục y: Y= 0 cm
  Y'= 0 cm

8. Lọc chùm tia sơ cấp (Đánh giá HVL)

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Hằng số phát tia: 50 mAs
- SID: 75 cm

TT	Điện áp đỉnh (kVp)	HVL (mmAl)	Giá trị liều đo (µGy)
1	60	2,8	202,8
2	70	3,4	302,8
3	80	3,9	393,8

9. Số tem kiểm định: 000828

Biên bản được lập ngày 27 tháng 03 năm 2025

Tại: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với kết quả kiểm định ghi trên biên bản./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ SỬ DỤNG	NGƯỜI CHỨNG KIẾN	NGƯỜI KIỂM ĐỊNH
(Ký tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ, tên)*	*(Ký, ghi rõ họ, tên)*
GIÁM ĐỐC		
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC		
Bùi Thái Chiến	CN. Nguyễn Minh Trí	RATECH II TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II KĐV. Phan Hoàng Thắng SĐT: 0812 440 738

TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II
CENTER OF RADIATION SAFETY TECHNICAL II
Địa chỉ: 237, đường D12, KP1, P. Phú Tân, Tp. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương
Vp GD và Phòng thí nghiệm: Đường DX17, Phú Chánh, Tân Uyên, Bình Dương
Vp Tp.HCM: K60, KDC Thới An, đường Lê Thị Riêng, Thới An, Q.12, Tp. HCM
Tel: (0274) 3868738 (028) 9999 0979| Email: viet@vietsci.com
Website: www.vietsci.com | www.antoanbucxasci.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence – Freedom – Happiness

Số *(No)*: 061.07/ATBX/KX/0325	**KẾT QUẢ** **Kiểm xạ khu vực làm việc của thiết bị chụp X-quang tổng hợp dùng trong y tế**	Ngày *(Date)*: 31/03/2025

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin về cơ sở tiến hành công việc bức xạ

Tên tổ chức, cá nhân:

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Địa chỉ trụ sở chính (theo giấy đăng ký):

Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Địa điểm tiến hành công việc bức xạ:

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC - Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: - Fax: -

Email: -

Đại diện cơ sở chứng kiến kiểm định và thông qua biên bản:

Họ và tên: Bùi Thái Chiến Chức vụ: Giám đốc

Họ và tên: Nguyễn Minh Trí Chức vụ: Kỹ thuật viên trưởng

2. Thông tin về đơn vị thực hiện dịch vụ kiểm xạ

a) Thông tin về cơ sở thực hiện dịch vụ:

Tên cơ sở: Trung tâm Kỹ thuật An toàn Bức xạ II

Địa chỉ: 237, Đường D12, KP 1, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: (0274)3868738

Vp Tp.HCM: K60, KDC Thới An, đường Lê Thị Riêng, Thới An, Q.12, Tp. HCM

b) Người thực hiện:

1. Trần Nhựt An Số chứng chỉ hành nghề: 95,70/CCHNDV/ATBXHN
2. Nguyễn Thế Cường Số chứng chỉ hành nghề: 72/CCHNDV/ATBXHN
3. Phan Hoàng Thắng Số chứng chỉ hành nghề: 68,12,77/CCHN/ATBXHN
4. Nguyễn Minh Tân Số chứng chỉ hành nghề: 69/CCHN/ATBXHN

c) Thiết bị thực hiện kiểm xạ:

Máy đo suất liều phóng xạ tia X và gamma

Mã hiệu: AT1121 Số hiệu: 44961

Hạn hiệu chuẩn: 08/10/2025 Hệ số chuẩn tia X : 1,15

Hệ số chuẩn tia Gamma : 1,07

Hạn hiệu chuẩn : 28/02/2026

Thước cuộn :

3. Thông tin về thiết bị X-quang

Tên thiết bị: Thiết bị X-quang tổng hợp

Nơi đặt thiết bị: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC - Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã Hiệu: CM50DR Số hiệu: CPD11054A12

Hãng/nước sản xuất: DEL MEDICAL IMAGING CORP/ Mỹ

Năm sản xuất: 2012

Điện áp cực đại (kV) 125 kVp

Dòng phát tia cực đại (mA) hoặc hằng số phát tia cực đại (mAs): 500 mA

Mục đích sử dụng: Chụp chẩn đoán hình ảnh

Đầu đèn

Mã Hiệu: RAD-14 Số hiệu: 60147-R6

Hãng/nước sản xuất: Varian/ Mỹ

Năm sản xuất: 2016

Bàn điều khiển thiết bị

Mã Hiệu: CM50DR Số hiệu: 73598800

Hãng/nước sản xuất: DEL MEDICAL IMAGING CORP/ Mỹ

Năm sản xuất: 2012

Tủ cao áp

Mã Hiệu: CMP200(50KW) Số hiệu: CPD11054A12

Năm sản xuất: 2012

Hãng/nước sản xuất: DEL MEDICAL IMAGING CORP/ Mỹ

II. KẾT QUẢ ĐO KIỂM XẠ

Sơ đồ đo kiểm xạ (đính kèm)

Phông môi trường: 0,11 µSv/h

Hướng phát tia: Phát từ trên xuống chiếu chụp ở thông số mức cao

Kích thước trường chiếu: 300 x 300 x cách bàn 1000 mm

Điện áp: 70 kVp Dòng: 100 mA

Hằng số phát tia: 10 mAs Thời gian: 100 ms

STT	Vị trí đo	Suất liều (µSv/h)				Tiêu chí suất liều theo quy định tại thông tư số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT
		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình	
Mặt A - Kỹ Thuật Viên						
1	Sát tường	0,21	0,19	0,21	0,20	≤ 10 µSv/h
2	Cách tường 1 m	0,18	0,18	0,18	0,18	≤ 10 µSv/h
Mặt B - Hành Lang						
3	Sát tường	0,19	0,21	0,21	0,20	≤ 0,5 µSv/h
4	Cách tường 1 m	0,18	0,19	0,18	0,18	≤ 0,5 µSv/h
Mặt C - Hành Lang						
5	Sát tường	0,21	0,19	0,21	0,20	≤ 0,5 µSv/h
6	Cách tường 1 m	0,18	0,18	0,18	0,18	≤ 0,5 µSv/h

Mặt D - Hành Lang						
7	Sát tường	0,21	0,19	0,21	0,20	≤ 0,5 µSv/h
8	Cách tường 1 m	0,19	0,18	0,19	0,19	≤ 0,5 µSv/h
Phòng Điều Khiển - Kính Chì						
9	Vị trí Kỹ thuật viên	0,19	0,19	0,19	0,19	≤ 10 µSv/h
Cửa ra vào phòng chụp - Kỹ Thuật Viên						
10	Giữa cửa	0,19	0,18	0,19	0,19	≤ 10 µSv/h
11	Hai bên cửa	0,19	0,19	0,19	0,19	≤ 10 µSv/h
Cửa ra vào phòng chụp - Hành Lang						
12	Giữa cửa	0,21	0,18	0,19	0,19	-
13	Hai bên cửa	0,19	0,21	0,19	0,20	-

Hướng phát tia: Phát ngang chiếu chụp ở thông số mức cao:

Kích thước trường chiếu: 300 x 300 x cách bàn 1000 mm

Điện áp: 80 kVp Dòng: 200 mA

Hằng số phát tia: 20 mAs Thời gian: 100 ms

STT	Vị trí đo	Suất liều (µSv/h)				Tiêu chí suất liều theo quy định tại thông tư số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT
		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình	
Mặt A - Kỹ Thuật Viên						
1	Sát tường	0,19	0,19	0,19	0,19	≤ 10 µSv/h
2	Cách tường 1 m	0,18	0,18	0,18	0,18	≤ 10 µSv/h
Mặt B - Hành Lang						
3	Sát tường	0,19	0,21	0,21	0,20	≤ 0,5 µSv/h
4	Cách tường 1 m	0,18	0,19	0,19	0,19	≤ 0,5 µSv/h
Mặt C - Hành Lang						
5	Sát tường	0,19	0,21	0,19	0,20	≤ 0,5 µSv/h
6	Cách tường 1 m	0,18	0,19	0,18	0,18	≤ 0,5 µSv/h
Mặt D - Hành Lang						
7	Sát tường	0,19	0,21	0,19	0,20	≤ 0,5 µSv/h
8	Cách tường 1 m	0,18	0,18	0,18	0,18	≤ 0,5 µSv/h
Phòng Điều Khiển - Kính Chì						
9	Vị trí Kỹ thuật viên	0,19	0,19	0,19	0,19	≤ 10 µSv/h
Cửa ra vào phòng chụp - Kỹ Thuật Viên						
10	Giữa cửa	0,19	0,19	0,19	0,19	≤ 10 µSv/h
11	Hai bên cửa	0,18	0,19	0,18	0,18	≤ 10 µSv/h
Cửa ra vào phòng chụp - Hành Lang						
12	Giữa cửa	0,21	0,19	0,19	0,19	-
13	Hai bên cửa	0,19	0,18	0,18	0,18	-

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐO

1. Văn bản áp dụng để đánh giá:

Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09 tháng 06 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Y tế về đảm bảo an toàn bức xạ trong y tế.

Thực hiện theo Thông tư 13/2018/TT-BKHCN ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định về đảm bảo an toàn bức xạ trong y tế.

Thực hiện theo Thông tư 19/2012/TT-BKHCN ngày 08/11/2012 quy định về việc kiểm soát và bảo đảm an toàn bức xạ trong chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng.

Thực hiện theo Nghị định 142/2020/NĐ/CP ngày 09/12/2020 về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.

2. Đánh giá kết quả:

a) Tiêu chí đánh giá:

Mọi vị trí bên ngoài phòng đặt thiết bị X-quang nơi công chúng đi lại, nơi người bệnh ngồi chờ không được vượt quá giá trị suất liều: 0.5 µSv/giờ;

Trường hợp phòng đặt thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế nằm trong khu dân cư, liền kề nhà ở hoặc nơi làm việc phải bảo đảm suất liều bức xạ ở tất cả các điểm đo bên ngoài phòng đặt thiết bị bằng phông bức xạ tự nhiên:

Trường hợp thiết bị X-quang chẩn đoán làm việc ở điện áp nhỏ hơn 150 kV, tủ điều khiển được phép đặt trong phòng đặt thiết bị nhưng phải có bình phong chì che chắn bảo đảm mức bức xạ tại vị trí nhân viên đứng vận hành thiết bị nhỏ hơn 10 µSv/giờ.

b) Đánh giá kết quả:

Bên ngoài phòng đặt thiết bị X-quang nơi công chúng đi lại, nơi người bệnh ngồi chờ:

- Đạt yêu cầu về an toàn bức xạ

Trường hợp phòng đặt thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế nằm trong khu dân cư, liền kề nhà ở hoặc nơi làm việc:

Khu vực phòng điều khiển/nơi đặt tủ điều khiển:

- Đạt yêu cầu về an toàn bức xạ

IV. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN CÁO

1. Kết luận

Cơ sở tiến hành công việc bức xạ:

☑ Đảm bảo ATBX đối với nhân viên bức xạ và công chúng

☐ Không đảm bảo ATBX đối với:

- ☐ Nhân viên bức xạ
- ☐ Công chúng

2. Khuyến cáo

Khuyến cáo các biện pháp đảm bảo an toàn bức xạ bổ sung:

Ngày khuyến cáo kiểm xạ tiếp theo: **27/03/2026**

Tài liệu gửi kèm theo kết quả kiểm xạ:

Sơ đồ vị trí mặt bằng phòng đặt thiết bị X-quang chẩn đoán y tế;

Ảnh chụp model, seri của thiết bị X-quang;

Biên bản kiểm xạ hiện trường tại cơ sở.

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ
(ký, ghi rõ họ tên)

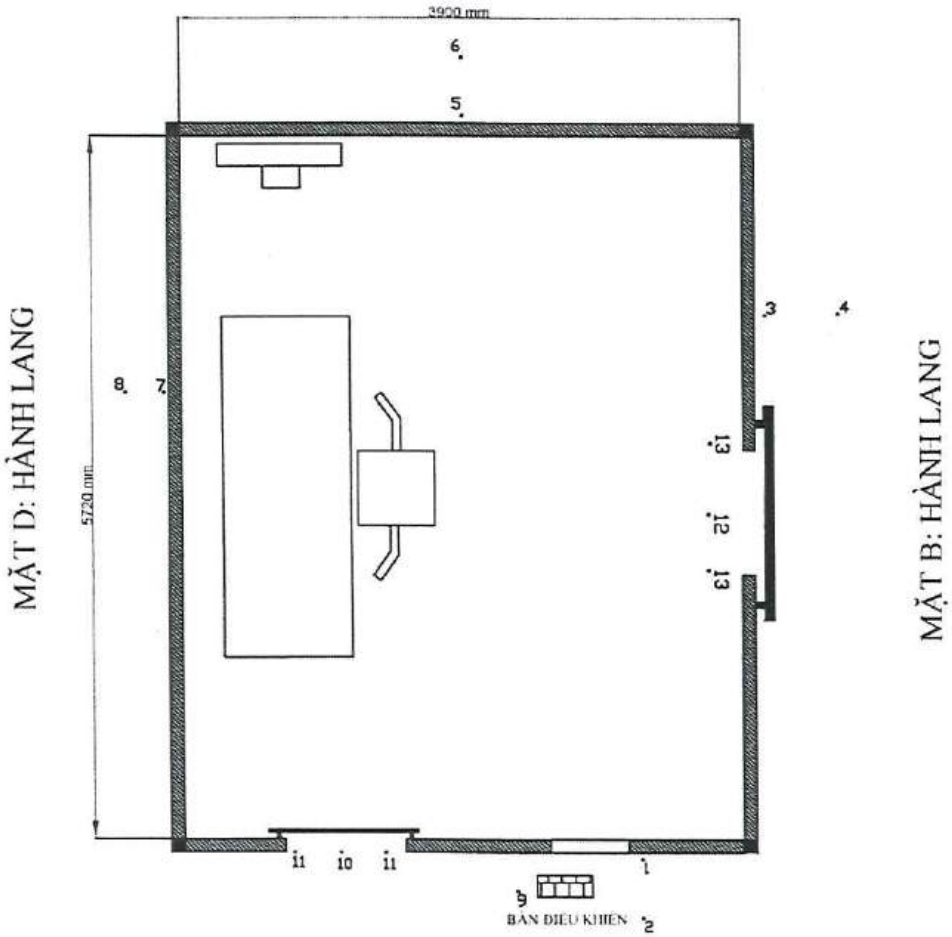
RATECH II TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II
KDV. Phan Hoàng Thắng
SĐT: 0812 440 738

GIÁM ĐỐC
(ký tên và đóng dấu)

Thạc sĩ Nguyễn Thế Cường

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ PHÒNG ĐẶT THIẾT BỊ X-QUANG TỔNG HỢP DÙNG TRONG Y TẾ TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

MẶT C: HÀNH LANG



MẶT D: HÀNH LANG

MẶT B: HÀNH LANG

MẶT A: KỸ THUẬT VIÊN

Người vẽ	GHI CHÚ :
KDV: PHAN HOÀNG THẮNG	

TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Hiện trường kiểm xạ tại phòng đặt thiết bị X-quang tổng hợp dùng trong y tế

Số: 061.07/ATBX/KX/0325

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin về cơ sở tiến hành công việc bức xạ

Tên tổ chức, cá nhân:

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Địa chỉ trụ sở chính (theo giấy đăng ký):

Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Địa điểm tiến hành công việc bức xạ:

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC - Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: - Fax: -

Email: -

Đại diện cơ sở chứng kiến kiểm định và thông qua biên bản:

Họ và tên: Bùi Thái Chiến Chức vụ: Giám đốc

Họ và tên: Nguyễn Minh Trí Chức vụ: Kỹ thuật viên trưởng

2. Thông tin về đơn vị thực hiện dịch vụ kiểm xạ

a) Thông tin về cơ sở thực hiện dịch vụ:

Tên cơ sở: Trung tâm Kỹ thuật an toàn bức xạ II

Địa chỉ: 237, Đường D12, KP 1, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: (0274)3868738

Vp Tp.HCM: K60, KDC Thới An, đường Lê Thị Riêng, Thới An, Q.12, Tp. HCM

b) Người thực hiện:

1. Trần Nhựt An — Số chứng chỉ hành nghề: 95,70/CCHNDV/ATBXHN
2. Nguyễn Thế Cường — Số chứng chỉ hành nghề: 72/CCHNDV/ATBXHN
3. Phan Hoàng Thắng — Số chứng chỉ hành nghề: 68,12,77/CCHN/ATBXHN
4. Nguyễn Minh Tân — Số chứng chỉ hành nghề: 69/CCHN/ATBXHN

c) Thiết bị thực hiện kiểm xạ:

Máy đo suất liều phóng xạ tia X và Gamma

Mã hiệu: AT1121 Số hiệu: 44961

Hạn hiệu chuẩn: 08/10/2025 Hệ số chuẩn tia X : 1,15

Hệ số chuẩn tia Gamma : 1,07

Hạn hiệu chuẩn : 28/02/2026

Thước cuộn :

3. Thông tin về thiết bị X-quang

Tên thiết bị: Thiết bị X-quang tổng hợp

Nơi đặt thiết bị: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC - Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã hiệu: CM50DR Số hiệu: CPD11054A12

Hãng/nước sản xuất: DEL MEDICAL IMAGING CORP/ Mỹ

Điện áp cực đại (kV): 125 kVp Năm sản xuất: 2012

Dòng phát tia cực đại (mA) hoặc hằng số phát tia cực đại (mAs): 500 mA

Mục đích sử dụng: Chụp chẩn đoán hình ảnh

Đầu đèn

Mã hiệu: RAD-14 Số hiệu: 60147-R6

Hãng/nước sản xuất: Varian/ Mỹ

Năm sản xuất: 2016

Bàn điều khiển

Mã hiệu: CM50DR Số hiệu: 73598800

Hãng/nước sản xuất: DEL MEDICAL IMAGING CORP/ Mỹ

Năm sản xuất: 2012

Tủ cao áp

Mã hiệu: CMP200(50KW) Số hiệu: CPD11054A12

Hãng/nước sản xuất: DEL MEDICAL IMAGING CORP/ Mỹ

Năm sản xuất: 2012

II. KẾT QUẢ ĐO KIỂM XẠ

Sơ đồ đo kiểm xạ (đính kèm)

Phông môi trường: 0,11 µSv/h

Hướng phát tia: Phát từ trên xuống chiếu chụp ở thông số mức cao

Kích thước trường chiếu (mm): 300 x 300 cách bàn 800 mm

Điện áp: 70 kVp Dòng: 100 mA

Hằng số phát tia: 10 mAs Thời gian: 100 ms

Bảng kết quả đo như sau:

STT	Vị trí đo	Suất liều (µSv/h)			
		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình
Mặt A - Kỹ Thuật Viên					
1	Sát tường	0,21	0,19	0,21	0,20
2	Cách tường 1 m	0,18	0,18	0,18	0,18
Mặt B - Hành Lang					
3	Sát tường	0,19	0,21	0,21	0,20
4	Cách tường 1 m	0,18	0,19	0,18	0,18

Mặt C - Hành Lang					
5	Sát tường	0,21	0,19	0,21	0,20
6	Cách tường 1 m	0,18	0,18	0,18	0,18
Mặt D - Hành Lang					
7	Sát tường	0,21	0,19	0,21	0,20
8	Cách tường 1 m	0,19	0,18	0,19	0,19
Phòng Điều Khiển - Kính Chì					
9	Vị trí Kỹ thuật viên	0,19	0,19	0,19	0,19
Cửa ra vào phòng chụp - Kỹ Thuật Viên					
10	Giữa cửa	0,19	0,18	0,19	0,19
11	Hai bên cửa	0,19	0,19	0,19	0,19
Cửa ra vào phòng chụp - Hành Lang					
12	Giữa cửa	0,21	0,18	0,19	0,19
13	Hai bên cửa	0,19	0,21	0,19	0,20

Hướng phát tia: Phát ngang chiếu chụp ở thông số mức cao

Kích thước trường chiếu (mm): 300 x 300 cách bàn 1000 mm

Điện áp: 80 kVp Dòng: 200 mA

Hằng số phát tia: 20 mAs Thời gian: 100 ms

STT	Vị trí đo	Suất liều (µSv/h)			
		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình
Mặt A - Kỹ Thuật Viên					
1	Sát tường	0,19	0,19	0,19	0,19
2	Cách tường 1 m	0,18	0,18	0,18	0,18
Mặt B - Hành Lang					
3	Sát tường	0,19	0,21	0,21	0,20
4	Cách tường 1 m	0,18	0,19	0,19	0,19
Mặt C - Hành Lang					
5	Sát tường	0,19	0,21	0,19	0,20
6	Cách tường 1 m	0,18	0,19	0,18	0,18
Mặt D - Hành Lang					
7	Sát tường	0,19	0,21	0,19	0,20
8	Cách tường 1 m	0,18	0,18	0,18	0,18
Phòng Điều Khiển - Kính Chì					
9	Vị trí Kỹ thuật viên	0,19	0,19	0,19	0,19
Cửa ra vào phòng chụp - Kỹ Thuật Viên					
10	Giữa cửa	0,19	0,19	0,19	0,19
11	Hai bên cửa	0,18	0,19	0,18	0,18
Cửa ra vào phòng chụp - Hành Lang					
12	Giữa cửa	0,21	0,19	0,19	0,20
13	Hai bên cửa	0,19	0,18	0,18	0,18

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐO

Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09 tháng 06 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Y tế về đảm bảo an toàn bức xạ trong y tế.

Thực hiện theo Thông tư 13/2018/TT-BKHCN ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định về đảm bảo an toàn bức xạ trong y tế.

Thực hiện theo Thông tư 19/2012/TT-BKHCN ngày 08/11/2012 quy định về việc kiểm soát và bảo đảm an toàn bức xạ trong chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng.

Thực hiện theo Nghị định 142/2020/NĐ/CP ngày 09/12/2020 về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.

Cơ sở tiến hành công việc bức xạ:

☑ Đảm bảo ATBX đối với nhân viên bức xạ và công chúng

☐ Không đảm bảo ATBX đối với:

- ☐ Nhân viên bức xạ
- ☐ Công chúng

Đồng Nai, ngày 27 tháng 03 năm 2025

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ	**NGƯỜI CHỨNG KIẾN**	**NGƯỜI THỰC HIỆN**
(Ký tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ, tên)*	*(Ký, ghi rõ họ, tên)*
GIÁM ĐỐC		
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC		
Bùi Thái Chiến	CN. Nguyễn Minh Trí	
		TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II KTV. Phan Hoàng Thắng SĐT: 0812 440 738

TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II
CENTER OF RADIATION SAFETY TECHNICAL II
Địa chỉ: 237, đường D12, KP1, P. Phú Tân, Tp. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương
Vp GD và Phòng thí nghiệm: Đường DX17, Phú Chánh, Tân Uyên, Bình Dương
Vp Tp.HCM: K60, KDC Thới An, đường Lê Thị Riêng, Thới An, Q.12, Tp. HCM
Tel: (0274) 3868738 – (028) 9999 0979 Email: viet@vietsci.com
Website: www.vietsci.com | www.antoanbucxasci.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence – Freedom – Happiness

Số *(No)*: 061.03/ATBX/KD/0325	**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH** *Certificate of Verification*	Ngày *(Date)*: 31/03/2025

1. **Tên đối tượng:** Thiết bị X-quang chụp răng sử dụng phim đặt sau huyệt ổ răng
Object
   - Kiểu: DENT NAVI — Số xêri: WA-531
   Type — *Serial No*
   - Nơi sản xuất: THE YOSHIDA DENTAL MFG CO., LTD/ Nhật Bản — Năm: 2012
   Manufacturer — *Year*
2. **Đặc trưng kỹ thuật:** Điện áp đỉnh lớn nhất: 70 kV — Dòng bóng phát cực đại: 7 mA
Specifications
3. **Nơi sử dụng:** TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC - Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Place
4. **Người/Đơn vị sử dụng:** TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC
User
5. **Phương pháp thực hiện:** QCVN 17:2018/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị X-quang răng dùng trong y tế
Method of verification
6. **Kết luận:** **Đạt yêu cầu chấp nhận**
Conclusion
7. **Số tem kiểm định:** 000829
Verification stamp No.
8. **Thời hạn đến: (*)** 27/03/2027
Valid until

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2025
Date of issue

Người kiểm định
Verified by

TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II
KĐV. Phan Hoàng Thắng
SĐT: 0812 440 738

ISO 9001:2015

GIÁM ĐỐC
Director

Thạc sĩ Nguyễn Thế Cường

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản.
With respectfulness of rules of use and maintenance

TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II
CENTER OF RADIATION SAFETY TECHNICAL II
Địa chỉ: 237, đường D12, KP1, P. Phú Tân, Tp. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương
Vp GD và Phòng thí nghiệm: Đường DX17, Phú Chánh, Tân Uyên, Bình Dương
Vp Tp.HCM: K60, KDC Thới An, đường Lê Thị Riêng, Thới An, Q.12, Tp. HCM
Tel: (0274) 3868738 (028) 9999 0979| Email: viet@vietsci.com
Website: www.vietsci.com | www.antoanbucxasci.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence – Freedom – Happiness

Số *(No)*: 061.03/ATBX/KĐ/0325	**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KIỂM ĐỊNH** *Thiết bị chụp X-quang răng dùng trong y tế*	Ngày *(Date)*: 31/03/2025

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị chụp X-quang răng dùng trong y tế (QCVN 17: 2018/BKHCN).

Căn cứ biên bản kiểm định số 061.03/ATBX/KĐ/0325 ngày 27 tháng 03 năm 2025 của Trung tâm Kỹ thuật an toàn bức xạ II.

I. CƠ SỞ SỬ DỤNG THIẾT BỊ X-QUANG

1. Tên cơ sở: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

2. Địa chỉ (trụ sở chính): Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

II. THIẾT BỊ CHỤP X-QUANG ĐƯỢC KIỂM ĐỊNH

1. Thiết bị chụp X-quang

Tên thiết bị:	Thiết bị X-quang chụp răng sử dụng phim đặt sau huyệt ổ răng
Nơi đặt thiết bị:	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC - Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Mã hiệu:	DENT NAVI
Số xêri:	WA-531
Năm sản xuất:	2012
Hãng/nước sản xuất:	THE YOSHIDA DENTAL MFG CO., LTD/ Nhật Bản
Dạng sóng điện áp:	1 pha
Điện áp đỉnh lớn nhất:	70 kV
Dòng bóng phát cực đại:	7 mA

Chế độ chụp

- Chụp răng sử dụng phim đặt sau huyệt ổ răng ☑
- Chụp răng toàn cảnh ☐
- Chụp sọ ☐
- Chụp cắt lớp vi tính sử dụng chùm tia hình nón ☐

2. Đầu bóng phát tia X

Mã hiệu:	D-0711SB
Số xêri:	WA-531
Hãng/nước sản xuất:	THE YOSHIDA DENTAL MFG CO., LTD/ Nhật Bản
Năm sản xuất:	2012

3. Bàn điều khiển (Nếu có)

Loại, mã hiệu: DENT NAVI
Số xêri: QLC072012
Hãng/ nước sản xuất: THE YOSHIDA DENTAL MFG CO., LTD/ Nhật Bản

III. HÌNH THỨC KIỂM ĐỊNH

Lần đầu ☐ Định kỳ ☑ Sau khi sửa chữa ☐

IV. KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

1. Kiểm tra ngoại quan

TT	Hạng mục kiểm tra	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
1	Thông tin thiết bị	Đạt
2	Bộ chuyển mạch (hoặc nút bấm) để đặt chế độ điện áp đỉnh, dòng bóng phát và thời gian phát tia hoặc hằng số phát tia	Đạt
3	Bộ phận và cơ cấu cơ khí	Đạt
3.1	Cần quay, hệ cơ cấu gá và dịch chuyển đầu bóng phát tia X (không áp dụng đối với thiết bị cầm tay)	Đạt
3.2	Cột giữ, hệ cơ cấu gá và dịch chuyển cho đầu bóng phát tia X và bộ ghi nhận hình ảnh, cơ cấu cố định đầu	Đạt
4	Tín hiệu cảnh báo thời điểm thiết bị phát tia	Đạt
5	Khả năng điều khiển phát tia từ xa (áp dụng đối với thiết bị X-quang răng di động, không áp dụng đối với thiết bị cầm tay)	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt:

2. Kiểm tra bộ khu trú chùm tia

2.1. Kiểm tra kích thước trường xạ

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Điện áp đặt: 70 kV
- Dòng bóng phát: 7 mA
- Hằng số phát tia: 0,7 mAs
- SID: 75 cm
- Kích thước trường xạ đo được (mm): 60 x 60
- Đánh giá: Đạt ☑ Không đạt ☐
- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

2.2. Độ trùng khít giữa trường sáng và trường xạ *(đối với thiết bị có trường sáng)*

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Điện áp đặt: - kV

- Dòng bóng phát: - mA
- Hằng số phát tia: - mAs
- SID: - cm

Kết quả ảnh chụp (lưu kèm theo Biên bản kiểm định)

Đánh giá độ lệch:

- Độ lệch mỗi cạnh theo trục x: X=
  X'=
- Độ lệch mỗi cạnh theo trục y: Y=
  Y'=
- Khoảng cách giữa tâm trường sáng và trường xạ:
- Tổng độ lệch hai cạnh theo mỗi trục: -
- Khoảng cách giữa tâm trường sáng và tâm trường xạ: - cm
- Đánh giá: Đạt ☐ Không đạt ☐
- Nhận xét: -
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

3. Kiểm tra điện áp đỉnh

3.1. Độ chính xác điện áp đỉnh

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Dòng bóng phát tia: 7 mA
- Thời gian phát tia: 100 ms
- Hằng số phát tia: 0,7 mAs
- Khoảng cách từ tiêu điểm đến thiết bị đo: 75 cm

TT	Giá trị kVp kiểm tra	$U_{kVp\%}$ (%)	U_{kVptd} (kVp)	Yêu cầu chấp nhận	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
1	70	-2,00	-	± 10 %	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

3.2. Độ lặp lại của điện áp đỉnh

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Dòng bóng phát tia: 7 mA
- Thời gian phát tia: 100 ms
- Hằng số phát tia: 0,7 mAs
- Khoảng cách từ tiêu điểm đến thiết bị đo: 75 cm

TT	Giá trị kVp kiểm tra	R_{kVp} (%)	Yêu cầu chấp nhận	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
1	70	0,58	± 5 %	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

4. Kiểm tra độ chính xác thời gian phát tia

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp đặt: 70 kVp
- Dòng bóng phát tia: 7 mA
- Khoảng cách từ tiêu điểm đến thiết bị đo: 75 cm

TT	Giá trị thời gian đặt kiểm tra (s)	U_t (%)	yêu cầu chấp nhận	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
1	120	-0,33	± 10 %	Đạt
2	160	0,12	± 10 %	Đạt
3	250	0,04	± 10 %	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

5. Kiểm tra liều lối ra

5.1. Độ lặp lại liều lối ra

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Khoảng cách từ tiêu điểm đến thiết bị đo: 75 cm

Thông số đặt	R_L (%)	Yêu cầu chấp nhận	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
- Điện áp đặt: 70 kV - Dòng bóng phát tia: 7 mA - Thời gian phát tia:100 ms - Hằng số phát tia: 0,7 mAs	0,31	± 20 %	Đạt

- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

5.2. Độ tuyến tính liều lối ra

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp đặt: 70 kVp
- Khoảng cách từ tiêu điểm đến thiết bị đo: 75 cm

Độ tuyến tính liều lối ra (%)	Yêu cầu chấp nhận	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
0,31	± 20 %	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

6. Lọc chùm tia sơ cấp - Đánh giá HVL

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Dòng bóng phát: 7 mA
- Hằng số phát tia: 0,7 mAs
- Thời gian phát tia: 100 ms

- Khoảng cách từ tiêu điểm đến thiết bị đo:75 cm

TT	**Điện áp đỉnh** (kV)	**HVL** (mmAl)	**Yêu cầu chấp nhận**	**Đánh giá kết quả** (Đạt/Không đạt)
1	70	2,3	≥ 2,1	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -
- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Thiết bị chụp X-quang được kiểm định có kết quả:

Đạt ☑ Không đạt ☐

2. Các thông số không đạt yêu cầu chấp nhận:
3. Các kiến nghị (khi kết quả kiểm định không đạt yêu cầu):

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Thạc sĩ Nguyễn Thế Cường

NGƯỜI KIỂM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ, tên)

TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II
KĐV. Phan Hoàng Thắng
SĐT: 0812 440 738

TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 27 tháng 03 năm 2025

BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH
(THIẾT BỊ X-QUANG RĂNG)
Số: 061.03/ATBX/KĐ/0325

Chúng tôi gồm:
1. Trần Nhựt An — Số chứng chỉ hành nghề: 95,70/CCHNDV/ATBXHN
2. Nguyễn Thế Cường — Số chứng chỉ hành nghề: 72/CCHNDV/ATBXHN
3. Phan Hoàng Thắng — Số chứng chỉ hành nghề: 68,12,77/CCHN/ATBXHN
4. Nguyễn Minh Tân — Số chứng chỉ hành nghề: 69/CCHN/ATBXHN

Thuộc tổ chức kiểm định: Trung tâm Kỹ thuật an toàn bức xạ II.
Số đăng ký hoạt động dịch vụ của tổ chức kiểm định: 47/2022/ĐK/ATBXHN
Đã tiến hành kiểm định thiết bị chụp X-quang răng tại:
Cơ sở: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC
Địa chỉ (trụ sở chính): Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Quy trình kiểm định áp dụng: QCVN 17:2018/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị X-quang răng dùng trong y tế
Đại diện cơ sở chứng kiến kiểm định và thông qua biên bản:
Họ và tên: Bùi Thái Chiến — Chức vụ: Giám đốc
Họ và tên: Nguyễn Minh Trí — Chức vụ: Kỹ thuật viên trưởng

I - THIẾT BỊ X-QUANG ĐƯỢC KIỂM ĐỊNH

1. Thiết bị chụp X-quang

Tên thiết bị:	Thiết bị X-quang chụp răng sử dụng phim đặt sau huyệt ổ răng
Nơi đặt thiết bị:	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC - Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Loại, mã hiệu:	DENT NAVI
Số xêri:	WA-531
Năm sản xuất:	2012
Hãng/nước sản xuất:	THE YOSHIDA DENTAL MFG CO., LTD/ Nhật Bản
Dạng sóng điện áp:	1 pha
Điện áp đỉnh lớn nhất:	70 kV
Dòng bóng phát cực đại:	7 mA

Chế độ chụp
- Chụp răng sử dụng phim đặt sau huyệt ổ răng ☑
- Chụp răng toàn cảnh ☐
- Chụp sọ ☐
- Chụp cắt lớp vi tính sử dụng chùm tia hình nón ☐

2. Đầu bóng phát tia X

Mã hiệu:	D-0711SB
Số xêri:	WA-531
Hãng/nước sản xuất:	THE YOSHIDA DENTAL MFG CO., LTD/ Nhật Bản
Năm sản xuất:	2012

3. Bàn điều khiển (Nếu có)

Mã hiệu: DENT NAVI

Số xêri: QLC072012

Hãng/nước sản xuất: THE YOSHIDA DENTAL MFG CO., LTD/ Nhật Bản

Năm sản xuất: 2012

II - THIẾT BỊ ĐO, DỤNG CỤ KIỂM TRA SỬ DỤNG ĐỂ KIỂM ĐỊNH

Máy đo đa năng để kiểm tra các thông số điện áp đỉnh, thời gian phát tia, hằng số phát tia, dòng bóng phát tia, HVL, liều và suất liều cho máy X-quang răng.

Mã hiệu: Cobia Flex Số hiệu: CB4-19073325

Hạn hiệu chuẩn đến: 01/10/2025

Phantom kiểm tra chất lượng hình ảnh của X-quang răng

Mã hiệu: Pro-Dent CT 161 Số hiệu: D-CD-000117

III - HÌNH THỨC KIỂM ĐỊNH

Lần đầu ☐ Định kỳ ☑ Sau khi sửa chữa ☐

IV - KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

1. Kiểm tra ngoại quan

TT	Hạng mục kiểm tra	Nhận xét
1	Thông tin thiết bị	Đầy đủ
2	Bộ chuyển mạch (hoặc nút bấm) để đặt chế độ điện áp đỉnh, dòng bóng phát và thời gian phát tia hoặc hằng số phát tia	Hoạt động bình thường
3	Bộ phận và cơ cấu cơ khí	Hoạt động bình thường
3,1	Cần quay, hệ cơ cấu gá và dịch chuyển đầu bóng phát tia X (không áp dụng đối với thiết bị cầm tay)	Hoạt động bình thường
3,2	Cột giữ, hệ cơ cấu gá và dịch chuyển cho đầu bóng phát tia X và bộ ghi nhận hình ảnh, cơ cấu cố định đầu	Hoạt động bình thường
4	Tín hiệu cảnh báo thời điểm thiết bị phát tia	Hoạt động bình thường
5	Khả năng điều khiển phát tia từ xa (áp dụng đối với thiết bị X-quang răng di động, không áp dụng đối với thiết bị cầm tay)	Hoạt động bình thường

2. Kiểm tra bộ khu trú chùm tia

2.1. Kiểm tra kích thước trường xạ

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp: 70 kV
- Dòng bóng phát: 7 mA
- Hằng số phát tia: 0,7 mAs
- SID: 75 cm

Kết quả ảnh chụp (lưu kèm theo Biên bản kiểm định)

- Kích thước trường xạ (mm): 60 x 60
- Các thông số khác: -

2.2. Độ trùng khít giữa trường sáng và trường xạ *(áp dụng đối với thiết bị có trường sáng)*

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp: - kV
- Dòng bóng phát: - mA

- Hằng số phát tia: - mAs
- SID: - cm

Kết quả ảnh chụp (lưu kèm theo Biên bản kiểm định)

Đánh giá độ lệch:

- Độ lệch mỗi cạnh theo trục x: X= - cm
  X'= - cm
- Độ lệch mỗi cạnh theo trục y: Y= - cm
  Y'= - cm
- Khoảng cách giữa tâm trường sáng và trường xạ: - cm

3. Kiểm tra điện áp đỉnh

3.1. Độ chính xác điện áp đỉnh

Thông số đặt khi kiểm tra:

Dòng bóng phát tia: 7 mA
- Thời gian phát tia: 100 ms
- Hằng số phát tia: 0,7 mAs
- Khoảng cách từ tiêu điểm đến thiết bị đo: 75 cm

TT	Giá trị kVđặt	Giá trị kVđo
1	70	68,60

3.2. Độ lặp lại của điện áp đỉnh

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Dòng bóng phát tia: 7 mA
- Thời gian phát tia: 100 ms
- Hằng số phát tia mAs: 0,7 mAs
- Khoảng cách từ tiêu điểm đến thiết bị đo: 75 cm

TT	Giá trị kVđặt (kV)	Giá trị kVđo (kV)			
		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình
1	70	68,60	68,30	69,05	68,65

4. Kiểm tra độ chính xác thời gian phát tia

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp đặt: 70 kV
- Dòng bóng phát tia: 7 mA
- Khoảng cách từ tiêu điểm đến thiết bị đo: 75 cm

TT	Giá trị $T_{đặt}$ (ms)	Giá trị $T_{đo}$ (ms)
1	120	119,6
2	160	160,2
3	250	250,1

5. Kiểm tra liều lối ra

5.1. Đô lặp lại liều lối ra

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Khoảng cách từ tiêu điểm đến thiết bị đo: 75 cm

TT	Thông số đặt	Giá trị liều đo (mGy, µGy)
1	- Điện áp đặt: 70 kV - Dòng bóng phát tia: 7 mA - Thời gian phát tia:100 ms - Hằng số phát tia: 0.7 mAs	- Kết quả đo lần 1: 68,42 µGy - Kết quả đo lần 2: 68,29 µGy - Kết quả đo lần 3: 68,35 µGy - Kết quả đo lần 4: 68,50 µGy - Kết quả đo lần 5: 68,47 µGy

5.2. *Độ tuyến tính liều lối ra*

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp: 70 kV
- Khoảng cách từ tiêu điểm đến thiết bị đo: 75 cm

TT	Hằng số phát tia (mAs)	Giá trị liều đo (µGy)
1	0,84	56,68
2	1,1	80,74
3	2	128,1

6. Lọc chùm tia sơ cấp - Đánh giá HVL

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Dòng bóng phát: 7 mA
- Hằng số phát tia: 0.7 mAs
- Thời gian phát tia: 100 ms
- Khoảng cách từ tiêu điểm đến thiết bị đo:75 cm
- Trường hợp sử dụng thiết bị đo hiển thị trực tiếp giá trị HVL:

TT	Điện áp đỉnh (kV)	HVL (mmAl)
1	70	2,3

7. Số tem kiểm định : 000829

Biên bản được lập ngày 27 tháng 03 năm 2025

Tại: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với kết quả kiểm định ghi trên biên bản./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ SỬ DỤNG	NGƯỜI CHỨNG KIẾN	NGƯỜI KIỂM ĐỊNH
(Ký tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ, tên)*	*(Ký, ghi rõ họ, tên)*
GIÁM ĐỐC		
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC		
Bùi Thái Chiến	CN. Nguyễn Minh Trí	TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II KĐV. Phan Hoàng Thắng SĐT: 0812 440 738

TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II
CENTER OF RADIATION SAFETY TECHNICAL II
Địa chỉ: 237, đường D12, KP1, P. Phú Tân, Tp. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương
Vp GD và Phòng thí nghiệm: Đường DX17, Phú Chánh, Tân Uyên, Bình Dương
Vp Tp.HCM: K60, KDC Thới An, đường Lê Thị Riêng, Thới An, Q.12, Tp. HCM
Tel: (0274) 3868738 – (028) 9999 0979| Email: viet@vietsci.com
Website: www.vietsci.com | www.antoanbucxasci.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence – Freedom – Happiness

Số *(No)*: 061.04/ATBX/KĐ/0325

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
Certificate of Verification

Ngày *(Date)*: 31/03/2025

1. Tên đối tượng: Thiết bị X-quang tổng hợp
Object

- Kiểu: CONRAD 425HF — Số xêri: 1749
  Type — *Serial No*
- Nơi sản xuất: Control X/ Mỹ — Năm: 2011
  Manufacturer — *Year*

2. Đặc trưng kỹ thuật: Điện áp đỉnh lớn nhất: 125 kVp — Dòng bóng phát cực đại: 500 mA
Specifications

3. Nơi sử dụng: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC - Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Place

4. Người/Đơn vị sử dụng: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC
User

5. Phương pháp thực hiện: QCVN 11:2015/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị chụp X-quang tổng hợp dùng trong y tế
Method of verification

6. Kết luận: **Đạt yêu cầu chấp nhận**
Conclusion

7. Số tem kiểm định: 000828
Verification stamp No

8. Thời hạn đến: (*) 27/03/2027
Valid until

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2025
Date of issue

Người kiểm định
Verified by

TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II (HATECH II)
KĐV. Phan Hoàng Thắng
SĐT: 0812 440 738

ISO 9001:2015

GIÁM ĐỐC
Director

Thạc sĩ *Nguyễn Thế Cường*

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản.
With respectfulness of rules of use and maintenance

TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II
CENTER OF RADIATION SAFETY TECHNICAL II
Địa chỉ: 237, đường D12, KP1, P. Phú Tân, Tp. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương
Vp GD và Phòng thí nghiệm: Đường DX17, Phú Chánh, Tân Uyên, Bình Dương
Vp Tp HCM: K60, KDC Thới An, đường Lê Thị Riêng, Thới An, Q.12, Tp. HCM
Tel: (0274) 3868738 – (028) 9999 0979 Email: viet@vietsci.com
Website: www.vietsci.com | www.antoanbucxasci.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence – Freedom – Happiness

Số *(No)*: 061.04/ATBX/KĐ/0325	**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KIỂM ĐỊNH** *Thiết bị chụp X-quang tổng hợp dùng trong y tế*	Ngày *(Date)*: 31/03/2025

Căn cứ Thông tư số 28/2015/TT-BKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị chụp X-quang tổng hợp dùng trong y tế (QCVN 11: 2015/BKHCN).

Căn cứ biên bản kiểm định số 061.04/ATBX/KĐ/0325 ngày 27 tháng 03 năm 2025 của Trung tâm Kỹ thuật An toàn Bức xạ II.

I. CƠ SỞ SỬ DỤNG THIẾT BỊ X-QUANG

1. Tên cơ sở: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

2. Địa chỉ (trụ sở chính): Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

II. THIẾT BỊ CHỤP X-QUANG ĐƯỢC KIỂM ĐỊNH

1. Thiết bị chụp X-quang Thiết bị X-quang tổng hợp

Nơi đặt thiết bị:	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC - Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Loại, mã hiệu:	CONRAD 425HF
Số xêri:	1749
Năm sản xuất:	2011
Hãng/nước sản xuất:	Control X/ Mỹ
Dạng sóng điện áp:	Cao tần
Điện áp đỉnh lớn nhất:	125 kVp
Dòng bóng phát cực đại:	500 mA

2. Đầu bóng phát tia X

Loại, mã hiệu:	RAD-8
Số xêri:	H47409
Hãng/nước sản xuất:	Varian/ Mỹ
Năm sản xuất:	2011

3. Bàn điều khiển

Loại, mã hiệu:	CONRAD425
Số xêri:	1749
Hãng/nước sản xuất:	Control X/ Mỹ
Năm sản xuất:	2011

4. Tủ cao áp

Loại, mã hiệu:	i-425T

Số xêri: 1749
Hãng/nước sản xuất: GTR Labs, Inc/ Mỹ

III. HÌNH THỨC KIỂM ĐỊNH

Lần đầu ☐ Định kỳ ☑ Sau khi sửa chữa ☐

IV. KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

1. Kiểm tra ngoại quan

TT	Hạng mục kiểm tra	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
1	Chuyển mạch, nút bấm, công tắc	Đạt
2	Cơ khí bàn chụp, khay đựng cát sét, cột giữ bóng, cần quay bóng, bộ khu trú chùm tia	Đạt
3	Chỉ thị khoảng cách tiêu điểm bóng phát tia đến tấm ghi nhận ảnh	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt:

2. Điện áp đỉnh

2.1. Độ chính xác điện áp đỉnh

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Dòng bóng phát tia: 100 mA
- Thời gian phát tia: 100 ms
- Hằng số phát tia mAs: 10 mAs
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

TT	Giá trị kVp kiểm tra	$U_{kVp\%}$ (%)	U_{kVptd} (kVp)	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
1	60 kVp	0,67	-	Đạt
2	70 kVp	0,36	-	Đạt
3	80 kVp	2,25	-	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

2.2. Độ lặp lại của điện áp đỉnh

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Dòng bóng phát tia: 100 mA
- Thời gian phát tia: 100 ms
- Hằng số phát tia mAs: 10 mAs
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

TT	Giá trị kVp kiểm tra	R_{kVp} (%)	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
1	60 kVp	0,08	Đạt
2	70 kVp	0,07	Đạt
3	80 kVp	0,33	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

3. Độ chính xác thời gian phát tia

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Điện áp đặt: 80 kVp
- Dòng bóng phát tia: 100 mA
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

TT	Giá trị thời gian đặt kiểm tra (ms)	U_t (%)	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
1	50	0,26	Đạt
2	100	0,10	Đạt
3	200	0,15	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

4. Liều lối ra

4.1. Độ lặp lại liều lối ra

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

Thông số đặt	R_L (%)	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
- Điện áp đặt: 60 kVp - Dòng bóng phát tia: 100 mA - Thời gian phát tia: 100 ms - Hằng số phát tia: 10 mAs	0,13	Đạt
- Điện áp đặt: 70 kVp - Dòng bóng phát tia: 100 mA - Thời gian phát tia: 100 ms - Hằng số phát tia: 10 mAs	0,12	Đạt
- Điện áp đặt: 80 kVp - Dòng bóng phát tia: 100 mA - Thời gian phát tia: 100 ms - Hằng số phát tia: 10 mAs	0,36	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

4.2. Độ tuyến tính liều lối ra

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Điện áp đặt: 80 kVp
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

Độ tuyến tính liều lối ra (%)	**Đánh giá kết quả** (Đạt/Không đạt)
0,12	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

5. Kích thước tiêu điểm

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp đặt: 75 kVp
- Hằng số phát tia: 10 mAs
- SID: 100 cm

Kích thước tiêu điểm hiệu dụng (mm)	**Kích thước tiêu điểm danh định** (mm)	**Mức thay đổi** (%)	**Đánh giá kết quả** (Đạt/Không đạt)
1,0	1,0	0	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

6. Độ chuẩn trực chùm tia

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp đặt: 75 kVp
- Hằng số phát tia: 10 mAs
- SID: 100 cm

Độ lệch chuẩn trực (^{o})	**Đánh giá kết quả** (Đạt/Không đạt)
< 1,5	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

7. Độ trùng khít giữa trường sáng và trường xạ

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp đặt: 75 kVp
- Hằng số phát tia: 10 mAs
- SID: 100 cm

Độ lệch trường sáng - trường xạ		**Đánh giá kết quả** (Đạt/Không đạt)
Độ lệch của một cạnh lớn nhất:	0,5 % SID	Đạt
Độ lệch của hai cạnh theo một trục lớn nhất:	0,5 % SID	Đạt
Độ lệch của tất cả các cạnh:	1 % SID	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định

- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

8. Lọc chùm tia sơ cấp

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Hằng số phát tia: 50 mAs
- SID: 75 cm

TT	**Điện áp đỉnh** (kVp)	**HVL** (mmAl)	**Đánh giá kết quả** (Đạt/Không đạt)
1	60	2,8	Đạt
2	70	3,4	Đạt
3	80	3,9	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt:

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Thiết bị chụp X-quang được kiểm định có kết quả:

Đạt ☑ Không đạt ☐

2. Các thông số không đạt yêu cầu chấp nhận:

3. Các kiến nghị (khi kết quả kiểm định không đạt yêu cầu):

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Thạc sĩ Nguyễn Thế Cường

NGƯỜI KIỂM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ, tên)

RATECH II TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II
KĐV. Phan Hoàng Thắng
SĐT: 0812 440 738

TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN
BỨC XẠ II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 27 tháng 03 năm 2025

BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH
(THIẾT BỊ CHỤP X-QUANG TỔNG HỢP DÙNG TRONG Y TẾ)
Số: 061.04/ATBX/KĐ/0325

Chúng tôi gồm:

1. Trần Nhựt An — Số chứng chỉ hành nghề: 95,70/CCHNDV/ATBXHN
2. Nguyễn Thế Cường — Số chứng chỉ hành nghề: 72/CCHNDV/ATBXHN
3. Phan Hoàng Thắng — Số chứng chỉ hành nghề: 68,12,77/CCHN/ATBXHN
4. Nguyễn Minh Tân — Số chứng chỉ hành nghề: 69/CCHN/ATBXHN

Thuộc tổ chức kiểm định: Trung tâm Kỹ thuật an toàn bức xạ II.

Số đăng ký hoạt động dịch vụ của tổ chức kiểm định: 47/2022/ĐK/ATBXHN

Đã tiến hành kiểm định thiết bị chụp X-quang tổng hợp tại:

Cơ sở: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Địa chỉ (trụ sở chính): Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Quy trình kiểm định áp dụng: QCVN 11:2015/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị chụp X-quang tổng hợp dùng trong y tế

Đại diện cơ sở chứng kiến kiểm định và thông qua biên bản:

Họ và tên: Bùi Thái Chiến — Chức vụ: Giám đốc

Họ và tên: Nguyễn Minh Trí — Chức vụ: Kỹ thuật viên trưởng

I - THIẾT BỊ X-QUANG ĐƯỢC KIỂM ĐỊNH

1. Thiết bị chụp X-quang — Thiết bị X-quang tổng hợp

Nơi đặt thiết bị:	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC - Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Loại, mã hiệu:	CONRAD 425HF
Số xêri:	1749
Năm sản xuất:	2011
Hãng/nước sản xuất:	Control X/ Mỹ
Dạng sóng điện áp:	Cao tần
Điện áp đỉnh lớn nhất:	125 kVp
Dòng bóng phát cực đại:	500 mA

2. Đầu bóng phát tia X

Loại, mã hiệu:	RAD-8
Số xêri:	H47409
Hãng/nước sản xuất:	Varian/ Mỹ
Năm sản xuất:	2011

3. Bàn điều khiển

Loại, mã hiệu:	CONRAD425
Số xêri:	1749

Hãng/nước sản xuất: Control X/ Mỹ
Năm sản xuất: 2011

4. Tủ cao áp

Loại, mã hiệu: i-425T
Số xêri: 1749
Hãng/nước sản xuất: GTR Labs, Inc/ Mỹ
Ngày kiểm định lần trước:
Do: thực hiện.

II - THIẾT BỊ ĐO, DỤNG CỤ KIỂM TRA SỬ DỤNG ĐỂ KIỂM ĐỊNH

Máy đo đa năng để kiểm tra các thông số điện áp đỉnh, thời gian phát tia, hằng số phía tia, dòng bóng phát tia, HVL, liều và suất liều cho máy X-quang tổng hợp.

Mã hiệu: Cobia Flex — Số hiệu: CB4-19073325
Hạn hiệu chuẩn: 01/10/2025

Thiết bị kiểm tra trường sáng, trường xạ
Mã hiệu: Pro Fluo 150 — Số hiệu: R-FD-000342
Thước cuộn: — Hạn hiệu chuẩn: 28/02/2026

III - HÌNH THỨC KIỂM ĐỊNH

Lần đầu ☐ Định kỳ ☑ Sau khi sửa chữa ☐

IV - KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

1. Kiểm tra ngoại quan

TT	Hạng mục kiểm tra	Nhận xét
1	Chuyển mạch, nút bấm, công tắc	Hoạt động bình thường
2	Cơ khí bàn chụp, khay đựng cát sét, cột giữ bóng, cần quay bóng, bộ khu trú chùm tia	Hoạt động bình thường
3	Chỉ thị khoảng cách tiêu điểm bóng phát tia đến tấm ghi nhận ảnh	Hoạt động bình thường

2. Điện áp đỉnh

2.1. Độ chính xác điện áp đỉnh

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Dòng bóng phát tia: 100 mA
- Thời gian phát tia: 100 ms
- Hằng số phát tia mAs: 10 mAs
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

TT	Giá trị $kVp_{đặt}$	Giá trị $kVp_{đo}$
1	60 kVp	60,40 kVp
2	70 kVp	70,25 kVp
3	80 kVp	81,80 kVp

2.2. Độ lặp lại của điện áp đỉnh

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Dòng bóng phát tia: 100 mA

- Thời gian phát tia: 100 ms
- Hằng số phát tia mAs: 10 mAs
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

TT	Giá trị kVp kiểm tra	Giá trị kVpđo
1	60 kVp	- Kết quả đo lần 1: 60,40 kVp - Kết quả đo lần 2: 60,45 kVp - Kết quả đo lần 3: 60,35 kVp
2	70 kVp	- Kết quả đo lần 1: 70,25 kVp - Kết quả đo lần 2: 70,30 kVp - Kết quả đo lần 3: 70,20 kVp
3	80 kVp	- Kết quả đo lần 1: 81,80 kVp - Kết quả đo lần 2: 81,55 kVp - Kết quả đo lần 3: 81,25 kVp

3. Độ chính xác thời gian phát tia

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Điện áp đặt: 80 kVp
- Dòng bóng phát tia: 100 mA
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

TT	Giá trị $T_{đặt}$ (ms)	Giá trị $T_{đo}$ (ms)
1	50	50,13
2	100	100,1
3	200	200,3

4. Liều lối ra

4.1. Độ lặp lại liều lối ra

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

TT	Thông số đặt	Giá trị liều đo (mGy, µGy)
1	- Điện áp đặt: 60 kVp - Dòng bóng phát tia: 100 mA - Thời gian phát tia: 100 ms - Hằng số phát tia: 10 mAs	- Kết quả đo lần 1: 843,6 µGy - Kết quả đo lần 2: 842,5 µGy - Kết quả đo lần 3: 843,1 µGy - Kết quả đo lần 4: 842,8 µGy - Kết quả đo lần 5: 842,9 µGy
2	- Điện áp đặt: 70 kVp - Dòng bóng phát tia: 100 mA - Thời gian phát tia: 100 ms - Hằng số phát tia: 10 mAs	- Kết quả đo lần 1: 936,4 µGy - Kết quả đo lần 2: 936,2 µGy - Kết quả đo lần 3: 935,8 µGy - Kết quả đo lần 4: 935,4 µGy - Kết quả đo lần 5: 936,5 µGy
3	- Điện áp đặt: 80 kVp - Dòng bóng phát tia: 100 mA - Thời gian phát tia: 100 ms - Hằng số phát tia: 10 mAs	- Kết quả đo lần 1: 1102 µGy - Kết quả đo lần 2: 1105 µGy - Kết quả đo lần 3: 1101 µGy - Kết quả đo lần 4: 1103 µGy - Kết quả đo lần 5: 1104 µGy

4.2. *Độ tuyến tính liều lối ra*

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp đặt: 80 kVp
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

TT	Hằng số phát tia (mAs)	Giá trị liều đo (µGy)
1	5	210,2
2	10	1102
3	20	2202

5. Kích thước tiêu điểm hiệu dụng

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp đặt: 75 kVp
- Hằng số phát tia: 10 mAs
- SID: 100 cm

Kết quả ảnh chụp (Lưu kèm theo biên bản)

Đánh giá kích thước tiêu điểm hiệu dụng: 1,0 mm

6. Độ chuẩn trực chùm tia

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp đặt: 75 kVp
- Hằng số phát tia: 10 mAs
- SID: 100 cm

Kết quả ảnh chụp (Lưu kèm theo biên bản)

Vị trí ảnh viên bi: Nằm trong vòng tròn thứ nhất

7. Độ trùng khít giữa trường sáng và trường xạ

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp đặt: 75 kVp
- Hằng số phát tia: 10 mAs
- SID: 100 cm

Kết quả ảnh chụp (Lưu kèm theo biên bản)

Đánh giá độ lệch:

- Độ lệch mỗi cạnh theo trục x: X= 0,5 cm
  X'= 0 cm
- Độ lệch mỗi cạnh theo trục y: Y= 0 cm
  Y'= 0,5 cm

8. Lọc chùm tia sơ cấp (Đánh giá HVL)

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Hằng số phát tia: 50 mAs
- SID: 75 cm

TT	Điện áp đỉnh (kVp)	HVL (mmAl)	Giá trị liều đo (µGy)
1	60	2,2	843,6
2	70	2,5	936,5
3	80	2,8	1105,0

9. Số tem kiểm định: 000828

Biên bản được lập ngày 27 tháng 03 năm 2025

Tại: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với kết quả kiểm định ghi trên biên bản./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ SỬ DỤNG	**NGƯỜI CHỨNG KIẾN**	**NGƯỜI KIỂM ĐỊNH**
(Ký tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ, tên)*	*(Ký, ghi rõ họ, tên)*
GIÁM ĐỐC		
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC		
Bùi Thái Chiến	CN. Nguyễn Minh Trí	TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II KĐV. Phan Hoàng Thắng SĐT: 0812 440 738

TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II
CENTER OF RADIATION SAFETY TECHNICAL II
Địa chỉ: 237, đường D12, KP1, P. Phú Tân, Tp. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương
Vp GD và Phòng thí nghiệm: Đường DX17, Phú Chánh, Tân Uyên, Bình Dương
Vp Tp.HCM: K60, KDC Thới An, đường Lê Thị Riêng, Thới An, Q.12, Tp. HCM
Tel: (0274) 3868738 (028) 9999 0979 Email: viet@vietsci.com
Website: www.vietsci.com ; www.antoanbucxasci.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence – Freedom – Happiness

Số *(No)*: 061.07/ATBX/KX/0325	**KẾT QUẢ** **Kiểm xạ khu vực làm việc của thiết bị chụp X-quang tổng hợp dùng trong y tế**	Ngày *(Date)*: 31/03/2025

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin về cơ sở tiến hành công việc bức xạ

Tên tổ chức, cá nhân:

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Địa chỉ trụ sở chính (theo giấy đăng ký):

Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Địa điểm tiến hành công việc bức xạ:

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC - Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: - Fax: -

Email: -

Đại diện cơ sở chứng kiến kiểm định và thông qua biên bản:

Họ và tên: Bùi Thái Chiến Chức vụ: Giám đốc

Họ và tên: Nguyễn Minh Trí Chức vụ: Kỹ thuật viên trưởng

2. Thông tin về đơn vị thực hiện dịch vụ kiểm xạ

a) Thông tin về cơ sở thực hiện dịch vụ:

Tên cơ sở: Trung tâm Kỹ thuật An toàn Bức xạ II

Địa chỉ: 237, Đường D12, KP 1, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: (0274)3868738

Vp Tp.HCM: K60, KDC Thới An, đường Lê Thị Riêng, Thới An, Q.12, Tp. HCM

b) Người thực hiện:

1. Trần Nhựt An Số chứng chỉ hành nghề: 95,70/CCHNDV/ATBXHN
2. Nguyễn Thế Cường Số chứng chỉ hành nghề: 72/CCHNDV/ATBXHN
3. Phan Hoàng Thắng Số chứng chỉ hành nghề: 68,12,77/CCHN/ATBXHN
4. Nguyễn Minh Tân Số chứng chỉ hành nghề: 69/CCHN/ATBXHN

c) Thiết bị thực hiện kiểm xạ:

Máy đo suất liều phóng xạ tia X và gamma

Mã hiệu: AT1121 Số hiệu: 44961

Hạn hiệu chuẩn: 08/10/2025 Hệ số chuẩn tia X : 1,15

Hệ số chuẩn tia Gamma : 1,07

Hạn hiệu chuẩn : 28/02/2026

Thước cuộn :

3. Thông tin về thiết bị X-quang

Tên thiết bị: Thiết bị X-quang tổng hợp

Nơi đặt thiết bị: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC - Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã Hiệu: CM50DR Số hiệu: CPD11054A12

Hãng/nước sản xuất: DEL MEDICAL IMAGING CORP/ Mỹ

Năm sản xuất: 2012

Điện áp cực đại (kV) 125 kVp

Dòng phát tia cực đại (mA) hoặc hằng số phát tia cực đại (mAs): 500 mA

Mục đích sử dụng: Chụp chẩn đoán hình ảnh

Đầu đèn

Mã Hiệu: RAD-14 Số hiệu: 60147-R6

Hãng/nước sản xuất: Varian/ Mỹ

Năm sản xuất: 2016

Bàn điều khiển thiết bị

Mã Hiệu: CM50DR Số hiệu: 73598800

Hãng/nước sản xuất: DEL MEDICAL IMAGING CORP/ Mỹ

Năm sản xuất: 2012

Tủ cao áp

Mã Hiệu: CMP200(50KW) Số hiệu: CPD11054A12

Năm sản xuất: 2012

Hãng/nước sản xuất: DEL MEDICAL IMAGING CORP/ Mỹ

II. KẾT QUẢ ĐO KIỂM XẠ

Sơ đồ đo kiểm xạ (đính kèm)

Phông môi trường: 0,11 µSv/h

Hướng phát tia: Phát từ trên xuống chiếu chụp ở thông số mức cao

Kích thước trường chiếu: 300 x 300 x cách bàn 1000 mm

Điện áp: 70 kVp Dòng: 100 mA

Hằng số phát tia: 10 mAs Thời gian: 100 ms

STT	Vị trí đo	Suất liều (µSv/h)				Tiêu chí suất liều theo quy định tại thông tư số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT
		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình	
Mặt A - Kỹ Thuật Viên						
1	Sát tường	0,21	0,19	0,21	0,20	≤ 10 µSv/h
2	Cách tường 1 m	0,18	0,18	0,18	0,18	≤ 10 µSv/h
Mặt B - Hành Lang						
3	Sát tường	0,19	0,21	0,21	0,20	≤ 0,5 µSv/h
4	Cách tường 1 m	0,18	0,19	0,18	0,18	≤ 0,5 µSv/h
Mặt C - Hành Lang						
5	Sát tường	0,21	0,19	0,21	0,20	≤ 0,5 µSv/h
6	Cách tường 1 m	0,18	0,18	0,18	0,18	≤ 0,5 µSv/h

Mặt D - Hành Lang						
7	Sát tường	0,21	0,19	0,21	0,20	≤ 0,5 µSv/h
8	Cách tường 1 m	0,19	0,18	0,19	0,19	≤ 0,5 µSv/h
Phòng Điều Khiển - Kính Chì						
9	Vị trí Kỹ thuật viên	0,19	0,19	0,19	0,19	≤ 10 µSv/h
Cửa ra vào phòng chụp - Kỹ Thuật Viên						
10	Giữa cửa	0,19	0,18	0,19	0,19	≤ 10 µSv/h
11	Hai bên cửa	0,19	0,19	0,19	0,19	≤ 10 µSv/h
Cửa ra vào phòng chụp						
12	Giữa cửa	-	-	-	-	-
13	Hai bên cửa	-	-	-	-	-

Hướng phát tia: Phát ngang chiếu chụp ở thông số mức cao:

Kích thước trường chiếu: 300 x 300 x cách bàn 1000 mm

Điện áp: 80 kVp Dòng: 200 mA

Hằng số phát tia: 20 mAs Thời gian: 100 ms

STT	Vị trí đo	Suất liều (µSv/h)				Tiêu chí suất liều theo quy định tại thông tư số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT
		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình	
Mặt A - Kỹ Thuật Viên						
1	Sát tường	0,19	0,19	0,19	0,19	≤ 10 µSv/h
2	Cách tường 1 m	0,18	0,18	0,18	0,18	≤ 10 µSv/h
Mặt B - Khoa Xét Nghiệm						
3	Sát tường	0,19	0,21	0,21	0,20	≤ 0,5 µSv/h
4	Cách tường 1 m	0,18	0,19	0,19	0,19	≤ 0,5 µSv/h
Mặt C - Hành Lang						
5	Sát tường	0,19	0,21	0,19	0,20	≤ 0,5 µSv/h
6	Cách tường 1 m	0,18	0,19	0,18	0,18	≤ 0,5 µSv/h
Mặt D - Hành Lang						
7	Sát tường	0,19	0,21	0,19	0,20	≤ 0,5 µSv/h
8	Cách tường 1 m	0,18	0,18	0,18	0,18	≤ 0,5 µSv/h
Phòng Điều Khiển - Kính Chì						
9	Vị trí Kỹ thuật viên	0,19	0,19	0,19	0,19	≤ 10 µSv/h
Cửa ra vào phòng chụp - Kỹ Thuật Viên						
10	Giữa cửa	0,19	0,19	0,19	0,19	≤ 10 µSv/h
11	Hai bên cửa	0,18	0,19	0,18	0,18	≤ 10 µSv/h
Cửa ra vào phòng chụp						
12	Giữa cửa	-	-	-	-	-
13	Hai bên cửa	-	-	-	-	-

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐO

1. Văn bản áp dụng để đánh giá:

Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09 tháng 06 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Y tế về đảm bảo an toàn bức xạ trong y tế.

Thực hiện theo Thông tư 13/2018/TT-BKHCN ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định về đảm bảo an toàn bức xạ trong y tế.

Thực hiện theo Thông tư 19/2012/TT-BKHCN ngày 08/11/2012 quy định về việc kiểm soát và bảo đảm an toàn bức xạ trong chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng.

Thực hiện theo Nghị định 142/2020/NĐ/CP ngày 09/12/2020 về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.

2. Đánh giá kết quả:

a) Tiêu chí đánh giá:

Mọi vị trí bên ngoài phòng đặt thiết bị X-quang nơi công chúng đi lại, nơi người bệnh ngồi chờ không được vượt quá giá trị suất liều: 0,5 µSv/giờ;

Trường hợp phòng đặt thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế nằm trong khu dân cư, liền kề nhà ở hoặc nơi làm việc phải bảo đảm suất liều bức xạ ở tất cả các điểm đo bên ngoài phòng đặt thiết bị bằng phông bức xạ tự nhiên;

Trường hợp thiết bị X-quang chẩn đoán làm việc ở điện áp nhỏ hơn 150 kV, tủ điều khiển được phép đặt trong phòng đặt thiết bị nhưng phải có bình phong chì che chắn bảo đảm mức bức xạ tại vị trí nhân viên đứng vận hành thiết bị nhỏ hơn 10 µSv/giờ.

b) Đánh giá kết quả:

Bên ngoài phòng đặt thiết bị X-quang nơi công chúng đi lại, nơi người bệnh ngồi chờ:

- Đạt yêu cầu về an toàn bức xạ

Trường hợp phòng đặt thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế nằm trong khu dân cư, liền kề nhà ở hoặc nơi làm việc:

Khu vực phòng điều khiển/nơi đặt tủ điều khiển:

- Đạt yêu cầu về an toàn bức xạ

IV. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN CÁO

1. Kết luận

Cơ sở tiến hành công việc bức xạ:

☑ Đảm bảo ATBX đối với nhân viên bức xạ và công chúng

☐ Không đảm bảo ATBX đối với:

- ☐ Nhân viên bức xạ
- ☐ Công chúng

2. Khuyến cáo

Khuyến cáo các biện pháp đảm bảo an toàn bức xạ bổ sung:

Ngày khuyến cáo kiểm xạ tiếp theo: **27/03/2026**

Tài liệu gửi kèm theo kết quả kiểm xạ:

Sơ đồ vị trí mặt bằng phòng đặt thiết bị X-quang chẩn đoán y tế;

Ảnh chụp model, seri của thiết bị X-quang;

Biên bản kiểm xạ hiện trường tại cơ sở.

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ
(ký, ghi rõ họ tên)

RATECH II TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II
KĐV. Phan Hoàng Thắng
SĐT: 0812 440 738

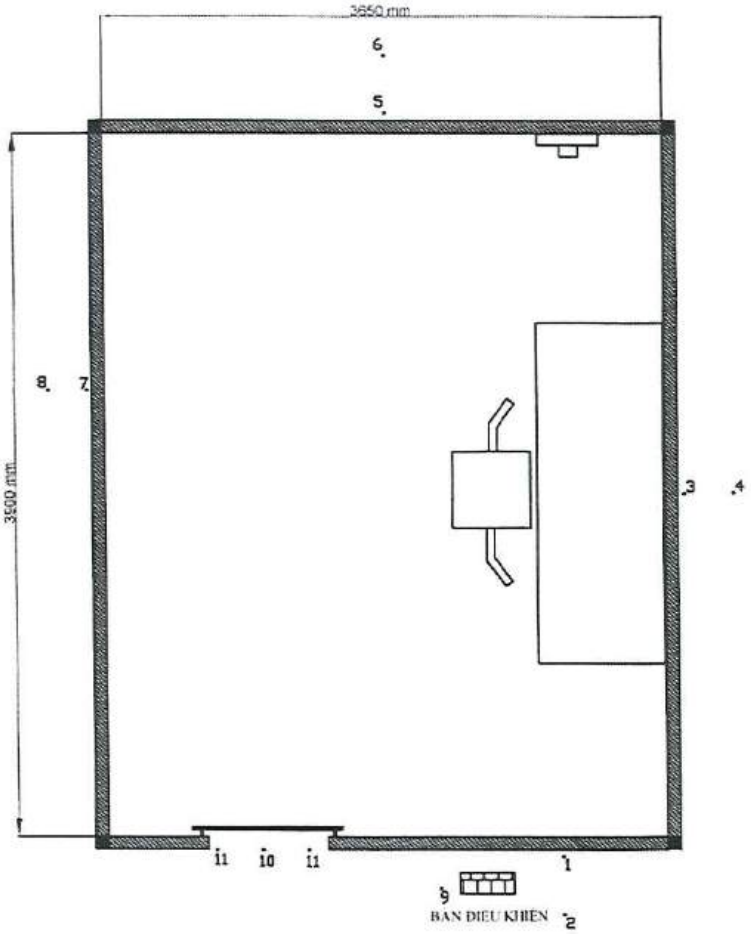
GIÁM ĐỐC
(ký tên và đóng dấu)

TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II

Thạc sĩ Nguyễn Thế Cường

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ PHÒNG ĐẶT THIẾT BỊ X-QUANG TỔNG HỢP DÙNG TRONG Y TẾ TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

MẶT C: HÀNH LANG



MẶT D: HÀNH LANG

MẶT B: KHOA XÉT NGHIỆM

MẶT A: KỸ THUẬT VIÊN

Người vẽ	GHI CHÚ :
KDV: PHAN HOÀNG THÁNG	

TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Hiện trường kiểm xạ tại phòng đặt thiết bị X-quang tổng hợp dùng trong y tế

Số: 061.05/ATBX/KX/0325

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin về cơ sở tiến hành công việc bức xạ

Tên tổ chức, cá nhân:

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Địa chỉ trụ sở chính (theo giấy đăng ký):

Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Địa điểm tiến hành công việc bức xạ:

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC - Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: - Fax: -

Email: -

Đại diện cơ sở chứng kiến kiểm định và thông qua biên bản:

Họ và tên: Bùi Thái Chiến Chức vụ: Giám đốc

Họ và tên: Nguyễn Minh Trí Chức vụ: Kỹ thuật viên trưởng

2. Thông tin về đơn vị thực hiện dịch vụ kiểm xạ

a) Thông tin về cơ sở thực hiện dịch vụ:

Tên cơ sở: Trung tâm Kỹ thuật an toàn bức xạ II

Địa chỉ: 237, Đường D12, KP 1, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: (0274)3868738

Vp Tp.HCM: K60, KDC Thới An, đường Lê Thị Riêng, Thới An, Q.12, Tp. HCM

b) Người thực hiện:

1. Trần Nhựt An Số chứng chỉ hành nghề: 95,70/CCHNDV/ATBXHN
2. Nguyễn Thế Cường Số chứng chỉ hành nghề: 72/CCHNDV/ATBXHN
3. Phan Hoàng Thắng Số chứng chỉ hành nghề: 68,12,77/CCHN/ATBXHN
4. Nguyễn Minh Tân Số chứng chỉ hành nghề: 69/CCHN/ATBXHN

c) Thiết bị thực hiện kiểm xạ:

Máy đo suất liều phóng xạ tia X và Gamma

Mã hiệu: AT1121 Số hiệu: 44961

Hạn hiệu chuẩn: 08/10/2025 Hệ số chuẩn tia X : 1,15

Hệ số chuẩn tia Gamma : 1,07

Hạn hiệu chuẩn : 28/02/2026

Thước cuộn :

3. Thông tin về thiết bị X-quang

Tên thiết bị: Thiết bị X-quang tổng hợp

Nơi đặt thiết bị: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC - Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã hiệu: CONRAD 425HF Số hiệu: 1749

Hãng/nước sản xuất: Control X/ Mỹ

Điện áp cực đại (kV): 125 kVp Năm sản xuất: 2011

Dòng phát tia cực đại (mA) hoặc hằng số phát tia cực đại (mAs): 500 mA

Mục đích sử dụng: Chụp chẩn đoán hình ảnh

Đầu đèn

Mã hiệu: RAD-8 Số hiệu: H47409

Hãng/nước sản xuất: Varian/ Mỹ

Năm sản xuất: 2011

Bàn điều khiển

Mã hiệu: CONRAD425 Số hiệu: 1749

Hãng/nước sản xuất: Control X/ Mỹ

Năm sản xuất: 2011

Tủ cao áp

Mã hiệu: i-425T Số hiệu: 1749

Hãng/nước sản xuất: GTR Labs, Inc/ Mỹ

Năm sản xuất: 2011

II. KẾT QUẢ ĐO KIỂM XẠ

Sơ đồ đo kiểm xạ (đính kèm)

Phông môi trường: 0,11 µSv/h

Hướng phát tia: Phát từ trên xuống chiếu chụp ở thông số mức cao

Kích thước trường chiếu (mm): 300 x 300 cách bàn 800 mm

Điện áp: 70 kVp Dòng: 100 mA

Hằng số phát tia: 10 mAs Thời gian: 100 ms

Bảng kết quả đo như sau:

STT	Vị trí đo	Suất liều (µSv/h)			
		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình
Mặt A - Kỹ Thuật Viên					
1	Sát tường	0,19	0,19	0,21	0,20
2	Cách tường 1 m	0,18	0,18	0,18	0,18
Mặt B - Khoa Xét Nghiệm					
3	Sát tường	0,19	0,21	0,19	0,20
4	Cách tường 1 m	0,18	0,19	0,18	0,18

Mặt C - Hành Lang					
5	Sát tường	0,21	0,19	0,21	0,20
6	Cách tường 1 m	0,18	0,18	0,19	0,18
Mặt D - Hành Lang					
7	Sát tường	0,21	0,19	0,21	0,20
8	Cách tường 1 m	0,19	0,18	0,19	0,19
Phòng Điều Khiển - Kính Chì					
9	Vị trí Kỹ thuật viên	0,19	0,19	0,19	0,19
Cửa ra vào phòng chụp - Kỹ Thuật Viên					
10	Giữa cửa	0,19	0,18	0,19	0,19
11	Hai bên cửa	0,19	0,19	0,19	0,19
Cửa ra vào phòng chụp					
12	Giữa cửa	-	-	-	-
13	Hai bên cửa	-	-	-	-

Hướng phát tia: Phát ngang chiếu chụp ở thông số mức cao

Kích thước trường chiếu (mm): 300 x 300 cách bàn 1000 mm

Điện áp: 80 kVp Dòng: 200 mA

Hằng số phát tia: 20 mAs Thời gian: 100 ms

STT	Vị trí đo	Suất liều (µSv/h)			
		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình
Mặt A - Kỹ Thuật Viên					
1	Sát tường	0,19	0,19	0,19	0,19
2	Cách tường 1 m	0,18	0,18	0,18	0,18
Mặt B - Khoa Xét Nghiệm					
3	Sát tường	0,19	0,21	0,21	0,20
4	Cách tường 1 m	0,18	0,19	0,19	0,19
Mặt C - Hành Lang					
5	Sát tường	0,19	0,21	0,19	0,20
6	Cách tường 1 m	0,18	0,19	0,18	0,18
Mặt D - Hành Lang					
7	Sát tường	0,19	0,21	0,19	0,20
8	Cách tường 1 m	0,18	0,18	0,18	0,18
Phòng Điều Khiển - Kính Chì					
9	Vị trí Kỹ thuật viên	0,19	0,19	0,19	0,19
Cửa ra vào phòng chụp - Kỹ Thuật Viên					
10	Giữa cửa	0,19	0,19	0,19	0,19
11	Hai bên cửa	0,18	0,19	0,18	0,18
Cửa ra vào phòng chụp					
12	Giữa cửa	-	-	-	-
13	Hai bên cửa	-	-	-	-

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐO

Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09 tháng 06 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Y tế về đảm bảo an toàn bức xạ trong y tế.

Thực hiện theo Thông tư 13/2018/TT-BKHCN ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định về đảm bảo an toàn bức xạ trong y tế.

Thực hiện theo Thông tư 19/2012/TT-BKHCN ngày 08/11/2012 quy định về việc kiểm soát và bảo đảm an toàn bức xạ trong chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng.

Thực hiện theo Nghị định 142/2020/NĐ/CP ngày 09/12/2020 về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.

Cơ sở tiến hành công việc bức xạ:

☑ Đảm bảo ATBX đối với nhân viên bức xạ và công chúng

☐ Không đảm bảo ATBX đối với:

- ☐ Nhân viên bức xạ
- ☐ Công chúng

Đồng Nai, ngày 27 tháng 03 năm 2025

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ	**NGƯỜI CHỨNG KIẾN**	**NGƯỜI THỰC HIỆN**
(Ký tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ, tên)*	*(Ký, ghi rõ họ, tên)*
GIÁM ĐỐC		
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC		
Bùi Thái Chiến	CN. Nguyễn Minh Trí	
		RATECH II TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II KĐV. Phan Hoàng Thắng SĐT: 0812 440 738

TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II
CENTER OF RADIATION SAFETY TECHNICAL II
Địa chỉ: 237, đường DI2, KP1, P. Phú Tân, Tp. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương
Vp GD và Phòng thí nghiệm: Đường DX17, Phú Chánh, Tân Uyên, Bình Dương
Vp Tp.HCM: K60, KDC Thới An, đường Lê Thị Riêng, Thới An, Q.12, Tp. HCM
Tel: (0274) 3868738 – (028) 9999 0979 Email: viet@vietsci.com
Website: www.vietsci.com | www.antoanbucxasci.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence – Freedom – Happiness

Số *(No)*: 061.10/ATBX/KĐ/0325	**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH** *Certificate of Verification*	Ngày *(Date)*: 31/03/2025

1. Tên đối tượng: Thiết bị X-quang tổng hợp
Object

- Kiểu: SHF-210 — Số xêri: G-23694
  Type — *Serial No*
- Nơi sản xuất: TINGLE X-RAY PRODUCTS , INC/ Mỹ — Năm: 2006
  Manufacturer — *Year*

2. Đặc trưng kỹ thuật: Điện áp đỉnh lớn nhất: 125 kVp — Dòng bóng phát cực đại: 320 mA
Specifications

3. Nơi sử dụng: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC - Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Place

4. Người/Đơn vị sử dụng: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC
User

5. Phương pháp thực hiện: QCVN 11:2015/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị chụp X-quang tổng hợp dùng trong y tế
Method of verification

6. Kết luận: **Đạt yêu cầu chấp nhận**
Conclusion

7. Số tem kiểm định: 000832
Verification stamp No

8. Thời hạn đến: (*) 27/03/2027
Valid until

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2025
Date of issue

Người kiểm định
Verified by

TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II
KĐV. Phan Hoàng Thắng
SĐT: 0818 440 138

GIÁM ĐỐC
Director

Thạc sĩ Nguyễn Tokô Cường

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản.
With respectfulness of rules of use and maintenance

TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II
CENTER OF RADIATION SAFETY TECHNICAL II
Địa chỉ: 237, đường D12, KP1, P. Phú Tân, Tp. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương
Vp GD và Phòng thí nghiệm: Đường DX17, Phú Chánh, Tân Uyên, Bình Dương
Vp Tp.HCM: K60, KDC Thới An, đường Lê Thị Riêng, Thới An, Q.12, Tp. HCM
Tel: (0274) 3868738 – (028) 9999 0979| Email: viet@vietsci.com
Website: www.vietsci.com | www.antoanbucxasci.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence – Freedom – Happiness

Số *(No)*: 061.10/ATBX/KĐ/0325	**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KIỂM ĐỊNH** *Thiết bị chụp X-quang tổng hợp dùng trong y tế*	Ngày *(Date)*: 31/03/2025

Căn cứ Thông tư số 28/2015/TT-BKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị chụp X-quang tổng hợp dùng trong y tế (QCVN 11: 2015/BKHCN).

Căn cứ biên bản kiểm định số 061.10/ATBX/KĐ/0325 ngày 27 tháng 03 năm 2025 của Trung tâm Kỹ thuật An toàn Bức xạ II.

I. CƠ SỞ SỬ DỤNG THIẾT BỊ X-QUANG

1. Tên cơ sở: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

2. Địa chỉ (trụ sở chính): Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

II. THIẾT BỊ CHỤP X-QUANG ĐƯỢC KIỂM ĐỊNH

1. Thiết bị chụp X-quang Thiết bị X-quang tổng hợp

Nơi đặt thiết bị:	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC - Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Loại, mã hiệu:	SHF-210
Số xêri:	G-23694
Năm sản xuất:	2006
Hãng/nước sản xuất:	TINGLE X-RAY PRODUCTS , INC/ Mỹ
Dạng sóng điện áp:	Cao tần
Điện áp đỉnh lớn nhất:	125 kVp
Dòng bóng phát cực đại:	320 mA

2. Đầu bóng phát tia X

Loại, mã hiệu:	E7239GX
Số xêri:	6E811
Hãng/nước sản xuất:	Toshiba/ Nhật Bản
Năm sản xuất:	2006

3. Bàn điều khiển

Loại, mã hiệu:	SHF-210
Số xêri:	G-23694
Hãng/nước sản xuất:	TINGLE X-RAY PRODUCTS , INC/ Mỹ
Năm sản xuất:	2006

4. Tủ cao áp

Loại, mã hiệu:	SHF-210

Số xêri: G-23694
Hãng/nước sản xuất: TINGLE X-RAY PRODUCTS , INC/ Mỹ

III. HÌNH THỨC KIỂM ĐỊNH

Lần đầu ☐ Định kỳ ☑ Sau khi sửa chữa ☐

IV. KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

1. Kiểm tra ngoại quan

TT	Hạng mục kiểm tra	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
1	Chuyển mạch, nút bấm, công tắc	Đạt
2	Cơ khí bàn chụp, khay đựng cát sét, cột giữ bóng, cần quay bóng, bộ khu trú chùm tia	Đạt
3	Chỉ thị khoảng cách tiêu điểm bóng phát tia đến tấm ghi nhận ảnh	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt:

2. Điện áp đỉnh

2.1. Độ chính xác điện áp đỉnh

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Dòng bóng phát tia: - mA
- Thời gian phát tia: - ms
- Hằng số phát tia mAs: 10 mAs
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

TT	Giá trị kVp kiểm tra	$U_{kVp\%}$ (%)	U_{kVptd} (kVp)	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
1	60 kVp	1,67	-	Đạt
2	70 kVp	1,57	-	Đạt
3	80 kVp	1,69	-	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

2.2. Độ lặp lại của điện áp đỉnh

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Dòng bóng phát tia: - mA
- Thời gian phát tia: - ms
- Hằng số phát tia mAs: 10 mAs
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

TT	Giá trị kVp kiểm tra	R_{kVp} (%)	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
1	60 kVp	0,19	Đạt
2	70 kVp	0,14	Đạt
3	80 kVp	0,12	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

3. Độ chính xác thời gian phát tia (Không áp dụng)

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Điện áp đặt: - kVp
- Dòng bóng phát tia: - mA
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: - cm

TT	Giá trị thời gian đặt kiểm tra (ms)	U_t (%)	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
1	-	-	-
2	-	-	-
3	-	-	-

- Nhận xét: -
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

4. Liều lối ra

4.1. Độ lặp lại liều lối ra

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

Thông số đặt	R_L (%)	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
- Điện áp đặt: 60 kVp - Dòng bóng phát tia: - mA - Thời gian phát tia: - ms - Hằng số phát tia: 10 mAs	0,45	Đạt
- Điện áp đặt: 70 kVp - Dòng bóng phát tia: - mA - Thời gian phát tia: - ms - Hằng số phát tia: 10 mAs	0,22	Đạt
- Điện áp đặt: 80 kVp - Dòng bóng phát tia: - mA - Thời gian phát tia: - ms - Hằng số phát tia: 10 mAs	0,26	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

4.2. Độ tuyến tính liều lối ra

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Điện áp đặt: 80 kVp
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

Độ tuyến tính liều lối ra (%)	**Đánh giá kết quả** (Đạt/Không đạt)
0,22	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

5. Kích thước tiêu điểm

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp đặt: 75 kVp
- Hằng số phát tia: 10 mAs
- SID: 100 cm

Kích thước tiêu điểm hiệu dụng (mm)	**Kích thước tiêu điểm danh định** (mm)	**Mức thay đổi** (%)	**Đánh giá kết quả** (Đạt/Không đạt)
1,0	1,0	0	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

6. Độ chuẩn trực chùm tia

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp đặt: 75 kVp
- Hằng số phát tia: 10 mAs
- SID: 100 cm

Độ lệch chuẩn trực (^{o})	**Đánh giá kết quả** (Đạt/Không đạt)
< 1,5	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

7. Độ trùng khít giữa trường sáng và trường xạ

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp đặt: 75 kVp
- Hằng số phát tia: 10 mAs
- SID: 100 cm

Độ lệch trường sáng - trường xạ		**Đánh giá kết quả** (Đạt/Không đạt)
Độ lệch của một cạnh lớn nhất:	0,5 % SID	Đạt
Độ lệch của hai cạnh theo một trục lớn nhất:	0,5 % SID	Đạt
Độ lệch của tất cả các cạnh:	0,5 % SID	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định

- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

8. Lọc chùm tia sơ cấp

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Hằng số phát tia: 50 mAs
- SID: 75 cm

TT	Điện áp đỉnh (kVp)	HVL (mmAl)	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
1	60	2,7	Đạt
2	70	3,2	Đạt
3	80	3,7	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt:

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Thiết bị chụp X-quang được kiểm định có kết quả:

Đạt ☑ Không đạt ☐

2. Các thông số không đạt yêu cầu chấp nhận:

3. Các kiến nghị (khi kết quả kiểm định không đạt yêu cầu):

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Thạc sĩ Nguyễn Khổ Cường

NGƯỜI KIỂM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ, tên)

TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II
KĐV. Phan Hoàng Thắng
SĐT: 0812 440 738

TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN
BỨC XẠ II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 27 tháng 03 năm 2025

BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH
(THIẾT BỊ CHỤP X-QUANG TỔNG HỢP DÙNG TRONG Y TẾ)
Số: 061.10/ATBX/KĐ/0325

Chúng tôi gồm:

1. Trần Nhựt An — Số chứng chỉ hành nghề: 95,70/CCHNDV/ATBXHN
2. Nguyễn Thế Cường — Số chứng chỉ hành nghề: 72/CCHNDV/ATBXHN
3. Phan Hoàng Thắng — Số chứng chỉ hành nghề: 68,12,77/CCHN/ATBXHN
4. Nguyễn Minh Tân — Số chứng chỉ hành nghề: 69/CCHN/ATBXHN

Thuộc tổ chức kiểm định: Trung tâm Kỹ thuật an toàn bức xạ II.

Số đăng ký hoạt động dịch vụ của tổ chức kiểm định: 47/2022/ĐK/ATBXHN

Đã tiến hành kiểm định thiết bị chụp X-quang tổng hợp tại:

Cơ sở: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Địa chỉ (trụ sở chính): Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Quy trình kiểm định áp dụng: QCVN 11:2015/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị chụp X-quang tổng hợp dùng trong y tế

Đại diện cơ sở chứng kiến kiểm định và thông qua biên bản:

Họ và tên: Bùi Thái Chiến — Chức vụ: Giám đốc

Họ và tên: Nguyễn Minh Trí — Chức vụ: Kỹ thuật viên trưởng

I - THIẾT BỊ X-QUANG ĐƯỢC KIỂM ĐỊNH

1. Thiết bị chụp X-quang — Thiết bị X-quang tổng hợp

Nơi đặt thiết bị:	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC - Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Loại, mã hiệu:	SHF-210
Số xêri:	G-23694
Năm sản xuất:	2006
Hãng/nước sản xuất:	TINGLE X-RAY PRODUCTS , INC/ Mỹ
Dạng sóng điện áp:	Cao tần
Điện áp đỉnh lớn nhất:	125 kVp
Dòng bóng phát cực đại:	320 mA

2. Đầu bóng phát tia X

Loại, mã hiệu:	E7239GX
Số xêri:	6E811
Hãng/nước sản xuất:	Toshiba/ Nhật Bản
Năm sản xuất:	2006

3. Bàn điều khiển

Loại, mã hiệu:	SHF-210
Số xêri:	G-23694

Hãng/nước sản xuất: TINGLE X-RAY PRODUCTS . INC/ Mỹ
Năm sản xuất: 2006

4. Tủ cao áp

Loại, mã hiệu: SHF-210
Số xêri: G-23694
Hãng/nước sản xuất: TINGLE X-RAY PRODUCTS . INC/ Mỹ
Ngày kiểm định lần trước:
Do: thực hiện.

II - THIẾT BỊ ĐO, DỤNG CỤ KIỂM TRA SỬ DỤNG ĐỂ KIỂM ĐỊNH

Máy đo đa năng để kiểm tra các thông số điện áp đỉnh, thời gian phát tia, hằng số phía tia, dòng bóng phát tia, HVL, liều và suất liều cho máy X-quang tổng hợp.

Mã hiệu: Cobia Flex — Số hiệu: CB4-19073325
Hạn hiệu chuẩn: 01/10/2025

Thiết bị kiểm tra trường sáng, trường xạ
Mã hiệu: Pro Fluo 150 — Số hiệu: R-FD-000342
Thước cuộn: — Hạn hiệu chuẩn: 28/02/2026

III - HÌNH THỨC KIỂM ĐỊNH

Lần đầu ☐ Định kỳ ☑ Sau khi sửa chữa ☐

IV - KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

1. Kiểm tra ngoại quan

TT	Hạng mục kiểm tra	Nhận xét
1	Chuyển mạch, nút bấm, công tắc	Hoạt động bình thường
2	Cơ khí bàn chụp, khay đựng cát sét, cột giữ bóng, cần quay bóng, bộ khu trú chùm tia	Hoạt động bình thường
3	Chỉ thị khoảng cách tiêu điểm bóng phát tia đến tấm ghi nhận ảnh	Hoạt động bình thường

2. Điện áp đỉnh

2.1. Độ chính xác điện áp đỉnh

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Dòng bóng phát tia: - mA
- Thời gian phát tia: - ms
- Hằng số phát tia mAs: 10 mAs
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

TT	Giá trị $kVp_{đặt}$	Giá trị $kVp_{đo}$
1	60 kVp	61,00 kVp
2	70 kVp	71,10 kVp
3	80 kVp	81,35 kVp

2.2. Độ lặp lại của điện áp đỉnh

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Dòng bóng phát tia: - mA

- Thời gian phát tia: - ms
- Hằng số phát tia mAs: 10 mAs
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

TT	Giá trị kVp kiểm tra	Giá trị kVpđo
1	60 kVp	- Kết quả đo lần 1: 61,00 kVp - Kết quả đo lần 2: 61,25 kVp - Kết quả đo lần 3: 61,15 kVp
2	70 kVp	- Kết quả đo lần 1: 71,10 kVp - Kết quả đo lần 2: 71,30 kVp - Kết quả đo lần 3: 71,20 kVp
3	80 kVp	- Kết quả đo lần 1: 81,35 kVp - Kết quả đo lần 2: 81,65 kVp - Kết quả đo lần 3: 81,65 kVp

3. Độ chính xác thời gian phát tia (Không áp dụng)

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Điện áp đặt: - kVp
- Dòng bóng phát tia: - mA
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: - cm

TT	Giá trị $T_{đặt}$ (ms)	Giá trị $T_{đo}$ (ms)
1	-	-
2	-	-
3	-	-

4. Liều lối ra

4.1. Độ lặp lại liều lối ra

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

TT	Thông số đặt	Giá trị liều đo (mGy, µGy)
1	- Điện áp đặt: 60 kVp - Dòng bóng phát tia: - mA - Thời gian phát tia: - ms - Hằng số phát tia: 10 mAs	- Kết quả đo lần 1: 307,1 µGy - Kết quả đo lần 2: 308,2 µGy - Kết quả đo lần 3: 308,5 µGy - Kết quả đo lần 4: 307,8 µGy - Kết quả đo lần 5: 307,6 µGy
2	- Điện áp đặt: 70 kVp - Dòng bóng phát tia: - mA - Thời gian phát tia: - ms - Hằng số phát tia: 10 mAs	- Kết quả đo lần 1: 450,5 µGy - Kết quả đo lần 2: 451,2 µGy - Kết quả đo lần 3: 450,8 µGy - Kết quả đo lần 4: 451,5 µGy - Kết quả đo lần 5: 451,4 µGy
3	- Điện áp đặt: 80 kVp - Dòng bóng phát tia: - mA - Thời gian phát tia: - ms - Hằng số phát tia: 10 mAs	- Kết quả đo lần 1: 619,5 µGy - Kết quả đo lần 2: 619,2 µGy - Kết quả đo lần 3: 620,1 µGy - Kết quả đo lần 4: 620,8 µGy - Kết quả đo lần 5: 619,6 µGy

4.2. *Độ tuyến tính liều lối ra*

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp đặt: 80 kVp
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

TT	Hằng số phát tia (mAs)	Giá trị liều đo (µGy)
1	5	300,2
2	10	619,5
3	20	1236

5. Kích thước tiêu điểm hiệu dụng

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp đặt: 75 kVp
- Hằng số phát tia: 10 mAs
- SID: 100 cm

Kết quả ảnh chụp (Lưu kèm theo biên bản)

Đánh giá kích thước tiêu điểm hiệu dụng: 1,0 mm

6. Độ chuẩn trực chùm tia

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp đặt: 75 kVp
- Hằng số phát tia: 10 mAs
- SID: 100 cm

Kết quả ảnh chụp (Lưu kèm theo biên bản)

Vị trí ảnh viên bi: Nằm trong vòng tròn thứ nhất

7. Độ trùng khít giữa trường sáng và trường xạ

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp đặt: 75 kVp
- Hằng số phát tia: 10 mAs
- SID: 100 cm

Kết quả ảnh chụp (Lưu kèm theo biên bản)

Đánh giá độ lệch:

- Độ lệch mỗi cạnh theo trục x: X= 0 cm
  X'= 0,5 cm
- Độ lệch mỗi cạnh theo trục y: Y= 0 cm
  Y'= 0 cm

8. Lọc chùm tia sơ cấp (Đánh giá HVL)

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Hằng số phát tia: 50 mAs
- SID: 75 cm

TT	Điện áp đỉnh (kVp)	HVL (mmAl)	Giá trị liều đo (µGy)
1	60	2,7	308,5
2	70	3,2	451,5
3	80	3,7	620,8

9. Số tem kiểm định: 000832

Biên bản được lập ngày 27 tháng 03 năm 2025

Tại: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với kết quả kiểm định ghi trên biên bản./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ SỬ DỤNG	**NGƯỜI CHỨNG KIẾN**	**NGƯỜI KIỂM ĐỊNH**
(Ký tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ, tên)*	*(Ký, ghi rõ họ, tên)*
GIÁM ĐỐC		
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC		
Bùi Thái Chiến	CN. Nguyễn Minh Trí	KĐV. Phan Hoàng Thắng SĐT: 0812 440 738

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 958 /GP-SKHCN

Đồng Nai, ngày 19 tháng 04 năm 2024

GIẤY PHÉP

Tiến hành công việc bức xạ
(Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế) – Gia hạn lần 2

GIÁM ĐỐC
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử;

Xét đề nghị cấp giấy phép của Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc tiếp nhận ngày 10 tháng 4 năm 2024;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý chuyên ngành.

CHO PHÉP

Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc.

Địa chỉ: Ngã 3 Suối cát, xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0251.3871124

Được phép: Sử dụng 02 thiết bị X-quang có các đặc trưng như trang 3 của giấy phép này để chẩn đoán trong y tế.

Trong quá trình tiến hành công việc bức xạ, đơn vị được cấp giấy phép phải nghiêm chỉnh thực hiện các quy định pháp luật và các điều kiện của Giấy phép.

Giấy phép này có giá trị đến ngày 30 tháng 6 năm 2027.

Giấy phép này gia hạn Giấy phép số 810/GP-SKHCN ngày 14 tháng 5 năm 2021 và Giấy phép số 1229/GP-SKHCN ngày 09 tháng 7 năm 2021.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Huỳnh Minh Hậu

Nơi nhận:
- Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc;
- GĐ và các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, QCN

QCNCuong_GPTrungtamyteXuanLoc\02b.

CÁC ĐIỀU KIỆN CỦA GIẤY PHÉP

(Kèm theo Giấy phép số 958 /GP-SKHCN ngày 19 tháng 04 năm 2024 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai)

1. Chỉ được phép tiến hành công việc bức xạ với thiết bị bức xạ có các đặc trưng nêu tại phần kèm theo của Giấy phép này;

2. Trường hợp tiếp tục tiến hành công việc bức xạ sau thời gian ghi trong Giấy phép này, phải làm thủ tục đề nghị gia hạn và gửi hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Đồng Nai (địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn) trước khi Giấy phép hết hạn **ít nhất 45 ngày**;

3. Trường hợp chuyển nhượng thiết bị bức xạ cho tổ chức, cá nhân khác phải báo cáo với cơ quan có thẩm quyền cấp phép;

4. Định kỳ vào tháng 11 hằng năm thực hiện lập và gửi báo cáo kết quả đánh giá kiểm soát ATBX của cơ sở đến Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai;

5. Không được sử dụng thiết bị bức xạ tại địa điểm khác với quy định trong Giấy phép này;

6. Tổ chức thực hiện Thông tư số 19/2012/TT-BKHCN ngày 08 tháng 11 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về kiểm soát và bảo đảm an toàn bức xạ trong chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng;

7. Nếu có bất kỳ thay đổi nào so với bộ hồ sơ đề nghị cấp phép, cơ sở phải thông báo bằng văn bản đến Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai để cập nhật.

8. Trường hợp xảy ra sự cố bức xạ phải thông báo khẩn cấp cho cơ quan liên quan và:

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 1597, Đường Phạm Văn Thuận, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 02513.822297 - 0913.729151 hoặc 0989.777573

CÁC ĐẶC TRƯNG CỦA THIẾT BỊ X-QUANG CHẨN ĐOÁN TRONG Y TẾ ĐƯỢC CẤP PHÉP

(Kèm theo Giấy phép số 958 /GP-SKHCN ngày 19 tháng 04 năm 2024
của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên thiết bị	Mã hiệu, Số sêri	Hãng SX, Nước SX, Năm SX	Thông số làm việc cực đại kVp max, mA max /mAs max	Mục đích sử dụng, địa điểm sử dụng, Sử dụng cố định hay di động	Các bộ phận của thiết bị			
						Tên bộ phận	Hãng SX	Mã hiệu	Số series
01	Thiết bị chụp cắt lớp CT – Scanner	10967666; 99396	Siemens; Trung Quốc; 2018	130 kVp; 180 mA	- Thiết bị chụp cắt lớp CT – Scanner; - Địa điểm sử dụng: Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc (Ngã 3 Suối cát, xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai); - Sử dụng cố định.	Hệ thiết bị CT	Siemens	10967666	99396
						Gratry	Siemens	10967088	99396
02	Thiết bị chụp X-quang tổng hợp	XR5; XRA 02106S004	OSKO; Mỹ; 2021	125 kVp; 500 mA	- Thiết bị chụp X-quang tổng hợp; - Địa điểm sử dụng: Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc (Ngã 3 Suối cát, xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai); - Sử dụng cố định.	Đầu bóng phát tia X	Canon	E7242FX	20F1973
						Bàn điều khiển	CPI	XR5	01/2023/XQTH/TKC-80

TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II
CENTER OF RADIATION SAFETY TECHNICAL II
Địa chỉ: 237, đường D12, KP1, P. Phú Tân, Tp. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương
Vp GD và Phòng thí nghiệm: Đường DX17, Phú Chánh, Tân Uyên, Bình Dương
Vp Tp.HCM: K60, KDC Thới An, đường Lê Thị Riêng, Thới An, Q.12, Tp. HCM
Tel: (0274) 3868738 (028) 9999 0979 Email: viet@vietsci.com
Website: www.vietsci.com | www.antoanbucxasci.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence – Freedom – Happiness

Số *(No)*: 061.01/ATBX/KĐ/0325

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
Certificate of Verification

Ngày *(Date)*: 31/03/2025

1. Tên đối tượng: Thiết bị chụp cắt lớp vi tính
Object

- Kiểu: 10967666 — *Type*
- Số xêri: 99396 — *Serial No.*
- Nơi sản xuất: Siemens/ Trung Quốc — *Manufacturer*
- Năm: 2018 — *Year*

2. Đặc trưng kỹ thuật: Điện áp đỉnh lớn nhất: 130 kVp Dòng bóng phát cực đại: 180 mA
Specifications

3. Nơi sử dụng: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC - Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Place

4. Người/ Đơn vị sử dụng: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC
User

5. Phương pháp thực hiện: QCVN 12:2016/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị chụp cắt lớp vi tính dùng trong y tế
Method of verification

6. Kết luận: **Đạt yêu cầu chấp nhận**
Conclusion

7. Số tem kiểm định: 000826
Verification stamp No.

8. Thời hạn đến: (*) 27/03/2026
Valid until

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2025
Date of issue

Người kiểm định
Verified by

TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II
KĐV. Phan Hoàng Thắng
SĐT: 0812 440 738

ISO 9001:2015

GIÁM ĐỐC
Director

Thạc sĩ Nguyễn Tấn Cường

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản.
With respectfulness of rules of use and maintenance

TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 27 tháng 03 năm 2025

BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH
THIẾT BỊ CHỤP CẮT LỚP VI TÍNH (CT SCANNER)
Số: 061.01/ATBX/KĐ/0325

Chúng tôi gồm:

1. Trần Nhựt An — Số chứng chỉ hành nghề: 95,70/CCHNDV/ATBXHN
2. Nguyễn Thế Cường — Số chứng chỉ hành nghề: 72/CCHNDV/ATBXHN
3. Phan Hoàng Thắng — Số chứng chỉ hành nghề: 68,12,77/CCHN/ATBXHN
4. Nguyễn Minh Tân — Số chứng chỉ hành nghề: 69/CCHN/ATBXHN

Thuộc tổ chức kiểm định: Trung tâm Kỹ thuật an toàn bức xạ II.

Số đăng ký hoạt động dịch vụ của tổ chức kiểm định: 47/2022/ĐK/ATBXHN

Đã tiến hành kiểm định thiết bị chụp cắt lớp vi tính tại:

Cơ sở: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Địa chỉ (trụ sở chính): Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Quy trình kiểm định áp dụng: QCVN 12:2016/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị chụp cắt lớp vi tính dùng trong y tế

Đại diện cơ sở chứng kiến kiểm định và thông qua biên bản:

Họ và tên: Bùi Thái Chiến — Chức vụ: Giám đốc

Họ và tên: Nguyễn Minh Trí — Chức vụ: Kỹ thuật viên trưởng

1 - THÔNG SỐ CƠ BẢN CỦA THIẾT BỊ CT

1.1. Hệ thiết bị CT — Thiết bị chụp cắt lớp vi tính

Nơi đặt thiết bị: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC - Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Loại, mã hiệu (model): 10967666

Số xêri (series number): 99396

Hãng/nước sản xuất: Siemens/ Trung Quốc

Năm sản xuất: 2018

Dạng sóng điện áp: Cao tần

Điện áp đỉnh lớn nhất: 130 kVp — Dòng bóng phát cực đại: 180 mA

1.2. Gantry

Mã hiệu (model): 10967088

Số xêri (series number): 99396

Hãng/nước sản xuất: Siemens/ Trung Quốc

Năm sản xuất: 2018

2 - HÌNH THỨC KIỂM ĐỊNH

Lần đầu ☐ Định kỳ ☑ Sau khi sửa chữa ☐

Ngày kiểm định lần trước:

do: thực hiện.

3 - THIẾT BỊ ĐO, DỤNG CỤ KIỂM TRA SỬ DỤNG ĐỂ KIỂM ĐỊNH

Phantom chuẩn kiểm tra chất lượng hình ảnh CT

Mã hiệu: Pro-CT MKII — Số hiệu: C-FK-000220

4 - KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

4.1. Kiểm tra ngoại quan

TT	Hạng mục kiểm tra	Mô tả tình trạng	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
1	Chuyển mạch (hoặc nút bấm đối với các thiết bị chỉ thị số) đặt chế độ và các chỉ thị	Hoạt động bình thường	Đạt
1,1	Gantry	Hoạt động bình thường	Đạt
	Chỉ thị vị trí, chiều cao bàn bệnh nhân	Hoạt động bình thường	Đạt
	Chỉ thị góc gantry	Hoạt động bình thường	Đạt
	Chỉ thị phát tia "X ray on" trên gantry	Hoạt động bình thường	Đạt
1,2	Tủ điều khiển	Hoạt động bình thường	Đạt
	Nút bật phát tia	Hoạt động bình thường	Đạt
	Đèn chỉ thị, đồng hồ chỉ thị thông số làm việc của thiết bị	Hoạt động bình thường	Đạt
	Chỉ thị phát tia "X ray on" trên tủ điều khiển	Hoạt động bình thường	Đạt
	Các nhãn cảnh báo	Hoạt động bình thường	Đạt
2	Cơ khí bàn bệnh nhân và phanh hãm	Hoạt động bình thường	Đạt

4.2. Độ chính xác của dịch chuyển bàn bệnh nhân

4.2.1. Theo hướng tiến về phía gantry

- Trọng lượng tải khi kiểm tra: 60 kg

Giá trị đặt dịch chuyển bàn (mm)	$L_{tiến}$ (mm)	Độ lệch giữa giá trị đặt và $L_{tiến}$ (mm)	$C_{tiến}$ (mm)	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
250	250	0	250	Đạt

4.2.1. Theo hướng lùi ngược lại so với gantry

- Trọng lượng tải khi kiểm tra: 60 kg

Giá trị đặt dịch chuyển bàn (mm)	$L_{lùi}$ (mm)	Độ lệch giữa giá trị đặt và $L_{lùi}$ (mm)	$C_{lùi}$ (mm)	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
250	250	0	250	Đạt

4.3. Kiểm tra số CT, nhiễu và độ đồng đều

Chế độ chụp:

- Điện áp đặt: 120 kVp
- Hằng số phát tia đặt: 358 mAs
- Độ dày lát cắt: 2,5 mm

4.3.1. Độ chính xác số CT

Số CT trung bình của ROI trung tâm (HU)	Độ lệch so với giá trị chuẩn của nước (HU)	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
-1,0	-1,0	Đạt

4.3.2. Nhiễu

Độ lệch tiêu chuẩn của số CT tại ROI trung tâm (HU)	Giá trị đường nền (HU)	Độ lệch so với giá trị đường nền (%)	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
3,3	3,1	6,5	Đạt

4.3.3. Độ đồng đều

Số CT trung bình của ROI trung tâm	Số CT trung bình của ROI 12h (HU)	Số CT trung bình của ROI 3h (HU)	Số CT trung bình của ROI 6h (HU)	Độ lệch số CT trung bình lớn nhất của ROI biên so với ROI trung tâm	Giá trị đường nền	Độ lệch so với giá trị đường nền	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
-1,0	-3,0	-2,4	-2,3	2,1	2,8	-0,7	Đạt

4.4. Kiểm tra độ phân giải không gian/tương phản cao

Chế độ chụp:

- Điện áp: 120 kVp
- Hằng số phát tia: 358 mAs
- Độ dày lát cắt: 2,5 mm

Ma trận tái dựng ảnh	Kết quả đo MTF cut off (mm^{-1})	Kết quả đo số cặp đường trên milimet (lp/mm)	Kết quả đo kích thước lỗ (mm)	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
256 x 256	-	0,6	-	Đạt

5. Kiểm tra độ phân giải tương phản thấp

Chế độ chụp:

- Điện áp: 120 kVp
- Hằng số phát tia: 358 mAs
- Độ dày lát cắt: 2,5 mm

	Mức tương phản so với vật liệu nền 0,3%	Mức tương phản so với vật liệu nền 0,5%	Mức tương phản so với vật liệu nền 1%	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
Kích thước nhỏ nhất có thể phân biệt được	3 mm	-	-	Đạt

6. Kiểm tra độ dày lát cắt

Chế độ chụp:

- Điện áp: 120 kVp
- Hằng số phát tia: 358 mAs

Độ dày lát cắt đặt (mm)	Độ dày lát cắt đo (mm)	Sai lệch giữa độ dày lát cắt đo được và giá trị đặt (mm)	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
2,4	2,3	-0,1	Đạt

7. Kiểm tra độ chính xác tâm lát cắt

Chế độ chụp:

- Điện áp: 120 kVp
- Hằng số phát tia: 358 mAs

Độ lệch tâm lát cắt	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
0,1 mm	Đạt

8. Số tem kiểm định: 000826

Biên bản được lập ngày 27 tháng 03 năm 2025

Tại: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với kết quả kiểm định ghi trên biên bản ./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ SỬ DỤNG	NGƯỜI CHỨNG KIẾN	NGƯỜI KIỂM ĐỊNH
(Ký tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ, tên)*	*(Ký, ghi rõ họ, tên)*
	CN. Nguyễn Minh Trí	TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II KDV. Phan Hoàng Thắng SĐT: 0812 440 738

TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II
CENTER OF RADIATION SAFETY TECHNICAL II
Địa chỉ: 237, đường D12, KP1, P. Phú Tân, Tp. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương
Vp GD và Phòng thí nghiệm: Đường DX17, Phú Chánh, Tân Uyên, Bình Dương
Vp Tp.HCM: K60, KDC Thới An, đường Lê Thị Riêng, Thới An, Q.12, Tp. HCM
Tel: (0274) 3868738 – (028) 9999 0979| Email: viet@vietsci.com
Website: www.vietsci.com | www.antoanbucxasci.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence – Freedom – Happiness

Số *(No)*: 061.02/ATBX/KX/0325	**KẾT QUẢ** **Kiểm xạ khu vực làm việc của thiết bị chụp cắt lớp vi tính và x-quang răng dùng trong y tế**	Ngày *(Date)*: 31/03/2025

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin về cơ sở tiến hành công việc bức xạ

Tên tổ chức, cá nhân:

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Địa chỉ trụ sở chính (theo giấy đăng ký):

Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Địa điểm tiến hành công việc bức xạ:

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC - Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: - Fax: -

Email: -

Người đại diện cơ sở:

Họ và tên: Bùi Thái Chiến

Chức vụ: Giám đốc

Trình độ chuyên môn: -

Người chứng kiến:

Họ và tên: Nguyễn Minh Trí

Chức vụ: Kỹ thuật viên trưởng

Trình độ chuyên môn: -

2. Thông tin về đơn vị thực hiện dịch vụ kiểm xạ

a) Thông tin về cơ sở thực hiện dịch vụ:

Tên cơ sở: Trung tâm Kỹ thuật an toàn bức xạ II

Địa chỉ: 237, Đường D12, KP 1, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: (0274)3868738

Vp Tp.HCM: K60, KDC Thới An, đường Lê Thị Riêng, Thới An, Q.12, Tp. HCM

b) Người thực hiện:

1. Trần Nhựt An — Số chứng chỉ hành nghề: 95,70/CCHNDV/ATBXHN
2. Nguyễn Thế Cường — Số chứng chỉ hành nghề: 72/CCHNDV/ATBXHN
3. Phan Hoàng Thắng — Số chứng chỉ hành nghề: 68,12,77/CCHN/ATBXHN
4. Nguyễn Minh Tân — Số chứng chỉ hành nghề: 69/CCHN/ATBXHN

c) Thiết bị thực hiện kiểm xạ:

Máy đo suất liều phông xạ tia X và gamma

Mã hiệu: AT1121 — Số hiệu: 44961

Hạn hiệu chuẩn: 08/10/2025 — Hệ số chuẩn tia X: 1,15

Hệ số chuẩn tia Gamma: 1,07

Hạn hiệu chuẩn: 28/02/2026

Thước cuộn:

3. Thông tin về thiết bị X-quang

3.1 Tên thiết bị: Thiết bị chụp cắt lớp vi tính

Nơi đặt thiết bị: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC - Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã Hiệu: 10967666 Số hiệu: 99396

Hãng/nước sản xuất: Siemens/ Trung Quốc Năm sản xuất: 2018

Điện áp cực đại (kV) 130 kVp

Dòng phát tia cực đại (mA) hoặc hằng số phát tia cực đại (mAs): 180 mA

Mục đích sử dụng: Chụp cắt lớp vi tính

Gantry

Mã Hiệu: 10967088 Số hiệu: 99396

Hãng/nước sản xuất: Siemens/ Trung Quốc Năm sản xuất: 2018

Đầu đèn

Mã hiệu: - Số hiệu: -

Hãng/ nước sản xuất: - Năm sản xuất: -

Bàn điều khiển thiết bị

Mã hiệu: 10856834 Số hiệu: 14919

Hãng/nước sản xuất: Siemens/ Trung Quốc Năm sản xuất: 2018

3.2 Tên thiết bị: Thiết bị X-quang chụp răng sử dụng phim đặt sau huyệt ổ răng

Mã hiệu: DENT NAVI Số hiệu: WA-531

Hãng/nước sản xuất: THE YOSHIDA DENTAL MFG CO., LTD/ Nhật Bản Năm sản xuất: 2012

Điện áp cực đại (kV): 70 kV

Dòng phát tia cực đại (mA) hoặc hằng số phát tia cực đại (mAs): 7 mA

Mục đích sử dụng: Chụp, chẩn đoán hình ảnh

Chế độ chụp

- ☑ Chụp răng sử dụng phim đặt sau huyệt ổ răng
- ☐ Chụp răng toàn cảnh
- ☐ Chụp sọ
- ☐ Chụp cắt lớp vi tính sử dụng chùm tia hình nón

Đầu đèn

Mã Hiệu: D-0711SB Số hiệu: WA-531

Hãng/nước sản xuất: THE YOSHIDA DENTAL MFG CO., LTD/ Nhật Bản Năm sản xuất: 2012

Bàn điều khiển (nếu có)

Mã Hiệu: DENT NAVI Số hiệu: QLC072012

Hãng/nước sản xuất: THE YOSHIDA DENTAL MFG CO., LTD/ Nhật Bản Năm sản xuất: 2012

II. KẾT QUẢ ĐO KIỂM XẠ

Sơ đồ đo kiểm xạ (đính kèm)

Phông môi trường: 0,12 µSv/h

Hướng phát tia: Phát tia từ mọi hướng

Điện áp: 120 kVp Dòng: - mA

Hằng số phát tia: 358 mAs Thời gian: - ms

Bảng kết quả đo như sau:

STT	Vị trí đo	Suất liều (µSv/h)				Tiêu chí suất liều theo quy định tại thông tư số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT
		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình	
Mặt A - Kỹ Thuật Viên						
1	Sát tường	0,21	0,19	0,21	0,20	≤ 10 µSv/h
2	Cách tường 1 m	0,20	0,22	0,21	0,21	≤ 10 µSv/h
Mặt B - Hành Lang						
3	Sát tường	0,21	0,21	0,19	0,20	≤ 0,5 µSv/h
4	Cách tường 1 m	0,18	0,18	0,17	0,18	≤ 0,5 µSv/h
Mặt C - Đất Trống						
5	Sát tường	0,41	0,42	0,41	0,41	≤ 0,5 µSv/h
6	Cách tường 1 m	0,35	0,36	0,36	0,36	≤ 0,5 µSv/h
Mặt D - Đất Trống						
7	Sát tường	0,34	0,32	0,34	0,33	≤ 0,5 µSv/h
8	Cách tường 1 m	0,28	0,27	0,27	0,27	≤ 0,5 µSv/h
Mặt E						
9	Sát sàn	-	-	-	-	-
10	Cách sàn 1 m	-	-	-	-	-
Mặt F						
11	Cách trần 1 m	-	-	-	-	-
12	Cách trần 2 m	-	-	-	-	-
Phòng điều khiển - Kính Chì						
13	Vị trí Kỹ thuật viên	0,35	0,35	0,36	0,35	≤ 10 µSv/h
Cửa ra vào phòng chụp - Kỹ Thuật Viên						
14	Giữa cửa	0,32	0,29	0,29	0,30	≤ 10 µSv/h
15	Hai bên cửa	0,31	0,32	0,31	0,31	≤ 10 µSv/h
Cửa ra vào phòng chụp - Hành Lang						
16	Giữa cửa	0,29	0,31	0,29	0,30	≤ 0,5 µSv/h
17	Hai bên cửa	0,31	0,29	0,31	0,30	≤ 0,5 µSv/h

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐO

1. Văn bản áp dụng để đánh giá:

2. Đánh giá kết quả:

a) Tiêu chí đánh giá:

Mọi vị trí bên ngoài phòng đặt thiết bị X-quang nơi công chúng đi lại, nơi người bệnh ngồi chờ không được vượt quá giá trị suất liều: 0,5 µSv/giờ;

Trường hợp phòng đặt thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế nằm trong khu dân cư, liền kề nhà ở hoặc nơi làm việc phải bảo đảm suất liều bức xạ ở tất cả các điểm đo bên ngoài phòng đặt thiết bị bằng phông bức xạ tự nhiên;

Trường hợp thiết bị X-quang chẩn đoán làm việc ở điện áp nhỏ hơn 150 kV, tủ điều khiển được phép đặt trong phòng đặt thiết bị nhưng phải có bình phong chì che chắn bảo đảm mức bức xạ tại vị trí nhân viên đứng vận hành thiết bị nhỏ hơn 10 µSv/giờ.

b) Đánh giá kết quả:

Bên ngoài phòng đặt thiết bị X-quang nơi công chúng đi lại, nơi người bệnh ngồi chờ:

- Đảm bảo yêu cầu về an toàn bức xạ

Trường hợp phòng đặt thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế nằm trong khu dân cư, liền kề nhà ở hoặc nơi làm việc:

Khu vực phòng điều khiển/nơi đặt tủ điều khiển:

- Đảm bảo yêu cầu về an toàn bức xạ

IV. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN CÁO

1. Kết luận

Cơ sở tiến hành công việc bức xạ:

☑ Đảm bảo ATBX đối với nhân viên bức xạ và công chúng

☐ Không đảm bảo ATBX đối với:

- ☐ Nhân viên bức xạ
- ☐ Công chúng

2. Khuyến cáo

Khuyến cáo các biện pháp đảm bảo an toàn bức xạ bổ sung:/

Tài liệu gửi kèm theo kết quả kiểm xạ:

Thời gian khuyến nghị kiểm xạ tiếp theo: **27/03/2026**

Sơ đồ vị trí mặt bằng phòng đặt thiết bị X-quang chẩn đoán y tế;

Ảnh chụp model, seri của thiết bị X-quang;

Biên bản kiểm xạ hiện trường tại cơ sở.

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ
(ký, ghi rõ họ tên)

RATECH II TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II
KDV. Phan Hoàng Thắng
SĐT: 0812 440 738

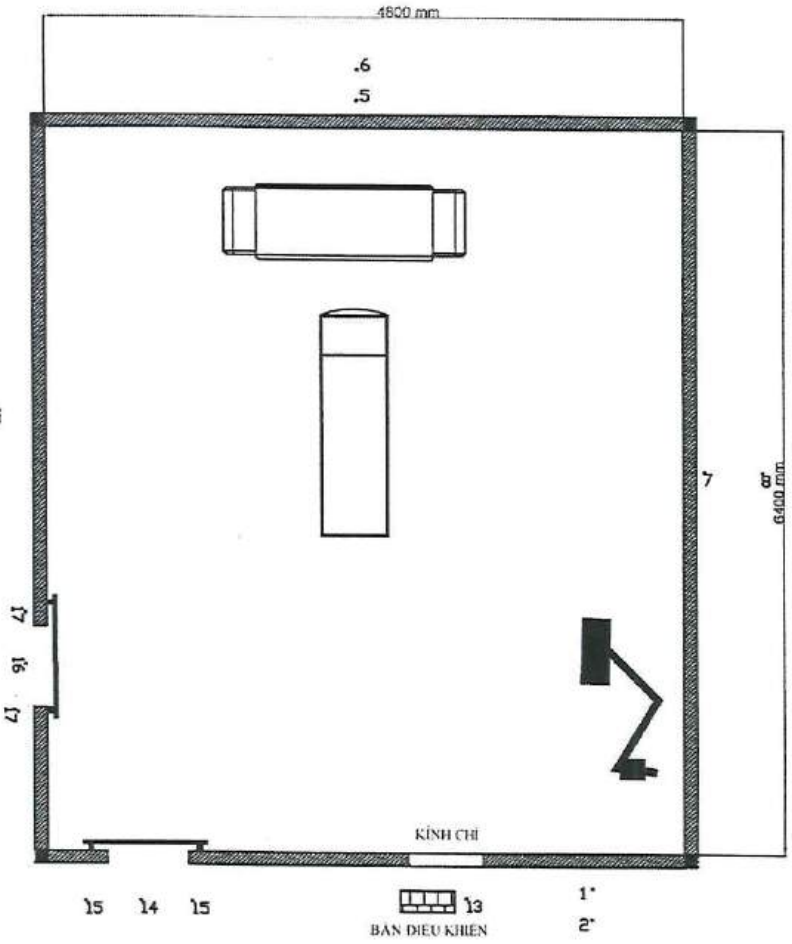
GIÁM ĐỐC
(ký tên và đóng dấu)

Thạc sĩ Nguyễn Thế Cường

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ PHÒNG ĐẶT THIẾT BỊ CHỤP CẮT LỚP VI TÍNH VÀ X-QUANG RĂNG DÙNG TRONG Y TẾ TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

MẶT C: ĐẤT TRỐNG

MẶT B: HÀNH LANG



MẶT D: ĐẤT TRỐNG

MẶT A: KỸ THUẬT VIÊN

Người vẽ	GHI CHÚ :
KĐV: PHAN HOÀNG THẮNG	

TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Hiện trường kiểm xạ tại phòng đặt thiết bị chụp cắt lớp vi tính và thiết bị x-quang răng dùng trong y tế

Số: 061.02/ATBX/KX/0325

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin về cơ sở tiến hành công việc bức xạ

Tên tổ chức, cá nhân:

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Địa chỉ trụ sở chính (theo giấy đăng ký):

Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Địa điểm tiến hành công việc bức xạ:

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC - Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: - Fax: -

Email: -

Người đại diện cơ sở:

Họ và tên: Bùi Thái Chiến Chức vụ: Giám đốc

Người chứng kiến:

Họ và tên: Nguyễn Minh Trí Chức vụ: Kỹ thuật viên trưởng

2. Thông tin về đơn vị thực hiện dịch vụ kiểm xạ

a) Thông tin về cơ sở thực hiện dịch vụ:

Tên cơ sở: Trung tâm Kỹ thuật an toàn bức xạ II

Địa chỉ: 237, Đường D12, KP 1, Phường Phú Tân, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: (0274)3868738

Vp Tp.HCM: K60, KDC Thới An, đường Lê Thị Riêng, Thới An, Q.12, Tp. HCM

b) Người thực hiện:

1. Trần Nhựt An	Số chứng chỉ hành nghề: 95,70/CCHNDV/ATBXHN
2. Nguyễn Thế Cường	Số chứng chỉ hành nghề: 72/CCHNDV/ATBXHN
3. Phan Hoàng Thắng	Số chứng chỉ hành nghề: 68,12,77/CCHN/ATBXHN
4. Nguyễn Minh Tân	Số chứng chỉ hành nghề: 69/CCHN/ATBXHN

c) Thiết bị thực hiện kiểm xạ:

Máy đo suất liều phóng xạ tia X và gamma

Mã hiệu:	AT1121	Số hiệu:	44961
Hạn hiệu chuẩn:	08/10/2025	Hệ số chuẩn tia X:	1,15
		Hệ số chuẩn tia Gamma:	1,07
Thước cuộn:		Hạn hiệu chuẩn:	28/02/2026

3. Thông tin về thiết bị X-quang

3.1 Tên thiết bị:	Thiết bị chụp cắt lớp vi tính
Nơi đặt thiết bị:	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC - Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã hiệu: 10967666 Số hiệu: 99396

Hãng/ nước sản xuất: Siemens/ Trung Quốc Năm sản xuất: 2018

Điện áp cực đại (kV) 130 kVp

Dòng phát tia cực đại (mA) hoặc hằng số phát tia cực đại (mAs): 180 mA

Mục đích sử dụng: Chụp cắt lớp vi tính

Gantry

Mã hiệu: 10967088 Số hiệu: 99396

Hãng/ nước sản xuất: Siemens/ Trung Quốc Năm sản xuất: 2018

Đầu đèn

Mã hiệu: - Số hiệu: -

Hãng/ nước sản xuất: - Năm sản xuất: -

Bàn điều khiển thiết bị

Mã hiệu: 10856834 Số hiệu: 14919

Hãng/nước sản xuất: Siemens/ Trung Quốc Năm sản xuất: 2018

3.2 Tên thiết bị: Thiết bị X-quang chụp răng sử dụng phim đặt sau huyệt ổ răng

Mã hiệu: DENT NAVI Số hiệu: WA-531

Hãng/nước sản xuất: THE YOSHIDA DENTAL MFG CO., LTD/ Nhật Bản Năm sản xuất: 2012

Điện áp cực đại (kV): 70 kV

Dòng phát tia cực đại (mA) hoặc hằng số phát tia cực đại (mAs): 7 mA

Mục đích sử dụng: Chụp, chẩn đoán hình ảnh

Chế độ chụp

☑ Chụp răng sử dụng phim đặt sau huyệt ổ răng

☐ Chụp răng toàn cảnh

☐ Chụp sọ

☐ Chụp cắt lớp vi tính sử dụng chùm tia hình nón

Đầu đèn

Mã Hiệu: D-0711SB Số hiệu: WA-531

Hãng/nước sản xuất: THE YOSHIDA DENTAL MFG CO., LTD/ Nhật Bản Năm sản xuất: 2012

Bàn điều khiển (nếu có)

Mã Hiệu: DENT NAVI Số hiệu: QLC072012

Hãng/nước sản xuất: THE YOSHIDA DENTAL MFG CO., LTD/ Nhật Bản Năm sản xuất: 2012

II. KẾT QUẢ ĐO KIỂM XẠ

Sơ đồ đo kiểm xạ (đính kèm theo bản vẽ)

Phông môi trường: 0,12 (µSv/h)

Hướng phát tia: Phát tia từ mọi hướng

Kích thước trường chiếu: -

Điện áp: 120 kVp Dòng: - mA

Hằng số phát tia: 358 mAs Thời gian: - ms

Bảng kết quả đo như sau:

STT	Vị trí đo	Suất liều (µSv/h)			
		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình
Mặt A - Kỹ Thuật Viên					
1	Sát tường	0,21	0,19	0,21	0,20
2	Cách tường 1 m	0,18	0,18	0,19	0,18
Mặt B - Hành Lang					
3	Sát tường	0,21	0,21	0,19	0,20
4	Cách tường 1 m	0,18	0,18	0,17	0,18
Mặt C - Đất Trống					
5	Sát tường	0,41	0,42	0,41	0,41
6	Cách tường 1 m	0,35	0,36	0,36	0,36
Mặt D - Đất Trống					
7	Sát tường	0,34	0,32	0,34	0,33
8	Cách tường 1 m	0,28	0,27	0,27	0,27
Mặt E					
9	Sát sàn	-	-	-	-
10	Cách sàn 1 m	-	-	-	-
Mặt F					
11	Cách trần 1 m	-	-	-	-
12	Cách trần 2 m	-	-	-	-
Phòng điều khiển - Kính Chì					
13	Vị trí Kỹ thuật viên	0,35	0,35	0,36	0,35
Cửa ra vào phòng chụp - Kỹ Thuật Viên					
14	Giữa cửa	0,32	0,29	0,29	0,30
15	Hai bên cửa	0,31	0,32	0,31	0,31
Cửa ra vào phòng chụp - Hành Lang					
16	Giữa cửa	0,29	0,31	0,29	0,30
17	Hai bên cửa	0,31	0,29	0,31	0,30

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐO

Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09 tháng 06 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Y tế về đảm bảo an toàn bức xạ trong y tế.

Thực hiện theo Thông tư 13/2018/TT-BKHCN ngày 05 tháng 09 năm 2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09 tháng 06 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định về đảm bảo an toàn bức xạ trong y tế.

Thực hiện theo Thông tư 19/2012/TT-BKHCN ngày 08/11/2012 quy định về việc kiểm soát và bảo đảm an toàn bức xạ trong chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng.

Thực hiện theo Nghị định 142/2020/NĐ/CP ngày 09/12/2020 về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.

Cơ sở tiến hành công việc bức xạ:

☑ Đảm bảo ATBX đối với nhân viên bức xạ và công chúng

☐ Không đảm bảo ATBX đối với:

- ☐ Nhân viên bức xạ
- ☐ Công chúng

Đồng Nai, ngày 27 tháng 03 năm 2025

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ	**NGƯỜI CHỨNG KIẾN**	**NGƯỜI THỰC HIỆN**
(Ký tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ, tên)*	*(Ký, ghi rõ họ, tên)*
GIÁM ĐỐC		
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC		
Bùi Thái Chiến	CN. Nguyễn Minh Trí	TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II KĐV. Phan Hoàng Thắng SĐT: 0812 440 738

TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II
CENTER OF RADIATION SAFETY TECHNICAL II
Địa chỉ: 237, đường D12, KP1, P. Phú Tân, Tp. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương
Vp GD và Phòng thí nghiệm: Đường DX17, Phú Chánh, Tân Uyên, Bình Dương
Vp Tp.HCM: K60, KDC Thới An, đường Lê Thị Riêng, Thới An, Q.12, Tp. HCM
Tel: (0274) 3868738 – (028) 9999 0979| Email: viet@vietsci.com
Website: www.vietsci.com | www.antoanbucxasci.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence – Freedom – Happiness

Số *(No)*: 061.08/ATBX/KĐ/0325

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
Certificate of Verification

Ngày *(Date)*: 31/03/2025

1. **Tên đối tượng:** Thiết bị X-quang tổng hợp
Object

- Kiểu: XR5 — *Type*
- Số xêri: XRA02106S004 — *Serial No*
- Nơi sản xuất: OSKO, Inc/ Mỹ — *Manufacturer*
- Năm: 2021 — *Year*

2. **Đặc trưng kỹ thuật:** Điện áp đỉnh lớn nhất: 125 kVp; Dòng bóng phát cực đại: 500 mA
Specifications

3. **Nơi sử dụng:** TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC - Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Place

4. **Người/Đơn vị sử dụng:** TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC
User

5. **Phương pháp thực hiện:** QCVN 11:2015/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị chụp X-quang tổng hợp dùng trong y tế
Method of verification

6. **Kết luận:** **Đạt yêu cầu chấp nhận**
Conclusion

7. **Số tem kiểm định:** 000831
Verification stamp No

8. **Thời hạn đến: (*)** 27/03/2027
Valid until

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2025
Date of issue

Người kiểm định
Verified by

TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II
KĐV. Phan Hoàng Thắng
SĐT: 0812 440 738

ISO 9001:2015

GIÁM ĐỐC
Director

Thạc sĩ Nguyễn Thế Cường

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản.
With respectfulness of rules of use and maintenance

TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II
CENTER OF RADIATION SAFETY TECHNICAL II
Địa chỉ: 237, đường D12, KP1, P. Phú Tân, Tp. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương
Vp GD và Phòng thí nghiệm: Đường DX17, Phú Chánh, Tân Uyên, Bình Dương
Vp Tp.HCM: K60, KDC Thới An, đường Lê Thị Riêng, Thới An, Q.12, Tp. HCM
Tel: (0274) 3868738 - (028) 9999 0979 Email: viet@vietsci.com
Website: www.vietsci.com | www.antoanbucxasci.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence – Freedom – Happiness

Số *(No)*: 061.08/ATBX/KĐ/0325	**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KIỂM ĐỊNH** *Thiết bị chụp X-quang tổng hợp dùng trong y tế*	Ngày *(Date)*: 31/03/2025

Căn cứ Thông tư số 28/2015/TT-BKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị chụp X-quang tổng hợp dùng trong y tế (QCVN 11: 2015/BKHCN).

Căn cứ biên bản kiểm định số 061.08/ATBX/KĐ/0325 ngày 27 tháng 03 năm 2025 của Trung tâm Kỹ thuật An toàn Bức xạ II.

I. CƠ SỞ SỬ DỤNG THIẾT BỊ X-QUANG

1. Tên cơ sở: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

2. Địa chỉ (trụ sở chính): Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

II. THIẾT BỊ CHỤP X-QUANG ĐƯỢC KIỂM ĐỊNH

1. Thiết bị chụp X-quang Thiết bị X-quang tổng hợp

Nơi đặt thiết bị:	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC - Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Loại, mã hiệu:	XR5
Số xêri:	XRA02106S004
Năm sản xuất:	2021
Hãng/nước sản xuất:	OSKO, Inc/ Mỹ
Dạng sóng điện áp:	Cao tần
Điện áp đỉnh lớn nhất:	125 kVp
Dòng bóng phát cực đại:	500 mA

2. Đầu bóng phát tia X

Loại, mã hiệu:	E7245FX
Số xêri:	20F1973
Hãng/nước sản xuất:	Canon/ Nhật Bản
Năm sản xuất:	2020

3. Bàn điều khiển

Loại, mã hiệu:	XR5
Số xêri:	XRA02106S004
Hãng/nước sản xuất:	OSKO, Inc/ Mỹ
Năm sản xuất:	2021

4. Tủ cao áp

Loại, mã hiệu:	XR5

Số xêri: XRA02106S004
Hãng/nước sản xuất: OSKO, Inc/ Mỹ

III. HÌNH THỨC KIỂM ĐỊNH

Lần đầu ☐ Định kỳ ☑ Sau khi sửa chữa ☐

IV. KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

1. Kiểm tra ngoại quan

TT	Hạng mục kiểm tra	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
1	Chuyển mạch, nút bấm, công tắc	Đạt
2	Cơ khí bàn chụp, khay đựng cát sét, cột giữ bóng, cần quay bóng, bộ khu trú chùm tia	Đạt
3	Chỉ thị khoảng cách tiêu điểm bóng phát tia đến tấm ghi nhận ảnh	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt:

2. Điện áp đỉnh

2.1. Độ chính xác điện áp đỉnh

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Dòng bóng phát tia: 100 mA
- Thời gian phát tia: 100 ms
- Hằng số phát tia mAs: 10 mAs
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

TT	Giá trị kVp kiểm tra	$U_{kVp\%}$ (%)	U_{kVptd} (kVp)	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
1	60 kVp	1,00	-	Đạt
2	70 kVp	0,36	-	Đạt
3	80 kVp	1,00	-	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

2.2. Độ lặp lại của điện áp đỉnh

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Dòng bóng phát tia: 100 mA
- Thời gian phát tia: 100 ms
- Hằng số phát tia mAs: 10 mAs
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

TT	Giá trị kVp kiểm tra	R_{kVp} (%)	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
1	60 kVp	0,14	Đạt
2	70 kVp	0,12	Đạt
3	80 kVp	0,12	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

3. Độ chính xác thời gian phát tia

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Điện áp đặt: 80 kVp
- Dòng bóng phát tia: 100 mA
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

TT	Giá trị thời gian đặt kiểm tra (ms)	U_t (%)	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
1	50	0,38	Đạt
2	100	0,20	Đạt
3	200	0,10	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

4. Liều lối ra

4.1. Độ lặp lại liều lối ra

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

Thông số đặt	R_L (%)	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
- Điện áp đặt: 60 kVp - Dòng bóng phát tia: 100 mA - Thời gian phát tia: 100 ms - Hằng số phát tia: 10 mAs	0,53	Đạt
- Điện áp đặt: 70 kVp - Dòng bóng phát tia: 100 mA - Thời gian phát tia: 100 ms - Hằng số phát tia: 10 mAs	0,27	Đạt
- Điện áp đặt: 80 kVp - Dòng bóng phát tia: 100 mA - Thời gian phát tia: 100 ms - Hằng số phát tia: 10 mAs	0,17	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

4.2. Độ tuyến tính liều lối ra

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Điện áp đặt: 80 kVp
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

Độ tuyến tính liều lối ra (%)	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
0,27	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

5. Kích thước tiêu điểm

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp đặt: 75 kVp
- Hằng số phát tia: 10 mAs
- SID: 100 cm

Kích thước tiêu điểm hiệu dụng (mm)	Kích thước tiêu điểm danh định (mm)	Mức thay đổi (%)	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
0,6	0,6	0	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

6. Độ chuẩn trực chùm tia

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp đặt: 75 kVp
- Hằng số phát tia: 10 mAs
- SID: 100 cm

Độ lệch chuẩn trực (^{o})	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
< 1,5	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

7. Độ trùng khít giữa trường sáng và trường xạ

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp đặt: 75 kVp
- Hằng số phát tia: 10 mAs
- SID: 100 cm

Độ lệch trường sáng - trường xạ		Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
Độ lệch của một cạnh lớn nhất:	0,5 % SID	Đạt
Độ lệch của hai cạnh theo một trục lớn nhất:	0,5 % SID	Đạt
Độ lệch của tất cả các cạnh:	0,5 % SID	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định

- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt: -

8. Lọc chùm tia sơ cấp

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Hằng số phát tia: 50 mAs
- SID: 75 cm

TT	Điện áp đỉnh (kVp)	HVL (mmAl)	Đánh giá kết quả (Đạt/Không đạt)
1	60	2,5	Đạt
2	70	3,0	Đạt
3	80	3,5	Đạt

- Nhận xét: Đạt yêu cầu chấp nhận tại thời điểm kiểm định
- Các kiến nghị khi kết quả kiểm định không đạt:

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Thiết bị chụp X-quang được kiểm định có kết quả:

Đạt ☑ Không đạt ☐

2. Các thông số không đạt yêu cầu chấp nhận:

3. Các kiến nghị (khi kết quả kiểm định không đạt yêu cầu):

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Thạc sĩ Nguyễn Thế Cường

NGƯỜI KIỂM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ, tên)

RATECH II TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II
KĐV: Phan Hoàng Thắng
SĐT: 0812 440 738

TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 27 tháng 03 năm 2025

BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH
(THIẾT BỊ CHỤP X-QUANG TỔNG HỢP DÙNG TRONG Y TẾ)
Số: 061.08/ATBX/KĐ/0325

Chúng tôi gồm:

1. Trần Nhựt An	Số chứng chỉ hành nghề: 95,70/CCHNDV/ATBXHN
2. Nguyễn Thế Cường	Số chứng chỉ hành nghề: 72/CCHNDV/ATBXHN
3. Phan Hoàng Thắng	Số chứng chỉ hành nghề: 68,12,77/CCHN/ATBXHN
4. Nguyễn Minh Tân	Số chứng chỉ hành nghề: 69/CCHN/ATBXHN

Thuộc tổ chức kiểm định: Trung tâm Kỹ thuật an toàn bức xạ II.

Số đăng ký hoạt động dịch vụ của tổ chức kiểm định: 47/2022/ĐK/ATBXHN

Đã tiến hành kiểm định thiết bị chụp X-quang tổng hợp tại:

Cơ sở: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Địa chỉ (trụ sở chính): Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Quy trình kiểm định áp dụng: QCVN 11:2015/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị chụp X-quang tổng hợp dùng trong y tế

Đại diện cơ sở chứng kiến kiểm định và thông qua biên bản:

Họ và tên:	Bùi Thái Chiến	Chức vụ:	Giám đốc
Họ và tên:	Nguyễn Minh Trí	Chức vụ:	Kỹ thuật viên trưởng

I - THIẾT BỊ X-QUANG ĐƯỢC KIỂM ĐỊNH

1. Thiết bị chụp X-quang	Thiết bị X-quang tổng hợp
Nơi đặt thiết bị:	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC - Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Loại, mã hiệu:	XR5
Số xêri:	XRA02106S004
Năm sản xuất:	2021
Hãng/nước sản xuất:	OSKO, Inc/ Mỹ
Dạng sóng điện áp:	Cao tần
Điện áp đỉnh lớn nhất:	125 kVp
Dòng bóng phát cực đại:	500 mA
2. Đầu bóng phát tia X	
Loại, mã hiệu:	E7245FX
Số xêri:	20F1973
Hãng/nước sản xuất:	Canon/ Nhật Bản
Năm sản xuất:	2020
3. Bàn điều khiển	
Loại, mã hiệu:	XR5
Số xêri:	XRA02106S004

Hãng/nước sản xuất: OSKO, Inc/ Mỹ
Năm sản xuất: 2021

4. Tủ cao áp

Loại, mã hiệu: XR5
Số xêri: XRA02106S004
Hãng/nước sản xuất: OSKO, Inc/ Mỹ
Ngày kiểm định lần trước:
Do: thực hiện.

II - THIẾT BỊ ĐO, DỤNG CỤ KIỂM TRA SỬ DỤNG ĐỂ KIỂM ĐỊNH

Máy đo đa năng để kiểm tra các thông số điện áp đỉnh, thời gian phát tia, hằng số phía tia, dòng bóng phát tia, HVL, liều và suất liều cho máy X-quang tổng hợp.

Mã hiệu: Cobia Flex — Số hiệu: CB4-19073325
Hạn hiệu chuẩn: 01/10/2025

Thiết bị kiểm tra trường sáng, trường xạ
Mã hiệu: Pro Fluo 150 — Số hiệu: R-FD-000342
Thước cuộn: — Hạn hiệu chuẩn: 28/02/2026

III - HÌNH THỨC KIỂM ĐỊNH

Lần đầu ☐ Định kỳ ☑ Sau khi sửa chữa ☐

IV - KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

1. Kiểm tra ngoại quan

TT	Hạng mục kiểm tra	Nhận xét
1	Chuyển mạch, nút bấm, công tắc	Hoạt động bình thường
2	Cơ khí bàn chụp, khay đựng cát sét, cột giữ bóng, cần quay bóng, bộ khu trú chùm tia	Hoạt động bình thường
3	Chỉ thị khoảng cách tiêu điểm bóng phát tia đến tấm ghi nhận ảnh	Hoạt động bình thường

2. Điện áp đỉnh

2.1. Độ chính xác điện áp đỉnh

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Dòng bóng phát tia: 100 mA
- Thời gian phát tia: 100 ms
- Hằng số phát tia mAs: 10 mAs
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

TT	Giá trị $kVp_{đặt}$	Giá trị $kVp_{đo}$
1	60 kVp	60,60 kVp
2	70 kVp	70,25 kVp
3	80 kVp	80,80 kVp

2.2. Độ lặp lại của điện áp đỉnh

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Dòng bóng phát tia: 100 mA

- Thời gian phát tia: 100 ms
- Hằng số phát tia mAs: 10 mAs
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

TT	Giá trị kVp kiểm tra	Giá trị kVpđo
1	60 kVp	- Kết quả đo lần 1: 60,60 kVp - Kết quả đo lần 2: 60,55 kVp - Kết quả đo lần 3: 60,70 kVp
2	70 kVp	- Kết quả đo lần 1: 70,25 kVp - Kết quả đo lần 2: 70,30 kVp - Kết quả đo lần 3: 70,40 kVp
3	80 kVp	- Kết quả đo lần 1: 80,80 kVp - Kết quả đo lần 2: 80,60 kVp - Kết quả đo lần 3: 80,70 kVp

3. Độ chính xác thời gian phát tia

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Điện áp đặt: 80 kVp
- Dòng bóng phát tia: 100 mA
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

TT	Giá trị $T_{đặt}$ (ms)	Giá trị $T_{đo}$ (ms)
1	50	50,19
2	100	100,2
3	200	200,2

4. Liều lối ra

4.1. Độ lặp lại liều lối ra

Thông số đặt khi kiểm tra:
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

TT	Thông số đặt	Giá trị liều đo (mGy, µGy)
1	- Điện áp đặt: 60 kVp - Dòng bóng phát tia: 100 mA - Thời gian phát tia: 100 ms - Hằng số phát tia: 10 mAs	- Kết quả đo lần 1: 512,9 µGy - Kết quả đo lần 2: 513,2 µGy - Kết quả đo lần 3: 514,8 µGy - Kết quả đo lần 4: 512,5 µGy - Kết quả đo lần 5: 512,1 µGy
2	- Điện áp đặt: 70 kVp - Dòng bóng phát tia: 100 mA - Thời gian phát tia: 100 ms - Hằng số phát tia: 10 mAs	- Kết quả đo lần 1: 727,1 µGy - Kết quả đo lần 2: 728,5 µGy - Kết quả đo lần 3: 727,6 µGy - Kết quả đo lần 4: 729,1 µGy - Kết quả đo lần 5: 728,8 µGy
3	- Điện áp đặt: 80 kVp - Dòng bóng phát tia: 100 mA - Thời gian phát tia: 100 ms - Hằng số phát tia: 10 mAs	- Kết quả đo lần 1: 975,1 µGy - Kết quả đo lần 2: 976,2 µGy - Kết quả đo lần 3: 975,5 µGy - Kết quả đo lần 4: 976,1 µGy - Kết quả đo lần 5: 976,8 µGy

4.2. *Độ tuyến tính liều lối ra*

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp đặt: 80 kVp
- Khoảng cách từ thiết bị đo đến bóng phát tia: 75 cm

TT	Hằng số phát tia (mAs)	Giá trị liều đo (µGy)
1	5	476,6
2	10	975
3	20	1978

5. Kích thước tiêu điểm hiệu dụng

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp đặt: 75 kVp
- Hằng số phát tia: 10 mAs
- SID: 100 cm

Kết quả ảnh chụp (Lưu kèm theo biên bản)

Đánh giá kích thước tiêu điểm hiệu dụng: 0,6 mm

6. Độ chuẩn trực chùm tia

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp đặt: 75 kVp
- Hằng số phát tia: 10 mAs
- SID: 100 cm

Kết quả ảnh chụp (Lưu kèm theo biên bản)

Vị trí ảnh viên bi: Nằm trong vòng tròn thứ nhất

7. Độ trùng khít giữa trường sáng và trường xạ

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Điện áp đặt: 75 kVp
- Hằng số phát tia: 10 mAs
- SID: 100 cm

Kết quả ảnh chụp (Lưu kèm theo biên bản)

Đánh giá độ lệch:

- Độ lệch mỗi cạnh theo trục x: X= 0,5 cm
  X'= 0 cm
- Độ lệch mỗi cạnh theo trục y: Y= 0 cm
  Y'= 0 cm

8. Lọc chùm tia sơ cấp (Đánh giá HVL)

Thông số đặt khi kiểm tra:

- Hằng số phát tia: 50 mAs
- SID: 75 cm

TT	Điện áp đỉnh (kVp)	HVL (mmAl)	Giá trị liều đo (µGy)
1	60	2,5	514,8
2	70	3,0	729,1
3	80	3,5	976,8

9. Số tem kiểm định: 000831

Biên bản được lập ngày 27 tháng 03 năm 2025

Tại: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với kết quả kiểm định ghi trên biên bản./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ SỬ DỤNG	**NGƯỜI CHỨNG KIẾN**	**NGƯỜI KIỂM ĐỊNH**
(Ký tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ, tên)*	*(Ký, ghi rõ họ, tên)*
GIÁM ĐỐC		
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC		
Bùi Chái Chiến	CN. Nguyễn Minh Trí	RATECH II TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II KĐV. Phan Hoàng Thắng SĐT: 0812 440 738

TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II
CENTER OF RADIATION SAFETY TECHNICAL II
Địa chỉ: 237, đường D12, KP1, P. Phú Tân, Tp. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương
Vp GD và Phòng thí nghiệm: Đường DX17, Phú Chánh, Tân Uyên, Bình Dương
Vp Tp.HCM: K60, KDC Thới An, đường Lê Thị Riêng, Thới An, Q.12, Tp. HCM
Tel: (0274) 3868738 - (028) 9999 0979| Email: viet@vietsci.com
Website: www.vietsci.com | www.antoanbucxasci.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence – Freedom – Happiness

Số *(No)*: 061.09/ATBX/KX/0325	**KẾT QUẢ** **Kiểm xạ khu vực làm việc của thiết bị chụp X-quang tổng hợp dùng trong y tế**	Ngày *(Date)*: 31/03/2025

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin về cơ sở tiến hành công việc bức xạ

Tên tổ chức, cá nhân:

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Địa chỉ trụ sở chính (theo giấy đăng ký):

Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Địa điểm tiến hành công việc bức xạ:

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC - Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: - Fax: -

Email: -

Đại diện cơ sở chứng kiến kiểm định và thông qua biên bản:

Họ và tên: Bùi Thái Chiến Chức vụ: Giám đốc

Họ và tên: Nguyễn Minh Trí Chức vụ: Kỹ thuật viên trưởng

2. Thông tin về đơn vị thực hiện dịch vụ kiểm xạ

a) Thông tin về cơ sở thực hiện dịch vụ:

Tên cơ sở: Trung tâm Kỹ thuật An toàn Bức xạ II

Địa chỉ: 237, Đường D12, KP 1, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: (0274)3868738

Vp Tp.HCM: K60, KDC Thới An, đường Lê Thị Riêng, Thới An, Q.12, Tp. HCM

b) Người thực hiện:

1. Trần Nhựt An Số chứng chỉ hành nghề: 95,70/CCHNDV/ATBXHN
2. Nguyễn Thế Cường Số chứng chỉ hành nghề: 72/CCHNDV/ATBXHN
3. Phan Hoàng Thắng Số chứng chỉ hành nghề: 68,12,77/CCHN/ATBXHN
4. Nguyễn Minh Tân Số chứng chỉ hành nghề: 69/CCHN/ATBXHN

c) Thiết bị thực hiện kiểm xạ:

Máy đo suất liều phóng xạ tia X và gamma

Mã hiệu: AT1121 Số hiệu: 44961

Hạn hiệu chuẩn: 08/10/2025 Hệ số chuẩn tia X : 1,15

Hệ số chuẩn tia Gamma : 1,07

Thước cuộn : Hạn hiệu chuẩn : 28/02/2026

3. Thông tin về thiết bị X-quang

3.1 Tên thiết bị: Thiết bị X-quang tổng hợp

Nơi đặt thiết bị: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC - Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã Hiệu: XR5 Số hiệu: XRA02106S004

Hãng/nước sản xuất: OSKO, Inc/ Mỹ

Năm sản xuất: 2021

Điện áp cực đại (kV) 125 kVp

Dòng phát tia cực đại (mA) hoặc hằng số phát tia cực đại (mAs): 500 mA

Mục đích sử dụng: Chụp chẩn đoán hình ảnh

Đầu đèn

Mã Hiệu: E7245FX Số hiệu: 20F1973

Hãng/nước sản xuất: Canon/ Nhật Bản

Năm sản xuất: 2020

Bàn điều khiển thiết bị

Mã Hiệu: XR5 Số hiệu: XRA02106S004

Hãng/nước sản xuất: OSKO, Inc/ Mỹ

Năm sản xuất: 2021

Tủ cao áp

Mã Hiệu: XR5 Số hiệu: XRA02106S004

Năm sản xuất: 2021

Hãng/nước sản xuất: OSKO, Inc/ Mỹ

3.2 Tên thiết bị: Thiết bị X-quang tổng hợp

Mã hiệu: SHF-210 Số hiệu: G-23694

Hãng/nước sản xuất: TINGLE X-RAY PRODUCTS , INC/ Mỹ

Điện áp cực đại (kV): 125 kVp Năm sản xuất: 2006

Dòng phát tia cực đại (mA) hoặc hằng số phát tia cực đại (mAs): 320 mA

Mục đích sử dụng: Chụp chẩn đoán hình ảnh

Đầu đèn

Mã hiệu: E7239GX Số hiệu: 6E811

Hãng/nước sản xuất: Toshiba/ Nhật Bản

Năm sản xuất: 2006

Bàn điều khiển

Mã hiệu: SHF-210 Số hiệu: G-23694

Hãng/nước sản xuất: TINGLE X-RAY PRODUCTS , INC/ Mỹ

Năm sản xuất: 2006

Tủ cao áp

Mã hiệu: SHF-210 Số hiệu: G-23694

Hãng/nước sản xuất: TINGLE X-RAY PRODUCTS , INC/ Mỹ

Năm sản xuất: 2006

II. KẾT QUẢ ĐO KIỂM XẠ

Sơ đồ đo kiểm xạ (đính kèm)

Phông môi trường: 0,11 µSv/h

Hướng phát tia: Phát từ trên xuống chiếu chụp ở thông số mức cao

Kích thước trường chiếu (mm): 300 x 300 x cách bàn 1000 mm

Điện áp: 95 kVp Dòng: 200 mA

Hằng số phát tia: 2 mAs Thời gian: 10 ms

STT	Vị trí đo	Suất liều (µSv/h)				Tiêu chí suất liều theo quy định tại thông tư số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT
		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình	
Mặt A - Kỹ Thuật Viên						
1	Sát tường	0,21	0,22	0,21	0,21	≤ 10 µSv/h
2	Cách tường 1 m	0,18	0,18	0,18	0,18	≤ 10 µSv/h
Mặt B - Hành Lang						
3	Sát tường	0,19	0,21	0,21	0,20	≤ 0,5 µSv/h
4	Cách tường 1 m	0,18	0,19	0,18	0,18	≤ 0,5 µSv/h
Mặt C - Hành Lang						
5	Sát tường	0,21	0,22	0,21	0,21	≤ 0,5 µSv/h
6	Cách tường 1 m	0,18	0,18	0,18	0,18	≤ 0,5 µSv/h
Mặt D - Hành Lang						
7	Sát tường	0,21	0,22	0,21	0,21	≤ 0,5 µSv/h
8	Cách tường 1 m	0,19	0,18	0,19	0,19	≤ 0,5 µSv/h
Phòng Điều Khiển - Kính Chì						
9	Vị trí Kỹ thuật viên	0,19	0,21	0,19	0,20	≤ 10 µSv/h
Cửa ra vào phòng chụp - Kỹ Thuật Viên						
10	Giữa cửa	0,19	0,21	0,19	0,20	≤ 10 µSv/h
11	Hai bên cửa	0,19	0,19	0,19	0,19	≤ 10 µSv/h
Cửa ra vào phòng chụp - Hành Lang						
12	Giữa cửa	0,21	0,21	0,19	0,20	≤ 0,5 µSv/h
13	Hai bên cửa	0,19	0,21	0,19	0,20	≤ 0,5 µSv/h

Hướng phát tia: Phát ngang chiếu chụp ở thông số mức cao:

Kích thước trường chiếu (mm): 300 x 300 x cách bàn 1000 mm

Điện áp: 95 kVp Dòng: 200 mA

Hằng số phát tia: 2 mAs Thời gian: 100 ms

STT	Vị trí đo	Suất liều (µSv/h)				Tiêu chí suất liều theo quy định tại thông tư số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT
		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình	
Mặt A - Kỹ Thuật Viên						
1	Sát tường	0,19	0,19	0,21	0,20	≤ 10 µSv/h
2	Cách tường 1 m	0,18	0,18	0,18	0,18	≤ 10 µSv/h
Mặt B - Hành Lang						
3	Sát tường	0,19	0,21	0,21	0,20	≤ 0,5 µSv/h
4	Cách tường 1 m	0,18	0,19	0,19	0,19	≤ 0,5 µSv/h

Mặt C - Hành Lang						
5	Sát tường	0,19	0,21	0,21	0,20	≤ 0,5 µSv/h
6	Cách tường 1 m	0,18	0,19	0,18	0,18	≤ 0,5 µSv/h
Mặt D - Hành Lang						
7	Sát tường	0,19	0,21	0,19	0,20	≤ 0,5 µSv/h
8	Cách tường 1 m	0,18	0,18	0,18	0,18	≤ 0,5 µSv/h
Phòng Điều Khiển - Kính Chì						
9	Vị trí Kỹ thuật viên	0,21	0,19	0,19	0,20	≤ 10 µSv/h
Cửa ra vào phòng chụp - Kỹ Thuật Viên						
10	Giữa cửa	0,19	0,19	0,21	0,20	≤ 10 µSv/h
11	Hai bên cửa	0,18	0,19	0,18	0,18	≤ 10 µSv/h
Cửa ra vào phòng chụp - Hành Lang						
12	Giữa cửa	0,21	0,19	0,19	0,19	≤ 0,5 µSv/h
13	Hai bên cửa	0,19	0,18	0,21	0,21	≤ 0,5 µSv/h

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐO

1. Văn bản áp dụng để đánh giá:

Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09 tháng 06 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Y tế về đảm bảo an toàn bức xạ trong y tế.

Thực hiện theo Thông tư 13/2018/TT-BKHCN ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định về đảm bảo an toàn bức xạ trong y tế.

Thực hiện theo Thông tư 19/2012/TT-BKHCN ngày 08/11/2012 quy định về việc kiểm soát và bảo đảm an toàn bức xạ trong chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng.

Thực hiện theo Nghị định 142/2020/NĐ/CP ngày 09/12/2020 về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.

2. Đánh giá kết quả:

a) Tiêu chí đánh giá:

Mọi vị trí bên ngoài phòng đặt thiết bị X-quang nơi công chúng đi lại, nơi người bệnh ngồi chờ không được vượt quá giá trị suất liều: 0,5 µSv/giờ;

Trường hợp phòng đặt thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế nằm trong khu dân cư, liền kề nhà ở hoặc nơi làm việc phải bảo đảm suất liều bức xạ ở tất cả các điểm đo bên ngoài phòng đặt thiết bị bằng phông bức xạ tự nhiên;

Trường hợp thiết bị X-quang chẩn đoán làm việc ở điện áp nhỏ hơn 150 kV, tủ điều khiển được phép đặt trong phòng đặt thiết bị nhưng phải có bình phong chì che chắn bảo đảm mức bức xạ tại vị trí nhân viên đứng vận hành thiết bị nhỏ hơn 10 µSv/giờ.

b) Đánh giá kết quả:

Bên ngoài phòng đặt thiết bị X-quang nơi công chúng đi lại, nơi người bệnh ngồi chờ:

- Đạt yêu cầu về an toàn bức xạ

Trường hợp phòng đặt thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế nằm trong khu dân cư, liền kề nhà ở hoặc nơi làm việc:

Khu vực phòng điều khiển/nơi đặt tủ điều khiển:

- Đạt yêu cầu về an toàn bức xạ

IV. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN CÁO

1. Kết luận

Cơ sở tiến hành công việc bức xạ:

☑ Đảm bảo ATBX đối với nhân viên bức xạ và công chúng

☐ Không đảm bảo ATBX đối với:

- ☐ Nhân viên bức xạ
- ☐ Công chúng

2. Khuyến cáo

Khuyến cáo các biện pháp đảm bảo an toàn bức xạ bổ sung:

Ngày khuyến cáo kiểm xạ tiếp theo: **27/03/2026**

Tài liệu gửi kèm theo kết quả kiểm xạ:

Sơ đồ vị trí mặt bằng phòng đặt thiết bị X-quang chẩn đoán y tế;

Ảnh chụp model, seri của thiết bị X-quang;

Biên bản kiểm xạ hiện trường tại cơ sở.

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ
(ký, ghi rõ họ tên)

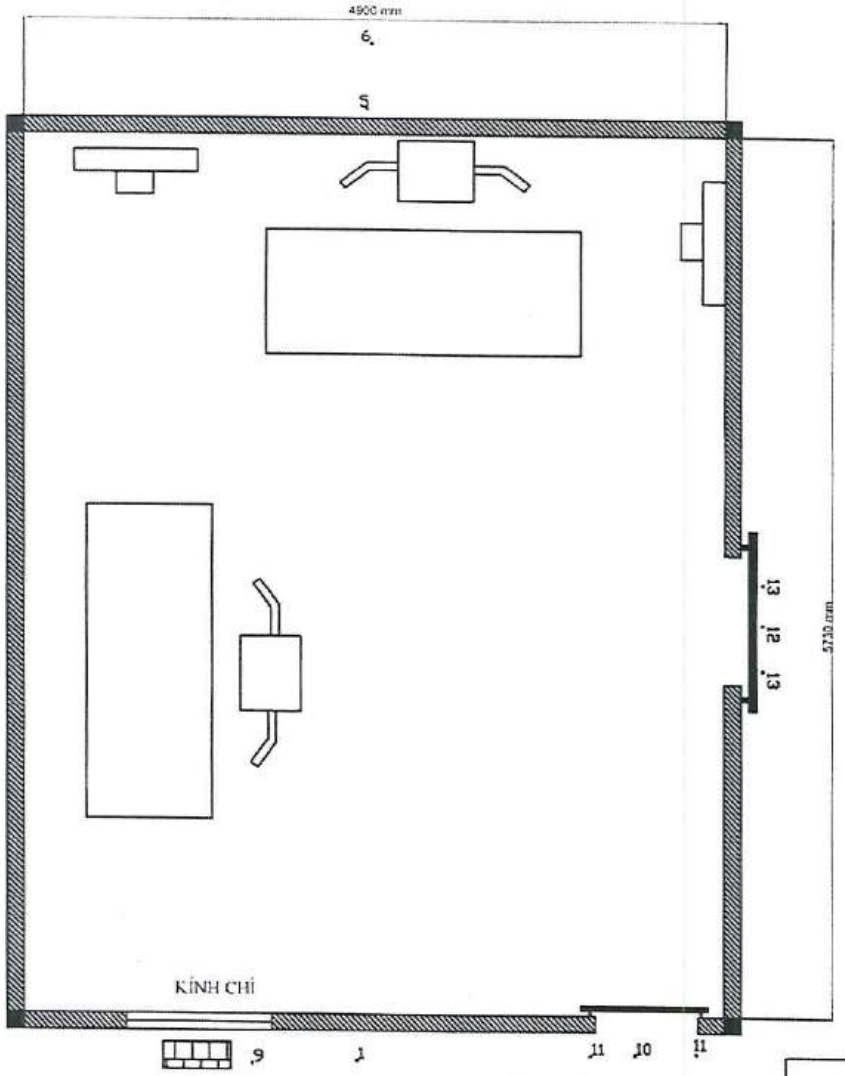
RATECH II
TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN
BỨC XẠ II
KĐV. Phan Hoàng Thắng
SĐT: 0812 440 738

GIÁM ĐỐC
(ký tên và đóng dấu)

Thạc sĩ Nguyễn Chí Cường

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ PHÒNG ĐẶT THIẾT BỊ X-QUANG TỔNG HỢP DÙNG TRONG Y TẾ TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

MẶT C: HÀNH LANG



MẶT A: KỸ THUẬT VIÊN

Người vẽ	GHI CHÚ :
KĐV: PHAN HOÀNG THẮNG	

TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Hiện trường kiểm xạ tại phòng đặt thiết bị X-quang tổng hợp dùng trong y tế

Số: 061.09/ATBX/KX/0325

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin về cơ sở tiến hành công việc bức xạ

Tên tổ chức, cá nhân:

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Địa chỉ trụ sở chính (theo giấy đăng ký):

Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Địa điểm tiến hành công việc bức xạ:

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC - Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: - Fax: -

Email: -

Đại diện cơ sở chứng kiến kiểm định và thông qua biên bản:

Họ và tên: Bùi Thái Chiến Chức vụ: Giám đốc

Họ và tên: Nguyễn Minh Trí Chức vụ: Kỹ thuật viên trưởng

2. Thông tin về đơn vị thực hiện dịch vụ kiểm xạ

a) Thông tin về cơ sở thực hiện dịch vụ:

Tên cơ sở: Trung tâm Kỹ thuật an toàn bức xạ II

Địa chỉ: 237, Đường D12, KP 1, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: (0274)3868738

Vp Tp.HCM: K60, KDC Thới An, đường Lê Thị Riêng, Thới An, Q.12, Tp. HCM

b) Người thực hiện:

1. Trần Nhựt An Số chứng chỉ hành nghề: 95,70/CCHNDV/ATBXHN
2. Nguyễn Thế Cường Số chứng chỉ hành nghề: 72/CCHNDV/ATBXHN
3. Phan Hoàng Thắng Số chứng chỉ hành nghề: 68,12,77/CCHN/ATBXHN
4. Nguyễn Minh Tân Số chứng chỉ hành nghề: 69/CCHN/ATBXHN

c) Thiết bị thực hiện kiểm xạ:

Máy đo suất liều phóng xạ tia X và Gamma

Mã hiệu: AT1121 Số hiệu: 44961

Hạn hiệu chuẩn: 08/10/2025 Hệ số chuẩn tia X : 1,15

Hệ số chuẩn tia Gamma : 1,07

Thước cuộn : Hạn hiệu chuẩn : 28/02/2026

3. Thông tin về thiết bị X-quang

3.1 Tên thiết bị: Thiết bị X-quang tổng hợp

Nơi đặt thiết bị: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC - Ấp Suối Cát, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã hiệu: XR5 Số hiệu: XRA02106S004

Hãng/nước sản xuất: OSKO, Inc/ Mỹ

Điện áp cực đại (kV): 125 kVp Năm sản xuất: 2021

Dòng phát tia cực đại (mA) hoặc hằng số phát tia cực đại (mAs): 500 mA

Mục đích sử dụng: Chụp chẩn đoán hình ảnh

Đầu đèn

Mã hiệu: E7245FX Số hiệu: 20F1973

Hãng/nước sản xuất: Canon/ Nhật Bản

Năm sản xuất: 2020

Bàn điều khiển

Mã hiệu: XR5 Số hiệu: XRA02106S004

Hãng/nước sản xuất: OSKO, Inc/ Mỹ

Năm sản xuất: 2021

Tủ cao áp

Mã hiệu: XR5 Số hiệu: XRA02106S004

Hãng/nước sản xuất: OSKO, Inc/ Mỹ

Năm sản xuất: 2021

3.2 Tên thiết bị: Thiết bị X-quang tổng hợp

Mã hiệu: SHF-210 Số hiệu: G-23694

Hãng/nước sản xuất: TINGLE X-RAY PRODUCTS , INC/ Mỹ

Điện áp cực đại (kV): 125 kVp Năm sản xuất: 2006

Dòng phát tia cực đại (mA) hoặc hằng số phát tia cực đại (mAs): 320 mA

Mục đích sử dụng: Chụp chẩn đoán hình ảnh

Đầu đèn

Mã hiệu: E7239GX Số hiệu: 6E811

Hãng/nước sản xuất: Toshiba/ Nhật Bản

Năm sản xuất: 2006

Bàn điều khiển

Mã hiệu: SHF-210 Số hiệu: G-23694

Hãng/nước sản xuất: TINGLE X-RAY PRODUCTS , INC/ Mỹ

Năm sản xuất: 2006

Tủ cao áp

Mã hiệu: SHF-210 Số hiệu: G-23694

Hãng/nước sản xuất: TINGLE X-RAY PRODUCTS , INC/ Mỹ

Năm sản xuất: 2006

II. KẾT QUẢ ĐO KIỂM XẠ

Sơ đồ đo kiểm xạ (đính kèm)

Phông môi trường: 0,11 µSv/h

Hướng phát tia: Phát từ trên xuống chiếu chụp ở thông số mức cao

Kích thước trường chiếu (mm): 300 x 300 cách bàn 800 mm

Điện áp: 95 kVp Dòng: 200 mA

Hằng số phát tia: 2 mAs Thời gian: 10 ms

Bảng kết quả đo như sau:

STT	Vị trí đo	Suất liều (µSv/h)			
		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình
Mặt A - Kỹ Thuật Viên					
1	Sát tường	0,21	0,22	0,21	0,21
2	Cách tường 1 m	0,18	0,18	0,18	0,18
Mặt B - Hành Lang					
3	Sát tường	0,19	0,21	0,21	0,20
4	Cách tường 1 m	0,18	0,19	0,18	0,18
Mặt C - Hành Lang					
5	Sát tường	0,21	0,22	0,21	0,21
6	Cách tường 1 m	0,18	0,18	0,18	0,18
Mặt D - Hành Lang					
7	Sát tường	0,21	0,22	0,21	0,21
8	Cách tường 1 m	0,19	0,18	0,19	0,19
Phòng Điều Khiển - Kính Chì					
9	Vị trí Kỹ thuật viên	0,19	0,21	0,19	0,20
Cửa ra vào phòng chụp - Kỹ Thuật Viên					
10	Giữa cửa	0,19	0,21	0,19	0,20
11	Hai bên cửa	0,19	0,19	0,19	0,19
Cửa ra vào phòng chụp - Hành Lang					
12	Giữa cửa	0,21	0,21	0,19	0,20
13	Hai bên cửa	0,19	0,21	0,19	0,20

Hướng phát tia: Phát ngang chiếu chụp ở thông số mức cao

Kích thước trường chiếu (mm): 300 x 300 cách bàn 1000 mm

Điện áp: 95 kVp Dòng: 200 mA

Hằng số phát tia: 2 mAs Thời gian: 100 ms

STT	Vị trí đo	Suất liều (µSv/h)			
		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình
Mặt A - Kỹ Thuật Viên					
1	Sát tường	0,19	0,19	0,21	0,20
2	Cách tường 1 m	0,18	0,18	0,18	0,18

Mặt B - Hành Lang					
3	Sát tường	0,19	0,21	0,21	0,20
4	Cách tường 1 m	0,18	0,19	0,19	0,19
Mặt C - Hành Lang					
5	Sát tường	0,19	0,21	0,21	0,20
6	Cách tường 1 m	0,18	0,19	0,18	0,18
Mặt D - Hành Lang					
7	Sát tường	0,19	0,21	0,19	0,20
8	Cách tường 1 m	0,18	0,18	0,18	0,18
Phòng Điều Khiển - Kính Chì					
9	Vị trí Kỹ thuật viên	0,21	0,19	0,19	0,20
Cửa ra vào phòng chụp - Kỹ Thuật Viên					
10	Giữa cửa	0,19	0,19	0,21	0,20
11	Hai bên cửa	0,18	0,19	0,18	0,18
Cửa ra vào phòng chụp - Hành Lang					
12	Giữa cửa	0,21	0,19	0,19	0,20
13	Hai bên cửa	0,19	0,18	0,21	0,19

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐO

Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09 tháng 06 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Y tế về đảm bảo an toàn bức xạ trong y tế.

Thực hiện theo Thông tư 13/2018/TT-BKHCN ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định về đảm bảo an toàn bức xạ trong y tế.

Thực hiện theo Thông tư 19/2012/TT-BKHCN ngày 08/11/2012 quy định về việc kiểm soát và bảo đảm an toàn bức xạ trong chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng.

Thực hiện theo Nghị định 142/2020/NĐ/CP ngày 09/12/2020 về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.

Cơ sở tiến hành công việc bức xạ:

☑ Đảm bảo ATBX đối với nhân viên bức xạ và công chúng

☐ Không đảm bảo ATBX đối với:

- ☐ Nhân viên bức xạ
- ☐ Công chúng

Đồng Nai, ngày 27 tháng 03 năm 2025

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ	**NGƯỜI CHỨNG KIẾN**	**NGƯỜI THỰC HIỆN**
(Ký tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ, tên)*	*(Ký, ghi rõ họ, tên)*
GIÁM ĐỐC		
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC		
Bùi Thái Chiến	CN. Nguyễn Minh Trí	TRUNG TÂM KỸ THUẬT AN TOÀN BỨC XẠ II KDV. Phan Hoàng Thắng SĐT: 0812 440 738

SAO Y Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai
Cơ quan:
Thời gian ký: 12.12.2024 14:21:27 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3838/QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 12 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025, giao dự toán, kế hoạch đầu tư công từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2025 của tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh và mức bổ sung ngân sách cấp dưới của tỉnh Đồng Nai năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 6417/SKHĐT-THQH ngày 10 tháng 12 năm 2024 về việc chuẩn bị tài liệu giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế -xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho các Sở, Ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan (*phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Lãnh đạo các đơn vị, doanh nghiệp liên quan có trách nhiệm cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch và có giải pháp cụ thể để triển khai

thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kế hoạch được giao. Hàng tháng, quý, năm các đơn vị có trách nhiệm báo cáo kết quả, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2025 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

Điều 3. Ủy quyền Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo danh mục các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2025 trên địa bàn các huyện, thành phố thuộc tỉnh. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo định kỳ hàng tháng, quý và cả năm 2025.

Ủy quyền Giám đốc Sở Tài chính thông báo dự toán chi tiết thu ngân sách nhà nước và chi ngân sách địa phương năm 2025 cho các sở, ban ngành, đơn vị sự nghiệp trong tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Lãnh đạo các đơn vị, doanh nghiệp nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 5;
- Văn phòng Chính phủ (A+B); Website Chính phủ;
- Bộ KHĐT, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán nhà nước;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh;
- Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, THNC, KGVX, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Võ Tấn Đức

SAO Y Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai
Cơ quan:
Thời gian ký: 12.12.2024 13:42:40 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3839/QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 12 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc triển khai thực hiện các Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025, giao dự toán, kế hoạch đầu tư công từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2025 của tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh và mức bổ sung ngân sách cấp dưới của tỉnh Đồng Nai năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 6417/SKHĐT-THQH ngày 10 tháng 12 năm 2024 về việc chuẩn bị tài liệu giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế -xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Các sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2025 của tỉnh Đồng Nai; Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công năm 2025; Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh và mức bổ sung ngân sách cấp dưới của tỉnh Đồng Nai năm 2025 *(các Nghị quyết đính kèm).*

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Năm 2025, là năm cuối nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ XI; Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh 05 năm 2021-2025 của tỉnh Đồng Nai. Bên cạnh những điều kiện thuận lợi, dự báo tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh còn nhiều khó khăn, thách thức; Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Lãnh đạo các sở, ban, ngành, địa phương, các doanh nghiệp trong tỉnh:

1. Tập trung bám sát tình hình thực tế phối hợp thực hiện các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ và các Bộ ngành liên quan để tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch 2025 đạt mục tiêu đề ra. Đồng thời, tập trung thực hiện đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng, hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm, các nhiệm vụ đột phá theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025, khoá XI và các dự án trọng điểm của tỉnh.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 và các nội dung thuộc phạm vi ngành, địa phương quản lý và điều hành; yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Lãnh đạo các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch tỉnh giao, định kỳ hàng tháng, quý và cả năm báo cáo kết quả thực hiện gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các huyện, thành phố thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, quý và cả năm; đánh giá kết quả thực hiện chương trình công tác, kế hoạch và dự toán ngân sách của đơn vị, phát hiện và chủ động các biện pháp khắc phục, phối hợp hỗ trợ các doanh nghiệp giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện kế hoạch. Những vấn đề vượt quá thẩm quyền, cần tập hợp và đề xuất biện pháp giải quyết, báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Uỷ ban Nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân các huyện, thành phố, Lãnh đạo các doanh nghiệp nhà nước chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Định kỳ, trước ngày 20 hàng tháng có báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (A+B); Website Chính phủ;
- Bộ KHĐT, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán nhà nước
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh;
- Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, THNC và các phòng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ Y TẾ

Số: 1568/QĐ-SYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch sự nghiệp Y tế tỉnh Đồng Nai và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 16/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 3838/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện các Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 của tỉnh Đồng Nai;

Theo Thông báo số 1026/TB-SKHĐT ngày 16/12/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc Thông báo Chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2025 và Quyết định số 445/QĐ-STC ngày 16/12/2024 của Sở Tài chính về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính - Sở Y tế về việc giao chỉ tiêu kế hoạch sự nghiệp Y tế tỉnh Đồng Nai và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch sự nghiệp Y tế tỉnh Đồng Nai và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị trực thuộc Sở Y tế Đồng Nai *(phụ lục kèm theo).*

Điều 2. Thủ trưởng, Giám đốc các đơn vị trực thuộc Sở Y tế có trách nhiệm xây dựng kế hoạch với các giải pháp cụ thể và tổ chức thực hiện hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch được giao. Hàng tháng, quý, năm các đơn vị có trách nhiệm báo cáo kết quả, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2025.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính và Trưởng các phòng chức năng thuộc Sở Y tế có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn và tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch theo định kỳ hàng tháng, quý và cả năm 2025 theo quy định hiện hành.

Số 2 - Phan Đình Phùng, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
ĐT: (02513) 942641, Fax: (02513) 847269, Email: syt@dongnai.gov.vn, Website: syt.dongnai.gov.vn

Điều 4. Trưởng Phòng Y tế các huyện, thành phố có trách nhiệm tham mưu UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu ngành y tế trên địa bàn, theo dõi hướng dẫn và tổng hợp báo cáo theo quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chuyên môn Sở Y tế, Thủ trưởng, Giám đốc các đơn vị trực thuộc và Trưởng Phòng Y tế các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Ban Giám đốc Sở Y tế;
- Lưu: VT, KHTC .

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH ĐỒNG NAI

Lê Quang Trung

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SỰ NGHIỆP Y TẾ NĂM 2025

Của Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc

(Kèm theo Quyết định số 1568/QĐ-SYT ngày 20/12/2024 của Sở Y tế Đồng Nai)

CHỈ TIÊU	Chỉ tiêu năm 2025	Đơn vị
I. TỔ CHỨC - BỘ MÁY - GIƯỜNG BỆNH - KCB		
1. Tuyến Phường Xã		
- Trạm Y tế	15	Trạm
- Giường lưu bệnh (trạm y tế)	75	Giường
- Số lần khám bệnh tuyến xã phường	125.000	Lần
Trong đó:		
+ Tây y	100.000	Lượt
+ Đông y	25.000	Lượt
- Tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ hoạt động	100	%
- Tỷ lệ trạm y tế đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế	100	%
- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí Quốc gia về y tế xã đến năm 2030	64	%
2. Tuyến Huyện:		
- Trung tâm y tế huyện, thành phố	1	Trung tâm
Giường bệnh nội trú:	300	Giường
- TS ngày điều trị nội trú:	109.500	Ngày
- Công suất sử dụng giường bệnh:	85	%
- Tổng số lượt khám bệnh:	280.000	Lượt
Trong đó:		
+ Số lượt khám Tây y:	252.000	Lượt
+ Số lượt khám YHDT:	28.000	Lượt
II. CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ - DÂN SỐ		
Dân số	247.168	Người
1. Phòng, chống Phong		
- Tỷ lệ bệnh phong được quản lý	100	%
- Khống chế tỷ lệ lưu hành bệnh phong /10.000 dân	<0,2	%
- Tỷ lệ bệnh phong lây lan /100.000 dân	<1	/100.000
- Số BN Phong mới phát hiện	-	Người
2. Phòng, chống bệnh Lao		
- Phát hiện bệnh nhân lao các thể	275	Người
Trong đó :		
+ Lao (+) mới	124	Người
+ Lao (-) mới	69	Người
+ Lao ngoài phổi	57	Người
+ Lao (+) tái phát	10	Người
- Tỷ lệ bệnh nhân lao được quản lý điều trị	> 90	%
- Tỷ lệ bệnh nhân lao điều trị khỏi	≥ 85	%
3. Chương trình bệnh phổi tắc nghẽn và mãn tính		
- Tỷ lệ đơn thuốc điều trị bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính và hen tại các phòng quản lý kê đúng mức độ nặng	≥ 90	%
- Tỷ lệ người phát hiện bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính được phát hiện ở giai đoạn sớm trước khi có biến chứng	60	%

CHỈ TIÊU	Chỉ tiêu năm 2025	Đơn vị
- Tỷ lệ người phát hiện bệnh phổi tắc nghẽn được điều trị theo hướng dẫn chuyên môn	60	%
- Tỷ lệ bệnh hen phế quản được phát hiện và điều trị ở giai đoạn sớm trước khi có biến chứng	60	%
- Tỷ lệ bệnh hen phế quản được điều trị: đạt kiểm soát hen; trong đó 20% đạt kiểm soát hoàn toàn.	60	%
4. Phòng, chống Sốt rét		
- Tổng số xét nghiệm (lam, test)	800	lam
- Tỷ lệ chết do SR/100.000 dân	không có	
- Dịch SR	không để xảy ra	
5. Phòng, chống Sốt xuất huyết:		
- Giảm tỷ lệ mắc SXH/100.000 dân so với trung bình giai đoạn 2016-2020	5	%
- Tỷ lệ chết/mắc SXH	<0.09	%
- Khống chế không để dịch lớn xảy ra	không để xảy ra	
6. Phòng, chống ung thư		
- Tỷ lệ cán bộ hoạt động trong dự án được đào tạo, tập huấn nâng cao nghiệp vụ về phòng chống ung thư	90	%
- Tỷ lệ trạm y tế xã/phường/thị trấn ghi nhận, quản lý bệnh nhân ung thư	100	%
- Tỷ lệ người mắc ung thư khoang miệng, vú, cổ tử cung, đại trực tràng được phát hiện ở giai đoạn sớm	10	%
7. Phòng, chống Tăng huyết áp		
- Tỷ lệ số người tăng huyết áp được phát hiện sớm	50	%
- Tỷ lệ số người phát hiện tăng huyết áp được quản lý, điều trị theo hướng dẫn chuyên môn	30	%
8. Phòng, chống Đái tháo đường		
- Tỷ lệ người bệnh đái tháo đường được phát hiện, trong đó 50% được quản lý và điều trị	50	%
- Khống chế tỷ lệ tiền đái tháo đường ở người 30-69 tuổi	< 20	%
- Khống chế tỷ lệ đái tháo đường ở người 30-69 tuổi	< 10	%
- Tỷ lệ trạm y tế xã/phường/thị trấn thực hiện dự phòng, phát hiện, quản lý điều trị ĐTĐ theo quy định	100	%
9. Chăm sóc sức khỏe Tâm thần cộng đồng		
- Số xã/phường/thị trấn thực hiện quản lý bệnh tâm thần phân liệt	15	Xã, phường,thị trấn
- Số xã/phường/thị trấn thực hiện quản lý bệnh động kinh	15	Xã, phường,thị trấn
- Tỷ lệ bệnh nhân tại các xã/phường/thị trấn đã triển khai được quản lý, điều trị và phục hồi chức năng tại cộng đồng	85	%
10. Tiêm chủng mở rộng:		
- Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm đủ 8 loại vaccine	≥ 95	%
- Tỷ lệ tiêm vaccin sởi, rubella mũi 2 (MR 18 tháng)	≥ 95	%
- Tỷ lệ tiêm chủng vaccin uốn ván cho phụ nữa có thai	>85	%
11. Chăm sóc sức khỏe sinh sản		
- Tỷ lệ phụ nữ có thai khám thai ít nhất 4 lần trong 3 thời kỳ của thai kỳ	≥ 90,7	%
- Tỷ lệ phụ nữ đẻ được nhân viên y tế đã qua đào tạo đỡ	≥ 99,9	%
- Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh	≥ 95	%
- Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	< 5	‰
- Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi	< 10	‰
- Tỷ số tử vong/100.000 trẻ đẻ sống	< 8,9	‰

CHỈ TIÊU	Chỉ tiêu năm 2025	Đơn vị
- Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi cân nặng theo tuổi	≤ 6	%
- Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi chiều cao theo tuổi	≤ 16	%
12. Y tế học đường		
- Giảm tỷ lệ mắc mới các bệnh tật ở trẻ mầm non, học sinh phổ thông như: Cận thị, cong vẹo cột sống, thừa cân, béo phì, bệnh răng miệng, rối loạn tâm thần học đường so với tỷ lệ mắc mới năm 2020	≥30	%
- Tỷ lệ học sinh ở vũng có nguy cơ cao được tẩy giun định kỳ 2 lần/năm	≥ 95	%
13. Dân số		
- Tỷ số giới tính khi sinh	108	bé trai/100 bé gái
- Tỷ lệ sàng lọc trước sinh	65	%
- Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh	85	%
- Tăng tỷ suất sinh thô so với năm 2024	0	%
- Số người mới thực hiện biện pháp tránh thai hiện đại trong năm	18.780	Người
+ Số người đặt dụng cụ tử cung	400	Người
+ Đình sản	25,00	Người
+ Sử dụng biện pháp tránh thai bằng thuốc	8.085	Người
Thuốc tiêm	580	Người
Thuốc uống	7.500	Người
Thuốc cấy	5	Người
+ Bao cao su	10.000	Người
14. Vệ sinh an toàn thực phẩm		
- Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm được kiểm tra đạt yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm	≥ 85	%
- Tỷ lệ cán bộ làm công tác quản lý về vệ sinh an toàn thực phẩm tuyến tỉnh, huyện được cập nhật kiến thức về ATVSTP.	100	%
- Tỷ lệ người lãnh đạo quản lý hiểu đúng và được cập nhật lại kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm	≥ 90	%
- Tỷ lệ người sản xuất thực phẩm hiểu đúng và được cập nhật lại kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm	78	%
- Tỷ lệ người kinh doanh thực phẩm hiểu và thực hành đúng về an toàn thực phẩm	78	%
- Tỷ lệ người tiêu dùng thực phẩm hiểu và thực hành đúng về an toàn thực phẩm		
- Tỷ lệ ca ngộ độc trong các vụ ngộ độc thực phẩm được báo cáo/100.000 dân	< 7,5	Ca
- Tỷ lệ các cơ sở dịch vụ ăn uống và cơ sở kinh doanh thực phẩm được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện VSATTP	≥ 85	%
15. Phòng, chống HIV/AIDS		
- Khống chế tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng	<0,3	%
- Số lượt người được xét nghiệm HIV trong năm	1.000	Mẫu
III. GIÁM SÁT CHẤT LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT		
- Cơ sở cấp nước có quy mô dưới 500 hộ gia đình (hoặc công suất thiết kế dưới 1.000m3/ngày đêm trong trường hợp không xác định được số hộ gia đình) được ngoại kiểm ít nhất 01 lần/ năm theo Thông tư 41/2018/TT-BYT.	100	%

CHỈ TIÊU	Chỉ tiêu năm 2025	Đơn vị
- Tỷ lệ cơ sở y tế được giám sát, kiểm tra chất lượng nước ít nhất 01 lần/năm	100	%
- Tỷ lệ trường học được kiểm tra, giám sát chất lượng nước ít nhất 01 lần/năm	80	%
IV. CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG BỆNH KHÁC		
1. Phòng chống rối loạn do thiếu Iode		
- Tỷ lệ hộ gia đình dùng muối Iode	≥ 80	%
- Mức Iode nước tiểu trung vị trẻ em	≥ 10	mcg/dl
2. Phòng chống thiếu Vitamin A		
- Tỷ lệ trẻ từ 6 - 35 tháng tuổi cho uống Vitamin A liều cao	>95	%
3. Vệ sinh lao động:		
- Tỷ lệ cơ sở lao động có yếu tố có hại gây bệnh nghề nghiệp được kiểm tra công tác quan trắc môi trường lao động	30	%
- Quản lý sức khoẻ người lao động tại các cơ sở lao động có nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp (bao gồm cả người lao động tiếp xúc amiăng)	30	%
- Tỷ lệ người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được sơ cấp cứu tại nơi làm việc, khám bệnh, điều trị và phục hồi chức năng	15	%
- Tỷ lệ cơ sở lao động có sử dụng amiăng được giám sát, quan trắc môi trường lao động theo quy định	25	%
V. CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (CTMTQG)		
1. CTMTQG Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai		
- Tỷ lệ duy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi chiều cao theo tuổi	< 34	%
- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể gầy còm của trẻ dưới 5 tuổi	< 5	%
- Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em lứa tuổi học dường từ 5 đến dưới 16 tuổi thể chiều cao theo tuổi	< 34	%
- Tỷ lệ trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng	> 80	%
2. CTMTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2030, giai đoạn I: Từ năm 2023 đến năm 2025 (Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao thể lực, tầm vóc người dân tộc thiểu số)		
- Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi cân nặng theo tuổi	< 5	%
- Tỷ lệ duy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi chiều cao theo tuổi	< 15	%
- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể gầy còm của trẻ dưới 5 tuổi	< 27	%
- Tỷ lệ phụ nữ người dân tộc thiểu số có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế	> 92	%
- Tỷ số tử vong mẹ /100.000 trẻ đẻ sống	< 50	Ca
- Tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi tại	≤ 17	%
VI. Đầu tư - XDCB		
A. Dự án chuyển tiếp do UBND huyện Xuân Lộc thực hiện	**12.800**	**Triệu đồng**
- Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Định, huyện Xuân Lộc	4.500	Triệu đồng
- Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc	4.600	Triệu đồng
- Xây dựng mới Trạm Y tế thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc	3.700	Triệu đồng
B. Dự án khởi công mới do UBND huyện Xuân Lộc thực hiện	**8.000**	Triệu đồng
- Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc	4.000	Triệu đồng
- Xây dựng mới Trạm Y tế xã Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc	4.000	Triệu đồng

SAO Y Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai
Cơ quan:
Thời gian ký: 08.05.2025 09:43:38 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1494/QĐ-XPHC	*Đồng Nai, ngày 08 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy đinh chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 422/QĐ-GQXP ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 15/BB-VPHC lập ngày 25 tháng 4 năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 2749/SNNMT-MT ngày 07 tháng 5 năm 2025 về báo cáo, đề xuất xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với "Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc, quy mô 200 giường bệnh" tại xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc của Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

Tên của tổ chức: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc.

Địa chỉ trụ sở chính: Ấp Suối Cát 1, xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai.

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh chữa bệnh: 46/ĐNAI-GPHĐ, ngày cấp: 02 tháng 7 năm 2021; nơi cấp: Sở Y tế tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Bùi Thái Chiến; Giới tính: Nam.

Chức danh: Giám đốc.

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính:

Hành vi: Không có Giấy phép môi trường theo quy định đối với cơ sở thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường theo quy định thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Cụ thể: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc đang hoạt động tại ấp Suối Cát 1, xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhưng không có Giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định.

3. Quy định tại: Khoản 2 Điều 6 và điểm c khoản 3 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

4. Các tình tiết tăng nặng: Không.

5. Các tình tiết giảm nhẹ: Đã xem xét việc Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Cụ thể: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc đã tự nguyện nhận lỗi, cung cấp toàn bộ hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để phục vụ cho việc xử lý vi phạm hành chính.

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền.

Cụ thể mức tiền phạt: 155.000.000 đồng x 2 = **310.000.000 đồng** (*Bằng chữ: Ba trăm mười triệu đồng*).

b) Hình thức xử phạt bổ sung: Không áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải mà không có Giấy phép môi trường của cơ sở theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường với lý do: Trung tâm y tế

huyện Xuân Lộc đã thực hiện lập hồ sơ cấp Giấy phép môi trường và nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Nai, Trung tâm y tế đang hoàn thiện hồ sơ cấp giấy phép môi trường theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tại Văn bản số 11382/STNMT-MT ngày 05/12/2024; Trung tâm y tế đã đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống xử lý nước thải để thu gom nước thải phát sinh từ hoạt động của Trung tâm; do tính chất đặc thù của cơ sở là dịch vụ y tế công, việc đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải sẽ ảnh hưởng đến việc khám chữa bệnh của người dân.

c) Các biện pháp khắc phục hậu quả: Không áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc di dời cơ sở đến địa điểm phù hợp với quy hoạch, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ với lý do: vị trí thực hiện cơ sở phù hợp với phương án phát triển hạ tầng y tế tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; phù hợp với quy hoạch sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số T00004 ngày 12/10/2009, CT 28739 ngày 23/3/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp và được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 3957/QĐ-UBND ngày 25/11/2008.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông Bùi Thái Chiến là người đại diện theo pháp luật của tổ chức vi phạm có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Tổ chức có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc không tự nguyện chấp hành sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật và cứ mỗi ngày chậm nộp tiền phạt thì Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc phải nộp thêm 0,05% tính trên tổng số tiền phạt chưa nộp quy định tại khoản 39 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020.

a) Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc phải nộp tiền phạt quy định tại Điều 1 vào Tài khoản số 7111.2.1046.159, Chương 405, Tiểu mục 4261 của Sở Tài chính tại Kho bạc Nhà nước Khu vực XV trong thời hạn 10 (*mười*) ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Sau khi thực hiện, Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc có báo cáo kèm theo chứng từ nộp tiền gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi và Sở Tài chính để quản lý.

b) Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Kho bạc Nhà nước Khu vực XV để thu tiền phạt.

3. Gửi cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thi hành Quyết định xử phạt hành chính đối với Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc và theo dõi việc chấp hành của Trung tâm.

Trường hợp Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc không tự nguyện chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan lập thủ tục liên quan đến việc cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt hành chính đối với Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc theo đúng quy định pháp luật xử lý vi phạm hành chính hiện hành.

4. Gửi cho Sở Tài chính để biết và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TCD, KTNS, KTN, Thu.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hoàng

Quyết định đã giao trực tiếp cho ông. Nguyễn. Ngọc. Viễn..... là người đại diện của Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc bị xử phạt vào hồi ..11.. giờ 10.. phút, ngày 16..tháng. 5.....năm 2025.

NGƯỜI NHẬN QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Nguyễn Ngọc Viễn

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI
TTYT HUYỆN XUÂN LỘC

Số: 888/TTYT-YTCC-TP&DD
V/v thực hiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Xuân Lộc, ngày 10 tháng 6 năm 2025

Kính gửi:
- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện Quyết định số 1494/QĐ-XPHC ngày 08/05/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Sau khi nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ngày 08/05/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc đã chấp hành nộp phạt đúng theo quy định với số tiền 310.000.000 đồng. *Bằng chữ: Ba trăm mười triệu đồng.*

(Đính kèm phiếu nộp tiền)

Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc kính gửi Sở Nông Nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai và Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai được biết./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, YTCC-TP&DD

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Bùi Thái Chiến

Ngã 3 Suối Cát, xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
ĐT: (02513) 871124, Email: ttytdp-xl@dongnai.gov.vn, Website: trungtamytexuanloc.com

Đơn vị: Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XV
Nội dung: Đã hoàn thành thanh toán

Mẫu số 16c
Ký hiệu C4-02c/KB

ỦY NHIỆM CHI

Lập ngày 03 tháng 06 năm 2025

Số: 05/ 250603 .1025637 .1766006

Đơn vị trả tiền: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC
Địa chỉ: Suối cát xuân lộc đồng nai
Tại Kho bạc Nhà nước: Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XV
Tài khoản: 3716.2.1025637.00000

Nội dung thanh toán	Mã nguồn NSNN	Niên độ NS	Tổng số tiền	Chia ra	
				Nộp thuế	TT cho ĐV hưởng
(1)	(2)	(3)	(4) = (5) + (6)	(5)	(6)
Nộp vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo Qđ 1494/QĐ-XPHC ngày 08/05/2025	00		310.000.000	310.000.000	
Tổng cộng			310.000.000	310.000.000	

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Ba trăm mười triệu đồng chẵn./.

Trong đó
NỘP THUẾ:
Tên đơn vị (Người nộp thuế): Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc
Mã số thuế: 3600953747 Mã NDKT: 4261 Mã chương: 405
Số Tờ khai/Quyết định/Thông báo: 1494/QĐ-XPHC
Kỳ thuế/Ngày Tờ khai/Quyết định/Thông báo: Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo ơng
Cơ quan quản lý thu: SỞ TÀI CHÍNH ĐỒNG NAI
KBNN hạch toán khoản thu: KBNN Xuân Lộc - Đồng Nai
Tổng số tiền nộp thuế (ghi bằng chữ) : Ba trăm mười triệu đồng chẵn./.

KBNN A GHI
1. Nộp thuế:
Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Mã CQ thu:
Mã ĐBHC:
2. Thanh toán cho ĐV hưởng:
Nợ TK:
Có TK:

THANH TOÁN CHO ĐƠN VỊ HƯỞNG
Đơn vị nhận tiền:
Địa chỉ:
Tài khoản: Tại Kho bạc Nhà nước (NH):
Tổng số tiền thanh toán cho đơn vị hưởng (ghi bằng chữ):

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Ngày 06 tháng 06 năm 2025

Kế toán	Kế toán trưởng	Giám đốc
	Võ Thị Hoài Thu	Bùi Minh Kỳ

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN
Ngày 05 tháng 06 năm 2025

Kế toán trưởng	Chủ tài khoản
(Ký, ghi họ tên)	*(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)*
Nguyễn Đức Vinh	Bùi Thái Chiến

HTX TTCN TÂN THÀNH
573 ấp Trung Lương, xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Xuân Lộc, ngày 02 tháng 01 năm 2025

HỢP ĐỒNG THU GOM - VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI SINH HOẠT NĂM 2025

Số : 19-2025/HĐTT-TTYT/XL

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2025 tại văn phòng HTX TTCN TÂN THÀNH

I/ ĐẠI DIỆN BÊN A: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Địa chỉ: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai

Mã số thuế: 3600953747

Điện thoại: 0251.387.1124

Số tài khoản: 37140102563700000 Tại Kho bạc Nhà nước huyện Xuân Lộc

Đại diện: **Ông BÙI THÁI CHIẾN** Chức vụ : **Giám đốc**

II/ ĐẠI DIỆN BÊN B: HỢP TÁC XÃ TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP TÂN THÀNH

Địa chỉ: 573 ấp Trung Lương, xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Mã số thuế: 3602646621

Điện thoại: 02516.277.772 – 0987.917.839

Tài khoản: 5902201003296 Tại NHNN và PTNT huyện Xuân Lộc, Đồng Nai.

Đại diện: **Bà NGUYỄN THỊ HOA** Chức vụ : **Chủ tịch HĐQT**

Sau khi trao đổi, hai bên cùng thống nhất kí kết hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt với những nội dung sau:

- Bên B nhận thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt cho bên A từ **Trung Tâm Y Tế Huyện Xuân Lộc** đến Khu xử lý rác thải Cù Lao Xanh tại địa chỉ: Xã Xuân Tâm, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai.
- Thời gian thu gom, vận chuyển chất thải 2 ngày/lần và khi bên A có yêu cầu.
- Bên A có trách nhiệm bỏ chất thải vào túi, thùng chứa, tập trung chỗ thuận tiện cho xe bên B lấy chất thải.
- Hàng tháng bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B lệ phí thu gom, vận chuyển chất thải với số tiền: **2.500.000 đồng/tháng** (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Giá trên chưa bao gồm thuế GTGT.
- Bên B cung cấp hóa đơn tài chính cho bên A.
- Hình thức thanh toán: tiền mặt hoặc chuyển khoản.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 02/01/2025 đến ngày 31/12/2025.

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều đã ghi trong hợp đồng, không bên nào đơn phương sửa đổi mà không có sự đồng ý của bên còn lại và không tự đơn phương chấm dứt hợp đồng.
Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc khó khăn thì hai bên cùng nhau bàn bạc để giải quyết.
Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản, có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A GIÁM ĐỐC	ĐẠI DIỆN BÊN B CHỦ TỊCH HĐQT
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC	HỢP TÁC XÃ TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP TÂN THÀNH
BÙI THÁI CHIẾN	**NGUYỄN THỊ HOA**

CÔNG TY CỔ PHẦN CỦ LAO XANH

Tổ 11, Ấp 7, Xã Xuân Tâm, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 27 tháng 10 năm 2024

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(Số: 27-2024/HĐKT-CTTT)

(V/v : thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường)

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015;
- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/06/2005;
- Căn cứ vào Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường
- Căn cứ Giấy phép môi trường số 219/GPMT-BTNMT được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 17/06/2024
- Căn cứ vào nhu cầu của quý công ty và giấy phép kinh doanh chức năng thực hiện của Công ty Cổ phần Củ Lao Xanh;

Chúng tôi, đại diện hai bên gồm có:

Hôm nay, ngày 27 tháng 10 năm 2024 chúng tôi gồm:

BÊN A: **CÔNG TY CỔ PHẦN CỦ LAO XANH.**

- Địa chỉ : Tổ 11, Ấp 7, Xã Xuân Tâm, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Đại diện Ông : **TRẦN BỬU LÂM** Chức vụ: Giám Đốc Điều Hành
- Điện thoại : 02513.743 473. Fax: 02513 740 470
- Mã số thuế : 3600974514
- Tên tài khoản : CT CP CU LAO XANH
- Tài khoản số : 0121 000 631 881
- Tên ngân hàng : Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Đồng Nai.

Địa chỉ ngân hàng: 53-55 đường Võ Thị Sáu, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hoà, Đồng Nai

BÊN B: **TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC**

Địa chỉ: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 02513. 871.124

Mã số thuế: 3600953747

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1025637

Tài khoản số: 3714.0.1025637.00000 tại kho bạc nhà nước huyện Xuân Lộc

Người đại diện: Ông **BÙI THÁI CHIẾN** Chức vụ: **Giám đốc**

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường với các điều khoản và điều kiện sau:

ĐIỀU 1: **NỘI DUNG HỢP ĐỒNG.**

1.1 Bên B đồng ý cho Bên A làm đối tác trong việc thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình sản xuất của bên B, bảng chi tiết như Điều 2 của hợp đồng này

1.2 Bên A thu gom chất thải tại khu lưu giữ chất thải của Bên B và vận chuyển chất thải đến nhà máy xử lý của bên A, tại: Tổ 11, Ấp 7, Xã Xuân Tâm, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam để tiến hành xử lý toàn bộ chất thải theo đúng quy định của pháp luật.

1.3 Địa điểm lấy chất thải: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC; Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Thời gian thu gom chất thải: Chất thải được thu gom hàng tháng theo yêu cầu của Bên B. Sau khi nhận yêu cầu trong vòng 03 (ba) ngày Bên A cần tiến hành thu gom vận chuyển chất thải.

ĐIỀU 2: **GIÁ CẢ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.**

Danh sách chất thải phát sinh:

STT	LOẠI CHẤT THẢI	ĐVT	ĐƠNGIÁ (VNĐ)
1	Chất thải rắn thông thường	Kg	1.700

Ghi chú:

- *Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT .*
- *Tần suất thu gom: 2-4 tháng/ lần, khối lượng ước tính: 600-800kg/ lần.*

2.1 Giá trên bao gồm chi phí thu gom, bốc xếp, vận chuyển, lưu giữ, xử lý chất thải.

2.2 Đơn giá trên sẽ thay đổi khi có quy định mới và có sự thỏa thuận bằng văn bản trên cơ sở pháp lý giữa hai bên.

2.3 Hình thức thanh toán:

- Cuối mỗi tháng hai bên tổng kết và đối chiếu công nợ, đồng thời Bên A sẽ cung cấp hóa đơn tài chính hợp lệ cho việc xử lý chất thải của bên B.
- Bên B thanh toán cho Bên A bằng hình thức chuyển khoản vào ngày 15 của tháng kế tiếp.

2.4 Nếu quá thời hạn trên mà Bên B không thanh toán cho Bên A, Bên B phải thanh toán với mức lãi suất theo mức lãi suất tín dụng quá hạn của ngân hàng Nhà Nước Việt Nam tại thời điểm thanh toán.

ĐIỀU 3: **THỜI HẠN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG.**

3.1. Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường có hiệu lực từ ngày **27/10/2024** đến hết ngày **28/10/2025.**

3.2. Một tháng trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên sẽ thỏa thuận lại việc thanh lý hoặc gia hạn hợp đồng mới.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN.

4.1 Trách nhiệm của Bên A.

- Bên A tự chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hoạt động dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.
- Trong quá trình thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải Bên A phải tuyệt đối tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.
- Bên A có trách nhiệm đăng ký danh sách cụ thể số xe chở chất thải ra vào khu vực thu gom chất thải với đội bảo vệ của Bên B.
- Cán bộ, nhân viên của Bên A khi ra vào làm việc tại khu vực của Bên B phải chấp hành nội quy nơi làm việc, thực hiện theo đúng hệ thống quản lý an toàn và bảo vệ môi trường của Bên B để đảm bảo trật tự an toàn cho nơi làm việc của Bên B, nhân viên của Bên A phải tuyệt đối chấp hành mọi chỉ dẫn của người đại diện Bên B về việc đi lại, vị trí thu gom rác thải.
- Tất cả các xe vận chuyển chất thải của Bên A phải là xe chuyên dụng để tránh rơi vãi rác ra môi trường trong quá trình vận chuyển.
- Có trách nhiệm ký vào Biên bản xác nhận khối lượng để làm cơ sở thanh toán.
- Bên A chịu trách nhiệm xuất trình với các cơ quan có thẩm quyền các giấy tờ có liên quan đến hoạt động xử lý chất thải và các giấy chứng nhận cho phép hoạt động của các xe chở chất thải chuyên dụng của Bên A.
- Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải mà Bên B đã giao.

4.2 Trách nhiệm của Bên B.

- Xe bên A vào lấy chất thải tại nhà máy của bên B, trong vòng 2 giờ bên B phải hoàn thành việc giao nhận chất thải và ký biên bản, giấy ra cổng cho bên A.
- Bên B có trách nhiệm phân loại chất thải và tập trung vào một kho riêng biệt của bên B để thuận tiện cho bên A thu gom mà không ảnh hưởng tới sản xuất của bên A. Bên B phải bố trí điểm lấy chất thải ở vị trí xe ra vào thuận tiện.
- Bên B cử người hướng dẫn và cùng đại diện Bên A giám sát quá trình thu gom chất thải để đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho bên A trong quá trình ra vào nhà máy của bên B để thu gom chất thải.
- Khi có phát sinh chất thải ngoài danh mục hợp đồng thu gom bên B sẽ thông báo cho bên A biết để cùng bàn bạc ký phụ lục hợp đồng bổ sung (nếu có). Trong trường hợp bên A phát hiện chất thải của bên B có lẫn thành phần nguy hại mà không thông báo, bàn bạc ký phụ lục bổ sung thì bên B phải nhanh chóng thu lại lượng chất thải đó và xử lý theo quy định của pháp luật, chịu mọi chi phí phát sinh và trách nhiệm trước pháp luật..
- Sau mỗi lần thu gom chất thải, đại diện hai bên phải cùng ký vào Biên bản bàn giao chất thải rắn thông thường để làm cơ sở thanh toán. (Theo mẫu số 3B của Phụ lục Thông tư 02/2022/TT-BTNMT).
- Trong thời hạn hợp đồng có hiệu lực, bên B không được phép giao chất thải cho đơn vị khác xử lý khi chưa thông báo cho bên A. Nếu vi phạm phải chịu trách nhiệm theo pháp luật hiện hành.

- Chịu trách nhiệm thanh toán cho bên A đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 2 của Hợp Đồng này.

ĐIỀU 5: BẤT KHẢ KHÁNG

5.1 Bất khả kháng là bất kỳ sự kiện hay hoàn cảnh nào hoặc tập hợp của các sự kiện, hoàn cảnh nào vượt ra ngoài sự kiểm soát của các Bên làm cho Bên đó không thể thực hiện một phần hay toàn bộ trách nhiệm của mình theo hợp đồng bao gồm nhưng không hạn chế ở: thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn, sự thay đổi của luật pháp, thay đổi chính sách và các quy định khác có tính chất tương tự của Nhà nước liên quan trực tiếp đến việc thực hiện Hợp đồng. Những khó khăn về sản xuất như không có giấy phép, mất điện, thiếu nguyên liệu, thiếu lao động, bãi công... không được xem là bất khả kháng và không giải phóng các Bên khỏi trách nhiệm thực hiện hợp đồng hay là lý do chính đáng để các Bên trì hoãn hoặc kéo dài việc thực hiện nghĩa vụ của mình theo hợp đồng.

5.2 Bên gặp phải bất khả kháng phải thông báo cho Bên còn lại biết trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày. Nếu quá thời hạn trên mà không có thông báo thì sẽ không được chấp nhận là bất khả kháng và bên bị ảnh hưởng của bất khả kháng sẽ mất quyền miễn trách về bất khả kháng. Nếu Bên nào bị ảnh hưởng của bất khả kháng sẽ mất quyền miễn trách về bất khả kháng. Nếu Bên nào bị ảnh hưởng của bất khả kháng thì nghĩa vụ thực hiện hợp đồng của Bên đó sẽ được tạm dừng trong thời gian xảy ra bất khả kháng cộng với thời gian hợp lý để khắc phục hậu quả bất khả kháng. Bên bị ảnh hưởng của bất khả kháng có trách nhiệm sử dụng những nỗ lực hợp lý để khắc phục ảnh hưởng của bất khả kháng hoặc làm giảm nhẹ hậu quả của ảnh hưởng đó trong thời gian sớm nhất có thể.

5.3 Xác nhận của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là bằng chứng pháp lý xác nhận sự kiện và khoảng thời gian kéo dài của sự kiện bất khả kháng.

ĐIỀU 6: BẢO MẬT THÔNG TIN

6.1 Tất cả các thông tin, bí quyết kỹ thuật và bất cứ tài liệu kỹ thuật bảo mật nào khác xuất phát từ bản hợp đồng này sẽ là tài sản của cả hai Bên và trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng không được phép tiết lộ cho Bên thứ ba nếu không có sự chấp thuận bằng văn bản của cả Bên A và Bên B.

6.2 Trong trường hợp không có thỏa thuận khác, Bên nào vi phạm sẽ phải đền bù cho Bên vi phạm toàn bộ những thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp do những vi phạm đó gây ra.

6.3 Trách nhiệm giữ bảo mật của hai Bên trong điều khoản này sẽ không được áp dụng cho việc trình, báo cáo Công ty, Tổng công ty và các Công ty thành viên, Kiểm toán của cả hai Bên hoặc khi các cơ quan đại diện pháp luật yêu cầu.

ĐIỀU 7: THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG

7.1 Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản như đã thỏa thuận trong hợp đồng, không được đơn phương thay đổi hay hủy bỏ hợp đồng (trừ trường hợp pháp luật quy định). Bên nào vi phạm các điều khoản trên đây, không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp

đồng mà không có lý do chính đáng sẽ bị phạt với mức phạt cụ thể dựa trên khung phạt Nhà nước quy định trong các văn bản pháp luật về hợp đồng.

7.2 Mọi tranh chấp xảy ra nếu không cùng nhau thương lượng giải quyết được sẽ đưa ra Tòa án cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật phân xử, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án là quyết định cuối cùng để hai Bên cùng tuân thủ. Các chi phí về kiểm tra, xác minh và lệ phí tòa án do bên có lỗi chịu.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG.

8.1. Nếu trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng mà bên B không giao chất thải hoặc trong thời gian 90 ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên B không tiếp tục chuyển giao chất thải cho bên A thì bên A có thể kết thúc hợp đồng trước thời hạn và hợp đồng mặc nhiên không còn giá trị.

8.2. Hai bên có trách nhiệm và nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng này, không được tự ý thay đổi, khi chưa có sự đồng ý của bên kia. Nếu bên nào vi phạm phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật hiện hành Việt Nam.

8.3. Hai Bên chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp gặp khó khăn trở ngại, hai Bên sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác, bình đẳng và cùng có lợi. Mọi tranh chấp xảy ra nếu không cùng nhau thương lượng giải quyết được sẽ được đưa ra tòa án cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật phân xử, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án là quyết định cuối cùng để hai bên cùng tuân thủ. Các chi phí về kiểm tra, xác minh và lệ phí tòa án do bên có lỗi chịu.

Mọi sửa đổi hoặc bổ sung hợp đồng chỉ có giá trị khi được lập văn bản và có chữ ký của đại diện có thẩm quyền của hai bên.

Hợp đồng này được lập thành 04(bốn) và có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02(hai) bản để làm cơ sở thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
	GIÁM ĐỐC
TRẦN BỬU LÂM	**BÙI THÁI CHIẾN**

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI
TTYT HUYỆN XUÂN LỘC

Số: 02/HĐ-TTYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Xuân Lộc, ngày 02 tháng 01 năm 2025

HỢP ĐỒNG
THU MUA CHẤT THẢI TÁI CHẾ NĂM 2025

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế;

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2025 tại Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc đã tiến hành ký hợp đồng thu mua chất thải tái chế.

I/ ĐẠI DIỆN BÊN A: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Địa chỉ liên lạc: Ngã ba Suối Cát, xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 02513.871.124

Email: bvdkxl@gmail.com

Do ông: **BÙI THÁI CHIẾN** Chức vụ: Giám đốc Đại diện.

Số tài khoản: 3716.2.1025637.00000

Tại Kho bạc Nhà nước huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Mã số NS: 1025637

II/ ĐẠI DIỆN BÊN B: HỘ KINH DOANH PHẾ LIỆU NGỌC KHÁNH

Địa chỉ: Ấp Suối Cát 2, xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0933434694 - 0786044967

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 47 G 8010505 do Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 24/3/2020.

Do Bà: **LỤC THỊ NGỌC KHÁNH** Sinh năm: 1988 Chức vụ: Chủ hộ đại diện

Sau khi trao đổi, hai bên cùng thống nhất kí kết hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt với những nội dung sau:

*** Bên A có trách nhiệm:**

Thu gom các vật liệu thuộc loại chất thải tái chế, không dính các chất thải nguy hại, bao gồm:

a. Chất thải là vật liệu nhựa:

- Các chai nhựa đựng thuốc, hoá chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất như: Dung dịch NaCL 0,9%, Glucose, Natri bicacbobate, Ringer lactat, dung dịch cao phân tử và các loại nhựa đựng dung dịch không nguy hại khác (Không chứa yếu tố lây nhiễm).

- Các chai, lon nước giải khát bằng nhựa và các đồ nhựa sử dụng trong sinh hoạt hàng ngày (Không thải ra từ các phòng điều trị cách ly).

b. Chất thải là vật liệu giấy:

- Giấy, báo, bìa, thùng carton, vỏ hộp thuốc và các vật liệu giấy.

- Tập trung chất thải tại một địa điểm, có cửa khoá.

c. Chất thải là vật liệu kim loại:

Các chai, lon nước uống giải khát.

*** Bên B có trách nhiệm:**

- Thu mua, vận chuyển chất thải tái chế không dính chất thải nguy hại do bên A bán đúng theo quy định của pháp luật.

- Cân và vận chuyển chất thải 02 lần/tuần và khi có yêu cầu, thực hiện trong giờ hành chính.

- Giá cả được tính theo giá thị trường của từng thời điểm.

- Thanh toán bằng tiền mặt khi cân hàng.

- Thanh toán tại phòng Tài chính- Kế toán của đơn vị.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 02/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025.

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều đã ghi trong hợp đồng, không bên nào đơn phương sửa đổi mà không có sự đồng ý của bên còn lại và không tự đơn phương chấm dứt hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc khó khăn thì hai bên cùng nhau bàn bạc để giải quyết.

Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản, có giá trị pháp như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A **GIÁM ĐỐC**	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC	
Bùi Thái Chiến	**Lục Thị Ngọc Khánh**

UBND HUYỆN XUÂN LỘC
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Số: 47G8010505

- Đăng ký lần đầu, ngày 24 tháng 3 năm 2020.

1. **Tên hộ kinh doanh: THU MUA PHẾ LIỆU NGỌC KHÁNH**

2. **Địa điểm kinh doanh:** Ấp Suối Cát 2 (Thửa đất số 237; Tờ bản đồ số 04), xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc.

Điện thoại: 0786044967 Fax:

Email: Website:

3. **Ngành, nghề kinh doanh:**

Mua, bán, gia công nhựa, băm nhựa PVC.

(Kinh doanh khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)

4. **Vốn kinh doanh:** 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

5. **Họ và tên đại diện hộ kinh doanh:**

LỤC THỊ NGỌC KHÁNH Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 03/3/1988 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 271 832 248

Ngày cấp: 05/5/2017 Nơi cấp: Công an tỉnh Đồng Nai.

Nơi đăng ký thường trú:

Ấp Suối Cát 2, xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện tại:

Ấp Suối Cát 2, xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH

Lê Phúc

Được quét bằng CamScanner

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC
Về việc vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại
Số: 63-2025/HĐNT.XLCT

- *Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn hiện hành ;*
- *Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 17/11/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 và các văn bản hướng dẫn hiện hành;*
- *Căn cứ Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi số 80/GPMT-BNNMT do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp ngày 16/4/2025;*
- *Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai Bên,*

Hôm nay, ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại văn phòng Công ty CP Dịch vụ Sonadezi, chúng tôi gồm:

BÊN A: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

- Địa chỉ : Xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : 0251.387.1124
- Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1025637
- Tài khoản số : 3716.2.1025637.00000 tại Kho bạc nhà nước huyện Xuân Lộc
- Đại diện bởi : Ông **BÙI THÁI CHIẾN**
- Chức vụ : Giám đốc

Là Bên giao chất thải để xử lý (Chủ nguồn thải)

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI

- Địa chỉ : Tầng 8, tòa nhà Sonadezi, số 1, đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại : 02518.890.888
- Số tài khoản : 67210000362939 Tại NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Đồng Nai
- Người đại diện : Ông **TRẦN ANH DŨNG**
- Chức vụ : Tổng Giám đốc

Là Bên nhận vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (Chủ xử lý chất thải nguy hại).

Sau khi cùng nhau thảo luận, hai Bên đồng ý ký hợp đồng nguyên tắc về việc vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (dưới đây gọi tắt là chất thải) với các điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

- Bên A thuê Bên B vận chuyển và xử lý chất thải của Bên A theo chủng loại chất thải như sau:

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn
2	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn
3	Pin, ắc quy chì thải	19 06 05	Rắn
4	Nước rửa phim X-Quang thải	19 01 01	Lỏng
5	Hộp mực in thải	08 02 04	Rắn

– Địa điểm tiếp nhận chất thải tại kho chứa của bên A đặt tại: Trung Tâm Y Tế Huyện Xuân Lộc - Địa chỉ: Xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

ĐIỀU 2: ĐIỀU KIỆN TIẾP NHẬN CHẤT THẢI

2.1. Yêu cầu về điều kiện tiếp nhận và lưu chứa chất thải:

– Chất thải có thành phần đúng theo thành phần đã thống nhất tại Điều 1 của Hợp đồng này.

– Bên A chịu trách nhiệm phân loại và đóng gói riêng biệt các loại chất thải theo danh mục đã đăng ký tại Sổ đăng ký chủ nguồn thải vào các bao bì chứa chuyên dụng, dán nhãn thông tin và nhãn cảnh báo của chất thải theo Phụ lục 1 để đảm bảo an toàn trong quá trình thu gom, vận chuyển của Bên B.

– Chất thải phải được chứa trong bao bì có khả năng bền cơ học và hóa học đảm bảo cho quá trình bốc dỡ và vận chuyển. Bao bì phải được đóng nắp kín, không bị nứt, chảy, rò rỉ, không bị ăn mòn bởi chất thải chứa bên trong.

– Bên A chịu mọi trách nhiệm về chi phí bao bì và đóng gói chất thải trước khi bàn giao chất thải cho bên B (nếu có). Bao bì chứa chất thải sẽ được Bên B xử lý cùng với chất thải và không hoàn trả lại Bên A, ngoại trừ thùng phuy chứa nước rửa phim X-quang thải 19 01 01 sẽ được hoàn trả cho Bên A vào đợt tiếp nhận tiếp theo.

2.2.Yêu cầu về giao nhận chất thải:

2.2.1 Tiến độ giao nhận chất thải:

– Việc tiếp nhận chất thải được tiến hành với tần suất tối thiểu 01 lần/năm, hoặc theo yêu cầu của Bên A nhưng số lần tiếp nhận không thấp hơn quy định tại mục này.

2.2.2 Kiểm tra sơ bộ chất thải trước khi giao nhận:

– Sau khi nhận được thông báo của Bên A (bằng văn bản, email hoặc điện thoại), trong thời gian 03 ngày, Bên B sẽ thông báo cho Bên A kế hoạch tiếp nhận chất thải, đồng thời sẽ tiến hành kiểm tra chất thải vào thời điểm tiếp nhận:

+ Trong trường hợp chất thải của Bên A đáp ứng yêu cầu tại mục 2.1, Bên B sẽ tiến hành tiếp nhận chất thải.

+ Trong trường hợp chất thải của Bên A không đáp ứng được yêu cầu của mục 2.1, Bên B có quyền từ chối không tiếp nhận chất thải và Bên A cũng phải thanh toán toàn bộ phí vận chuyển cho đợt tiếp nhận đó.

ĐIỀU 3: ĐƠN GIÁ VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ – PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1. Đơn giá vận chuyển và xử lý chất thải:

– Đơn giá vận chuyển và xử lý, tiêu hủy được hai bên thống nhất tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này.

– Khối lượng chất thải tính phí được xác định bằng phương pháp cân có sự xác nhận của hai Bên. Khối lượng chất thải là khối lượng tổng bao gồm bao bì chứa và chất thải bên trong.

– Giá trị thanh toán được tính bằng khối lượng, số chuyến tiếp nhận chất thải thực tế đã được hai Bên xác nhận nhân với đơn giá được quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này.

– Đơn giá tại Hợp đồng này sẽ được điều chỉnh khi có sự biến động về giá và sẽ được hai bên thống nhất tại Phụ lục Hợp đồng.

3.2. Phương thức và thời hạn thanh toán:

– Phương thức thanh toán: bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt.

– Thời hạn thanh toán: vào cuối tháng vận chuyển chất thải Bên B gửi cho Bên A giấy báo thu phí xử lý chất thải cùng với 01 (một) biên bản giao nhận chất thải, hoá đơn tài chính, và Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy báo thu phí xử lý chất thải, hóa đơn, biên bản giao nhận chất thải của Bên B.

3.3. Bên B sẽ ngưng tiếp nhận chất thải của Bên A nếu không nhận được khoản thanh toán sau 01 (một) kỳ hóa đơn.

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM MỖI BÊN

4.1. Quyền và trách nhiệm của Bên A:

– Thông báo trước cho bên B 05 (năm) ngày để tiến hành bàn giao chất thải nguy hại.

– Bên A cam kết giao đúng chủng loại chất thải theo nội dung đã thống nhất tại Điều 1 của Hợp đồng này cho Bên B.

– Trang bị bao bì chứa chất thải theo hướng dẫn đính kèm và thực hiện công tác phân loại chất thải tại nguồn, đóng gói chất thải theo quy định hiện hành.

– Phối hợp với Bên B trong việc lập và giao nhận chứng từ giao nhận chất thải theo quy định.

– Hỗ trợ các thủ tục ra vào cổng, nhân lực, cân và xe nâng (nếu có) trong quá trình giao nhận chất thải khi Bên B vào thu gom, tiếp nhận và vận chuyển chất thải tại kho của Bên A.

– Thanh toán cho Bên B phí vận chuyển, xử lý theo quy định trong Điều 3 của Hợp đồng này theo đơn giá qui định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này. Trường hợp xe vận chuyển đã đến cơ sở của Bên A và không thể tiếp nhận chất thải do Bên A không phân loại, đóng gói như hướng dẫn của Bên B hoặc do bất kỳ lý do nào do lỗi của Bên A thì Bên A cũng phải thanh toán toàn bộ phí vận chuyển cho đợt tiếp nhận đó.

– Thanh toán phí giao dịch ngân hàng.

– Được quyền giám sát quá trình vận chuyển, xử lý của Bên B và yêu cầu Bên B thông báo kết quả xử lý theo định kỳ.

4.2. Quyền và trách nhiệm của Bên B:

- Tiếp nhận, vận chuyển và xử lý chất thải của Bên A đã bàn giao tại cơ sở xử lý đã được cấp phép đạt tiêu chuẩn môi trường hiện hành.

- Thông báo cho Bên A về kết quả xử lý lô chất thải đã tiếp nhận thông qua chứng từ chất thải và báo cáo cho cơ quan quản lý môi trường theo quy định.

- Phối hợp với Bên A trong việc lập và giao nhận chứng từ giao nhận chất thải theo quy định.

- Bên B có quyền từ chối tiếp nhận lô chất thải tại cơ sở của Bên A khi chủng loại chất thải không đúng với các yêu cầu đã nêu tại Điều 1 của hợp đồng. Trường hợp khi tiếp nhận chất thải về cơ sở xử lý của Bên B và phát hiện thành phần không đúng tại Điều 1, Bên B có quyền tạm ngừng xử lý và thỏa thuận lại với Bên A về phương pháp xử lý, đơn giá xử lý. Trong trường hợp cần thiết Bên B sẽ trả lại toàn bộ lô chất thải đó cho Bên A và Bên A phải thanh toán toàn bộ phí vận chuyển cho đợt tiếp nhận đó.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC VÀ HIỆU CHỈNH

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 23/4/2026. Nếu có nhu cầu kéo dài thêm thời gian thì Hai Bên sẽ thỏa thuận bằng một Phụ lục hoặc bằng một Hợp đồng khác do Hai Bên lựa chọn.

- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, hai Bên cam kết tôn trọng tất cả mọi điều kiện và điều khoản quy định trong Hợp đồng này.

- Hiệu chỉnh và/hoặc bổ sung của Hợp đồng này sẽ được đưa vào phần phụ lục và được ký bởi hai Bên.

ĐIỀU 6: BẢO MẬT

Hai bên cùng cam kết rằng tất cả thông tin được đề cập trong Hợp đồng này và những thông tin liên quan mà các bên cung cấp cho bên còn lại là một tài sản mật và không được tiết lộ cho bất cứ bên nào khác trong hoặc sau thời hạn Hợp đồng, trừ khi để cần thiết cho hai bên thực hiện Hợp đồng này hoặc cơ quan quản lý có thẩm quyền, pháp luật yêu cầu. Ngoài ra, trong mỗi trường hợp công bố thông tin trong hợp đồng này đều phải được sự chấp thuận bằng văn bản của hai Bên.

ĐIỀU 7: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

- Bên A không giao chất thải cho Bên B theo tiến độ giao nhận chất thải quy định tại mục 2.2.1 của Hợp đồng này hoặc trong vòng 12 tháng kể từ ngày hai Bên ký hợp đồng này.

- Bên A không thực hiện đủ các trách nhiệm ghi ở mục 4.1, Điều 4 của Hợp đồng này.

- Bên B không thực hiện đủ các trách nhiệm ghi ở mục 4.2, Điều 4 của Hợp đồng này.

- Khi hết thời hạn như quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.

- Hai Bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

ĐIỀU 8: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

- Tất cả những trường hợp/sự kiện xảy ra sau khi Hợp đồng này có hiệu lực do những nguyên nhân ngoài ý muốn hay ngoài sự kiểm soát của hai Bên và nó ảnh hưởng trực tiếp đến sự thực hiện toàn bộ hay một phần những điều khoản của Hợp đồng này, được xem là những trường hợp bất khả kháng, bao gồm nhưng không giới hạn ở: Chiến tranh dù được chính thức tuyên bố hay không, bạo động hay nổi loạn, chính trị, khủng bố,

động đất, hỏa hoạn, lũ lụt, bão, cháy nổ, bệnh dịch hay các thiên tai khác..., sự thay đổi các chính sách của Nhà nước;...

- Bên bị ảnh hưởng bởi (những) sự kiện bất khả kháng trên, sẽ thông báo cho Bên đối tác bằng thư điện tử hay fax ngay lập tức và không quá 7 (bảy) ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng; trong đó, ghi rõ bản chất của sự kiện đó, thời điểm bắt đầu và chấm dứt theo dự định hay theo đánh giá. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Trong trường hợp này, thời gian thực hiện Hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này.

- Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài liên tục trong thời gian nhiều hơn 1 (một) tháng, cả hai Bên ký Hợp đồng sẽ thảo luận với nhau để tìm biện pháp tốt nhất ngăn ngừa sự chậm trễ hơn nữa.

- Nếu bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng không thực hiện việc thông báo và những thủ tục cần thiết khác nêu trong Hợp đồng này thì sẽ không được hưởng bất kỳ quyền giảm nhẹ nào cho những sự kiện bất khả kháng kể trên và phải tuân thủ đúng những điều khoản quy định tại Hợp đồng này.

ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hợp đồng này thay thế tất cả các thoả thuận, cam kết trước dây bằng miệng hoặc bằng văn bản.

- Các điều khoản khác không quy định trong Hợp đồng sẽ được thực hiện phù hợp với Luật Việt Nam.

- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.

- Các Bên đã đọc nội dung, hoàn toàn am hiểu và nhìn nhận là thể hiện đúng ý định của mình.

Các Phụ lục đính kèm tại thời điểm ký Hợp đồng này:

Phụ lục 1: Đơn giá vận chuyển, xử lý. Quy định về đóng gói và giao nhận chất thải

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
GIÁM ĐỐC	**TỔNG GIÁM ĐỐC**
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI
Bùi Thái Chiến	**Trần Anh Dũng**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

V/v thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

Số: 115/2024/HĐKT/PDC-XL

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;

Căn cứ Luật Thương mại số 36 /2005/QH11 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa II kỳ họp thứ VII thông qua và ban hành ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định số 08/2022 NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư 02/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại có mã số QLCTNH: 3-4-5-6.130.VX & Công văn số 5326/BTNMT của Bộ Tài Nguyên & Môi trường về việc điều chỉnh thông tin chung của chủ dự án, chủ xử lý chất thải nguy hại cấp cho Công ty Cổ phần Môi trường Xanh PEDACO;

Căn cứ nhu cầu, năng lực của hai Bên.

Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại này (sau đây gọi là *"Hợp Đồng"*) được lập và ký ngày 14 tháng 05 năm 2024, tại trụ sở Công ty Cổ phần Môi trường Xanh Pedaco, giữa các Bên gồm:

BÊN A (Chủ nguồn thải chất thải nguy hại):

Công ty	**: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC**
Địa chỉ	: Xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại	: 02513.871.124 Email :
Mã số thuế	: 3600953747
Tài khoản	: 3716.2.1025637.00000 tại kho bạc nhà nước huyện Xuân Lộc
Đại diện	: **BÙI THÁI CHIẾN** Chức vụ : **Giám Đốc**

BÊN B (Chủ xử lý chất thải nguy hại):

Công ty	**: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH PEDACO**
Địa chỉ	: Thôn Tân Lý 1, xã Tân Bình, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận
Điện thoại	: 024 999 55 868 Email: info@pedaco.com.vn
Mã số thuế	: 3401201904
Đại diện	: **TRƯƠNG HỒNG PHƯƠNG** Chức vụ : Tổng Giám Đốc
Tài khoản	: 1014320908, ngân hàng ngoại thương Việt Nam, chi nhánh HCM

Sau khi bàn bạc và thỏa thuận, hai Bên thống nhất tiến hành ký kết Hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG DỊCH VỤ.

Bên A đồng ý thuê và Bên B đồng ý thực hiện công việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (sau đây gọi tắt là *"CTNH"*) theo các quy định của Hợp đồng và các quy định của pháp luật Việt Nam.

1.1 CTNH được thu gom, vận chuyển và xử lý:

Bên B chỉ tiến hành thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo quy định tại Hợp đồng khi CTNH đáp ứng các điều kiện:

- CTNH thuộc danh mục ghi nhận tại Điều 3.1 Hợp Đồng;
- CTNH được đảm bảo điều kiện lưu chứa theo quy định tại Điều 3.1 Hợp Đồng và quy định của pháp luật trước khi Bên B tiếp nhận.

1.2 Địa điểm thực hiện:

1.2.1 Địa điểm thu gom và giao nhận CTNH: Xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

1.2.2 Địa điểm xử lý và tiêu hủy CTNH: **Khu liên hợp Xử Lý Chất Thải – Công ty CP Môi trường xanh PEDACO.**

Địa chỉ: Thôn Tân Lý 1, xã Tân Bình, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

1.3 Thời gian thu gom:

Bên A có trách nhiệm thông báo bằng email, điện thoại hoặc văn bản cho Bên B biết lịch thu gom CTNH, khối lượng CTNH yêu cầu thu gom trước ít nhất (02) hai ngày (không bao gồm Chủ Nhật và ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

Bên B có trách nhiệm xác nhận về thời gian thu gom CTNH với Bên A.

ĐIỀU 2. GIAO – NHẬN CTNH

2.1. Mỗi chuyến vận chuyển đều phải lập thành Biên bản giao nhận, có đầy đủ chữ ký xác nhận của Đại diện các Bên theo quy định tại Điều 2.2 dưới đây.

2.2. Việc giao nhận CTNH chỉ được thực hiện bởi Đại diện của các Bên: Bên B chỉ tiến hành tiếp nhận CTNH theo hướng dẫn của Đại diện của Bên A. Bên A chỉ chuyển giao CTNH cho Đại diện của Bên B. Trong đó:

- Đại diện của Bên A là Người liên hệ quy định tại Khoản 1.2.1 Hợp Đồng hoặc nhân viên của bên A có mặt tại thời điểm giao nhận CTNH nhưng có sự thông báo của người liên hệ.
- Đại diện của Bên B là Người có tên trong giấy giới thiệu hoặc giấy điều động của Bên B.

2.3. Bên B không chịu trách nhiệm pháp lý liên quan đối với bất kỳ vấn đề gì phát sinh nếu:

- Không liên hệ được với Đại diện của Bên A khi xe vận chuyển đến Địa điểm thu gom và giao nhận CTNH theo kế hoạch tại Điều 1.3 Hợp Đồng, trường hợp này được xem Bên B đã hoàn thành nghĩa vụ của 1 lần thu gom.

- Bên A giao CTNH không đúng đối tượng như danh mục trong hợp đồng đã ký, trừ trường hợp có phát sinh bằng phụ lục hợp đồng thì bên B thực hiện thu gom như thỏa thuận.

2.4. Biên bản giao nhận CTNH được lập thành (02) hai bản (bên A giữ 01 bản, bên B giữ 01 bản), phải có đầy đủ chữ ký của Đại diện các Bên theo quy định tại Điều 2.2 nêu trên; ghi nhận đầy đủ thông tin về khối lượng CTNH giao nhận (đơn vị tính là kilogram), bao gồm:

- Khối lượng từng loại CTNH được xác định theo số lượng thực tế cân tại trạm cân của bên B.
- Giá từng loại CTNH được tính theo đơn giá xử lý (theo bảng 3.1).

ĐIỀU 3. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

3.1 Danh mục chất thải và đơn giá.

STT	Loại chất thải	Đơn vị tính	Mã CTNH	Đơn giá (VNĐ/Kg)
1	Bùn thải nguy hại từ hệ thống xử lý nước thải	Kg	12 06 05	3.000

Ghi chú:

- Mã chất thải ký hiệu theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường.
- Chất thải được chủ nguồn thải lưu chứa trong bao chứa theo quy định của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường.
- Đơn giá trên là đơn giá bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.
- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT
- Chi phí xử lý CTNH = Khối lượng CTNH phát sinh x Đơn giá

3.2. Khối lượng chất thải dùng để tính Giá dịch vụ được căn cứ dựa vào khối lượng cân thực tế tại bên A khi Bên B tiếp nhận CTNH, được ghi nhận tại Biên bản giao nhận giữa hai bên.

3.3. Phương thức thanh toán:

Chuyển khoản theo thông tin tài khoản của bên B ghi nhận tại phần đầu của hợp đồng.

- Phí chuyển khoản do bên A chi trả.
- Đồng tiền thanh toán là đồng Việt Nam.

3.4. Thời điểm thanh toán:

Bên A thanh toán 100% giá trị dịch vụ trong vòng 10 ngày kể từ ngày Bên A nhận đầy đủ bộ chứng từ yêu cầu thanh toán hợp lệ của bên B, bao gồm:

- Hóa đơn tài chính hợp lệ.
- Giấy đề nghị thanh toán của Bên B.
- Biên bản giao nhận chất thải giữa hai bên.

Sau khi nhận được tiền thanh toán của bên A, bên B sẽ gửi đầy đủ các chứng từ thu gom và xử lý CTNH theo đúng pháp luật.

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

Ngoại trừ các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các điều khoản khác của Hợp đồng, các Bên còn có các quyền và nghĩa vụ sau:

4.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A.

- Tự chịu trách nhiệm pháp lý về tư cách của người ký Hợp Đồng;
- Trang bị kho lưu chứa và thiết bị lưu chứa theo đúng quy định của pháp luật trong thời gian lưu trữ CTNH đến khi bàn giao CTNH cho Bên B;
- Mỗi loại CTNH phải được lưu giữ vào phương tiện chứa CTNH riêng biệt đảm bảo không để rơi vãi, rò rỉ ra bên ngoài, có dán tên, mã số CTNH và không được để lẫn các CTNH khác ngoài danh mục quy định tại Điều 3.1 Hợp Đồng. Quy cách lưu trữ CTNH phải theo quy định của Pháp Luật;
- Bố trí nơi lưu giữ CTNH sao cho thuận tiện cho xe của Bên B vào ra khi tiếp nhận CTNH;
- Khi chuyển giao CTNH phải đính kèm các chứng từ chuyển giao, bao gồm Biên bản giao nhận, bộ Chứng từ CTNH. Chứng từ chuyển giao phải ghi rõ ràng đầy đủ thông tin có ký tên và đóng dấu của Bên A;
- Bên A cam kết không để lẫn và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật nếu để lẫn CTNH không có trong danh mục CTNH quy định tại điều 3.1 Hợp đồng và sổ đăng ký chủ nguồn thải.
- Bàn giao đúng khối lượng (biên độ dao động cho phép < 5%) và chủng loại CTNH theo Thông báo yêu cầu thu gom CTNH quy định tại Điều 1.3 Hợp Đồng và Sổ đăng ký Chủ nguồn thải;
- Cung cấp bản sao y sổ chủ nguồn thải (nếu có), chứng từ quản lý CTNH và các hồ sơ pháp lý có liên quan theo yêu cầu của bên B;
- Không sử dụng hợp đồng để làm cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH đối với các nguồn chủ thải, chủ xử lý khác.
- Khi khối lượng CTNH lớn, cồng kềnh không thể bốc bằng tay thì bên A phải cho xe nâng để hỗ trợ bốc hàng lên xuống xe.

4.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- Tự chịu trách nhiệm pháp lý về tư cách của người ký Hợp Đồng;
- Bên B phải thực hiện yêu cầu hợp lý về thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH cho bên A theo danh mục, khối lượng, thời gian và địa điểm đã xác nhận với bên A;
- Bên B bảo đảm thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH của bên A theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;
- Trong vòng (5) năm tuần sau khi nhận chất thải phải giao trả cho Bên A chứng từ CTNH đã xử lý với điều kiện Bên A đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo Điều 3 Hợp Đồng. Nếu Bên

A vi phạm điều khoản thanh toán thì thời gian giao trả chứng từ sẽ cộng thêm tương ứng với thời gian Bên A chậm thanh toán;

- Trong trường hợp xe hư hỏng, Bên B phải sắp xếp (bố trí) thay thế phương tiện để thu gom CTNH trong thời gian sớm nhất, không quá (48) giờ kể từ thời điểm xảy ra sự cố hư hỏng;

- Bên B chỉ thu gom CTNH của bên A khi đã được thỏa mãn đúng điều kiện lưu trữ CTNH (chứa trong vật chứa chuyên dụng hoặc trong các bao chứa CTNH). Bên B có quyền từ chối thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH nếu Bên A vi phạm quy định về điều kiện lưu trữ;

- Bên B có quyền từ chối thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH bên A thực hiện biện pháp đảm bảo thực hiện hợp đồng cho bên B theo đúng điều 3 hợp đồng.

- Bên B cung cấp cho Bên A các loại giấy phép: Giấy phép kinh doanh, giấy phép xử lý chất thải nguy hại (mỗi loại 2 bản) và phải bổ sung lại nếu các giấy tờ trên hết hạn.

ĐIỀU 5. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

5.1. Không bên nào phải chịu trách nhiệm trong việc không thực hiện hoặc chậm thực hiện các nghĩa vụ của bên đó quy định trong hợp đồng, nếu như việc chậm thực hiện hoặc không thực hiện đó là do các sự kiện bất khả kháng.

5.2. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện cùng một lúc nằm ngoài ý muốn của bên bị ảnh hưởng, không thể lường trước được và không thể khắc phục được, bao gồm nhưng không giới hạn như: Thiên tai hoặc diều kiện thời tiết khắc nghiệt, hỏa hoạn, cháy nổ, phá hoại, khủng bố, xâm lược, nổi loạn, chiến tranh hoặc nguy cơ chiến tranh, dịch bệnh, cắt điện trong một thời gian dài, cấm vận, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của các cơ quan nhà nước Việt Nam

5.3. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩ vụ phải:

- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

- Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng (05) năm ngày sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng trong văn bản thông báo cần nêu rõ các yếu tố cấu thành bất khả kháng, cũng như thời gian dự tính kéo dài của sự kiện bất khả kháng.

5.4. Thời hạn thực hiện những nghĩa vụ bị ảnh hưởng bởi các sự kiện bất khả kháng sẽ được gia hạn thêm một thời gian tương đương với thời gian chậm trễ do yếu tố bất khả kháng gây ra.

5.5. Nếu như xảy ra yếu tố bất khả kháng, một trong các bên không thể thực hiện hoặc hoàn thành nghĩa vụ của mình theo quy định của hợp đồng, hoặc thời gian bất khả kháng kéo dài hơn (1) một tháng, các bên sẽ gặp gỡ để cùng xem xét bối cảnh thực hiện hợp đồng, bàn bạc và đưa ra quyết định hợp lý, bao gồm cả việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn nếu các bên thỏa thuận như vậy.

ĐIỀU 6. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG – PHẠT VI PHẠM

6.1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và không bị đơn phương chấm dứt thực hiện, trừ trường hợp quy định tại Điều 6.4 dưới đây.

6.2. Thời hạn hiệu lực: 01 năm kể từ ngày ký

6.3. Mọi sự bổ sung, sửa đổi Hợp Đồng phải được hai bên ký kết bằng văn bản (phụ lục hợp đồng) và là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng.

Nếu bất kỳ điều khoản của Hợp Đồng được phát hiện là vô hiệu, thì trong mọi trường hợp sự vô hiệu của điều khoản đó sẽ không đương nhiên dẫn đến sự vô hiệu hoặc mất hiệu lực của các điều khoản khác của hợp đồng. Trong trường hợp đó, các Bên sẽ cùng nhau thương lượng và chấp nhận bằng văn bản về một hoặc các điều khoản có giá trị khác để điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế các điều khoản vô hiệu đó.

6.4. Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Kết thúc Thời Hạn Hiệu Lực và các Bên không thỏa thuận việc gia hạn;
- Theo thỏa thuận của các Bên;
- Một bên đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp Đồng theo quy định của pháp luật và các thỏa thuận của Hợp Đồng này.

6.5. Một bên được quyền thông báo đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng nếu thông báo bằng văn bản cho bên còn lại biết ít nhất (30) ba mươi ngày tính đến ngày dự kiến chấm dứt thực hiện.

6.6. Trừ trường hợp quy định tại điều 5.5 nêu trên, nếu bên nào vi phạm nghĩa vụ đã cam kết quy định trong hợp đồng thì sẽ bị buộc phải thực hiện đầy đủ những quy định đó trong thời hạn do bên bị vi phạm yêu cầu. Nếu bên kia có quyền xem xét về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng và phạt vi phạm cũng như yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật.

6.7. Khi hợp đồng bị hủy bỏ thì Hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm giao kết, các bên không phải thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận, trừ thỏa thuận về phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và thỏa thuận về giải quyết tranh chấp.

6.8. Phạt vi phạm-bồi thường thiệt hại:

- Ngoài các trường hợp chịu phạt vi phạm quy định tại Hợp đồng, Bên nào vi phạm nghĩa vụ của Hợp Đồng này và gây ra thiệt hại cho Bên còn lại thì phải chịu phạt vi phạm theo yêu cầu của Bên bị vi phạm.

Mức phạt vi phạm: 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm.

- Bên nào vi phạm quy định của Hợp Đồng gây ra thiệt hại thì phải chịu trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại phát sinh cho Bên còn lại và/hoặc bên thứ ba có liên quan (nếu có), bao gồm trách nhiệm thanh toán mọi chi phí phạt vi phạm mà Bên bị thiệt hại phải chịu với cơ quan nhà nước có thẩm quyền/ bên thứ ba, chi phí khắc phục hậu quả…

- Bên cạnh các quy định phạt tại Điều khoản này, nếu Bên A vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán cho số tiền bị chậm thanh toán theo lãi suất cho vay

của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm thanh toán kể từ ngày hết thời hạn thanh toán đến khi thanh toán xong.

ĐIỀU 7. BẢO MẬT

Các Bên cam kết tất cả thỏa thuận tại Hợp Đồng này được tuyệt đối bảo mật, không bên nào có quyền tiết lộ thông tin cho bên thứ ba với bất cứ mục đích gì. Nếu Bên nào tiết lộ thông tin làm thiệt hại về kinh tế và danh dự cho Bên kia thì hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho Bên bị vi phạm.

ĐIỀU 8. THỎA THUẬN KHÁC

8.1. Trừ trường hợp Hợp đồng có quy định khác, việc trao đổi giữa Bên A và Bên B phải được lập bằng văn bản và sẽ có hiệu lực kể từ ngày nhận được tại địa chỉ của các Bên như quy định tại phần đầu của Hợp đồng. Tất cả các thông báo theo Hợp đồng sẽ chỉ có hiệu lực nếu được gửi bằng hình thức chuyển tay hoặc chuyển fax có ký nhận bằng văn bản của bên nhận, hoặc được gửi bằng đường thư bảo đảm phí trả trước đến địa chỉ của các Bên như quy định tại phần đầu của Hợp Đồng, hoặc tới các địa chỉ khác mà mỗi Bên có thể thông báo bằng văn bản cho bên kia.

8.2. Hợp đồng hợp tác được điều chỉnh theo luật pháp nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Mọi tranh chấp phát sinh được các Bên ưu tiên giải quyết trên tinh thần thương lượng, hòa giải. Trong trường hợp các Bên không thể tự giải quyết thì các Bên có thể yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

8.3. Các văn bản sau sẽ được coi là hình thành và được hiểu là một phần của Hợp đồng:

- Hợp đồng kinh tế này;
- Các phụ lục, thoả thuận bổ sung văn bản trao đổi của các Bên sau ngày ký Hợp đồng có liên quan đến đối tượng của Hợp đồng và việc thực hiện Hợp đồng:

Các Bên cam kết đã đọc kỹ, hiểu rõ nội dung; hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình; hiểu rõ hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng và tự nguyện ký tên trên Hợp đồng này.

Hợp Đồng được lập thành (4) bốn bản, mỗi bản gồm (8) tám trang chữ, có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ (2) hai bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
Giám Đốc	**Tổng Giám Đốc**
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC	CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH PEDACO
BÙI THÁI CHIẾN	**TRƯƠNG HỒNG PHƯƠNG**

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÙ LAO XANH

Số: 36-2025.HĐKT.CTNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
____o0o____

Đồng Nai, ngày 28 tháng 04 năm 2025

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(V/v: Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại)

- *Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015;*
- *Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/06/2005;*
- *Căn cứ vào Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022.*
- *Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*
- *Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường*
- *Căn cứ Giấy phép môi trường số 219/GPMT-BTNMT được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 17/6/2024 cho Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh;*
- *Căn cứ vào nhu cầu của quý công ty và giấy phép kinh doanh chức năng thực hiện của Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh;*
- *Chúng tôi, đại diện hai bên gồm có:*

Hôm nay, ngày 28 tháng 04 năm 2025, tại Công ty TNHH Cù Lao Xanh
Chúng tôi, đại diện hai bên gồm có:

BÊN A: **TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC**

- Địa chỉ: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Điện thoại: 02513. 871.124
- Mã số thuế: 3600953747
- Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1025637
- Tài khoản số: 3714.0.1025637.00000 tại kho bạc nhà nước huyện Xuân Lộc
- Người đại diện: **BÙI THÁI CHIẾN** Chức vụ: Giám đốc

BÊN B: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH**

- Địa chỉ : Tổ 11, Ấp 7, Xã Xuân Tâm, Huyện Xuân Lộc Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Đại diện Ông : **NGUYỄN VÕ NGỌC TIỀN** Chức vụ: Giám Đốc Điều Hành
- Điện thoại : 02513.743473 Fax: 02513.950214
- Mã số thuế : 3600974514
- Tên tài khoản : CT CP CU LAO XANH
- Tài khoản số : 0121 000 631 881

- Tên ngân hàng : Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Đồng Nai.
- Địa chỉ ngân hàng: 53-55 đường Võ Thị Sáu, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hoà, Đồng Nai.

Hai bên cùng nhau tiến hành bàn bạc thoả thuận và đi đến thống nhất ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (gọi tắt là CTNH) theo các điều khoản như bên dưới:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

- Bên A đồng ý giao cho bên B làm đối tác trong việc thu gom, vận chuyển và xử lý một số loại CTNH phát sinh trong quá trình hoạt động của bên A.
- CTNH của bên A sẽ được bên B thu gom, vận chuyển về đến nhà máy xử lý của bên B tại địa chỉ: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. *(Danh mục chất thải được ghi rõ tại Điều 3 của hợp đồng này).*
- Các loại CTNH của bên A được xử lý theo đúng quy trình kỹ thuật và được cơ quan chức năng cho phép thực hiện theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam.
- Địa điểm lấy chất thải: **Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.** Chất thải thu gom hàng tháng theo yêu cầu của bên A. Sau khi nhận yêu cầu trong vòng 03 (ba) ngày thì bên B sẽ phải tiến hành đến thu gom và vận chuyển chất thải.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

2.1 Trách nhiệm Bên A

- Các loại CTNH phát sinh từ quá trình hoạt động của bên A phải được phân loại tại nguồn, tập trung thu gom và lưu giữ an toàn tại khu vực lưu trữ của bên A để chờ tiến hành bàn giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý.
- Bên A bố trí nhân viên hướng dẫn, phối hợp giám sát, hỗ trợ xe nâng trong quá trình thu gom chất thải (nếu cần). Tạo điều kiện thuận lợi cho bên B trong việc ra vào, bốc xếp và vận chuyển CTNH ra khỏi nhà máy.
- Khắc phục các vấn đề liên quan đến công tác phân loại, các vấn đề khác (nếu có) khi nhận được thông tin, chứng cứ từ bên B.
- Khi có phát sinh chất thải ngoài danh mục hợp đồng thu gom, bên A sẽ thông báo cho bên B biết để cùng bàn bạc ký phụ lục hợp đồng bổ sung (nếu có). Trong trường hợp bên B phát hiện chất thải của bên A giao bên B không đúng như danh mục tại điều 3 của hợp đồng này thì bên A phải nhanh chóng thu lại lượng chất thải đó và xử lý theo quy định của pháp luật, chịu mọi chi phí phát sinh và trách nhiệm trước pháp luật.
- Trong thời hạn hợp đồng có hiệu lực, bên A không được phép giao chất thải cho đơn vị khác xử lý khi chưa thông báo cho bên B. Nếu vi phạm phải chịu trách nhiệm theo pháp luật hiện hành.
- Thanh toán chi phí xử lý cho bên B đúng thời hạn.

2.2 Trách nhiệm Bên B

- Chịu trách nhiệm xuất trình với các cơ quan có thẩm quyền các giấy tờ có liên quan đến hoạt động xử lý chất thải và các giấy chứng nhận cho phép hoạt động của các phương tiện

vận chuyển chất thải chuyên dụng của bên B. Có trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục liên quan với cơ quan nhà nước (nếu có).

- Thực hiện lịch vận chuyển theo yêu cầu của bên A. Tuân thủ các yêu cầu của bên A khi bốc xếp chất thải, bảo đảm các chất thải phải được xử lý đúng theo quy định của pháp luật. Không được sử dụng CTNH của hợp đồng này vào các mục đích khác dẫn đến các tác động bất lợi cho môi trường.
- Chịu trách nhiệm thu gom chất thải theo đúng danh mục tại điều 3 hợp đồng này và các phụ lục hợp đồng bổ sung (nếu có).
- Tất cả các xe vận chuyển chất thải của bên B phải là xe chuyên dụng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định để tránh rơi vãi rác ra môi trường trường trong quá trình vận chuyển.
- Cán bộ, nhân viên của bên B khi ra vào làm việc tại khu vực của bên A phải chấp hành nội quy ra vào cổng và các quy định liên quan khác của bên A. Thực hiện theo đúng hệ thống quản lý an toàn và bảo vệ môi trường của bên A để đảm bảo trật tự an toàn nơi làm việc của bên A, nhân viên của bên B phải tuyệt đối chấp hành mọi chỉ dẫn của người đại diện bên A về việc đi lại, vị trí thu gom chất thải.
- Chịu trách nhiệm đối với nhân công của bên B, các sự cố về tai nạn lao động và các chế độ xã hội khác đối với nhân công của bên B.
- Chịu mọi trách nhiệm pháp lý về các hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải mà bên A đã giao.
- Có trách nhiệm đối chiếu và báo cáo số liệu hàng tháng với bên A và tạo điều kiện thuận lợi cho bên A trong quá trình kiểm tra cơ sở xử lý.
- Cung cấp phương tiện vận chuyển và mang đầy đủ các trang thiết bị dụng cụ an toàn cần thiết khi đến thu gom chất thải tại nhà máy bên A.
- Sau khi chất thải của Bên A bàn giao cho Bên B, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra (thất thoát, làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường) trong quá trình vận chuyển, lưu giữ và xử lý thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.

ĐIỀU 3 : GIÁ CẢ VÀ HÌNH THỨC THANH TOÁN

3.1 Giá cả

- Danh mục các loại CTNH và đơn giá xử lý như sau:

STT	Danh mục chất thải	MÃ CTNH	ĐVT	Đơn giá (VNĐ)
1	Chất thải lây nhiễm *(Đính kèm theo danh mục chi tiết bên dưới)*	13 01 01	Kg	13.500

DANH MỤC CHẤT THẢI CỦA TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

(Theo thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế)

STT	Chất thải lây nhiễm
1	***Chất thải lây nhiễm sắc nhọn***
	Kim tiêm, bơm liền kim tiêm, đầu sắc nhọn của dây truyền, kim chọc dò, kim châm cứu, lưỡi dao mổ, đinh, cưa dùng phẫu thuật, các ống tiêm, mảnh thuỷ tinh vỡ, các vật sắc nhọn khác đã qua sử dụng thải bỏ có dính, chứa máu của cơ thể hoặc chứa vi sinh vật gây bệnh.
2	***Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn***
	Bông, băng, gạc, găng tay, các chất thải không sắc nhọn khác thấm, dính, chứa máu của cơ thể, chứa vi sinh vật gây bệnh: vỏ, lọ vắc xin thuộc loại vắc xin bất hoạt hoặc giảm độc lực thải bỏ.
3	***Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao***
	Mẫu bệnh phẩm, dụng cụ dựng, dính mẫu bệnh phẩm, chất thải dính mẫu bệnh phẩm thải bỏ từ các phòng xét.
4	***Chất thải giải phẫu***
	Mô, Nhau thai (được ngâm trong dd preseft)

Ghi chú:

- ✓ *Đơn giá trên chưa bao gồm VAT.*
- ✓ *Đơn giá trên đã bao gồm phí vận chuyển, bốc xếp, lưu giữ, xử lý*
- ✓ *Đơn giá trên sẽ thay đổi khi có sự thỏa thuận hai bên và làm lại phụ lục hợp đồng*
- ✓ *Khối lượng trung bình 1 tháng: 1.500 kg đến 2.500 kg*

3.2 Hình thức thanh toán

- ✓ Cuối mỗi tháng hai bên tổng kết và đối chiếu công nợ, đồng thời bên B sẽ cung cấp hóa đơn tài chính hợp lệ cho bên A.
- ✓ Bên A thanh toán bằng chuyển khoản trước ngày 15 của tháng kế tiếp kể từ khi bên A nhận được hóa đơn tài chính do bên B cung cấp.
- ✓ Nếu quá thời hạn trên mà Bên A không thanh toán cho Bên B, Bên A phải thanh toán với mức lãi suất theo mức lãi suất tín dụng quá hạn của ngân hàng Nhà Nước Việt Nam tại thời điểm thanh toán.
- ✓ *Tên tài khoản : CT CP CU LAO XANH*
- ✓ *Tài khoản số : 0121 000 631 881*
- ✓ *Tên ngân hàng : Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Đồng Nai.*
- ✓ *Địa chỉ ngân hàng: 53-55 đường Võ Thị Sáu, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hoà, Đồng Nai.*

ĐIỀU 4: THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KIỆN KHI CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng này bắt đầu có hiệu lực từ ngày **28/04/2025** đến hết ngày **27/04/2026**. Sau thời hạn nêu trên, hai bên sẽ thảo luận để gia hạn thời gian hiệu lực của hợp đồng. Trường hợp nếu không gia hạn thì ngày hết hạn hợp đồng cũng là ngày thanh lý hợp đồng.
- Hợp đồng này sẽ chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- ✓ Một trong hai bên không thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm của mình nêu tại Điều 2, Điều 3 của hợp đồng này.
- ✓ Hai bên thoả thuận chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.
- ✓ Hợp đồng hết thời hạn hiệu lực nêu trên mà không được hai bên gia hạn tiếp.
- ✓ Trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng, bên A không thông báo thu gom, xử lý chất thải hoặc trong thời gian 90 ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục chuyển giao chất thải cho bên B thì bên B có thể kết thúc hợp đồng trước thời hạn và hợp đồng mặc nhiên không còn giá trị.

ĐIỀU 5: BẤT KHẢ KHÁNG

- Sự kiện bất khả kháng là những sự kiện xảy ra mang tính khách quan, không phụ thuộc vào ý chí và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các sự kiện như chiến tranh, động đất, lũ lụt, phát sinh sau khi hợp đồng được ký kết và ngăn chặn một hoặc cả hai bên thực hiện hợp đồng.
- Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo cho Bên kia trong vòng 24 giờ sau khi sự kiện đó diễn ra. Đồng thời phải tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa thiệt hại do sự kiện bất khả kháng gây ra.
- Các Bên không được quyền viện dẫn sự kiện bất khả kháng để chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên, nếu sự kiện như vậy kéo dài liên tục hơn 30 ngày, hai Bên sẽ tiến hành thảo luận để sửa đổi hoặc chấm dứt hợp đồng

ĐIỀU 6: CAM KẾT CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản đã ghi trong hợp đồng và cùng nhau giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện. Trong trường hợp tranh chấp phát sinh đều được ưu tiên giải quyết bằng con đường thương lượng, nếu không tự giải quyết được thì vấn đề sẽ được đưa ra giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành và theo quyết định của toà án nhân dân hoặc Toà án kinh tế có thẩm quyền.
- Tất cả sửa đổi, bổ sung hợp đồng đều phải được lập thành văn bản, phụ lục hợp đồng đính kèm không thể tách rời và có sự xác nhận của hai bên.
- Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau để làm căn cứ thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
(Giám đốc)	(Giám đốc điều hành)
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC	CÔNG TY CỔ PHẦN CỦ LAO XANH
BÙI THÁI CHIẾN	**NGUYỄN VÕ NGỌC TIẾN**

TỈNH ĐỒNG NAI	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 01 /2024

1. Bên giao (chủ nguồn thải) : Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc Địa chỉ văn phòng : Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai Địa chỉ cơ sở : Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai	ĐT: 02513.871.124 ĐT: 02513.871.124
2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển, hoặc chủ xử lý) : Công ty TNHH Cù Lao Xanh Địa chỉ văn phòng : Tổ 11, ấp 7, Xã Xuân Tâm, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai Địa chỉ cơ sở : Tổ 11, ấp 7, Xã Xuân Tâm, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai	ĐT: 02513743473 ĐT: 02513743473
3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao	

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT Chuyển giao (kg)	Ghi chú
01	Chất thải rắn thông thường	1126	
	Tổng khối lượng	1126	

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Đồng Nai, ngày 01 tháng 02 năm 2024 Bên giao KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC Nguyễn Văn Kiên	Đồng Nai, ngày 01 tháng 02 năm 2024 Bên nhận Thái Vũ Linh

TỈNH ĐỒNG NAI	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số:..02.../2024

1. Bên giao (chủ nguồn thải) : Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc Địa chỉ văn phòng : Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai Địa chỉ cơ sở : Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai	ĐT: 02513.871.124 DT: 02513.871.124
2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển, hoặc chủ xử lý) : Công ty TNHH Cù Lao Xanh Địa chỉ văn phòng : Tổ 11, ấp 7, Xã Xuân Tâm, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai Địa chỉ cơ sở : Tổ 11, ấp 7, Xã Xuân Tâm, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai	ĐT: 02513743473 DT: 02513743473
3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao	

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT Chuyển giao (kg)	Ghi chú
01	Chất thải rắn thông thường	600	
	Tổng khối lượng	600	

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Đồng Nai, ngày 09 tháng 04 năm 2024 **Bên giao** KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC Nguyễn Văn Kiên	Đồng Nai, ngày 09 tháng 04 năm 2024 **Bên nhận** Thái Vũ Linh

Đợt 5

TỈNH ĐỒNG NAI	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số:...3..../2024

1. Bên giao (chủ nguồn thải) : Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc Địa chỉ văn phòng : Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai Địa chỉ cơ sở : Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai	ĐT: 02513.871.124 DT: 02513.871.124
2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển, hoặc chủ xử lý) : Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh Địa chỉ văn phòng : Tổ 11, ấp 7, Xã Xuân Tâm, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai Địa chỉ cơ sở : Tổ 11, ấp 7, Xã Xuân Tâm, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai	ĐT: 02513743473 ĐT: 02513743473

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT Chuyển giao (kg)	Ghi chú
01	Chất thải rắn thông thường	1010	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Đồng Nai, ngày 19 tháng 7 năm 2024 **Bên giao** KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC Võ Thư	Đồng Nai, ngày 15 tháng 7 năm 2024 **Bên nhận** M.S.D.N: 3600974814 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH - T. ĐỒNG NAI Nguyễn Võ Ngọc Giấn

TỈNH ĐỒNG NAI	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 4.../2024

1. Bên giao (chủ nguồn thải) : Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc Địa chỉ văn phòng : Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai Địa chỉ cơ sở : Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai	ĐT: 02513.871.124 ĐT: 02513.871.124
2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển, hoặc chủ xử lý) : Công ty Cổ Phần Củ Lạo Xanh Địa chỉ văn phòng : Tổ 11, ấp 7, Xã Xuân Tâm, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai Địa chỉ cơ sở : Tổ 11, ấp 7, Xã Xuân Tâm, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai	ĐT: 02513743473 ĐT: 02513743473
3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao	

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT Chuyển giao (kg)	Ghi chú
01	Chất thải rắn thông thường	1122	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Đồng Nai, ngày tháng năm 2024	Đồng Nai, ngày 12 tháng 11 năm 2024
Bên giao	Bên nhận
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC Bùi Thái Chiến	CÔNG TY CỔ PHẦN CỦ LẠO XANH Nguyễn Võ Ngọc Tuấn

TỈNH ĐỒNG NAI	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số:...01../2025

1. Bên giao (chủ nguồn thải) : Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc Địa chỉ văn phòng : Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai Địa chỉ cơ sở : Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai	ĐT: 02513.871.124 ĐT: 02513.871.124
2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển, hoặc chủ xử lý) : Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh Địa chỉ văn phòng : Tổ 11, ấp 7, Xã Xuân Tâm, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai Địa chỉ cơ sở : Tổ 11, ấp 7, Xã Xuân Tâm, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai	ĐT: 02513743473 ĐT: 02513743473
3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao	

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT Chuyển giao (kg)	Ghi chú
01	Chất thải rắn thông thường	600	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Đồng Nai, ngày 26 tháng 2 năm 2025 Bên giao PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC Võ Thư	Đồng Nai, ngày 26 tháng 9 năm 2025 Bên nhận Đinh Công Hoàng

TỈNH ĐỒNG NAI	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số:...../2025

1. Bên giao (chủ nguồn thải) : Trung Tâm Y Tế Huyện Xuân Lộc Địa chỉ văn phòng : Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai Địa chỉ cơ sở : Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai	ĐT: ĐT:
2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển, hoặc chủ xử lý) : Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh Địa chỉ văn phòng : Tổ 11, ấp 7, Xã Xuân Tâm, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai Địa chỉ cơ sở : Tổ 11, ấp 7, Xã Xuân Tâm, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai	ĐT: 02513743473 ĐT: 02513743473

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT Chuyển giao (kg)	Ghi chú
01	Chất thải rắn công nghiệp tổng hợp	kg	6.15
02			
03			
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, bân nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 12 tháng 5 năm 2025 Bên giao GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC Bùi Thái Chiến	Đồng Nai, ngày 12 tháng 5 năm 2025 Bên nhận Hoang

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH THUẬN	CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 650/2024/3-4-5-6.130.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH1: **Công Ty Cổ Phần Môi Trường Xanh Pedaco** Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.130.VX
Địa chỉ văn phòng: Tòa nhà Petrovietnam, phòng 102, 1-5 đường Lê Duẩn, p.Bến Nghé, quận 1, TP. HCM
ĐT: 0249 9955868
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Thôn Tân Lý 1, xã Tân Bình, thị xã Lagi, tỉnh Bình Thuận. ĐT: 0252 6292222

2. Chủ CS DV XL CTNH2:..... Mã số QLCTNH.....
Địa chỉ văn phòng:..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở:..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: **Trung Tâm Y Tế Huyện Xuân Lộc** Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai ĐT: 02513.871.124
Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới dây nếu không ghi đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải			x	12 06 05	5,960	PT – C

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập .....
Số hiệu phương tiện: .....Ngày xuất cảng: .....Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện: 60C 01716

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DVXL CTNH 1/DVVC :Đinh Trọng Phước Ký:.....Ngày: 17/05/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DVXL CTNH 2:..... Ký:.....Ngày:.../.../.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 17 tháng 05 năm 2024

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Bùi Thái Chiến

8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Bình Thuận, Ngày ..21.. tháng ..5.... năm 2024

GIÁM ĐỐC

M.S.D.M: 3401201904 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH PEDACO - TX.LA GI - T.BÌNH THUẬN

NGÔ HOÀI PHƯƠNG

@Liên số: 1☐- 2☐- 3☐- 4☑

Ghi chú :.....

TỈNH/THÀNH PHỐ
Đồng Nai

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 763 / 2025/ 525/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi** Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: 525/GPMT-BTNMT
Địa chỉ văn phòng:Tầng 8,Tòa nhà Sonadezi, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, Biên Hòa, Đồng Nai ĐT: 02518 890 888
Địa chỉ cơ sở/đại lý: -Xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai ĐT: 02518 890 888

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:.....Số giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH:.....
Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở:..... ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: **Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc** Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH: 75.001316.T
Địa chỉ văn phòng:Xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai ĐT: 02513 871 124
Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai ĐT: 02513 871 124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Hộp mực in thải	✓			08 02 04	4	TĐ
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	✓			16 01 06	57	Nghiền – HR – C
3	Nước rửa phim X – Quang thải		✓		19 01 01		Hóa lý – SH
4	Xỉ, Tro đáy có các TPNH	✓			12 01 05		C

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....
Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60H-21506

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Quốc Chính Ký:.....Ngày: 08 / 04 / 2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
Xuân Lộc, ngày 08 tháng 04 năm 2025
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)
PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC
Võ Thư

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Biên Hòa, ngày 5 tháng 5 năm 2025
P.TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI
Trần Thị Thúy

@Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐
Ghi chú :.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được XL quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 01 /2024/538/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :538/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	115	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Lương Văn Cường — Ký:..... — Ngày: 02/01/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 02 tháng 01 Năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 02 tháng 01 năm 2024

CÔNG TY TNHH CÙ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 02 /2024/538/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :538/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	×			13 01 01	140	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp);. SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Lương Văn Cường — Ký:..... Ngày: 06/01/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 06 tháng 01 Năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 08 tháng 02 năm 2024

M.S.D.N: 3600974614 - C.T.N.H.H * CÔNG TY TNHH CÙ LAO XANH * TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 03 /2024/538/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :538/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	75	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Cao Minh Tuyền — Ký: ..... Ngày: 09/01/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 09 tháng 01 Năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 12 tháng 01 năm 2024

M.S.D.N: 3600784978 - C.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH CÙ LAO XANH - TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 04 /2024/538/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :538/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới dây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	×			13 01 01	139	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Thái Vũ Linh — Ký: — Ngày: 13/01/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 13 tháng 01 Năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI — TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 16 tháng 02 năm 2024

M.S.D.N: 3600974814 - C.T.T.N.H.H — CÔNG TY TNHH CÙ LAO XANH — TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 05 /2024/538/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :538/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới dây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	×			13 01 01	56	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Cao Minh Tuyền — Ký:..... Ngày: 16/01/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 16 tháng 01 Năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI — TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 16 tháng 01 năm 2024

M.S.D.N: 3600974514 - C.T.N.H.H — CÔNG TY TNHH CÙ LAO XANH — TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☒

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 06 /2024/538/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :538/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	157	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Thái Vũ Linh — Ký:... — Ngày: 20/01/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 20 tháng 01 Năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 05 tháng 02 năm 2024

M.S.D.N: 3600574814 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH CÙ LAO XANH - TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 07 /2024/538/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :538/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới dây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	74	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Thành Nhân — Ký:..... Ngày: 23/01/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 23 tháng 01 Năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 02 tháng 02 năm 2024

CÔNG TY TNHH CÙ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 08 /2024/538/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :538/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	×			13 01 01	75	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Thái Vũ Linh — Ký:..... Ngày: 25/01/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 25 tháng 01 Năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, ngày 02 tháng 02 năm 2024

CÔNG TY TNHH CÙ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☒

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 09 /2024/538/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :538/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	74	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Thái Vũ Linh — Ký:..... Ngày: 27/01/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 27 tháng 01 Năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI — TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 27 tháng 01 năm 2024

M.S.D.N: 3603... CÔNG TY TNHH CÙ LAO XANH TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☒

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 11 /2024/538/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :538/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	141	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Thái Vũ Linh — Ký:... — Ngày: 01/02/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 01 tháng 02 Năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI — TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 06 tháng 02 năm 2024

M.S.D.N: 3600974314 - C.T.C.P — CÔNG TY TNHH CÙ LAO XANH — TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☒

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 12 /2024/538/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :538/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	×			13 01 01	83	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Lê Thanh Nhàn — Ký:..... Ngày: 03/02/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 03 tháng 02 Năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 06 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY TNHH CÙ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4☒

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 14 /2024/538/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :538/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	311	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Thái Vũ Linh — Ký:..... Ngày: 16/02/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 16 tháng 02 Năm 2024

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 16 tháng 02 Năm 2024

CÔNG TY TNHH CÙ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 16 /2024/538/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :538/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	249	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Thái Vũ Linh — Ký:..... Ngày: 27/02/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 27 tháng 02 Năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 06 tháng 02 năm 2024

CÔNG TY TNHH CÙ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4☒

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 17 /2024/538/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :538/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	74	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Thái Vũ Linh — Ký:..... Ngày: 29/02/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 29 tháng 02 Năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI — TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 05 tháng 03 năm 2024

M.S.D.N: 3600... CÔNG TY TNHH CÙ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☒

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 18 /2024/538/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :538/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	178	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Thái Vũ Linh — Ký: ..... Ngày: 05/03/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 05 tháng 03 năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 04 tháng 04 năm 2024

CÔNG TY TNHH CÙ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Giấy

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4☒

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 19 /2024/538/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :538/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	123	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Ngọc Long — Ký:... — Ngày: 09/03/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 09 tháng 03 Năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 14 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY TNHH CÙ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Cẩn

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 20 /2024/538/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :538/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	142	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (So chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Đoàn Văn Hoàng — Ký:..... Ngày: 13/03/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 13 tháng 03 Năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 08 tháng 04 năm 2024

CÔNG TY TNHH CÙ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 21 /2024/538/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :538/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	81	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Đoàn Văn Hoàng — Ký:... — Ngày: 15/03/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 15 tháng 03 Năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 08 tháng 04 năm 2024

CÔNG TY TNHH CÙ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 22 /2024/538/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :538/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	105	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Cao Minh Tuyền — Ký:..... Ngày: 19/03/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 19 tháng 03 Năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 04 tháng 04 năm 2024

CÔNG TY TNHH CÙ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☒

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 23 /2024/538/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :538/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý * #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	287	TD-HR

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Ngọc Long — Ký: — Ngày: 29/03/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 29 tháng 03 Năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 29 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY TNHH CÙ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

(@) Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4☒

TQ

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 25 /2024/538/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :538/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	51	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Đoàn Văn Hoàng — Ký:..... Ngày:01/4/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 01 tháng 04 Năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Võ Thư

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 8 tháng 5 năm 2024

CÔNG TY TNHH CÙ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 26 /2024/538/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :538/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	231	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn), CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế), Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Ngọc Long — Ký:... — Ngày:09/4/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 09 tháng 04 Năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Võ Thư

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 8 tháng 5 năm 2024

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4☑

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 27 /2024/538/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :538/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	348	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Đoàn Văn Hoàng — Ký: Ngày:19/4/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 19 tháng 04 Năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Võ Thư

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 8 tháng 5 năm 2024

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4☒

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 28 /2024/538.GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :538/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	229	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Ngọc Long — Ký:..... Ngày:26/4/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 26 tháng 04 Năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Võ Thư

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 8 tháng 5 năm 2024

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 28 /2024/538/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :538/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	199	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Ngọc Long — Ký: Ngày:26/4/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 26 tháng 04 Năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Võ Thư

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 8 tháng 1 năm 2024

M.S.D.N: 3600974814 - C.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH CÙ LAO XANH - TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 29 /2024/538/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :538/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	*			13 01 01	30	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Ngọc Long — Ký:..... Ngày:26/4/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 26 tháng 04 Năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Võ Thư

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 5 tháng 5 năm 2024

CÔNG TY TNHH CÙ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

T5

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 30 /2024/538/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :538/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ H1, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ H1, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	279	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Đoàn văn Hoàng — Ký:..... Ngày:06/5/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 06 tháng 05 Năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiệt

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 07 tháng 6 năm 2024

CÔNG TY TNHH CÙ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4☑

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 31 /2024/538/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :538/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	350	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Thái Vũ Linh — Ký: ..... Ngày: 13/5/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 13 tháng 05 Năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 06 tháng 6 năm 2024

CÔNG TY TNHH CÙ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 32 /2024/538/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :538/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	331	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Thái Vũ Linh — Ký:... — Ngày: 22/5/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 22 tháng 05 Năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 28 tháng 6 năm 2024

CÔNG TY TNHH CÙ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 33 /2024/538/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :538/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	*			13 01 01	147	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Thái Vũ Linh — Ký: ..... Ngày: 27/5/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 27 tháng 05 Năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 04 tháng 6 năm 2024

CÔNG TY TNHH CÙ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 34 /2024/538/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :538/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	62	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Đoàn Văn Hoàng — Ký: ..... Ngày: 31/5/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 31 tháng 05 Năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 24 tháng 6 năm 2024

CÔNG TY TNHH CÙ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

76

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 36 /2024/538/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :538/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	191	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Thái Vũ Linh — Ký:..... Ngày: 06/6/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 06 tháng 06 Năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 06 tháng 7 năm 2024

CÔNG TY TNHH CÙ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 37 /2024/538/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :538/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	×			13 01 01	195	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hóa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Trần Duy Quang — Ký: ... Ngày: 12/6/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 12 tháng 06 Năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 06 tháng 7 năm 2024

M.S.D.N: 3600974514 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH CÙ LAO XANH - TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: • 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 38 /2024/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Củ Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	317	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Thái Vũ Linh — Ký:..... Ngày:20/6/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 20 tháng 06 Năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 1 tháng 7 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CỦ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 39 /2024/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	53	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Thái Vũ Linh — Ký:.Linh... Ngày:26/6/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 26 tháng 06 Năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

TỈNH ĐỒNG NAI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 26 tháng 7 năm 2024

M.S.D.N: 3600974314 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH H. XUÂN LỘC - T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Võ Ngọc Giếu

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

T7

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 41 /2024/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Củ Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	310	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Cao Minh Tuyến — Ký:..... Ngày:02/07/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 02 tháng 07 Năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 6 tháng 8 năm 2024

M.S.D.N: 3600974514 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CỦ LAO XANH - H. XUÂN LỘC - T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Võ Ngọc Giến

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4☑

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 42 /2024/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Củ Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	410	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C-24521

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Lê Thanh Nhân — Ký: — Ngày:12/07/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 12 tháng 07 Năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 6 tháng 8 năm 2024

M.S.D.N: 3600974514 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CỦ LAO XANH - H. XUÂN LỘC - T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☑

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 43 /2024/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Củ Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	89	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Thái Vũ Linh — Ký:..... Ngày:15/07/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 15 tháng 07 Năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 6 tháng 8 năm 2024

M.S.D.N: 3600974514 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CỦ LAO XANH - H. XUÂN LỘC - T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☑

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 44 /2024/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Củ Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	84	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Thái Vũ Linh — Ký: Linh — Ngày:17/07/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 17 tháng 07 Năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI — TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 6 tháng 8 năm 2024

M.S.D.N: 3600974514 - C.T.C.P * H. XUÂN LỘC - T. ĐỒNG NAI * — CÔNG TY CỔ PHẦN CỦ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☒

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 45 /2024/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	155	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Thái Vũ Linh — Ký: ... Ngày:22/07/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 22 tháng 07 Năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 6 tháng 8 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 46 /2024/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Củ Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại: Rắn	Lỏng	Bùn	Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	133	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hóa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Trần Duy Quang — Ký: Quang — Ngày:26/07/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 26 tháng 07 Năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp phù kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 8 tháng 8 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CỦ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4✓

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 48 /2024/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Củ Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	×			13 01 01	273	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Lê Thanh Nhàn — Ký: — Ngày:02/08/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 02 tháng 08 Năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 6 tháng 9 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CỦ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☑

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 49 /2024/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	184	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác: (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... — Nước nhập khẩu:..... — Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... — Ngày xuất cảng:..... — Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Đoàn Văn Hoàng — Ký: — Ngày:07/08/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 07 tháng 08 Năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 6 tháng 9 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 50 /2024/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	285	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Doãn Văn Hoàng — Ký:..... Ngày:14/08/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 14 tháng 08 Năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 6 tháng 9 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☑

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 51 /2024/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Củ Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	×			13 01 01	291	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Trần Duy Quang — Ký: Quang — Ngày:22/08/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 22 tháng 08 Năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 6 tháng 9 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CỦ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☑

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 52 /2024/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	144	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Trần Duy Quang — Ký: Quang — Ngày:29/08/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 29 tháng 08 Năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 6 tháng 9 năm 2024

M.S.D.N: 3600974 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH H. XUÂN LỘC - T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 51 2021.2194.CPMT-HTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Củ Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường: 2194/GPMT-HTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513 743 475

Địa chỉ cơ sở đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường: Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường: Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513 871 121

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513 871 121

4. Kê khai CTNH chuyển giao (xử dụng thêm trang phụ lục cho trang hợp dày hơn không giới hạn)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại: Rắn	Lỏng	Bùn	Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý
1	Chất thải lây nhiễm				13 01 01	231	TD-HR

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách chiết lọc); KT (Trơ hoá); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập đóng kén); CB (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (phải ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... — Nước nhập khẩu:..... — Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:..... — Ngày xuất cảng:..... — Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận chính xác số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C-54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Đơn vị vận chuyển: Trần Duy Quang — Ký: ..... — Ngày 05/09/2021

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 05 tháng 09 Năm 2021

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (hoặc đơn vị vận chuyển) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 29 tháng 9 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CỦ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Giến

(*) Liên số: 1: ... 2: ... 3: ... 4:

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 55 2024.219.GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường: 219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường: Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường: Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 0251 3871124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 0251 3871124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (Sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ):

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại: Rắn	Lỏng	Bùn	Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý
1	Chất thải lây nhiễm				13 01 01	266	ĐH-HR

- Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tích chiết lọc kết tinh); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); ĐT (Điều đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập đóng kén); CH (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... — Nước nhập khẩu:..... — Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:..... — Ngày xuất cảng:..... — Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận (hoặc số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4) — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60B-31527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Đơn vị vận chuyển: Doãn Văn Hoàng — Ký:..... — Ngày: 11/09/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 11 tháng 09 năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (hoặc cơ sở xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4)

Đồng Nai, Ngày 29 tháng 9 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Giấu

a/ Liên số: 1; 2; 3; 4

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 56 2024.219.GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường: 219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường: Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường: Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (Sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại: Rắn	Lỏng	Bùn	Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý *
1	Chất thải lây nhiễm				13 01 01	234	TD-HR

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách chiết lọc kết tinh); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập đóng kén); C (Chèn lấp); SC (So chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 68K-54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Đơn vị vận chuyển: Trần Duy Quang — Ký: ..... Ngày: 18/09/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... — Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (trước 5)

Đồng Nai, Ngày 18 tháng 09 Năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Ngày 23 tháng 09 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

Ghi chú: Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 57 2024.219.GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường: 219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02543 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02543 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường: Mã số QL CTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường: Mã số QL CTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại: Rắn	Lỏng	Bùn	Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý *
1	Chất thải lây nhiễm				13 01 01	199	TD-HR

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách chiết lọc lựa loại); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): ..... — Nước nhập khẩu: ..... — Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện: ..... — Ngày xuất cảng: ..... — Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60E-54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Cao Minh Tuyến — Ký: — Ngày: 25/09/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 25 tháng 09 Năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp nêu kê khai ở mục 4

Ngày 29 tháng 9 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Giàu

ư: Liên số: 1(1) - 2(1) - 3(1) - IV

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 59 -2024/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường: 219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm				13 01 01	250	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Trần Duy Quang — Ký: ..... — Ngày: 02/10/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 02 tháng 10 năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 03 tháng 10 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Diễm

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 60 /2024.219.GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường: 219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513 871 124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513 871 124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho hàng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại: Rắn	Lỏng	Bùn	Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
1	Chất thải lây nhiễm				13 01 01	310	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... — Nước nhập khẩu:..... — Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:..... — Ngày xuất cảnh:..... — Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 54527

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Văn Thành — Ký: Thanh — Ngày: 11/30/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 11 tháng 30 năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 30 tháng 11 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH

Nguyễn Thị Ngọc Điệp

@ Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 61 /2024/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường: 219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho hàng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm				13 01 01	216	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60H 16561

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Đinh Công Hoàng — Ký: ..... Ngày: 17/10/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... — Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 17 tháng 10 năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 5 tháng 11 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Bích

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 62 /2024/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường: 2196/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QL CTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QL CTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm				13 01 01	238	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... — Nước nhập khẩu:..... — Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:..... — Ngày xuất cảng:..... — Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60H 16561

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Trần Duy Quang — Ký: [signature] — Ngày: 23/10/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (trước 5)

Đồng Nai, Ngày 23 tháng 10 Năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, ngày 24 tháng 10 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4√

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 63 /2024/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường: 219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: ..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có): .....

Địa chỉ văn phòng: ..... — ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: ..... — ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có): .....

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm				13 01 01	230	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận dụng/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (nêu rõ tên phương pháp)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): ..... Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng: ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60H 16561

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Thành Nhân — Ký: ..... Ngày: 30/10/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký: ..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 30 tháng 10 Năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, ngày 5 tháng 11 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Thảo

@ Liên số: 1□ - 2□ 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 65 -2024 219 GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219 GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường :Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường :Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm				13 01 01	253	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách chiết lọc kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60H 16561

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Đơn vị vận chuyển: Đinh Công Hoàng — Ký: Hoàng — Ngày: 06/11/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (trước 5)

Đồng Nai, Ngày 06 tháng 11 Năm 2024

GIÁM ĐỐC

TỈNH ĐỒNG NAI SỞ Y TẾ TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Bùi Thái Chiến

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 5 tháng 12 năm 2024

M.S.D.N: 3600974514 - C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH * H. XUÂN LỘC - T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

Tờ Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 66 2024-219-GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại: Rắn	Lỏng	Bùn	Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
1	Chất thải lây nhiễm				13 01 01	185	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đóng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60H 16561

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Đơn vị vận chuyển: Đinh Công Hoàng — Ký: Hoàng — Ngày 12/11/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 12 tháng 11 Năm 2024

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Bùi Thái Chiến

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, ngày 15 tháng 12 năm 2024

M.S.D.N: 3600974514 - C.T.C.P * H. XUÂN LỘC - T. ĐỒNG NAI

CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

Tập Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 67 /2024/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219 GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm				13 01 01	246	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách chiết lọc kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng: ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60H 16561

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1 Đơn vị vận chuyển: Trần Duy Quang — Ký: Quang — Ngày: 19/11/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai Ngày 19 tháng 11 Năm 2024

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Rùi Thái Chiến

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

5 tháng 12 năm 2024

M.S.D.N: 3600474514 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH - H. XUÂN LỘC - T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Võ Ngọc Liên

Lưu ý: Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 68 2024/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Củ Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường: 219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm				13 01 01	305	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách chiết lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60H 16561

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Đơn vị vận chuyển: Đinh Công Hoàng — Ký: Xoáng — Ngày: 27/11/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 27 tháng 11 Năm 2024

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Bùi Thái Chiến

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 5 tháng 12 năm 2024

M.S.D.N: 3600974514 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CỦ LAO XANH - H. XUÂN LỘC - T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Võ Ngọc Liên

Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 70 2024-219-GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại: Rắn	Lỏng	Bùn	Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý *
1	Chất thải lây nhiễm				13 01 01	211	TD-HR

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60H 16561

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1 - Đơn vị vận chuyển: Trần Duy Quang — Ký: Quang — Ngày: 03-12-2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký: ..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Xuân Lộc ngày 03 tháng 12 Năm 2024

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI — TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Bùi Thái Chiến

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 28 tháng 12 năm 2024

M.S.D.N: 3600974514 - C.T.C.P — CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH — H. XUÂN LỘC - T. ĐỒNG NAI

Truyền: Võ Ngọc Tiến

Lưu ý: Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 71 2024.219-GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường: 219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại: Rắn	Lỏng	Bùn	Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý *
1	Chất thải lây nhiễm				13 01 01	465	TD-HR

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách-chiết lọc kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60H 16561

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Đơn vị vận chuyển: Trần Duy Quang — Ký: ... Ngày: 13/12/2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 13 tháng 12 Năm 2024

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI — TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Bùi Thái Chiến

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 28 tháng 12 năm 2024

M.S.D.N: 3600974514 - C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH * H. XUÂN LỘC - T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

(*) Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 72 2024 219-GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219.GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường .Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường. Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho hàng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại: Rắn	Lỏng	Bùn	Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý *
1	Chất thải lây nhiễm				13 01 01	229	HD-HR

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách chiết lọc kết tua); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60H 16561

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1 Đơn vị vận chuyển: Đinh Công Hoàng — Ký:..... Ngày: 19 12 2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 19 tháng 12 Năm 2024

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Bùi Thái Chiến

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Ngày 28 tháng 12 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

Ⓐ Liên số: 1 2 3

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 73 2024-219-GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm				13 01 01	214	TD-HR

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách chiết lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60H 16561

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Tấn Thịnh — Ký: Thịnh — Ngày: 26 12 2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 26 tháng 12 Năm 2024

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI — TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Bùi Thái Chiến

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 29 tháng 12 năm 2024

M.S.D.N: 3600974514 - C.T.C.P — CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH — H. XUÂN LỘC - T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1 /2025/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm				13 01 01	208	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60H 16561

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Thành Nhân — Ký: Nhân — Ngày: 03/01/2025

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 03 tháng 01 Năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI — TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 8 tháng 2 năm 2025

M.S.D.N: 3600974514 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH - H. XUÂN LỘC - T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Võ Ngọc Biên

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 2 /2025/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm				13 01 01	160	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đóng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60H 16561

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Đoàn Văn Hoàng — Ký:... — Ngày: 09/01/2025

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 09 tháng 01 Năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 8 tháng 2 năm 2025

M.S.D.N: 3600974514 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH - H. XUÂN LỘC - T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Võ Ngọc Diễn

(a) Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 3 /2025/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm				13 01 01	190	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60H 16561

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Văn Thành — Ký: Thanh — Ngày: 15/01/2025

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 15 tháng 01 Năm 2025

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI — TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 8 tháng 2 năm 2025

M.S.D.N: 3600974514 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH - H. XUÂN LỘC - T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Võ Ngọc Diễn

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 4 /2025/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm				13 01 01	140	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hóa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60H 16561

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Đinh Công Hoàng — Ký: Hoàng — Ngày: 22/01/2025

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 22 tháng 01 Năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Nguyễn Văn Kiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 8 tháng 2 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH

M.S.D.N: 3600914514 - C.T.C.P - H. XUÂN LỘC - T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1□ 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 6 /2025/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Củ Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	415	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60H 16561

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Đinh Công Hoàng — Ký: Hoàng — Ngày: 6/02/2025

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 6 tháng 02 Năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Võ Thư

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 15 tháng 02 năm 2025

M.S.D.N: 3600974... C.T.C.P — CÔNG TY CỔ PHẦN CỦ LAO XANH — H. XUÂN LỘC - T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Võ Ngọc Giếng

@ Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☑

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 7 /2025/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	166	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60H 16561

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Đinh Công Hoàng — Ký: Hoàng — Ngày: 12/02/2025

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 12 tháng 02 Năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Võ Thư

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Ngày 25 tháng 02 năm 2025

M.S.D.N: 3600974514 - C.T.C.P * H. XUÂN LỘC - T. ĐỒNG NAI * CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Giếm

@ Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☒

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 8 /2025/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Củ Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	×			13 01 01	172	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60H 16561

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Đinh Công Hoàng — Ký: Hoàng — Ngày: 19/02/2025

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 19 tháng 02 Năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Võ Thư

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 24 tháng 02 năm 2025

M.S.D.N: 3600974514 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CỦ LAO XANH - H. XUÂN LỘC - T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Võ Ngọc Điền

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 9 /2025/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	×			13 01 01	116	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60H 16561

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Đinh Công Hoàng — Ký: Hoàng — Ngày: 26/02/2025

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 26 tháng 02 Năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Võ Thư

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 4 tháng 3 năm 2025

M.S.D.N: 3600974514 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH - H. XUÂN LỘC - T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Võ Ngọc Giếm

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4☑

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 11 /2025/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	205	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60H 16561

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Đinh Công Hoàng — Ký: Hoàng — Ngày: 05/03/2025

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 05 tháng 03 Năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC

TỈNH ĐỒNG NAI SỞ Y TẾ TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Võ Thư

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 19 tháng 3 năm 2025

M.S.D.N: 3600743... C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH H. XUÂN LỘC - T. ĐỒNG NAI

Người: Võ Ngọc Biển

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 12 /2025/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	×			13 01 01	315	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60H 16561

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Đinh Công Hoàng — Ký: — Ngày: 13/03/2025

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 13 tháng 03 Năm 2025

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI — TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Võ Thư

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 19 tháng 3 năm 2025

M.S.D.N: 3600974.5 — C.T.C.P — CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH — H. XUÂN LỘC - T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Võ Ngọc Giới

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4☒

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 13 /2025/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	298	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60H 16561

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Đinh Công Hoàng — Ký: Hoàng — Ngày: 21/03/2025

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 21 tháng 03 Năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI — TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Võ Thư

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 24 tháng 3 năm 2025

M.S.D.N: 3600974514 - C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH * H. XUÂN LỘC - T. ĐỒNG NAI

Người: Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 15 /2025/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Củ Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	155	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60H 16561

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Đinh Công Hoàng — Ký: Hoàng — Ngày: 27/03/2025

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 27 tháng 03 Năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Võ Thư

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 3 tháng 4 năm 2025

M.S.D.N: 3600974514 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CỦ LAO XANH - H. XUÂN LỘC - T. ĐỒNG NAI

Tô Ngọc Tiến

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 16 /2025/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	355	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60H 16561

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Đinh Công Hoàng — Ký: Hoàng — Ngày: 04/04/2025

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 04 tháng 04 Năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Võ Thư

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Ngày 12 tháng 4 năm 2025

M.S.D.N: 3600374914 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH XUÂN LỘC - T. ĐỒNG NAI

Võ Ngọc Tiến

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 17 /2025/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	253	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60H 16561

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Đinh Công Hoàng — Ký: Hoàng — Ngày: 10/04/2025

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 10 tháng 04 Năm 2025

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI — TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Võ Thư

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 18 tháng 4 năm 2025

M.S.D.N: 3600945... - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH - H. XUÂN LỘC - T. ĐỒNG NAI

Võ Ngọc Kiến

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 18 /2025/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	182	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60H 16561

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Đinh Công Hoàng — Ký: Hoàng — Ngày: 15/04/2025

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 15 tháng 04 Năm 2025

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Võ Thư

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 18 tháng 4 năm 2025

M.S.D.N: 3600974514 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH - H. XUÂN LỘC - T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Võ Ngọc Điểm

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4☑

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 19 /2025/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	191	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (So chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60H 16561

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Đinh Công Hoàng — Ký: Hoàng — Ngày: 22/04/2025

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 22 tháng 04 Năm 2025

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Võ Thư

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 4 tháng 5 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH

M.S.D.N: 3600974... - C.T.C.P - H. XUÂN LỘC - T. ĐỒNG NAI

Người ký: Võ Ngọc Kiến

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 21 /2025/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	433	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60H 16561

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Đinh Công Hoàng — Ký: Hoàng — Ngày: 05/05/2025

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 05 tháng 05 Năm 2025

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Bùi Thái Chiến

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 18 tháng 5 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH

M.S.D.N: 3600916177 - C.T.C.P - H. XUÂN LỘC - T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Võ Ngọc Cẩm

@ Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☑

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 22 /2025/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	256	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60H 16561

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Đinh Công Hoàng — Ký: Hoàng — Ngày: 12/05/2025

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 12 tháng 05 Năm 2025

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI — TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

GIÁM ĐỐC

Bùi Thái Chiến

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 18 tháng 5 năm 2025

M.S.D.N: 3600974514 - C.T.C.P — CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH — H. XUÂN LỘC T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Võ Ngọc Điểm

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 23 /2025/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Củ Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	299	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60H 16561

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Minh Phúc — Ký: Phúc — Ngày: 19/05/2025

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 19 tháng 05 Năm 2025

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Bùi Thái Chiến

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 21 tháng 5 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CỦ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Diễn

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 25 /2025/219/GPMT-BTNMT

Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm				13 01 01	148	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh lọc); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60H 16561

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Đinh Công Hoàng — Ký:Hoàng — Ngày: 26/05/2025

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 26 tháng 05 Năm 2025

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Bùi Thái Chiến

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 1 tháng 6 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Châu

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4☒

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 26 /2025/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	245	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học): DX (Đồng xử lý): TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60H 16561

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Đinh Công Hoàng — Ký: Hoàng — Ngày: 03/06/2025

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 03 tháng 06 Năm 2025

TỈNH ĐỒNG NAI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Võ Thư

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 16 tháng 6 năm 2025

M.S.D.N: 3600974514 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH - H. XUÂN LỘC - T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Võ Ngọc Cường

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4√

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 27 /2025/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	*			13 01 01	240	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60H 16561

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Đinh Công Hoàng — Ký: Hoàng — Ngày: 10/06/2025

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 10 tháng 06 Năm 2025

TỈNH ĐỒNG NAI SỞ Y TẾ — TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Võ Thư

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 16 tháng 6 năm 2025

M.S.D.N: 3600971165 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH - H. XUÂN LỘC - T. ĐỒNG NAI

Người: Võ Ngọc Cấp

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 28 /2025/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Cù Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho hàng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	242	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60H 16561

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Đinh Công Hoàng — Ký: — Ngày: 17/06/2025

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 17 tháng 06 Năm 2025

TỈNH ĐỒNG NAI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Võ Thư

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 21 tháng 6 năm 2025

M.S.D.N: 3600974514 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH XUÂN LỘC - T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Võ Ngọc Cước

@ Liên số: 1☑ - 2☐ - 3☐ - 4☐

TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 29 /2025/219/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ Phần Củ Lao Xanh — Số Giấy phép môi trường :219/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng:..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc — Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH (nếu có) :

Địa chỉ văn phòng: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

Địa chỉ cơ sở: Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.871.124

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm	x			13 01 01	205	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60H 16561

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Đinh Công Hoàng — Ký: Hoàng — Ngày: 24/06/2025

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... — Ký:..... — Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, Ngày 24 tháng 06 Năm 2025

TỈNH ĐỒNG NAI SỞ Y TẾ TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Võ Thư

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, Ngày 3 tháng 7 năm 2025

M.S.D.N: 3600974514 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN CỦ LAO XANH H. XUÂN LỘC T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Võ Ngọc Tuấn

@ Liên số: 1☑ - 2☐ - 3☐ - 4☐

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày (date) 25 tháng (month) 4 năm (year) 2025

(BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ)

Kí hiệu: 1K25TDW

Số: 1129726

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Cách Mạng Tháng Tám, Phường Trung Dũng, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (02513)843316 MST: 3600259296

Tên khách hàng: Bệnh Viện Đa Khoa Xuân Lộc

Địa chỉ: Suối cát - Xuân lộc - đồng Nai

Mã số thuế:

Số danh bộ: E0041100 Mã khách hàng: 107001 Kỳ thanh toán: 4 Năm: 2025

Ngày ghi chỉ số: 22/04/2025 => 25/04/2025

Chỉ số cũ	Chỉ số mới	KL nước tiêu thụ (m3)
415301	417432	2131
Mức sử dụng (m3)	**Đơn giá**	**Thành tiền**
2.131	9.500	20.244.500
Tiền nước tính thuế:		**20.244.500**
Thuế GTGT: **5%**		**1.012.225**
Phí môi trường: **0%**		**0**
Tổng số tiền thanh toán:		**21.256.725**
Bằng chữ:	***Hai mươi mốt triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng./.***	

Được ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Ngày ký: 25-04-2025

Mã nhận hóa đơn: **5f91838** Tra cứu tại: **http://tracuuhoadon.mobifoneinvoice.vn**

(Khởi tạo từ Hệ thống hóa đơn điện tử MobiFone Invoice - Tổng Công ty Viễn thông MobiFone - MST: 0100686209)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày (date) 26 tháng (month) 5 năm (year) 2025

(BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ)

Kí hiệu: 1K25TDW

Số: 1374594

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Cách Mạng Tháng Tám, Phường Trung Dũng, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (02513)843316 MST: 3600259296

Tên khách hàng: Bệnh Viện Đa Khoa Xuân Lộc

Địa chỉ: Suối cát - Xuân lộc - đồng Nai

Mã số thuế:

Số danh bộ: E0041100 Mã khách hàng: 107001 Kỳ thanh toán: 5 Năm: 2025

Ngày ghi chỉ số: 22/05/2025 => 25/05/2025

Chỉ số cũ	Chỉ số mới	KL nước tiêu thụ (m3)
417432	419764	2332
Mức sử dụng (m3)	**Đơn giá**	**Thành tiền**
2.332	9.500	22.154.000
Tiền nước tính thuế:		**22.154.000**
Thuế GTGT: **5%**		**1.107.700**
Phí môi trường: **0%**		**0**
Tổng số tiền thanh toán:		**23.261.700**
Bằng chữ:	***Hai mươi ba triệu hai trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm đồng./.***	

Được ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Ngày ký: 26-05-2025

Mã nhận hóa đơn: **5bba9a1** Tra cứu tại: **http://tracuuhoadon.mobifoneinvoice.vn**

(Khởi tạo từ Hệ thống hóa đơn điện tử MobiFone Invoice - Tổng Công ty Viễn thông MobiFone - MST: 0100686209)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày (date) 19 tháng (month) 6 năm (year) 2025

(BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ)

Kí hiệu: 1K25TDN

Số: 94376

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Cách Mạng Tháng Tám, Phường Trung Dũng, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (02513)843316 MST: 3600259296

Tên khách hàng: Bệnh Viện Đa Khoa Xuân Lộc

Địa chỉ: Suối cát - Xuân lộc - đồng Nai

Mã số thuế: Số CCCD:

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách: Số hộ chiếu:

Số danh bộ: E0041100 Mã khách hàng: 107001 Kỳ thanh toán: 6 Năm: 2025

Ngày ghi chỉ số: 22/06/2025 => 25/06/2025

Chỉ số cũ	Chỉ số mới	KL nước tiêu thụ (m3)
419764	422096	2332
Mức sử dụng (m3)	**Đơn giá**	**Thành tiền**
2.332	9.500	22.154.000
Tiền nước tính thuế:		**22.154.000**
Thuế GTGT: **5%**		**1.107.700**
Phí môi trường: **0%**		**0**
Tổng số tiền thanh toán:		**23.261.700**
Bằng chữ:	***Hai mươi ba triệu hai trăm sáu mươi mốt nghìn bảy trăm đồng./.***	

Được ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Ngày ký: 19-06-2025

Mã nhận hóa đơn: **bd54df0** Tra cứu tại: **http://tracuuhoadon.mobifoneinvoice.vn**

(Khởi tạo từ Hệ thống hóa đơn điện tử MobiFone Invoice - Tổng Công ty Viễn thông MobiFone - MST: 0100686209)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

PHỤ LỤC 2

- Kết quả phân tích chất lượng nước thải năm 2023, 2024 và 06 tháng đầu năm 2025
- Kết quả phân tích chất lượng nước mặt năm 2023, 2024 và 06 tháng đầu năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Thới An 21, P. Thới An, Q. 12, TP. HCM
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@namvietenvi.com
MST: 0316.727.024 Website: namvietenvi.com

Số: 0027-04.2023/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC
Địa chỉ : Xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
Loại mẫu : Nước thải tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải
Ngày lấy mẫu : 29/03/2023 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT3/02/29.03.2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 28: 2010/ BTNMT (Cột A) (k =1,2)	QCVN 40: 2011/ BTNMT (Cột A) (k_q = 0,9; k_f = 1,1)	Phương pháp phân tích
1	pH(a) (*)(29,8°C)	-	6,72	6,5 – 8,5	6 – 9	TCVN 6492:2011
2	TSS(a)	mg/L	26,0	60	49,5	TCVN 6625:2000
3	COD(a)	mg/L	47,9	60	74,25	SMEWW 5220C:2017
4	BOD_5(a)	mg/L	22,94	36	29,7	SMEWW 5210B:2017
5	Amoni(a) (Tính theo N)	mg/L	3,92	6	4,95	TCVN 5988:1995
6	Tổng dầu mỡ động, thực vật(a)	mg/L	0,4	12	-	SMEWW 5520.B&F:2017
7	Sunfua(a) (Tính theo H_2S)	mg/L	0,16	1,2	0,198	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2017
8	Nitrat(a) (Tính theo N)	mg/L	0,32	36	-	TCVN 6180:1996
9	Phosphate(a) (Tính theo P)	mg/L	0,73	7,2	-	SMEWW 4500-P.E:2017
10	Salmonella(A)	CFU/100mL	KPH	KPH	KPH	TCVN 9717:2013
11	Shigella(A)	CFU/100mL	KPH	KPH	KPH	SMEWW 9260E:2017
12	Vibrio Cholerae(A)	CFU/100mL	KPH	KPH	KPH	SMEWW 9260H:2017

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

Ghi chú: *Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả*
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường
(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động, Vimcerts 026)
KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thanh Sơn

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TOÀN-SỨC KHỎE-MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Thới An 21, P. Thới An, Q. 12, TP. HCM
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@namvietenvi.com
MST: 0316.727.024 Website: namvietenvi.com

Số: 0102-06.2023/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC
Địa chỉ : Xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
Loại mẫu : Nước thải tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải
Lần ban hành : 01
Ngày lấy mẫu : 15/06/2023
Mã số mẫu : NT3/02/15.06.2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 28: 2010/BTNMT (Cột A; K =1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH[a][*](31,1°C)	-	7,04	2 ÷ 12	6,5 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	TSS[a]	mg/L	34,0	4,0	60	TCVN 6625:2000
3	COD[a]	mg/L	52,1	3,0	60	SMEWW 5220C:2017
4	BOD_5[a]	mg/L	27,23	1,0	36	SMEWW 5210B:2017
5	Amoni[a] (Tính theo N)	mg/L	2,8	1,0	6	TCVN 5988:1995
6	Dầu, mỡ động thực vật[a]	mg/L	0,4	0,3	12	SMEWW 5520.B&F:2017
7	Sunfua[a] (Tính theo H_2S)	mg/L	KPH	0,07	1,2	SMEWW 4500-S^2-.B&D:2017
8	Nitrat[a] (Tính theo N)	mg/L	1,64	0,12	36	SMEWW 4500-NO_3 -.E:2017
9	Photphat[a] (Tính theo P)	mg/L	0,427	0,03	7,2	SMEWW 4500-P.E:2017
10	Salmonella[Δ]	CFU/100mL	KPH	-	KPH	TCVN 9717:2013
11	Shigella[Δ]	CFU/100mL	KPH	-	KPH	SMEWW 9260E:2017
12	Vibrio Cholerae[Δ]	CFU/100mL	KPH	-	KPH	SMEWW 9260H:2017

Ghi chú: *Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả*
[a]: Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
[*]: Các chỉ tiêu đo hiện trường
[Δ]: Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động. Vimcerts 026)
KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thanh Sơn

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TOÀN-SỨC KHỎE-MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Thới An 21, P. Thới An, Q. 12, TP. HCM
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Website: namvietenvi.com

Số: 0202-09.2023/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC
Địa chỉ : Xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
Loại mẫu : Nước thải tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải
Ngày lấy mẫu : 12/09/2023 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT2/01/12.09.2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 28: 2010/BTNMT (Cột A; K =1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH[a] (*)(30,9°C)	-	6,94	2 ÷ 12	6,5 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	TSS[a]	mg/L	26,0	4,0	60	TCVN 6625:2000
3	COD[a]	mg/L	48,2	3,0	60	SMEWW 5220C:2017
4	BOD_5[a]	mg/L	27,1	1,0	36	SMEWW 5210B:2017
5	Amoni[a] (Tính theo N)	mg/L	2,24	1,0	6	TCVN 5988:1995
6	Dầu, mỡ động thực vật[a]	mg/L	KPH	0,3	12	SMEWW 5520.B&F:2017
7	Sunfua[a] (Tính theo H_2S)	mg/L	KPH	0,07	1,2	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2017
8	Nitrat[a] (Tính theo N)	mg/L	1,18	0,12	36	SMEWW 4500-NO_3 -.E:2017
9	Photphat[a] (Tính theo P)	mg/L	0,9	0,03	7,2	SMEWW 4500-P.E:2017
10	Salmonella[Δ]	CFU/100mL	KPH	-	KPH	TCVN 9717:2013
11	Shigella[Δ]	CFU/100mL	KPH	-	KPH	SMEWW 9276:2023
12	Vibrio Cholerae[Δ]	CFU/100mL	KPH	-	KPH	SMEWW 9278:2023

Ghi chú: *Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả*
[a]: Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(*): Các chỉ tiêu do hiện trường
[Δ]: Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động, Vimcerts 026)
KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thanh Sơn

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q. 12, TP. HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn
VIMCERTS 314

Số: 0257-12.2023/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC
Địa chỉ : Xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
Loại mẫu : Nước thải tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải
Ngày lấy mẫu : 29/11/2023 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT5/03/29.11.2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 28: 2010/BTNMT (Cột A; K =1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH[a][*](31,1°C)	-	7,08	2 ÷ 12	6,5 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	TSS[a]	mg/L	32,0	4,0	60	TCVN 6625:2000
3	COD[a]	mg/L	50,0	3,0	60	SMEWW 5220C:2017
4	BOD_5[a]	mg/L	25,9	1,0	36	SMEWW 5210B:2017
5	Amoni[a] (Tính theo N)	mg/L	2,52	1,0	6	TCVN 5988:1995
6	Dầu, mỡ động thực vật[a]	mg/L	0,4	0,3	12	SMEWW 5520.B&F:2017
7	Sunfua[a] (Tính theo H_2S)	mg/L	KPH	0,07	1,2	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2017
8	Nitrat[a] (Tính theo N)	mg/L	1,52	0,12	36	SMEWW 4500-NO_3 -.E:2017
9	Photphat[a] (Tính theo P)	mg/L	0,41	0,03	7,2	SMEWW 4500-P.E:2017
10	Salmonella[Δ]	CFU/100mL	KPH	-	KPH	TCVN 9717:2013
11	Shigella[Δ]	CFU/100mL	KPH	-	KPH	SMEWW 9260E:2017
12	Vibrio Cholerae[Δ]	CFU/100mL	KPH	-	KPH	SMEWW 9260H:2017

Ghi chú: *Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả*
[a]: Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
[*]: Các chỉ tiêu đo hiện trường
[Δ]: Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường Coshet, Vimcerts 026)
KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thanh Sơn

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TOÀN-SỨC KHỎE-MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn
VIMCERTS 314

Số: : 0027-04.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC
Địa chỉ : Xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
Loại mẫu : Nước thải tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải
Ngày lấy mẫu : 27/03/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT2/01/27.03.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 28: 2010/BTNMT (Cột A; K =1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH[a](*)(30,5°C)	-	7,02	2 ÷ 12	6,5 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	TSS[a]	mg/L	30,0	4,0	60	TCVN 6625:2000
3	COD[a]	mg/L	44,0	3,0	60	SMEWW 5220C:2017
4	BOD_5[a]	mg/L	25,2	1,0	36	SMEWW 5210B:2017
5	Amoni[a] (Tính theo N)	mg/L	3,08	1,0	6	TCVN 5988:1995
6	Dầu, mỡ động thực vật[a]	mg/L	0,6	0,3	12	SMEWW 5520.B&F:2017
7	Sunfua[a](Tính theo H_2S)	mg/L	KPH	0,07	1,2	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2017
8	Nitrat[a] (Tính theo N)	mg/L	2,87	0,12	36	SMEWW 4500-NO_3 -.E:2017
9	Photphat[a] (Tính theo P)	mg/L	0,42	0,03	7,2	SMEWW 4500-P.E:2017
10	Salmonella[Δ]	CFU/100mL	KPH	-	KPH	TCVN 9717:2013
11	Shigella[Δ]	CFU/100mL	KPH	-	KPH	SMEWW 9276:2023
12	Vibrio Cholerae[Δ]	CFU/100mL	KPH	-	KPH	SMEWW 9278:2023

Ghi chú: *Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả*
[a]: Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(*): Các chỉ tiêu do hiện trường
[Δ]: Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường Coshet, Vimcerts 026)
KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TOÀN-SỨC KHỎE-MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn
VIMCERTS 314

Số: 0117-07.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 07 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC
Địa chỉ : Xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
Loại mẫu : Nước thải tại đầu ra cửa hệ thống xử lý nước thải
Ngày lấy mẫu : 24/06/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT2/03/24.06.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 28: 2010/BTNMT (Cột A; K =1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH[a][*](29,8°C)	-	7,12	2 ÷ 12	6,5 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	TSS[a]	mg/L	26,0	4,0	60	TCVN 6625:2000
3	COD[a]	mg/L	41,0	3,0	60	SMEWW 5220C:2017
4	BOD_5[a]	mg/L	23,9	1,0	36	SMEWW 5210B:2017
5	Amoni[a] (Tính theo N)	mg/L	3,17	0,07	6	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017
6	Dầu, mỡ động thực vật[a]	mg/L	0,5	0,3	12	SMEWW 5520.B&F:2017
7	Sunfua[a] (Tính theo H_2S)	mg/L	KPH	0,07	1,2	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2017
8	Nitrat[a] (Tính theo N)	mg/L	2,78	0,12	36	SMEWW 4500-NO_3 -.E:2017
9	Photphat[a] (Tính theo P)	mg/L	0,38	0,03	7,2	SMEWW 4500-P.E:2017
10	Salmonella[Δ]	CFU/100mL	KPH	-	KPH	TCVN 9717:2013
11	Shigella[Δ]	CFU/100mL	KPH	-	KPH	SMEWW 9276:2023
12	Vibrio Cholerae[Δ]	CFU/100mL	KPH	-	KPH	SMEWW 9278:2023

Ghi chú: *Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả*
[a]: Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
[*]: Các chỉ tiêu do hiện trường
[Δ]: Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường Coshet, Vimcerts 026)
KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn
VIMCERTS 314

Số: 0175-10.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC
Địa chỉ : Xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
Loại mẫu : Nước thải tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải
Ngày lấy mẫu : 20/09/2024 Lần ban hành : 01
Ngày nhận mẫu : 21/09/2024
Mã số mẫu : NT2/04/21.09.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 28: 2010/BTNMT (Cột A; K =1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH[a)*](30,2°C)	-	6,92	2 ÷ 12	6,5 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	TSS[a)]	mg/L	26,0	4,0	60	TCVN 6625:2000
3	COD[a)]	mg/L	38,0	3,0	60	SMEWW 5220C:2017
4	BOD_5[a)]	mg/L	16,5	1,0	36	SMEWW 5210B:2017
5	Amoni[a)] (Tính theo N)	mg/L	2,77	1,0	6	TCVN 5988:1995
6	Dầu, mỡ động thực vật[a)]	mg/L	0,40	0,3	12	SMEWW 5520.B&F:2017
7	Sunfua[a)] (Tính theo H_2S)	mg/L	KPH	0,07	1,2	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2017
8	Nitrat[a)] (Tính theo N)	mg/L	2,72	0,12	36	SMEWW 4500-NO_3 -.E:2017
9	Photphat[a)] (Tính theo P)	mg/L	0,51	0,03	7,2	SMEWW 4500-P.E:2017
10	Salmonella[Δ)]	Vi khuẩn /100mL	KPH	4	KPH	TCVN 9717:2013
11	Shigella[Δ)]	Vi khuẩn /100mL	KPH	4	KPH	SMEWW 9260E:2017
12	Vibrio Cholerae[Δ)]	Vi khuẩn /100mL	KPH	4	KPH	SMEWW 9260H:2017

Ghi chú: *Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả*
[a)]: Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
[*]: Các chỉ tiêu đo hiện trường
[Δ)]: Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Công Ty Cổ Phần Xây Dựng và Môi Trường Đại Phú, Vimcerts 292)
KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn
VIMCERTS 314

Số: 0317-12.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC**
Địa chỉ : Xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
Loại mẫu : Nước thải tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải
Ngày lấy mẫu : 02/12/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT2/13/02.12.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 28: 2010/BTNMT (Cột A; K =1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH[a][*](29,9°C)	-	7,36	2 ÷ 12	6,5 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	TSS[a]	mg/L	33,0	4,0	60	TCVN 6625:2000
3	COD[a]	mg/L	45,0	3,0	60	SMEWW 5220C:2017
4	BOD_5[a]	mg/L	24,7	1,0	36	SMEWW 5210B:2017
5	Amoni[a] (Tính theo N)	mg/L	3,24	0,07	6	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017
6	Dầu, mỡ động thực vật[a]	mg/L	1,05	0,3	12	SMEWW 5520.B&F:2017
7	Sunfua[a] (Tính theo H_2S)	mg/L	KPH	0,07	1,2	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2017
8	Nitrat[a] (Tính theo N)	mg/L	3,01	0,12	36	SMEWW 4500-NO_3 -.E:2017
9	Photphat[a] (Tính theo P)	mg/L	0,42	0,03	7,2	SMEWW 4500-P.E:2017
10	Salmonella[A]	/100mL	KPH	0,7	KPH	TCVN 9717:2013
11	Shigella[A]	/100mL	KPH	0,5	KPH	SMEWW 9276:2023
12	Vibrio Cholerae[A]	/100mL	KPH	0,7	KPH	SMEWW 9278:2023

Ghi chú: *Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả*
[a]: Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
[*]: Các chỉ tiêu đo hiện trường
[A]: Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Sắc Ký Sài Gòn, Vimcerts 330)
KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TOÀN-SỨC KHỎE-MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn
VIMCERTS 314

Số: 57-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC**
Địa chỉ : Xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
Loại mẫu : Nước thải tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải
Ngày lấy mẫu : 31/03/2025 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT2/01/31.03.2025

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 28: 2010/BTNMT (Cột A; K =1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH[a)(*)]	-	7,04	2 ÷ 12	6,5 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	TSS[a)]	mg/L	35,0	4,0	60	TCVN 6625:2000
3	COD[a)]	mg/L	46,0	3,0	60	SMEWW 5220C:2017
4	BOD_5[a)]	mg/L	25,6	1,0	36	SMEWW 5210B:2017
5	Amoni[a)] (Tính theo N)	mg/L	2,67	0,07	6	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017
6	Dầu, mỡ động thực vật[a)]	mg/L	0,700	0,3	12	SMEWW 5520.B&F:2017
7	Sunfua[a)] (Tính theo H_2S)	mg/L	KPH	0,07	1,2	SMEWW 4500-S^2-.B&D:2017
8	Nitrat[a)] (Tính theo N)	mg/L	2,84	0,12	36	SMEWW 4500-NO_3 - .E:2017
9	Photphat[a)] (Tính theo P)	mg/L	0,395	0,03	7,2	SMEWW 4500-P.E:2017
10	Salmonella[Δ)]	CFU/100mL	KPH	-	KPH	TCVN 9717:2013
11	Shigella[Δ)]	CFU/100mL	KPH	-	KPH	SMEWW 9276:2023
12	Vibrio Cholerae[Δ)]	CFU/100mL	KPH	-	KPH	SMEWW 9278:2023

Ghi chú: *Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả*
[a)]: Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường
[Δ)]: Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Sắc Ký Sài Gòn, Vimcerts 330)
KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn
VIMCERTS 314

Số: 206-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC XUÂN LỘC
Địa chỉ : Ấp Suối Cát 1, Xã Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 24/06/2025
Mã số mẫu : NT2/04/24.06.2025 Lần ban hành : 01
Thông tin lấy mẫu : Nước thải tại đầu ra sau HTXL TTYT huyện Xuân Lộc

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 28:2010/BTNMT (Cột A; K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH[a),K*](28,7°C)	-	7,31	2 ÷ 12	6,5 ÷ 8,5	TCVN 6492:2011
2	BOD_5[a)]	mg/L	25,8	1,0	36	SMEWW 5210B:2017
3	COD[a)]	mg/L	53,0	3,0	60	SMEWW 5220C:2017
4	TSS[a)]	mg/L	30,0	4,0	60	TCVN 6625:2000
5	Dầu, mỡ động thực vật[a)]	mg/L	1,00	0,3	12	SMEWW 5520.B&F:2017
6	Sunfua[a)]	mg/L	KPH	0,07	1,2	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2017
7	Amoni[a)]	mg/L	3,07	0,07	6	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017
8	Nitrat[a)]	mg/L	3,01	0,12	36	SMEWW 4500-NO_3^-.E:2017
9	Photphat[a)]	mg/L	1,17	0,03	7,2	SMEWW 4500-P.E:2017
10	Salmonella[d)]	/100mL	KPH	0,7	KPH	TCVN 9717:2013
11	Shigella[d)]	/100mL	KPH	0,5	KPH	SMEWW 9276:2023
12	Vibrio Cholerae[d)]	/100mL	KPH	0,7	KPH	SMEWW 9278:2023

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả
a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
K): Các chỉ tiêu đo hiện trường
d): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Sắc Ký Sài Gòn, Vimcerts 330)
KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Thới An 21, P. Thới An, Q. 12, TP. HCM
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@namvietenvi.com
MST: 0316.727.024 Website: namvietenvi.com

Số: 0102-06.2023/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC
Địa chỉ : Xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
Loại mẫu : Nước mặt nguồn tiếp nhận tại sông Ray
Ngày lấy mẫu : 15/06/2023 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NM1/02/15.06.2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 08-MT: 2015/BTNMT (CỘT A2)	Phương pháp phân tích
1	pH(a)(*)(30,5°C)	-	6,97	2 ÷ 12	6 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	BOD_5(a)	mg/L	8,73	1,0	6	SMEWW 5210B:2017
3	COD(a)	mg/L	14,0	3,0	15	SMEWW 5220C:2017
4	DO(a)(*)	mg/L	5,2	0 ÷ 16	≥ 5	TCVN 7325:2016
5	TSS(a)	mg/L	12,0	4,0	30	TCVN 6625:2000
6	Amoni(a) (Tính theo N)	mg/L	KPH	0,07	0,3	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017
7	Coliform(a)	MPN/100mL	3.400	2	5.000	SMEWW 9221B:2017
8	E.coli (a)	MPN/100mL	39	2	50	SMEWW 9221G:2017

Ghi chú: *Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả*
(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường
KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thanh Sơn

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TOÀN·SỨC KHỎE ·MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q. 12, TP. HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn
VIMCERTS 314

Số: 0257-12.2023/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC
Địa chỉ : Xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
Loại mẫu : Nước mặt nguồn tiếp nhận tại sông Ray
Ngày lấy mẫu : 29/11/2023 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NM1/03/29.11.2023

. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 08:2023/BTNMT			Phương pháp phân tích
					Bảng 1	Bảng 2		
						Mức A	Mức B	
1	pH[a](*)(30,7°C)	-	7,04	2 ÷ 12	-	6,5-8,5	6,0 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	BOD_5[a]	mg/L	5,9	1,0	-	4	6	SMEWW 5210B:2017
3	COD[a]	mg/L	14,0	3,0	-	10	15	SMEWW 5220C:2017
4	DO[a](*)	mg/L	6,1	0 ÷ 16	-	≥ 6,0	≥ 5,0	TCVN 7325:2016
5	TSS[a]	mg/L	12,0	4,0	-	25	100	TCVN 6625:2000
6	Amoni[a] (Tính theo N)	mg/L	KPH	0,07	0,3	-	-	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017
7	Coliform[a]	MPN/100mL	1.100	2	-	1.000	5.000	SMEWW 9221B:2017
8	E.coli[a]	MPN/100mL	20	2	20	-	-	SMEWW 9221G:2017

Ghi chú: *Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả*
[a]: Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường
KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thanh Sơn

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn
VIMCERTS 314

Số: 0117-07.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 07 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC
Địa chỉ : Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai
Loại mẫu : Nước mặt tại nguồn tiếp nhận tại Sông Ray
Ngày lấy mẫu : 24/06/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NM1/03/24.06.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 08:2023/BTNMT			Phương pháp phân tích
					Bảng 1	Bảng 2		
						Mức A	Mức B	
1	pH[(a)(*)](30,5°C)	-	6,98	2 ÷ 12	-	6,5-8,5	6,0 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	BOD_5[(a)]	mg/L	5,62	1,0	-	4	6	SMEWW 5210B:2017
3	COD[(a)]	mg/L	12,0	3,0	-	10	15	SMEWW 5220C:2017
4	DO[(a)(*)]	mg/L	6,2	0 ÷ 16	-	≥ 6,0	≥ 5,0	TCVN 7325:2016
5	TSS[(a)]	mg/L	16,0	4,0	-	25	100	TCVN 6625:2000
6	Amoni[(a)] (Tính theo N)	mg/L	KPH	0,07	0,3	-	-	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017
7	Coliform[(a)]	MPN/100mL	1.500	2	-	1.000	5.000	SMEWW 9221B:2017
8	E.Coli[(a)]	MPN/100mL	16	2	20	-	-	SMEWW 9221G:2017

Ghi chú: *Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả*
(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường
KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn
VIMCERTS 314

Số: 0317-12.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC**
Địa chỉ : Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai
Loại mẫu : Nước mặt tại nguồn tiếp nhận tại Sông Ray
Ngày lấy mẫu : 02/12/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NM1/13/02.12.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 08:2023/BTNMT			Phương pháp phân tích
					Bảng 1	Bảng 2		
						Mức A	Mức B	
1	pH[a][*](30,3°C)	-	7,34	2 ÷ 12	-	6,5-8,5	6,0 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	BOD_5[a]	mg/L	5,82	1,0	-	4	6	SMEWW 5210B:2017
3	COD[a]	mg/L	14,0	3,0	-	10	15	SMEWW 5220C:2017
4	DO[a][*]	mg/L	5,8	0 ÷ 16	-	≥ 6,0	≥ 5,0	TCVN 7325:2016
5	TSS[a]	mg/L	22,0	4,0	-	25	100	TCVN 6625:2000
6	Amoni[a] (Tính theo N)	mg/L	KPH	0,07	0,3	-	-	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017
7	Coliform[a]	MPN/100mL	1.700	2	-	1.000	5.000	SMEWW 9221B:2017
8	E.Coli[a]	MPN/100mL	14	2	20	-	-	SMEWW 9221G:2017

Ghi chú: *Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả*
[a]: Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
[*]: Các chỉ tiêu do hiện trường
KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TOÀN·SỨC KHỎE ·MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn
VIMCERTS 314

Số: 206-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC XUÂN LỘC
Địa chỉ : Ấp Suối Cát 1, Xã Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai
Loại mẫu : Nước mặt
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được dậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 24/06/2025
Mã số mẫu : NM1/04/24.06.2025 Lần ban hành : 01
Thông tin lấy mẫu : Nước mặt nguồn tiếp nhận tại suối Sông Ray TTYT huyện Xuân Lộc

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 08:2023/BTNMT			Phương pháp phân tích
					Bảng 1	Bảng 2		
						Mức A	Mức B	
1	pH[a)(*)](29,1°C)	-	7,51	2 ÷ 12	-	6,5 ÷ 8,5	6,0 ÷ 8,5	TCVN 6492:2011
2	BOD_5[a)]	mg/L	5,03	1,0	-	≤ 4	≤ 6	SMEWW 5210B:2017
3	COD[a)]	mg/L	13,0	3,0	-	≤ 10	≤ 15	SMEWW 5220C:2017
4	DO[a)(*)]	mg/L	6,0	0 ÷ 16	-	≥ 6,0	≥ 5,0	TCVN 7325:2016
5	TSS[a)]	mg/L	24,0	4,0	-	≤ 25	≤ 100	TCVN 6625:2000
6	Amoni[a)]	mg/L	0,138	0,07	0,3	-	-	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017
7	Coliform[a)]	MPN/100mL	4.600	2	-	≤ 1.000	≤ 5.000	SMEWW 9221B:2017
8	E.Coli[a)]	MPN/100mL	14	2	20	-	-	SMEWW 9221G:2017

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả
a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường
KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC

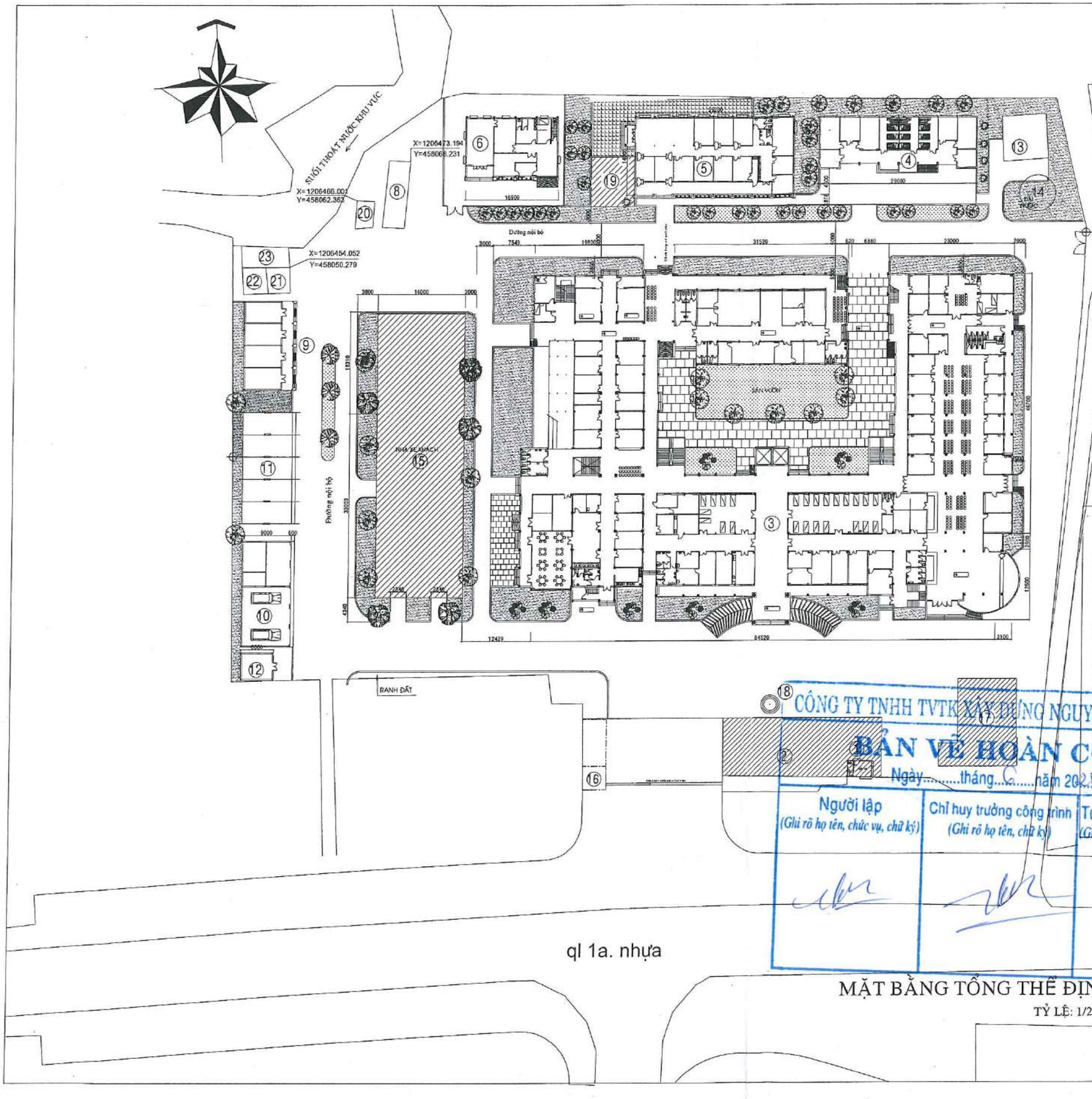
CÔNG TY CỔ PHẦN AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

PHỤ LỤC 3

- Bản vẽ hoàn công hiện trạng mặt bằng tổng thể
- Bản vẽ hoàn công hiện trạng mặt bằng thu gom, thoát nước mưa và nước thải
- Bản vẽ hoàn công Trạm xử lý nước thải tập trung, công suất 200m^3/ngày.đêm
- Bản vẽ thiết kế bể tự hoại, kho chứa chất thải
- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc



MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐỊNH VỊ CÁC KHỐI NHÀ

TỶ LỆ: 1/250

BẢNG CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT

STT	TÊN HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	DIỆN TÍCH ĐẤT XÂY DỰNG (m2)	TỶ LỆ (%)
1	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG	4.816	41,4
2	DIỆN TÍCH ĐẤT CÔNG TRÌNH NGẦM	40	0,34
3	DIỆN TÍCH ĐẤT TRỒNG CÂY XANH, THẢM CỎ	4.853	20,18
4	DIỆN TÍCH ĐẤT GIAO THÔNG, SÂN BÃI	4.379,50	26,34
5	DIỆN TÍCH ĐẤT DỰ TRỮ	287	3,73
6	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	90	0,54
7	KHU VỰC LƯU TRỮ CHẤT THẢI SINH HOẠT	75	0,43
8	KHU VỰC LƯU TRỮ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG		
9	KHU VỰC LƯU TRỮ CHẤT THẢI NGUY HẠI		
10	KHU VỰC LƯU TRỮ CHẤT THẢI LÂY NHIỄM		
	TỔNG DIỆN TÍCH	16.639,50	100

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

* HẠNG MỤC CHÍNH

③ KHỐI CHÍNH BỆNH VIỆN 4287.7m2
④ KHOA TRUYỀN NHIỄM 273.5m2
⑤ KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN 442m2
⑥ NHÀ ĐẠI THỂ(NHÀ XÁC) 197.4m2
⑨ NHÀ KHO BỆNH VIỆN 153.60m2

* HẠNG MỤC PHỤ TRỢ

① NHÀ BẢO VỆ 1 13.5m2
⑩ XƯỞNG SỬA CHỮA-NHÀ XE CẤP CỨU 182.4m2
⑪ NHÀ XE CNV 192m2
⑫ TRẠM BIẾN THẾ 30m2
⑬ KHU VỰC BỂ CHỨA NƯỚC PCCC 180M3/60M2
⑭ ĐÀI NƯỚC 20M3/150.4M2
⑮ NHÀ XE PHÁT SINH 528M2
⑯ NHÀ BẢO VỆ 2
⑰ CĂN TIN 150M2
⑱ CỔT CỜ
⑲ KHU GIẶT PHƠI
⑳ NHÀ XE KHÁCH 283.5m2

* HẠNG MỤC XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

⑧ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI, CÔNG SUẤT 200m3/NGÀY ĐÊM: 90M2
㉒ KHU VỰC LƯU TRỮ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG (10M2)
㉑ KHU VỰC LƯU TRỮ CHẤT THẢI LÂY NHIỄM (15M2)
㉒ KHU VỰC LƯU TRỮ CHẤT THẢI NGUY HẠI (23M2)
㉓ KHU VỰC LƯU TRỮ CHẤT THẢI SINH HOẠT (27M2)

CÔNG TY TNHH TVTK XÂY DỰNG NGUYỄN THỊNH PHÁT

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 202...

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, ký)	(Ghi rõ họ tên, ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, ký)

CÔNG TRÌNH:

ĐỊA ĐIỂM: XÃ SUỐI CÁT - HUYỆN XUÂN LỘC - TỈNH ĐỒNG NAI

CHỦ ĐẦU TƯ

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Bùi Thái Chiến

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG NGUYÊN THỊNH PHÁT

NTP CONSTRUCTION

ĐC: SỐ 89A NGÔ THÌ NHẬM, KP6, P.BỬU LONG, TP.BIÊN HOÀ, ĐỒNG NAI
SĐT: 0922.180.639

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3603459053 CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG NGUYỄN THỊNH PHÁT TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

NGUYỄN HOÀNG DA

THIẾT KẾ

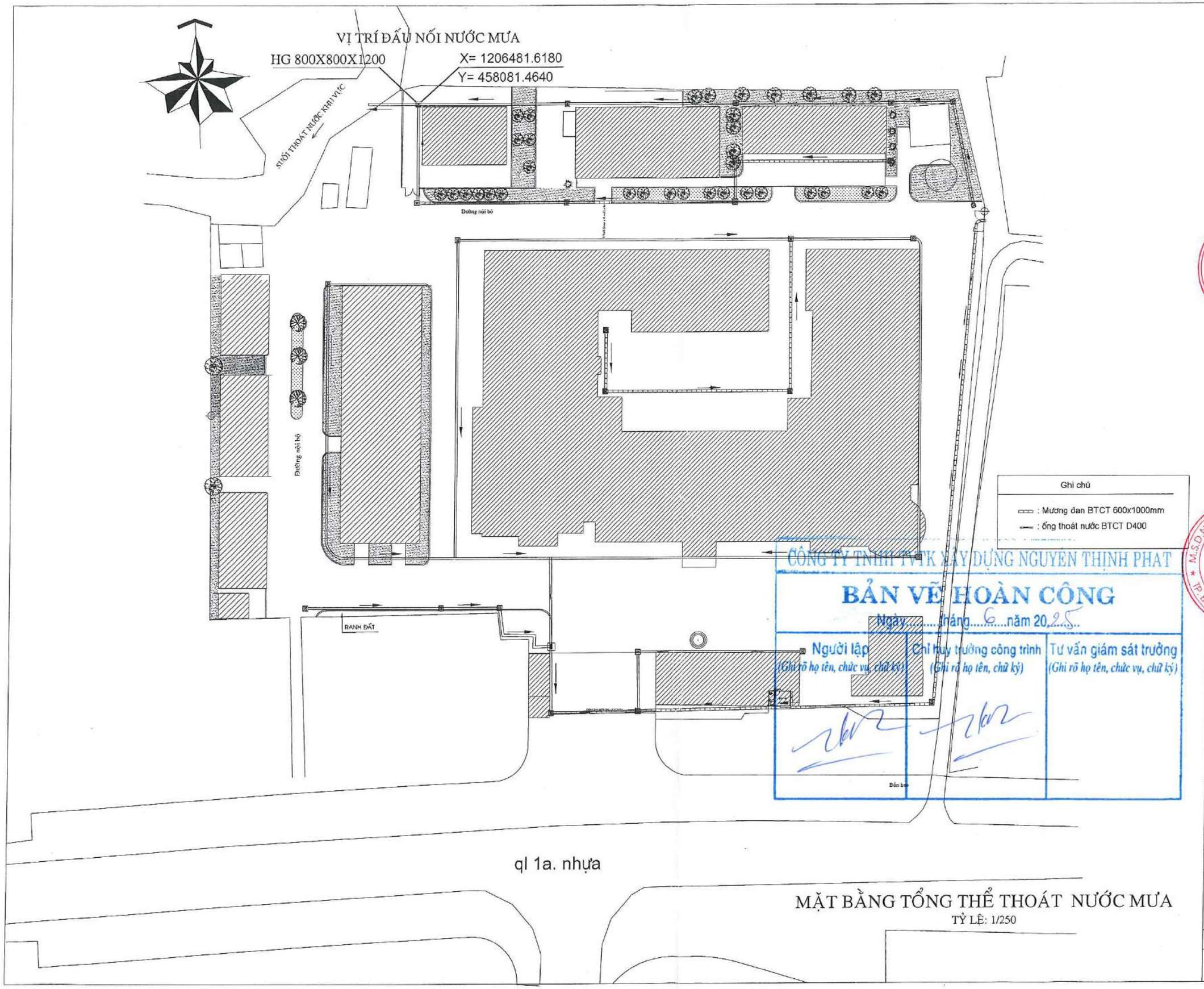
KS. NGUYỄN MINH THIỆN

HẠNG MỤC:
MẶT BẰNG TỔNG ĐỊNH VỊ CÔNG TRÌNH

LOẠI BẢN VẼ:	TKTC

TÊN BẢN VẼ:
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
(BẢN VẼ HIỆN TRẠNG)

KÝ HIỆU	TỶ LỆ
TT 01/03	



Ghi chú

: Mương đan BTCT 600x1000mm

: ống thoát nước BTCT D400

CÔNG TY TNHH TVTK XÂY DỰNG NGUYÊN THỊNH PHÁT

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 6 tháng 6 năm 2025

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC MƯA

TỶ LỆ: 1/250

CÔNG TRÌNH:

ĐỊA ĐIỂM: XÃ SUỐI CÁT - HUYỆN XUÂN LỘC - TỈNH ĐỒNG NAI

CHỦ ĐẦU TƯ

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

Bùi Thái Chiến

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG

NGUYÊN THỊNH PHÁT

NTP CONSTRUCTION

ĐC: SỐ 89A NGÔ THÌ NHẬM, KP4, P.BỬU LONG, TP.BIÊN HÒA, ĐỒNG NAI

SĐT: 0922.180.639

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG NGUYÊN THỊNH PHÁT

NGUYỄN HOÀNG DA

THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN MINH THIỆN

HẠNG MỤC:
MẶT BẰNG TỔNG THOÁT NƯỚC MƯA

LOẠI BẢN VẼ:	TKTC

TÊN BẢN VẼ:
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
(BẢN VẼ HIỆN TRẠNG)

KÝ HIỆU	TỶ LỆ
TT 02/03	

VỊ TRÍ ĐẤU NỐI NƯỚC THẢI

HG 800X800X1200

X= 1206481.6180

Y= 458081.4640

THOÁT RA SUỐI

SUỐI THOÁT NƯỚC KHU VỰC

Đường nội bộ

Đường nội bộ

SÂN VƯỜN

SÂN VƯỜN

RANH ĐẤT

ql 1a. nhựa

MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC THẢI

TỶ LỆ: 1/250

GHI CHÚ

- ỐNG THOÁT NƯỚC SINH HOẠT PVC Ø90
- ỐNG THOÁT NƯỚC THẢI BAN PVC Ø114
- ỐNG THOÁT NƯỚC THẢI HDPE Ø140



MẶT CẮT MƯƠNG ĐẶT ỐNG

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

* HẠNG MỤC CHÍNH

③ KHỐI CHÍNH BỆNH VIỆN 4287.7m2
④ KHOA TRUYỀN NHIỄM 273.5m2
⑤ KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN 442m2
⑥ NHÀ ĐẠI THỂ(NHÀ XÁC) 197.4m2
⑨ NHÀ KHO BỆNH VIỆN 153.60m2

* HẠNG MỤC PHỤ TRỢ

① NHÀ BẢO VỆ 1 13.5m2
⑩ XƯỞNG SỬA CHỮA-NHÀ XE CẤP CỨU 182.4m2
⑪ NHÀ XE CNV 192m2
⑫ TRẠM BIẾN THẾ 30m2
⑬ KHU VỰC BỂ CHỮA NƯỚC PCCC 180M3/60M2
⑭ ĐÀI NƯỚC 20M3/150.4M2
⑮ NHÀ XE PHÁT SINH 528M2
⑯ NHÀ BẢO VỆ 2
⑰ CANTIN 52M2
⑲ CỘT CỜ
⑲ KHU GIẶT PHƠI
⑳ NHÀ XE KHÁCH 283.5m2

* HẠNG MỤC XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

⑧ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI, CÔNG SUẤT 200m3/NGÀY ĐÊM: 90M2
⑳ KHU VỰC LƯU TRỮ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG (10M2)
㉑ KHU VỰC LƯU TRỮ CHẤT THẢI LÂY NHIỄM (15M2)
㉒ KHU VỰC LƯU TRỮ CHẤT THẢI NGUY HẠI (23M2)
㉓ KHU VỰC LƯU TRỮ CHẤT THẢI SINH HOẠT (27M2)

CÔNG TY TNHH TVTK XÂY DỰNG NGUYÊN THỊNH PHÁT

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20...

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, ký)	(Ghi rõ họ tên, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

CÔNG TRÌNH:

ĐỊA ĐIỂM: XÃ SUỐI CÁT - HUYỆN XUÂN LỘC - TỈNH ĐỒNG NAI

CHỦ ĐẦU TƯ

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC
GIÁM ĐỐC
Bùi Thái Chiến

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
NGUYÊN THỊNH PHÁT

NTP CONSTRUCTION

ĐC: SỐ 89A NGÔ THÌ NHẬM, KP6, P.BỬU LONG, TP.BIÊN HÒA, ĐỒNG NAI
SĐT: 0922.189.639

M.S.D.N: 3603492... C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG NGUYÊN THỊNH PHÁT
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HOÀNG DA

THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN MINH THIỆN

HẠNG MỤC:
MẶT BẰNG TỔNG THOÁT NƯỚC THẢI

LOẠI BẢN VẼ:	TKTC

TÊN BẢN VẼ:

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
(BẢN VẼ HIỆN TRẠNG)

KÝ HIỆU	TỶ LỆ
TT 03/03	

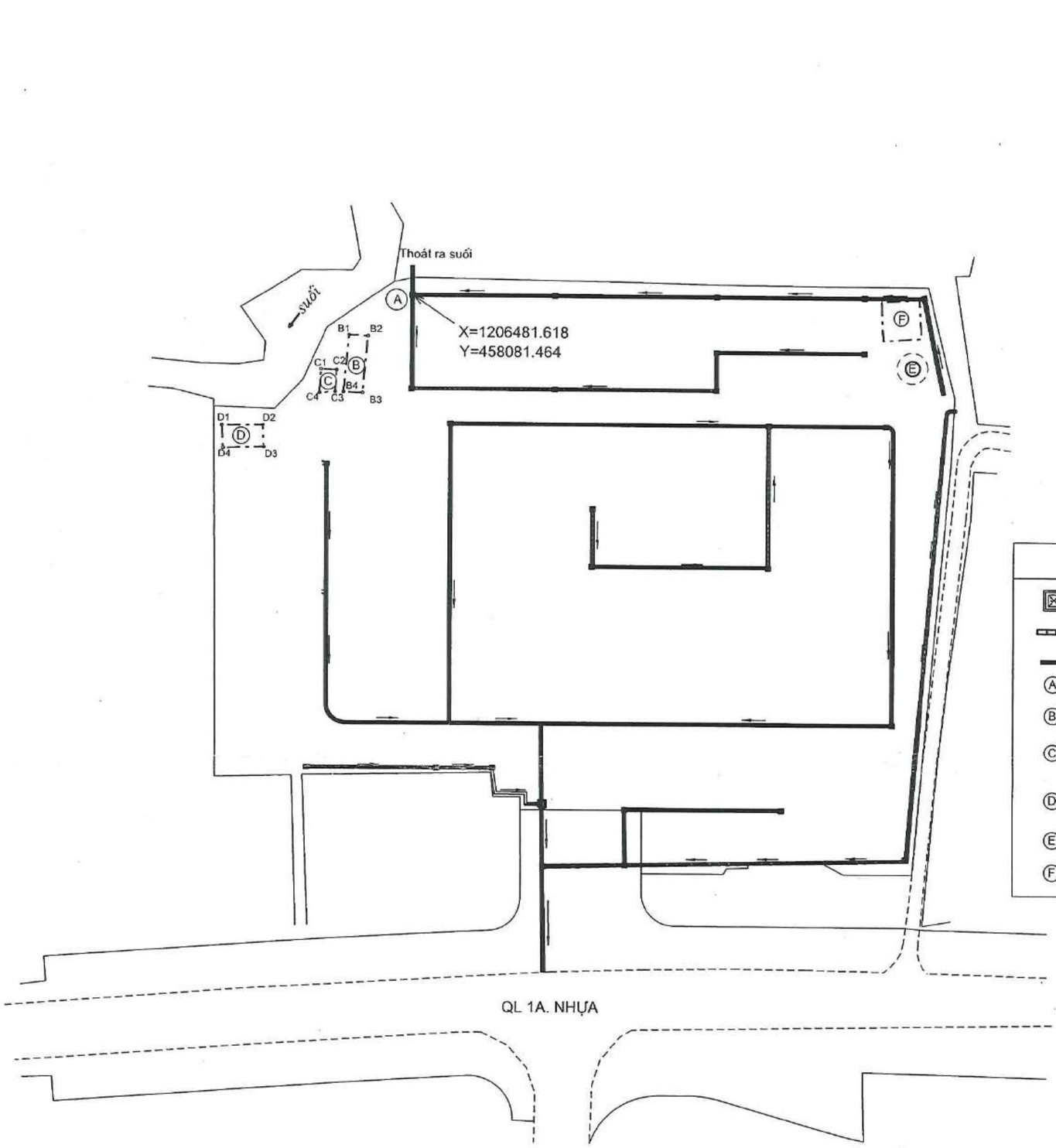
BẢN VẼ HIỆN TRẠNG

Số: 272 /2025

Tỷ Lệ 1:1000

Đơn vị yêu cầu: Trung Tâm y tế huyện Xuân Lộc

Địa điểm: Xã Suối Cát - Huyện Xuân Lộc - Tỉnh Đồng Nai.



GHI CHÚ

- Ⓧ : Hố ga thu nước mưa HG
- ▭ : Mương đan BTCT 600x1000mm
- ▬ : ống thoát nước BTCT D400
- Ⓐ : Hố ga nước thải đấu nối
- Ⓑ : Trạm xử lý chất thải
- Ⓒ : Nhà xử lý chất thải lỏng + chất thải tái chế
- Ⓓ : Nhà xử lý chất thải nguy hiểm + chất thải sinh hoạt
- Ⓔ : Đài nước
- Ⓕ : Bể nước ngầm

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ
(Hệ VN2000, kinh tuyến trục 107° 45', múi chiếu 3°)

Số hiệu mốc	Tọa độ Khu B		Số hiệu mốc	Tọa độ Khu C		Số hiệu mốc	Tọa độ Khu D	
	X(m)	Y(m)		X(m)	Y(m)		X(m)	Y(m)
B1	1206473.194	458068.231	C1	1206466.001	458062.363	D1	1206453.990	458041.699
B2	1206473.052	458072.194	C2	1206465.857	458065.638	D2	1206454.052	458050.279
B3	1206461.047	458071.078	C3	1206461.212	458065.347	D3	1206449.451	458050.457
B4	1206461.218	458067.062	C4	1206460.982	458062.058	D4	1206449.221	458041.956

GHI CHÚ:

- Khu đất thể hiện trên bản vẽ này được đo vẽ hiện trạng thuộc thửa 47,572 tờ bản đồ số 17, xã Suối Cát theo yêu cầu của Trung Tâm y tế huyện Xuân Lộc tại xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.
- Bản vẽ này chỉ thể hiện hình thể, kích thước theo yêu cầu của Trung Tâm y tế huyện Xuân Lộc. Mọi thông tin khu đất do ông Bùi Thái Chiến (Giám Đốc) cung cấp và chịu trách nhiệm. Ranh giới, mốc giới khu đất do ông Bùi Thái Chiến chỉ dẫn và xác định ngoài thực địa.
- Quyền sử dụng đất, mục đích sử dụng đất do đơn vị có thẩm quyền quyết định.
- Bản vẽ hiện trạng này chỉ mang tính chất tham khảo, không phục vụ cho mục đích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

ĐƠN VỊ YÊU CẦU:
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC
GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

BÙI THÁI CHIẾN

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: CÔNG TY TƯ VẤN - THIẾT KẾ - ĐO ĐẠC ĐẠI THÀNH

Ngày 5 tháng 3 năm 2025
Người đo vẽ:

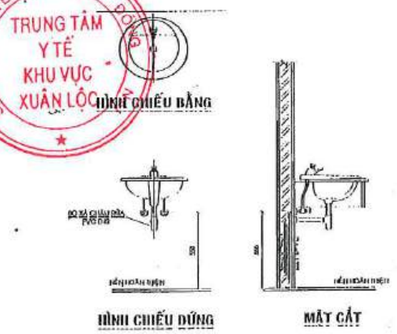
- VÕ NHẬT HUY

Ngày 5 tháng 3 năm 2025
KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

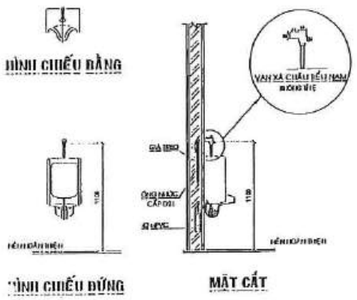
M.S.D.N: 3603585983 - C.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐO ĐẠC ĐẠI THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI

PHÙNG VĂN HÙNG

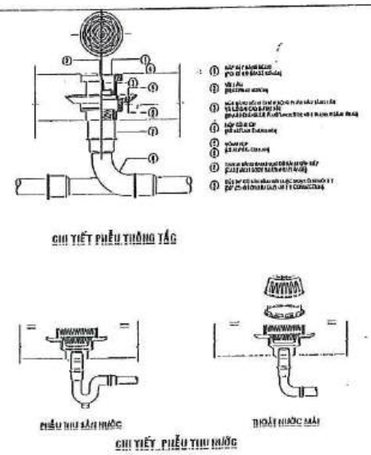
SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC XUÂN LỘC



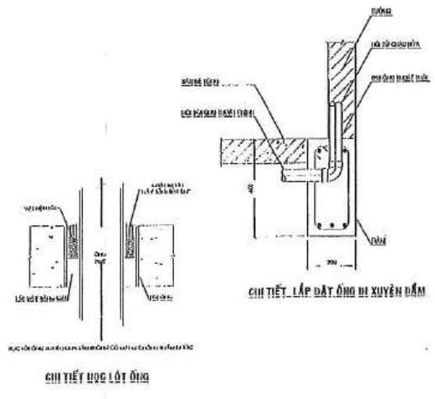
CT LẮP ĐẶT ỐNG CẤP/THOÁT NƯỚC CHO CHẬU RỬA
TL 1/50



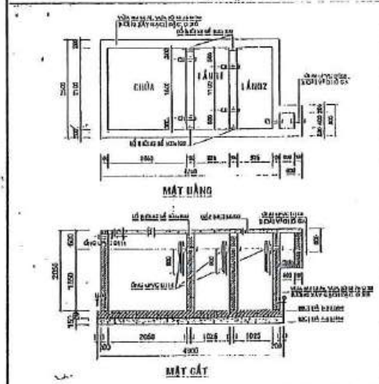
CT LẮP ĐẶT ỐNG CẤP/THOÁT NƯỚC CHO CHẬU TIỂU NAM
TL 1/50



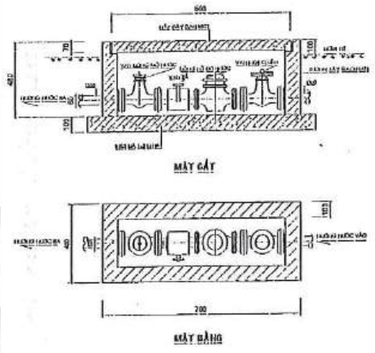
CHI TIẾT LẮP ĐẶT ỐNG NƯỚC TREO TRẦN
TL 1/50



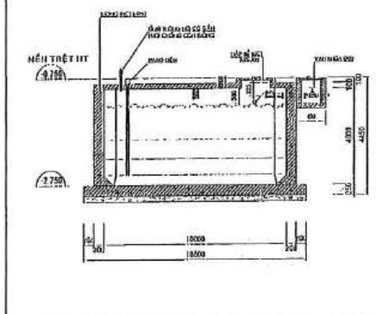
CHI TIẾT LẮP ĐẶT ỐNG ĐI XUYÊN DẦM - CT BỌC LÓT ỐNG
TL 1/50



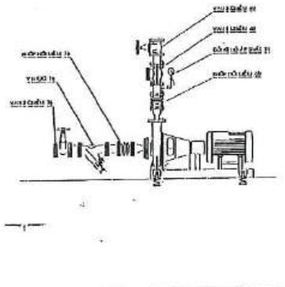
CHI TIẾT BỂ TỰ HOẠI
TL 1/50



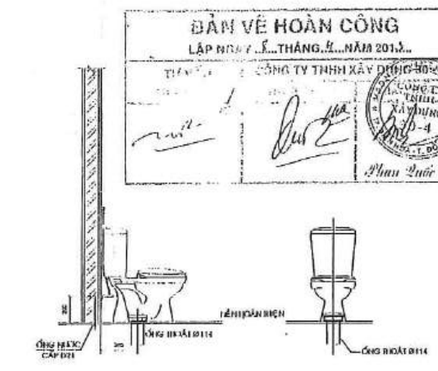
CHI TIẾT HỘP ĐỒNG HỒ NƯỚC
TL 1/50



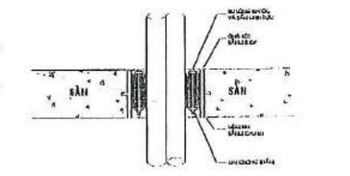
CHI TIẾT LẮP ĐẶT TB CHO BỂ NƯỚC NGẦM
TL 1/50



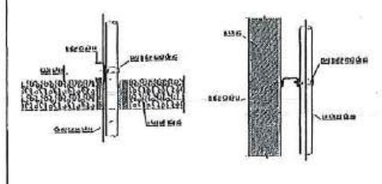
CHI TIẾT LẮP ĐẶT BƠM NƯỚC SINH HOẠT
TL 1/50



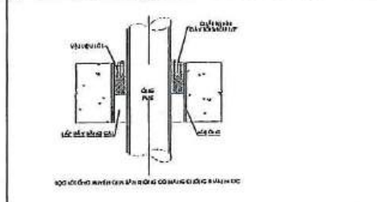
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
Phan Quốc Anh
CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG P.H.A
MẶT BẰNG THẨM TRA TKBVTC
Theo kết quả thẩm tra
Số _____ Ngày _____



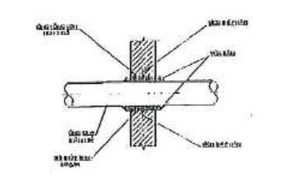
CHI TIẾT THÔNG HƠI QUA MÁI
TL 1/50



CHI TIẾT NEO ỐNG VÀO SÀN TƯỜNG
TL 1/50



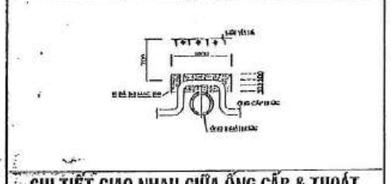
CHI TIẾT BỌC LÓT ỐNG
TL 1/50



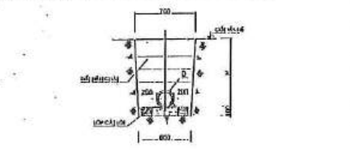
CHI TIẾT ỐNG QUA BỂ, TƯỜNG
TL 1/50



CHI TIẾT LẮP ĐẶT ỐNG CẤP/THOÁT NƯỚC CHO BỒN CẦU
TL 1/50



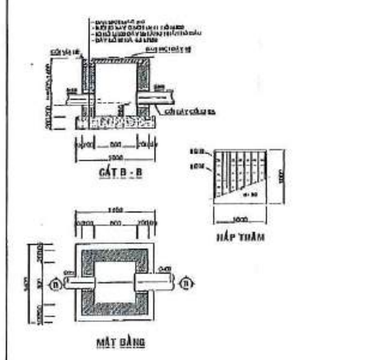
CHI TIẾT GIAO NHAU GIỮA ỐNG CẤP & THOÁT
TL 1/50



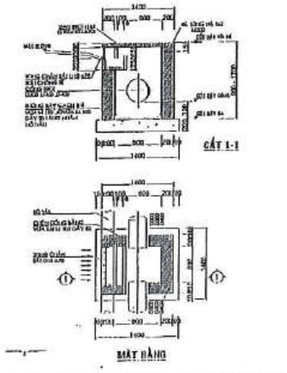
CHI TIẾT RÃNH ĐÀO ĐẶT ỐNG THOÁT NƯỚC
TL 1/50



CHI TIẾT HỐ THU NƯỚC MƯA
TL 1/50



CHI TIẾT HỐ GA NƯỚC THẢI
TL 1/50



CHI TIẾT HỐ GA THU NƯỚC MƯA HÀM ẾCH
TL 1/50

CHI TIẾT LẮP ĐẶT ỐNG NƯỚC TREO TRẦN
TL 1/50

HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT	TỔNG SỐ BV	25
	SỐ BẢN VẼ	24
	NGÀY HT: 10 - 07 - 2009	

CÔNG TRÌNH: BỆNH VIỆN ĐA KHOA
ĐỊA ĐIỂM XD: NGÃ 3 SUỐI CÁT - HUYỆN XUÂN LỘC TỈNH ĐỒNG NAI
HẠNG MỤC: KHỐI KHÁM CHỮA BỆNH

CT. LẮP ĐẶT THIẾT BỊ VỆ SINH
CT. LẮP ĐẶT BỂ TỰ HOẠI - HỐ GA

TÊN FILE

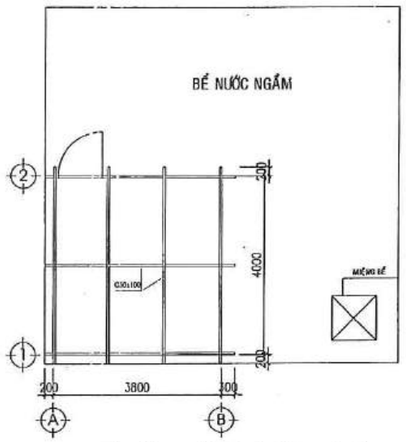
CHỦ TRÌ	KS.ĐOÀN VIỆT CƯỜNG	
Q.L.K.T	KS.PHẠM ĐỨC TÙNG	
THIẾT KẾ	KS.LÊ QUANG TRƯỜNG	KS.ĐOÀN CHÍ THANH
THỂ HIỆN	KS.LÊ QUANG TRƯỜNG	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG DTC
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG P.H.A
KTS. PHẠM ĐỨC TÙNG

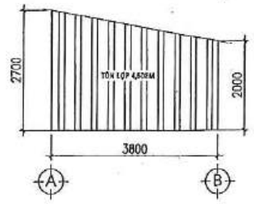
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC XUÂN LỘC
SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI



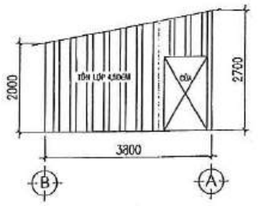
MẶT BẰNG VỊ TRÍ
NHÀ CHE MÁY BƠM PCCC



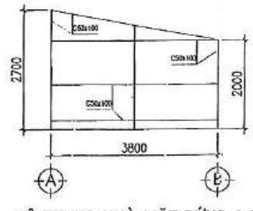
MẶT BẰNG BỐ TRÍ VÌ KÈO + XÀ GỒ
NHÀ CHE MÁY BƠM PCCC



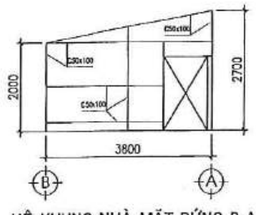
MẶT ĐỨNG A-B
NHÀ CHE MÁY BƠM PCCC



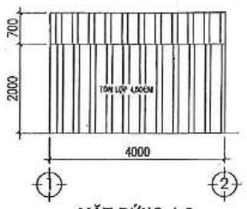
MẶT ĐỨNG B-A
NHÀ CHE MÁY BƠM PCCC



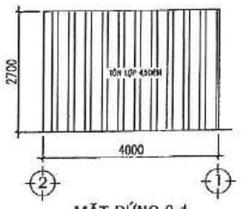
HỆ KHUNG NHÀ MẶT ĐỨNG A-B
NHÀ CHE MÁY BƠM PCCC



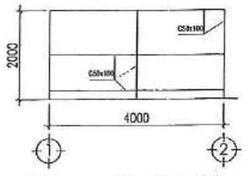
HỆ KHUNG NHÀ MẶT ĐỨNG B-A
NHÀ CHE MÁY BƠM PCCC



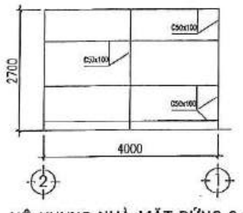
MẶT ĐỨNG 1-2
NHÀ CHE MÁY BƠM PCCC



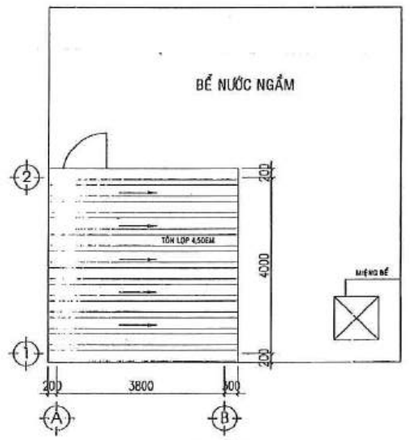
MẶT ĐỨNG 2-1
NHÀ CHE MÁY BƠM PCCC



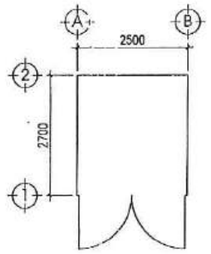
HỆ KHUNG NHÀ MẶT ĐỨNG 1-2
NHÀ CHE MÁY BƠM PCCC



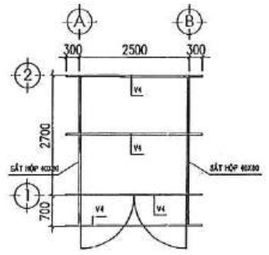
HỆ KHUNG NHÀ MẶT ĐỨNG 2-1
NHÀ CHE MÁY BƠM PCCC



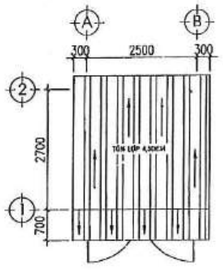
MẶT BẰNG MÁI
NHÀ CHE MÁY BƠM PCCC



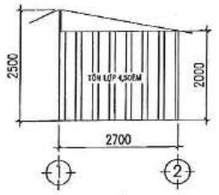
MẶT BẰNG
NHÀ CHE TỦ ĐIỆN ATS



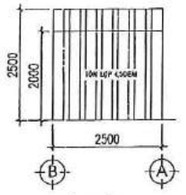
MẶT BẰNG BỐ TRÍ VÌ KÈO + XÀ GỒ
NHÀ CHE TỦ ĐIỆN ATS



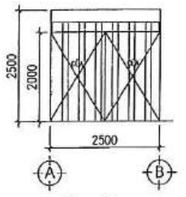
MẶT BẰNG MÁI
NHÀ CHE TỦ ĐIỆN ATS



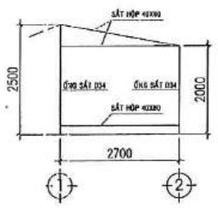
MẶT ĐỨNG 1-2
NHÀ CHE TỦ ĐIỆN ATS



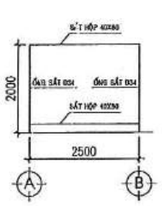
MẶT ĐỨNG B-A
NHÀ CHE TỦ ĐIỆN ATS



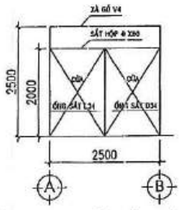
MẶT ĐỨNG A-B
NHÀ CHE TỦ ĐIỆN ATS



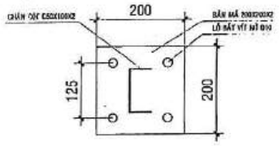
HỆ KHUNG NHÀ MẶT ĐỨNG 1-2
NHÀ CHE TỦ ĐIỆN ATS



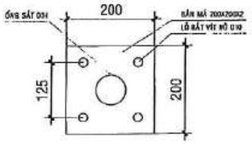
HỆ KHUNG NHÀ MẶT ĐỨNG B-A
NHÀ CHE TỦ ĐIỆN ATS



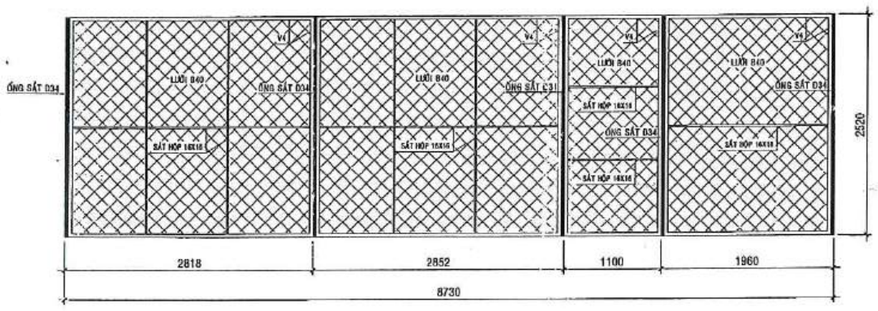
HỆ KHUNG NHÀ MẶT ĐỨNG A-B
NHÀ CHE TỦ ĐIỆN ATS



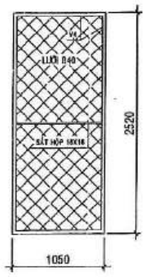
CHI TIẾT CHÂN CỘT
NHÀ CHE MÁY BƠM PCCC



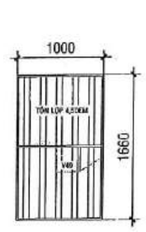
CHI TIẾT CHÂN CỘT
HỆ KHUNG NHÀ CHE TỦ ĐIỆN ATS
KHUNG LƯỚI HÀNG RÀO BẢO VỆ TRẠM ĐIỆN



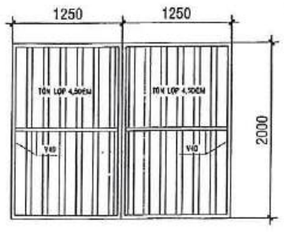
MẶT TRƯỚC KHUNG LƯỚI HÀNG RÀO BẢO VỆ TRẠM ĐIỆN



MẶT BÊN KHUNG LƯỚI HÀNG RÀO BẢO VỆ TRẠM ĐIỆN
(GIÁP PHÍA SAU TRẠM Y TẾ HỘ SINH XÃ SUỐI CÁT)



CHI TIẾT CỬA
NHÀ CHE MÁY BƠM PCCC



CHI TIẾT CỬA
NHÀ CHE TỦ ĐIỆN ATS

HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT		TỔNG SỐ BV	
	SỐ BẢN VẼ	KT 01	01
	NGÀY HT:		

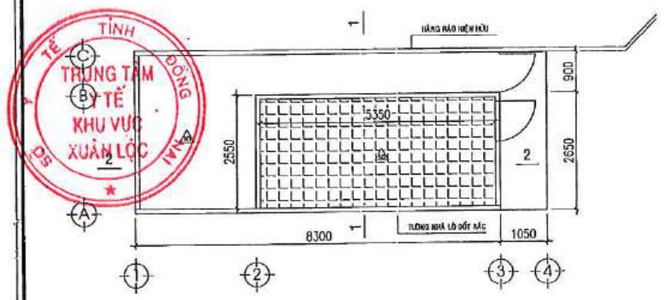
CÔNG TRÌNH: **BỆNH VIỆN ĐA KHOA**
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ SUỐI CÁT - HUYỆN XUÂN LỘC TỈNH ĐỒNG NAI
HẠNG MỤC: NHÀ CHE MÁY BƠM PCCC
NHÀ CHE TỦ ĐIỆN ATS
HÀNG RÀO BẢO VỆ TRẠM ĐIỆN

CHỦ TRÌ	Kts.ĐOÀN VIỆT CƯỜNG		
GL.K.T	Kts.PHẠM ĐỨC TÙNG		
THIẾT KẾ	Kts.ĐOÀN VIỆT CƯỜNG	Kts. VÕ ĐỨC BẢO	ĐOÀN LÊ TUẤN
			THẾ HIỆN

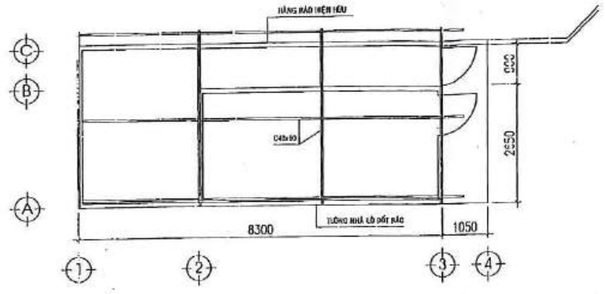
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KIẾN TRÚC XÂY DỰNG DTC
228 PHẠM ĐÌNH PHỔNG - P.TRUNG DŨNG - TP. BIÊN HÒA
ĐT: 0613856276 FAX: 0613897358
TỔNG GIÁM ĐỐC
KTS. PHẠM ĐỨC TÙNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
LẬP NGÀY ..8..THÁNG ..4..NĂM 2024
TƯ VẤN GIÁM SÁT | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG PC | NGƯỜI LẬP | GIÁM ĐỐC | Phan Quốc Anh | 30-4 | Võ Bảo Quốc | Võ Văn Hay

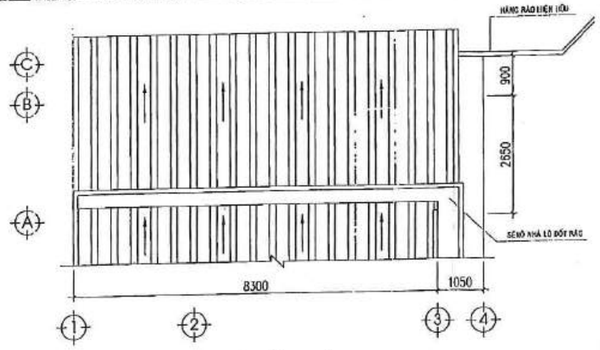
2 bộ



MẶT BẰNG NHÀ CHỨA CHẤT THẢI THÔNG THƯỜNG

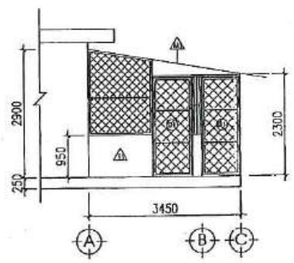


MẶT BẰNG BỐ TRÍ VÌ KÈO + XÀ GỒ
NHÀ CHỨA CHẤT THẢI THÔNG THƯỜNG

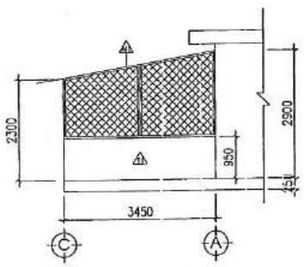


MẶT BẰNG MÁI
NHÀ CHỨA CHẤT THẢI THÔNG THƯỜNG

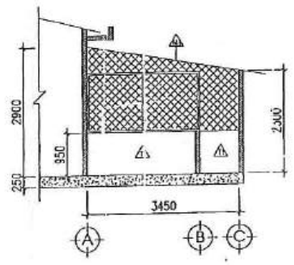
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
LẬP NGÀY 8...THÁNG 8...NĂM 2015...
TƯ VẤN GIÁM SÁT
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
NGƯỜI LẬP



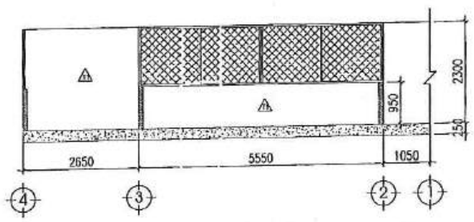
MẶT ĐỨNG A-C NHÀ CHỨA CHẤT THẢI THÔNG THƯỜNG



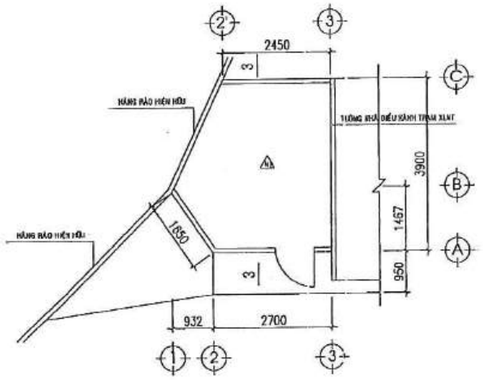
MẶT ĐỨNG C-A NHÀ CHỨA CHẤT THẢI THÔNG THƯỜNG



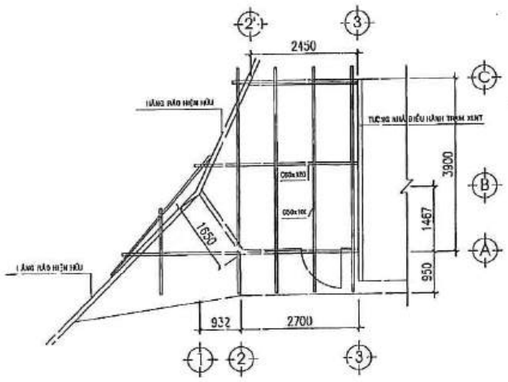
MẶT CẮT 1-1 NHÀ CHỨA CHẤT THẢI THÔNG THƯỜNG



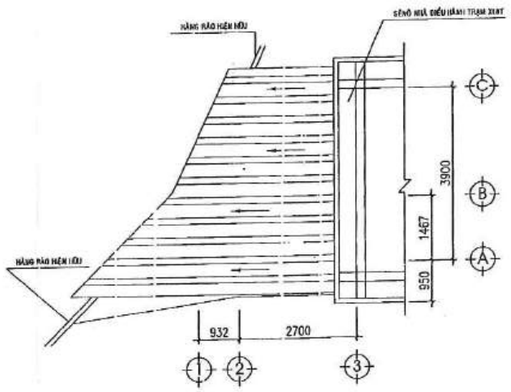
MẶT CẮT 2-2 NHÀ CHỨA CHẤT THẢI THÔNG THƯỜNG



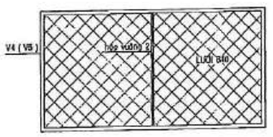
MẶT BẰNG NHÀ CHỨA CHẤT THẢI TÁI CHẾ



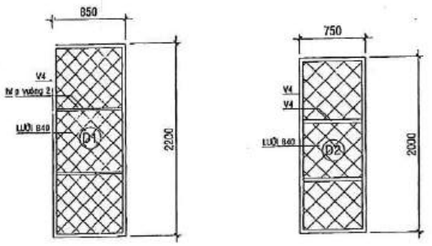
MẶT BẰNG BỐ TRÍ VÌ KÈO + XÀ GỒ
NHÀ CHỨA CHẤT THẢI TÁI CHẾ



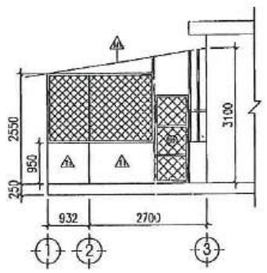
MẶT BẰNG MÁI
NHÀ CHỨA CHẤT THẢI TÁI CHẾ



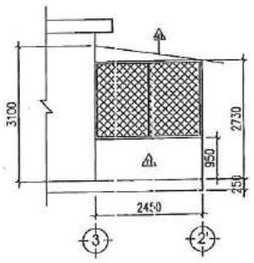
CHI TIẾT KHUNG LƯỚI BAO CHE ĐIỂN HÌNH



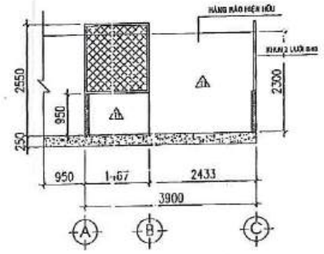
CHI TIẾT CỬA ĐI D1 - D2



MẶT ĐỨNG 1-2 NHÀ CHỨA CHẤT THẢI TÁI CHẾ



MẶT ĐỨNG 3-2' NHÀ CHỨA CHẤT THẢI TÁI CHẾ



MẶT CẮT 3-3 NHÀ CHỨA CHẤT THẢI TÁI CHẾ

M1 MÁI TOLE
- MÁI LỢP TOLE SÓNG VUÔNG 4,5ZEM
- XÀ GỒ THÉP HÌNH 40X80MM

T1 TƯỜNG NHÀ
- SƠN NƯỚC MÀU VÀNG NHẠT

N1 NỀN NHÀ
- LỚP BÊ TÔNG ĐÁ 1x2 #100 ĐẦM CHẶT, D=50
- LỚP BÊ TÔNG ĐÁ 4x6 #100 ĐẦM CHẶT, D=100
- LỚP ĐẤT TƯỚI NƯỚC ĐẦM KỸ
- NỀN ĐẤT TỰ NHIÊN

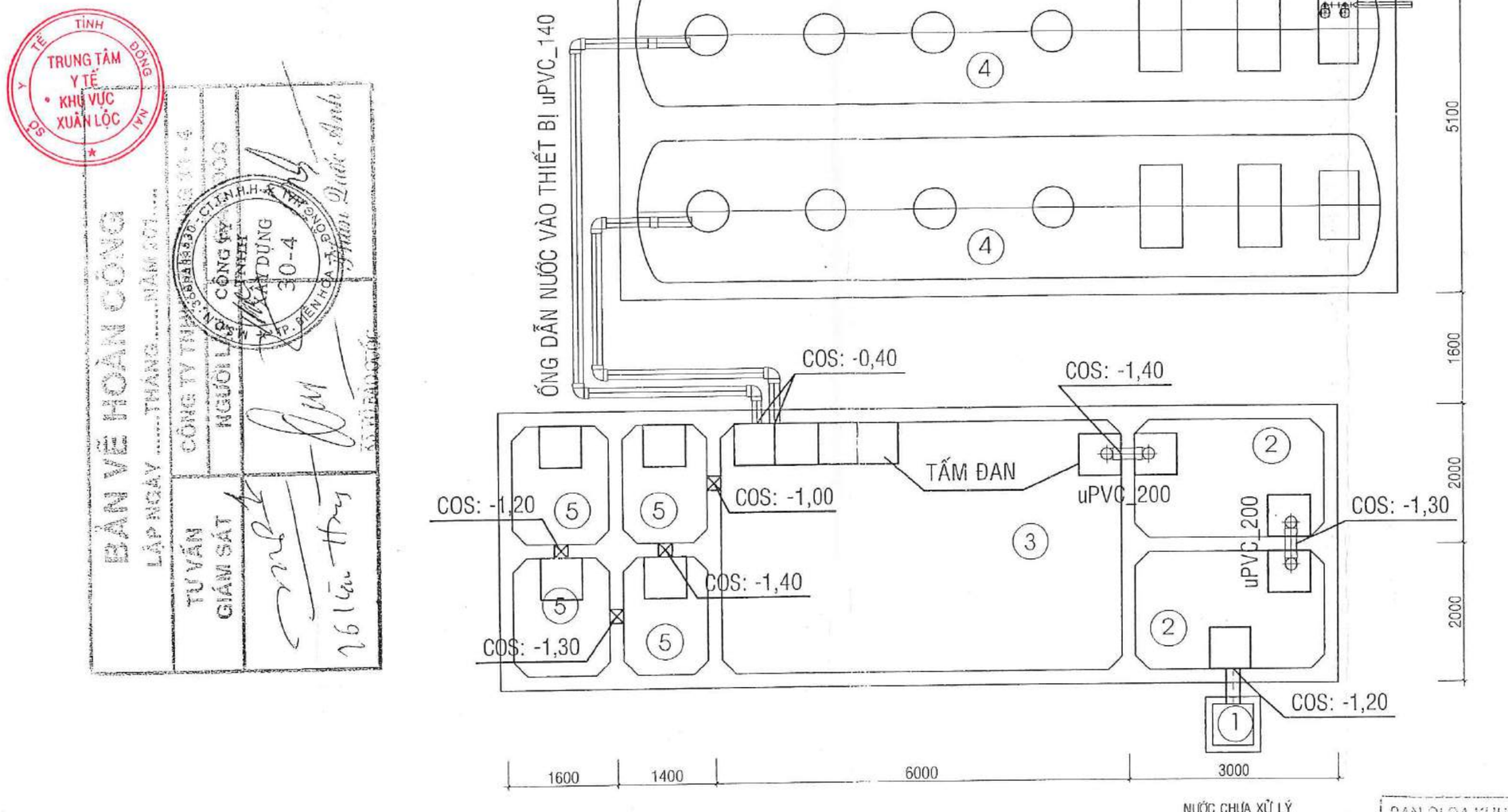
N2 NỀN NHÀ
- NỀN LÓT GẠCH GRANIT NHÁM 400X400
- LỚP BÊ TÔNG ĐÁ 4x6 #100 ĐẦM CHẶT, D=100
- LỚP ĐẤT TƯỚI NƯỚC ĐẦM KỸ
- NỀN ĐẤT TỰ NHIÊN

HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
SỐ BẢN VẼ: KT 01 | TỔNG SỐ BẢN VẼ: 01
NGÀY HT:

CÔNG TRÌNH: BỆNH VIỆN ĐA KHOA
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ SUỐI CÁT - HUYỆN XUÂN LỘC TỈNH ĐỒNG NAI
HẠNG MỤC: NHÀ CHỨA RÁC THẢI THÔNG THƯỜNG
NHÀ CHỨA RÁC THẢI TÁI CHẾ

CHỦ TRÌ
KS.ĐOÀN VIỆT CƯỜNG
G.I.K.T
KS.PHẠM ĐỨC TÙNG
THIẾT KẾ
KS.ĐOÀN VIỆT CƯỜNG
KS. VÕ BÁ ĐẠO
THỂ HIỆN
ĐOÀN LÊ TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KIẾN TRÚC XÂY DỰNG DTC
228 PHẠM ĐÌNH PHÙNG - P.TRƯỜNG DỤC - TP BIÊN HÒA
ĐT: 061.3815276 FAX: 061.3817155
GIÁM ĐỐC
KTS. PHẠM ĐỨC TÙNG



MẶT BẰNG TRẠM XỬ LÝ CÔNG SUẤT 200m3/NGÀY ĐÊM

GHI CHÚ:

(1) HỐ GA THU NƯỚC VÀO
(2) NGĂN LẮNG SƠ BỘ (02 NGĂN)
(3) NGĂN ĐIỀU HOÀ
(4) THIẾT BỊ HỢP KHỐI XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(5) NGĂN CHỨA VÀ NÉN BÙN (04 NGĂN)
(6) NHÀ ĐIỀU HÀNH

- COS: -1,00: KÝ HIỆU CỐT ĐÁY LỖ CHỜ LẮP ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ SO VỚI COS 0,00
- KHI THI CÔNG ĐỂ CHỪA LỖ LẮP ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ TẠI VỊ TRÍ GHI COS LỖ CHỜ TRÊN BẢN VẼ MẶT BẰNG

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM Y TẾ • KHU VỰC XUÂN LỘC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
LẬP NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM 201.....
TƯ VẤN GIÁM SÁT: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG 30-4
NGƯỜI LẬP: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG 30-4
16 tháng

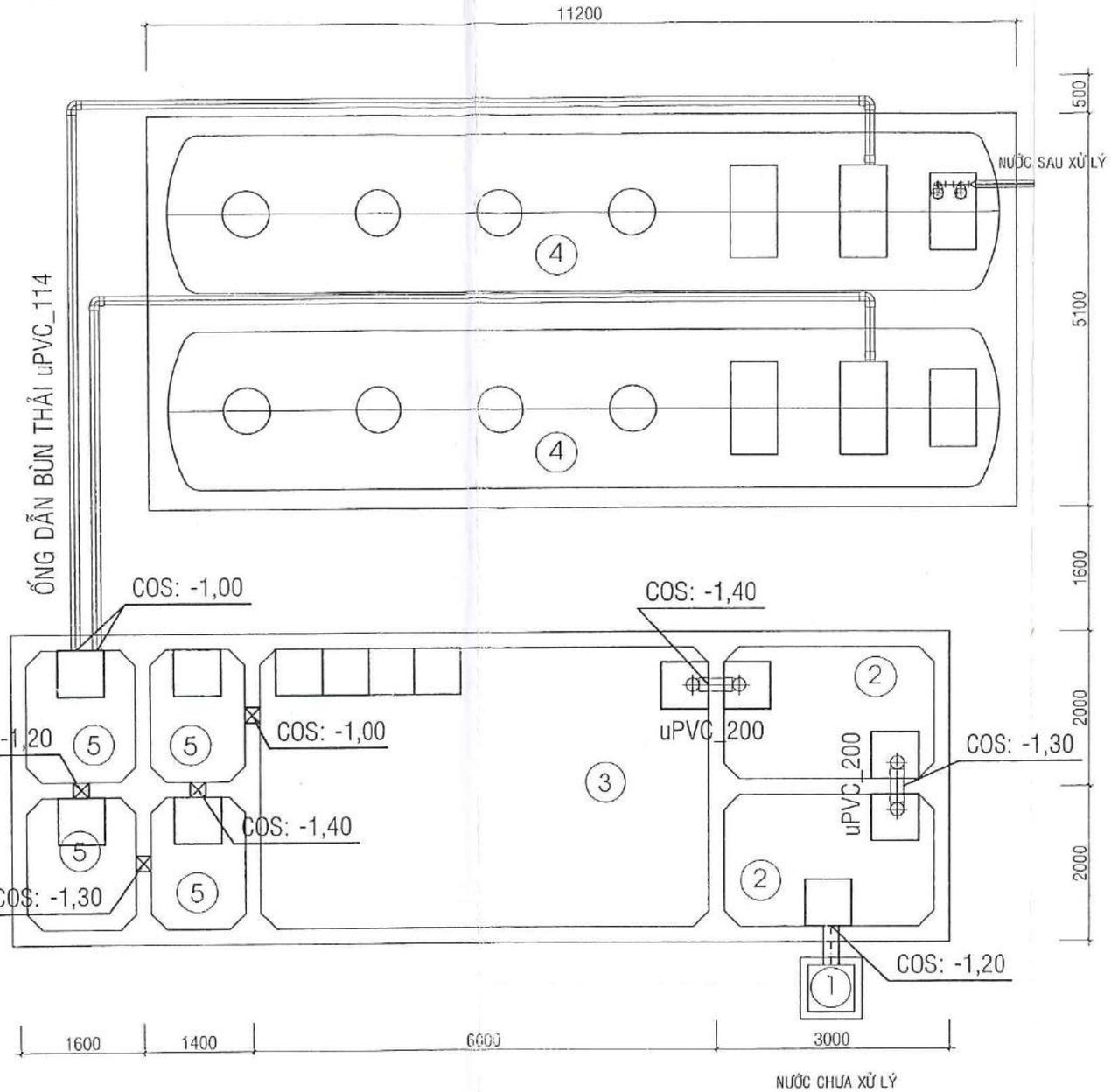
BAN QLDA KHU VỰC CN Y TẾ
BẢN VẼ THI CÔNG ĐÃ PHÁT HÀNH

CÔNG TRÌNH:	BỆNH VIỆN ĐA KHOA	HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT	
ĐỊA ĐIỂM XD:	NGÃ 3 SUỐI CÁT - HUYỆN XUÂN LỘC TỈNH ĐỒNG NAI	SỐ BẢN VẼ	TỔNG SỐ BẢN VẼ
HẠNG MỤC: BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI			02
		NGÀY HT: 07/2009	
		TÊN FILE: 07BVXL2009	

CHỦ TRÌ	Kts.ĐOÀN VIỆT CƯỜNG	
G.I.K.T	Kts.PHẠM ĐỨC TÙNG	
THIẾT KẾ	Kts.ĐOÀN VIỆT CƯỜNG	
	Kts.VŨ ĐỨC ĐẠO	
THỂ HIỆN	NGUYỄN TÂN	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KIẾN TRÚC XÂY DỰNG DIC
238 PHAN ĐÌNH PHÙNG - P.TRUNG DŨNG - TP BIÊN HÒA
ĐT: 061.3817575 FAX: 061.3817555
TỔNG GIÁM ĐỐC
KTS. PHẠM ĐỨC TÙNG

NGÀY HC	ĐIỀU CHỈNH



MẶT BẰNG TRẠM XỬ LÝ CÔNG SUẤT 200m3/NGÀY ĐÊM

GHI CHÚ:

1. HỐ GA THU NƯỚC VÀO
2. NGĂN LẮNG SƠ BỘ (02 NGĂN)
3. NGĂN ĐIỀU HOÀ
4. THIẾT BỊ HỢP KHỐI XỬ LÝ NƯỚC THẢI
5. NGĂN CHỨA VÀ NÉN BÙN (04 NGĂN)
6. NHÀ ĐIỀU HÀNH

- COS: -1,00: KÝ HIỆU CỐT ĐÁY LỖ CHỜ LẮP ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ SO VỚI COS 0,00
- KHI THI CÔNG ĐỂ CHỪA LỖ LẮP ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ TẠI VỊ TRÍ GHI COS LỖ CHỜ TRÊN BẢN VẼ MẶT BẰNG

TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC XUÂN LỘC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
LẬP NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM 20.....
TƯ VẤN GIÁM SÁT
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG 30-4
NGƯỜI LẬP

BAN QLDA KHU VỰC CN Y TẾ
BẢN VẼ THI CÔNG
ĐÃ PHÁT HÀNH

HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
SỐ BẢN VẼ: 02 | TỔNG SỐ BV:
NGÀY HT: 12/2013
TÊN FILE: 07BVXL2009

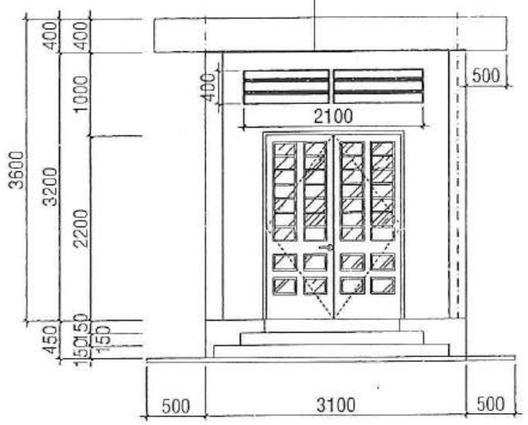
CÔNG TRÌNH: BỆNH VIỆN ĐA KHOA
ĐỊA ĐIỂM XD: NGÃ 3 SUỐI CAT - HUYỆN XUÂN LỘC TỈNH ĐỒNG NAI
HẠNG MỤC: BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CHỦ TRÌ	KS.ĐOÀN VIỆT CƯỜNG	
D.L.K.T	KS.PHẠM ĐỨC TÙNG	
THIẾT KẾ	KS.ĐOÀN VIỆT CƯỜNG	
	KS.VŨ ĐỨC ĐẠO	
THỂ HIỆN	NGUYỄN TÂN	

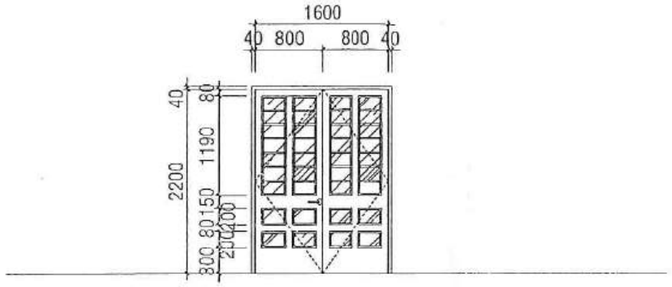
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỰC XÂY DỰNG DTC
238 PHAN ĐÌNH PHÙNG - P.TRUNG DŨNG - TP.BIÊN HÒA
ĐT: 061.3816276 FAX: 061.3837155
TỔNG GIÁM ĐỐC
KTS. PHẠM ĐỨC TÙNG

DIỀU CHỈNH
NGÀY HC

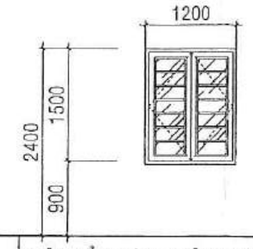
- Mái BTCT phương cạnh gắn đặt D8a120, cạnh dài sắt D8a200
- Dầm mái BTCT đặt 4D16 đai sắt D6a150.
- Thành sê nô đổ bê tông đặt sắt D8a100, đặt sắt 2D16 sung quanh thành sê nô
- Mái cán vữa xi măng tạo dốc mác 100, quét chống thấm.



MẶT ĐỨNG NHÀ ĐIỀU HÀNH



Đ1	CỬA ĐI 2 CÁNH MỞ,KHUNG NHÔM-KÍNH KÍCH THƯỚC MỞ PHẦN CÁNH CỬA 1600x2200 KÍNH TRONG DÀY 5 LY HOA SẮT HỘP VUÔNG14
SL : 01 BỘ	



S1	CỬA SỔ 2 CÁNH MỞ,KHUNG NHÔM-KÍNH KÍCH THƯỚC MỞ PHẦN CÁNH CỬA 1000X1300 KÍNH TRONG DÀY 5 LY, HOA SẮT HỘP VUÔNG14
SL : 01 BỘ	

GHI CHÚ:

- Bố trí thép M1-C1 làm tương tự thiết kế cũ
- Bố trí thép DK1 làm tương tự thiết kế cũ
- Bố trí thép đáy bể và thành bể xử lý nước thải như thiết kế.
- Hệ thống điện kéo vào nhà điều hành, đường dây như thiết kế.
- Thi công hệ thống bể xử lý nước thải, đơn vị thi công chừa cao độ lỗ ống nước như bản vẽ (đường ống đơn vị thi công thiết bị lắp).
- Thi công mặt hoàn thiện bể xử lý nước thải cao hơn mặt trồng cỏ 50cm.

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
LẬP NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM 201....

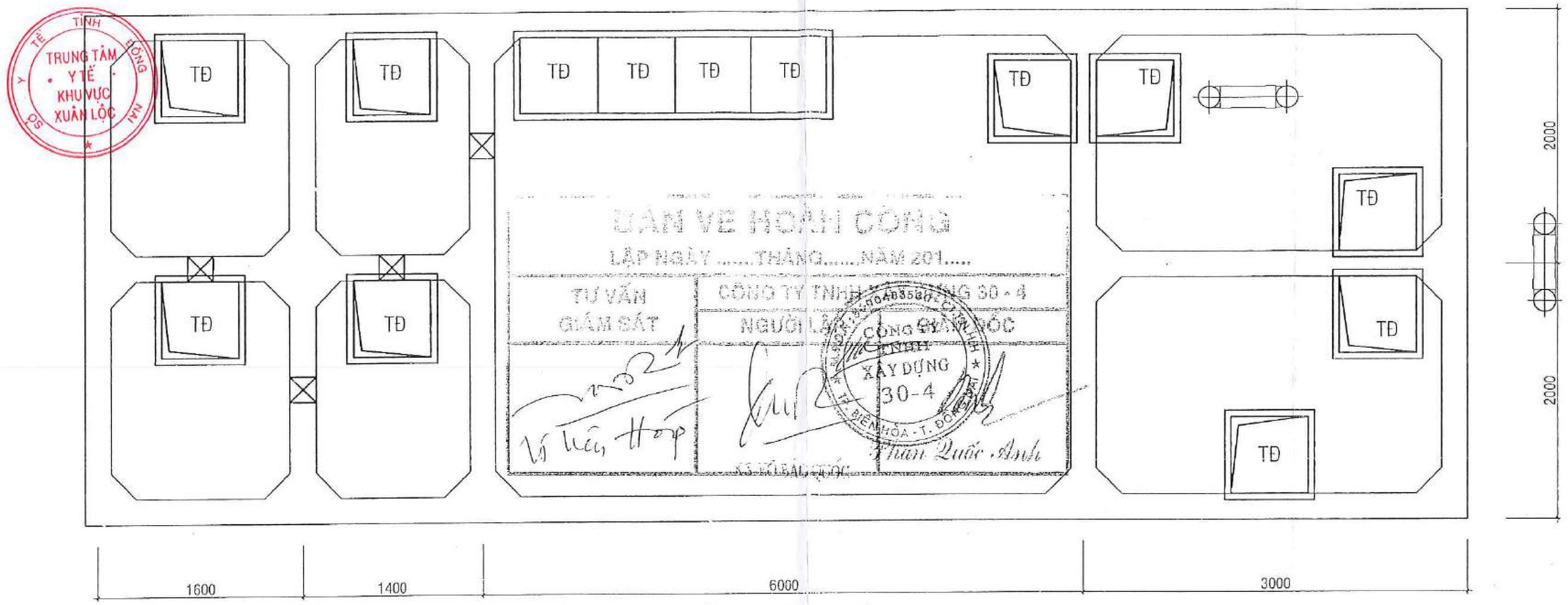
TƯ VẤN GIÁM SÁT	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG 30 - 4
	NGƯỜI LẬP



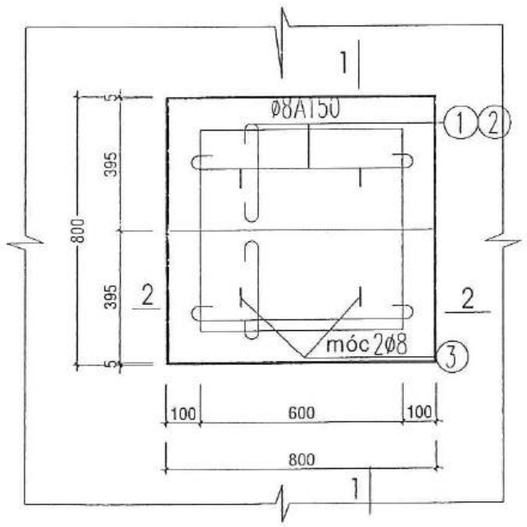
MẶT BẰNG MÓNG ĐÀ KIỀNG
NHÀ ĐIỀU HÀNH

BAN QLDA KHU VỰC CN Y TẾ
BẢN VẼ THI CÔNG
ĐÃ PHÁT HÀNH

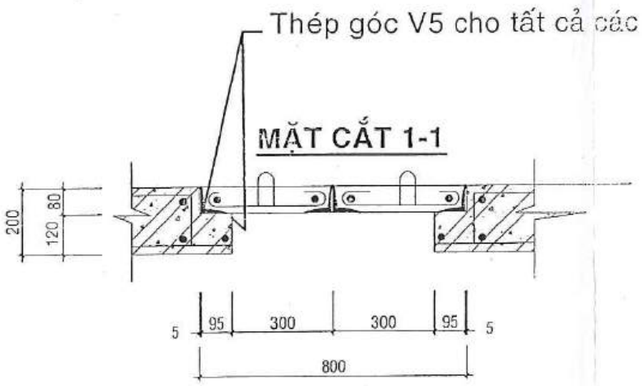
HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT	
SỐ BẢN VẼ	TỔNG SỐ BV
	02
NGÀY HT 05-2015	
TÊN FILE: 07BVXL2015	
CÔNG TRÌNH: BỆNH VIỆN ĐA KHOA	
ĐỊA ĐIỂM XD: NGÃ 3 SUỐI CÁT - HUYỆN XUÂN LỘC TỈNH ĐỒNG NAI	
HẠNG MỤC: BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
CHỦ TRÌ: KS.ĐOÀN VIỆT CƯỜNG	
C.L.K.T: KS.PHẠM ĐỨC TÙNG	
THIẾT KẾ: KS.ĐOÀN VIỆT CƯỜNG / KS.VŨ ĐỨC ĐẠO	
THỂ HIỆN: NGUYỄN TÂN	
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HIỆN TRỰC XÂY DỰNG DTC 238 PHẠM ĐÌNH PHÙNG - P.TRUNG DŨNG - TP BIÊN HÒA ĐT: 061.3813276 FAX: 061.3837155	
TỔNG GIÁM ĐỐC: KTS. PHẠM ĐỨC TÙNG	
BIỂU ĐỊNH	
NGÀY HT:	

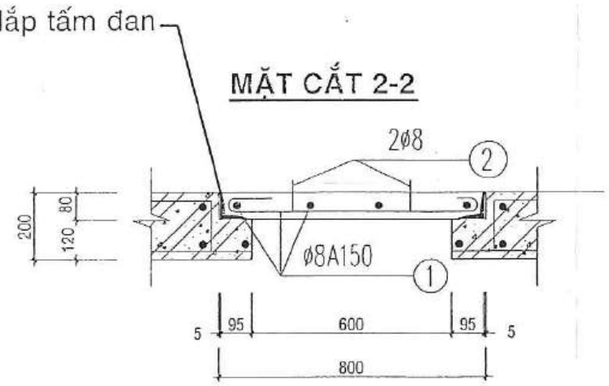


MẶT BẰNG TẤM ĐAN TĐ ĐIỂN HÌNH

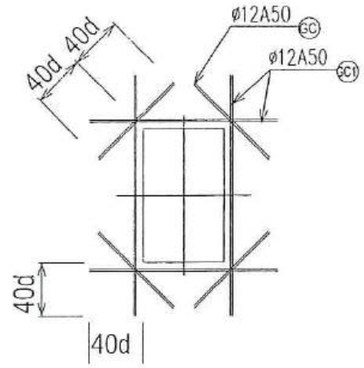


MẶT BẰNG BỐ TRÍ TẤM ĐAN





Chi tiết gia cường điển hình miệng tấm đan



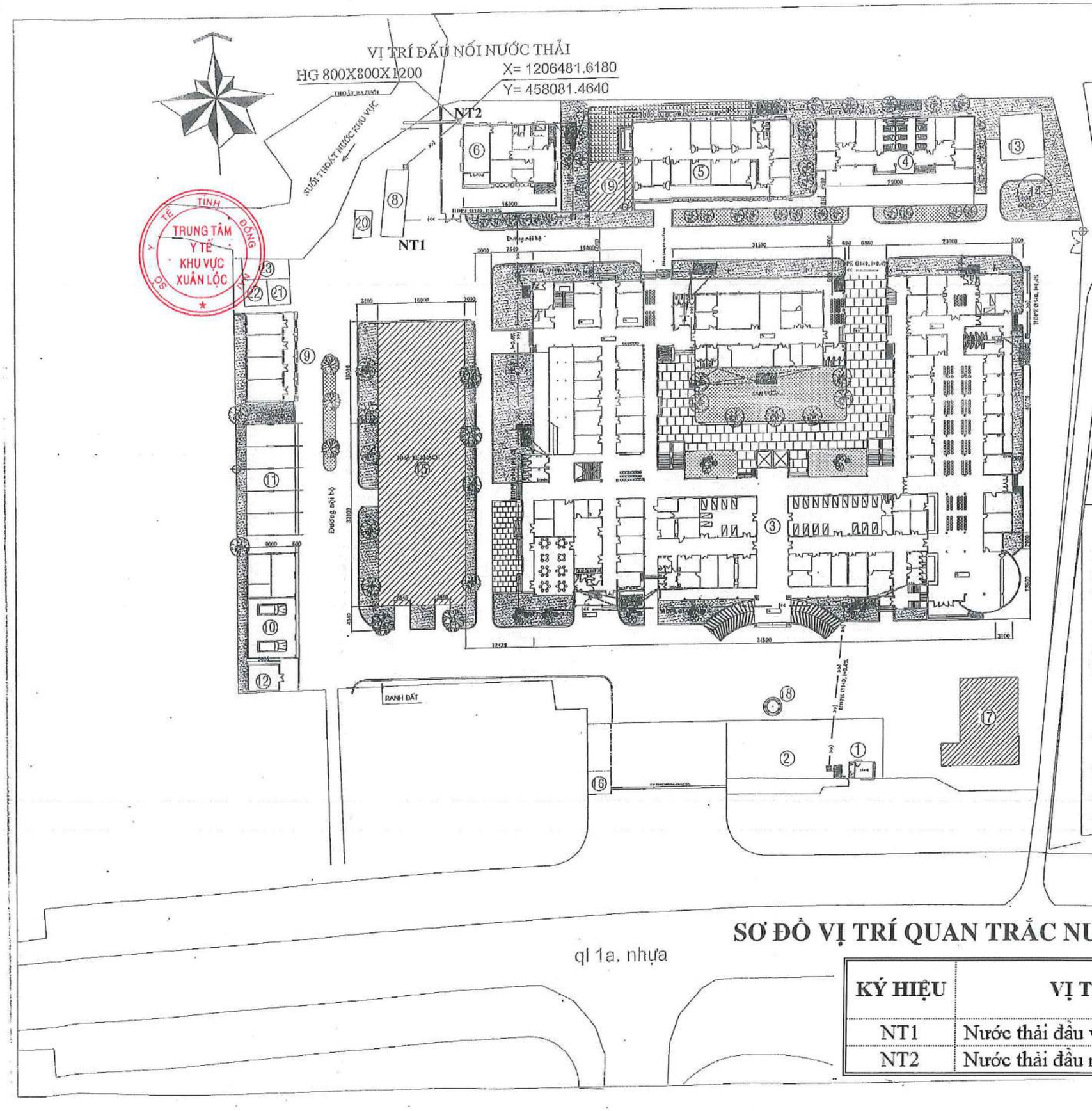
GHI CHÚ:

Kết cấu các vách ngăn thay đổi bố trí thép như thiết kế vách ngăn bản vẽ thiết kế cũ

BAN QLDA KHU VỰC CN Y TẾ
BẢN VẼ THI CÔNG
ĐÃ PHÁT HÀNH

HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT	TỔNG SỐ BV
SỐ BẢN VẼ	02
NGÀY HT	
TÊN FILE	D:\BVXL\2009
CÔNG TRÌNH:	BỆNH VIỆN ĐA KHOA
ĐỊA ĐIỂM XD:	NGÃ 3 SUỐI CÁT - HUYỆN XUÂN LỘC TỈNH ĐỒNG NAI
HẠNG MỤC:	BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CHỦ TRÌ	Kts.ĐOÀN VIỆT CƯỜNG
D.L.K.T	Kts.PHẠM ĐỨC TÙNG
THIẾT KẾ	Kts.ĐOÀN VIỆT CƯỜNG
	Kts.VŨ ĐỨC ĐẠO
THỂ HIỆN	NGUYỄN TÂN
	KTS. PHẠM ĐỨC TÙNG
SỬA ĐỔI	
NGÀY HT	

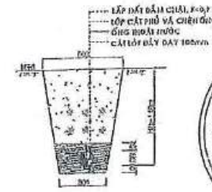
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIẾT KẾ DTC
238 PHAN ĐÌNH PHÙNG - P.TRUNG DŨNG - TP.BIÊN HÒA
ĐT: 061 3836876 FAX: 061 3837155
TỔNG GIÁM ĐỐC



SƠ ĐỒ VỊ TRÍ QUAN TRẮC NƯỚC THẢI

KÝ HIỆU	VỊ TRÍ THU MẪU
NT1	Nước thải đầu vào HTXL
NT2	Nước thải đầu ra HTXL (hố ga đấu nối)

GHI CHÚ



MẶT CẮT MƯƠNG ĐẶT ỐNG

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

* HẠNG MỤC CHÍNH
- ③ KHỐI CHÍNH BỆNH VIỆN 4287.7m2
- ④ KHOA TRUYỀN NHIỄM 273.5m2
- ⑤ KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN 442m2
- ⑥ NHÀ ĐẠI THỂ (NHÀ XÁC) 197.4m2
- ⑨ NHÀ KHD BỆNH VIỆN 153.60m2

* HẠNG MỤC PHỤ TRỢ
- ① NHÀ BẢO VỆ 1 13.5m2
- ⑩ XƯỞNG SỬA CHỮA-NHÀ XE CẤP CỨU 182.4m2
- ⑪ NHÀ XE CNV 192m2
- ⑫ TRẠM BIẾN THẾ 30m2
- ⑬ KHU VỰC BỂ CHỨA NƯỚC PCCC 180M3/60M2
- ⑭ ĐÀI NƯỚC 20M3/150.4M2
- ⑮ NHÀ XE PHẾ SINH 520M2
- ⑯ NHÀ BẢO VỆ 2
- ⑰ CĂN TIN 152M2
- ⑱ CỘT CỜ
- ⑲ KHU GIẶT PHƠI
- ⑳ NHÀ XE KHÁCH 283.5m2

* HẠNG MỤC XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
- ⑧ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI, CÔNG SUẤT 200m3/NGÀY ĐÊM: 90M2
- ㉑ KHU VỰC LƯU TRỮ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG (10M2)
- ㉒ KHU VỰC LƯU TRỮ CHẤT THẢI LÂY NHIỄM (15M2)
- ㉓ KHU VỰC LƯU TRỮ CHẤT THẢI NGUY HẠI (23M2)
- ㉔ KHU VỰC LƯU TRỮ CHẤT THẢI SINH HOẠT (27M2)

CÔNG TRÌNH:

ĐỊA ĐIỂM: XÃ SUỐI CÁT - HUYỆN XUÂN LỘC - TỈNH ĐỒNG NAI

CHỦ ĐẦU TƯ

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC

GIÁM ĐỐC

Bùi Thái Chiến

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG NGUYÊN THỊNH PHÁT

NTP CONSTRUCTION

ĐC: SỐ 69A NGÔ THỊ NHẬM, KP4, P.BỬU LONG, TP.BIÊN HÒA, ĐỒNG NAI
SĐT: 0972.180.838

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HOÀNG DA

THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN MINH THIỆN

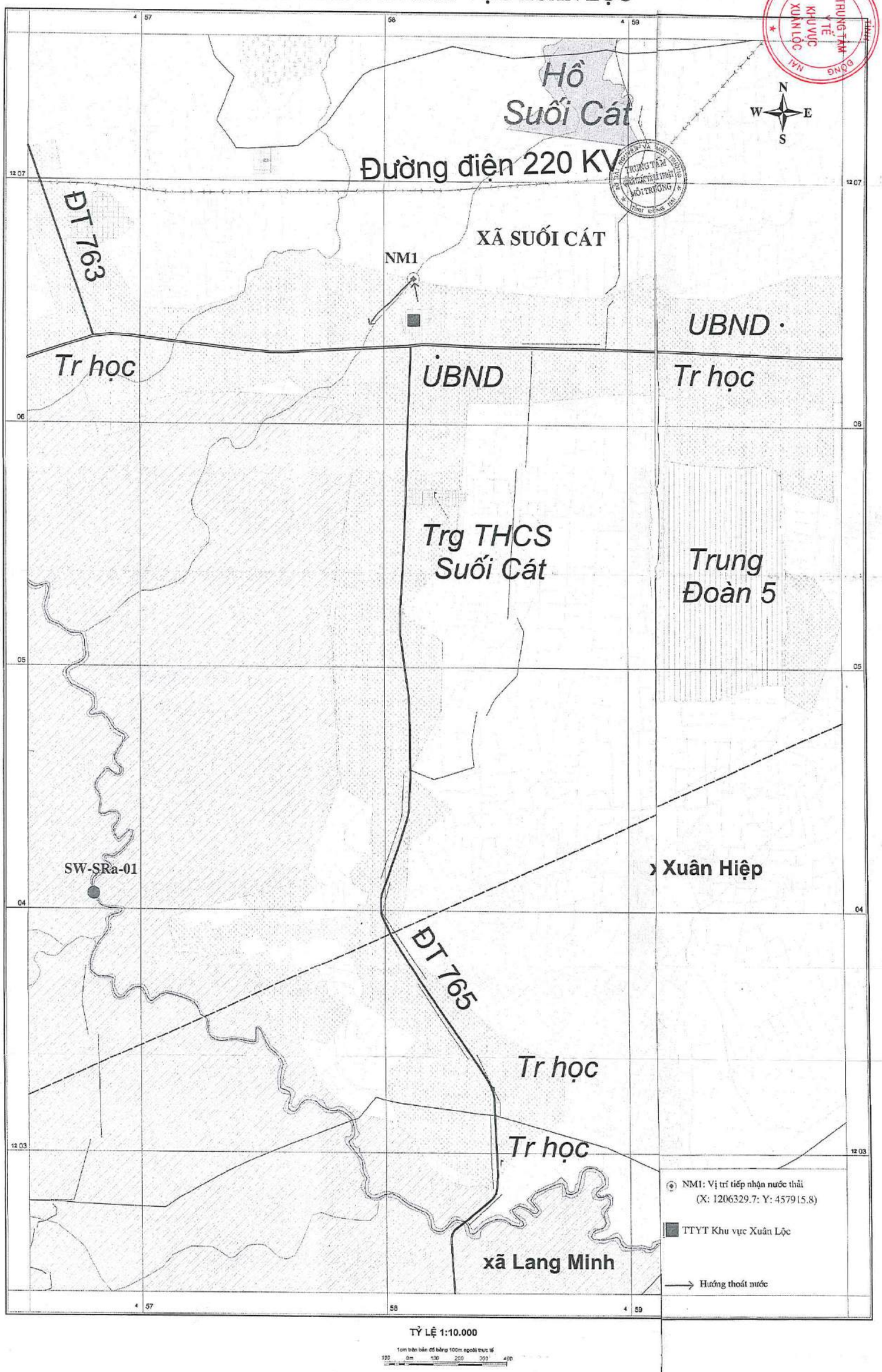
HẠNG MỤC:
MẶT BẰNG TỔNG THOÁT NƯỚC THẢI

LOẠI BẢN VẼ:	TKTC

TÊN BẢN VẼ:
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
(BẢN VẼ HIỆN TRẠNG)

KÝ HIỆU	TỶ LỆ
TT 03/03	

SƠ ĐỒ CÔNG TRÌNH VỊ TRÍ XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC XUÂN LỘC



TỶ LỆ 1:10.000

1cm trên bản đồ bằng 100m ngoài thực tế

100 0m 100 200 300 400